

THƯ QUÁN BẢN THẢO



Thơ văn từ trời cổ xứ: Phan Nhự Thức • Hà Nguyên
Dũng • trần dza lữ • nguyên Minh • ngô nguyên
nghiêm • bùi nghi trang • tạ ký

viết cho bạn bè nơi cổ xứ: trần yên hoà • trần hoài thu
• lý không minh

sáng tác hải ngoại: phạm văn Nhân • Cao vị Khanh •
trần bang thạch • nguyên hung • song thao • trần
doãn nho • vĩnh hảo • hoàng định nam • vũ đình
trường ...

tập ba tháng 1 - 2002

*T àn tiệc thánh thần ngồi chết ngượng
Che mặt nghiêng đầu lệch thánh thư
Kính điển khoe chi điều loạn sử
Đời sau đâu nhớ chuyện phù hư .*

*Người xưa thất chí lui về ẩn
Cần trúc buông câu Lã Vọng chờ
Ta nay com áo phờ râu tóc
Về vườn sống để đỡ bơ vơ.*

*Người xưa lão mếp khua môi bảo
Mãi tranh che hai quả tim vàng
Nay ta phiêu bạt không nhà ở
Cùng vợ che lều lá làm than*

phan nhự thức
(Việt Nam)

Ban pho bien han che. Danh tang than huu.

thư quán bản thảo

Tuyển tập văn học nghệ thuật bất định kỳ

Nhóm chủ trương Thư Quán Bản Thảo kính chúc bạn bè thân hữu và gia đình một năm mới bình an, tốt đẹp, may mắn.

thư quán bản thảo

Tuyển tập văn học nghệ thuật bất định kỳ

tập ba

đọc trong số này:

Thơ Hải Phương 12 • Thơ Tạ Ký 15 • Nguyễn Cát Đồng *Một chút nhớ* ...16 • Bùi Nghi Trang *viết về thơ Ngô Nguyên Nghiễm* 19 • Thơ trích Ngô Nguyên Nghiễm 28 • Trần Yên Hoà *Phan Nhựt Thức và Quán Quảng nam* 38 • Trần Hoài Thư *Thư gửi một người bạn thơ* 45 • Thơ Phan Nhựt Thức 48 • Lý Không Minh *Tình cờ nhặt được bài thơ* 52 • Trần yên Hòa *Hà Nguyên Dũng Người làm thơ khổ lụy* 58 • Thơ trích Hà Nguyên Dũng 63 • Thơ trích Trần Dạ Lữ 64 • Nguyên Minh *Hình Như Trời Đang Mưa -truyện* 67 • Cao Vị Khanh *Hường Nhan - truyện* 86 • Song Thao *Mai Sau - truyện* 93 • Trần Doãn Nho *Đi cho hết đêm - truyện* 105 • Thơ Hoàng Định Nam 115 • Thơ Vũ Đình Trường 116 • Nguyên Nhung *Những lần ranh nghiệt ngã - truyện* 117 • Vĩnh Hảo *Quỳnh Hoa truyện* 131 • Trần Bang Thạch *Cũng vẫn là chuyện buồn-truyện* 149 • Phạm văn Nhân *Màu Thời Gian - truyện* 159 • Trần Hoài Thư *Đêm Mơ - Truyện* 168

Biên tập chủ lực:

Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh, Phạm văn Nhân,
Nguyễn Nhung, Trần Hoài Thư

Sưu tầm, chăm sóc bài vở: Phạm văn Nhân, Trần Hoài Thư

Layout, in, binding: Trần Hoài Thư

Tranh bìa: Trần Q Thoại

Liên lạc

Email: tranhoaitu@yahoo.com

pvnhan2001@yahoo.com

hay

Trần Hoài Thư

P.O. Box 58

S. Bound Brook NJ 08880

Published by Thu An Quan

All right reserved

Những trang đầu tiên

Như một lời cảm tạ

Phạm văn Nhân

Thư Quán Bản Thảo đã phát hành được hai tập, vào tháng 10 và 11 năm 2001. Hai tập 1 và 2 đã đến tay bạn bè thân hữu, dù " phổ biến hạn chế " như chủ trương. Nhưng khi Thư Quán Bản Thảo đã đến tay bạn bè rồi, lại là một " khích lệ " thật lớn cho anh em chủ trương qua những điện thư (e.mail) của nhiều người gửi đến ca ngợi và khuyến khích việc làm " bất vụ lợi " này của Thư Quán Bản Thảo.

Từ việc sưu tầm lại những tư liệu " văn, thơ " của những anh em, bạn bè viết văn, làm thơ trước 1975 mà đã một lần góp mặt vào nền- văn- học- tự- do của một Miền Nam cũ ngày nào, phải nói thật khó đối với chúng tôi . Nhưng, chúng tôi cũng vẫn cố gắng hết sức mình để làm việc ấy: Với mục đích là lưu giữ và phổ biến những sáng tác của bạn bè và của những người làm văn học nghệ thuật trước 1975, còn ở lại quê nhà. Mà, có lẽ, sau 25 năm họ gần như bị quên lãng. Hơn nữa bên cạnh " lưu giữ và phổ biến " những sáng tác đó, chúng tôi cũng có phần " vui lây " khi mà những điện thư của những anh chị em gửi đến chúc mừng sự thành công trong kỹ thuật in ấn của chúng tôi: Kỹ thuật Perfect Binding với phương pháp Book on Demand, mà Trần Hoài Thư đã đạt được.

Những điện thư (e.mail) của bạn bè gửi đến rõ ràng là một khích lệ lớn để cho chúng tôi mạnh dạn bước tới, làm nốt phần còn lại mà 25 năm qua, những bạn bè còn ở trong nước vẫn giữ - nguyên - nét - bút - lời - văn không bị mai một của một thời như xưa.

Và, nơi những trang đầu này, chúng tôi xin đi lại những điện thư của bạn bè, như một lời cảm tạ.

1/ Điện thư của:

NgocBCD@aol.com. (3 tháng 11 năm 2001)

Đã nhận được TQBT tập 1 và 2, đang đọc. cảm ơn anh nhiều. TQBT ghi lại một số tên tuổi quen thuộc trước 75 mà chạnh nhớ " những người muôn năm cũ. Hồn ở đâu bây giờ ".

Tôi có mấy bài thơ của Hạc Thành Hoa (tên thật Nguyễn đường Thai) đang trong vài tập thơ ở VN, sẽ copy gửi đến anh. Anh layout, design, in ấn, binding sách đâu có thua gì các nhà in chuyên nghiệp, vậy thì lập luôn nhà xuất bản cho anh em được nhờ.

2/ Điện thư của HDN. (9 tháng 11 năm 2001)

Em đã nhận được hai tập TQBT của anh. Bưu điện đi cũng nhanh thật. Đúng là từ hình thức đến nội dung, gọi lại những tạp chí văn học cách đây ba mươi năm. Cái thời mà tụi em còn nom nớp với thi cử, lính tráng. Cái thời mà cái gì cũng đọc, nhưng không phải cái gì cũng có tiền mua. Thường là trao đổi đọc ké. Tập TQBT hơi giống Văn hồi xưa. Thấy lại những tên tuổi, một thời mình ngưỡng mộ trên trang bìa của TQBT, biệt tăm đã lâu trên báo chí hải ngoại, cũng khiến bồi hồi.

3/ Điện thư của một bạn thơ:

...Rất cảm kích khi nhận được tập thơ, tập truyện và hai số TQBT anh chỉ gửi cho. Tôi đã từng nói với các bạn văn, anh là một con người suốt đời chung thủy với văn chương chữ nghĩa và bằng hữu, quả đúng như thế. Công việc và những thành quả trong khoảng thời gian càng về sau này chứng minh đều tôi nghĩ và nói về anh là không ngoa. Bội phục! Bội phục!!!

....

Tôi thích thơ anh. Nó thoát lên từ giữa lưng chừng của đời sống tình cảm chân thành và sự lãng du hào phóng của một tâm hồn nghệ sĩ đích thực. Thơ anh thực sự cho tôi nguồn cảm xúc thẩm thía và cảm thấy được gần gũi với anh hơn.

Cảm ơn anh đã để lại trong tôi dấu ấn tuyệt đẹp của tình huynh

đệ bằng thơ văn và bằng tình cảm vô cùng quý hóa anh chị dành cho tôi.

4/ Điện thư của Thanh

Chiều hôm qua về nhà nhận báo anh gửi, rất cảm động được anh gửi tới và gửi báo cho. Tôi cũng đang loay hoay không biết cách nào để xin anh cho tập báo đó, vì anh chỉ gửi cho bạn bè và nhà văn thân hữu.

Cảm ơn anh nhiều lắm,....xin cứ tiếp tục như vậy.

Anh có nói là cần tài liệu, tôi có tờ báo VNHN ấn bản tại San Diego từ 75 - 85, nếu anh cần gì thì cho tôi biết để được đóng góp cùng anh.

Kính. Thanh

TP: Đã nhận báo anh biểu thì xin anh cho tôi được chịu tiền bưu phí, không biết có được không anh?

5/ Điện thư của nhà văn Vĩnh Hảo.

Anh Nhân thân mến

Cám ơn hai tập TQBT anh gửi tặng. Em mới nhận chiều thứ bảy, chưa có giờ đọc nhưng thấy hứng thú lắm. Em sẽ cố gắng tìm thời gian để viết truyện mới cho TQBT. Còn nếu như anh không ngại đăng một cái truyện (chưa từng đăng báo nào nhưng đã có trong tác phẩm mới nhất của em " Giấc Mơ Và Huyền Thoại ", vừa xuất bản cách đây vài ngày) thì em sẽ gửi qua e.mail cho anh.

Em cũng sẽ gửi tặng anh tác phẩm mới ấy trong vài ngày sắp tới. Thăm anh và gia đình.

Vĩnh Hảo.

Điện Thư của Tạp Chí Ca Dao, Garland TX:

Đã gửi báo số 15-16-17-18 và xin ủng hộ Thư Quán Bản Thảo \$50.

Chúc anh luôn an vui. Chúc Thư Ấn Quán càng ngày càng phát triển mạnh.

Bên lề thực hiện...

trần hoài thư

• Tuyển tập Thư Quán Bản Thảo là một công trình đặc biệt. Chẳng những ở bài vở mà còn ở việc hình thành cuốn sách. Chúng tôi mạn phép được đăng lại một vài lá thư để quý bạn có cái nhìn rõ hơn về việc in ấn bằng tay của chúng tôi như thế nào và cũng như giúp quý bạn nào muốn tìm hiểu về kỹ thuật on-hand perfect binding. Người lính thám kích điều hâu ngày xưa bây giờ vẫn còn cảm sủng. Nhưng là *hot melt glue gun* !.

1)

...Thank you for sending your information on your printing and bookbinding to the bookbinding list. I am curious about what types of books you make:

are they for other businesses, or your own business? Are you located in Viet Nam?

I am currently attending a bookbinding school in the U.S. and a former student at my school is from VietNam. He has gone back there to help libraries preserve their collections for generations to come, it is very inspiring.

Again, thank you and I'd love to hear more.

Sincerely,

Juliayn Coleman

Bookbinding Student, North Bennet Street School

2) Thư trao đổi kinh nghiệm của Tiến sĩ Rupert N. Evans, tác giả Book-On-Demand:

Do you

1. stack up the books as if you were padding them

2. apply vertical stripes of hot glue, about 1/2" apart.

3. Cut the book blocks apart

4. Put a strip of hot glue on the end sheets of each book.

5. Insert the each book block into its cover, and heat in the thermal binder?

If so, this requires the same amount of time as using cold glue on each end sheet. More importantly, it does not free the spine of the cover from the book block. Freeing the spine from the

cover has two advantages: it allows the book to open more easily, and it avoids creasing the spine of the cover.

Dr. Evans

Answer:

1) stacking two or three books and insert them into two iron plates for padding.

2) Applying the whole spine by glue gun. Move the head of gun (NOSE) back and forth to make the glue layer becomes smooth.

3) Waiting for the glue to dry. Cut each book apart from the stack.

4) Fold the cover. (I will discuss about this technique if you want. It is a math method)

5) TRIM the glue extra so the spine size is the size of the spine cover.

6) insert the book into the cover.

7) Again, apply the hot melt glue on the spine (inside) of cover. Quickly move the gun nose back and forth, then close the cover against the book tightly. This job requires a lot of practice.

Average one hour, 10-15 books are made.

3.

What is the brand/model (binding machine) you are using here? I'm asking because I'm thinking of doing my own binding. No hardcovers but softback books. (Taco)

Answer:

Any Thermal Perfect binding machine. More expensive, the machine has more capabilities such as sound alarm... On Ebay, I bought two thermal ones with price around \$35. I suggest you try it first. (any thermal Perfect binding machine).Go to Ebay, search keyword "Thermal binder" or "binding system". There are many brands. However any machines all have the same purpose: Heating and melting glue. Please remember that these binders are not designed for OUR Publishing WORKS but for their office presentation works with their own covers. But here, it is different. We ENHANCE and MODIFY their work to our work. Good Luck. (THT)

hải phương

Thiên thần xanh

và

nước mắt của những vì sao

*Trận mưa đêm qua trên bầu trời hai hàng tháp đổ
như những giọt nước mắt của những vì sao
vũ điệu xanh của những thiên thần xanh xòe đôi cánh định
mệnh bay lên cùng cát bụi lung linh
bay lên bay lên.*

*Trận mưa đêm qua trên bầu trời hai hàng tháp đổ
chút lương tâm hiếm hoi còn sót lại của nhân loại khốc
bưởi đầu tiên của thiên niên kỷ thứ ba
giọt nước mắt của những vì sao
đắm đìa trong cơn yêu dấu
hát
rồi có một ngày không xa
I am wished so long
how I wish for you today
what you need is
what you want is
love.*

*Trận mưa đêm qua trên bầu trời hai hàng tháp đổ
lương tâm nhân loại bắt cầu qua những giòng sông trắc ẩn
tự do nhân ái tình người rũ liệt
nước mắt của những vì sao cuồn lũ
hát
my home sweet home
live a bridge over troubled rivers.*

*Trận mưa đêm qua trên bầu trời hai hàng tháp đổ
như những nhịp điệu xanh cuồn cuộn
giọt nước mắt của những vì sao hát
đôi cánh mỏng của những thiên thần xanh bay lên lung linh
siêu thoát*

*rồi có một ngày
there will come a day
and the world will live as one
united
we stand.*

*Trận mưa đêm qua trên bầu trời hai hàng tháp đổ
như những giọt nước mắt của những vì sao rơi xuống
cho những thiên thần xanh xòe đôi cánh định mệnh bay lên
rồi thiên thần xanh là mưa là nắng là giòng sông là cửa biển là
chấm hết là bắt đầu
rồi thiên thần xanh là hoa là bầu trời là mặt đất
rồi thiên thần xanh là khí hậu là mùa màng là quê nhà là cát
ấm
then you are flowers
then you are the sky
then you are the earth
then you are the sun
then you are the rain
oh! my home sweet home.*

*My home sweet home
I still hold you in my arms
I still continue to hold you in my heart
and leave a few more footprints on the sand.*

*Trận mưa đêm qua trên bầu trời hai hàng tháp đổ
như những giọt nước mắt của những vì sao
rơi trên đôi cánh định mệnh rũ liệt của những thiên thần xanh
những thiên thần xanh bay lên từ cát bụi lung linh để chúng ta
gần lại
chúng ta cùng bay lên và hát
bây giờ và ở đây trái đất này
tình yêu và tự do cũng như những ổ bánh mì đen là lương thực
ngày ngày
the wings of Destiny brought us together
and together we have dropped
but now it's time for us to fly.*

*Rồi có một ngày
nước mắt của những vì sao chan hòa trong biển lớn
và tự do và thơ ta trộn lẫn trong đêm trần trụi lay động trái tim
thao thức mở
sur l'absence sans désir
sur la solititude nue
sur les marches de la mort
J'écris, ton nom, Liberté.
Paul Eluard
(Poésie et Vérité, 1942.)*

tháng chín 01
Khi ở San Jose
haiphuong68@hotmail.com

tạ ký

(Hai bài thơ này của cố thi sĩ TẠ KÝ, trong tập Sầu Ở Lại, giải Nhất THƠ năm 70.

Người viết chép lại theo trí nhớ, nhưng không nhớ tựa. HDN)

Bài 1

(bài tặng TÔN THẤT TRUNG NGHĨA)

Từng đêm chợ Đủi đắm sâu
Ly la-de đồ gọi đầu tóc xanh
Người sơn dả lạc kinh thành
Ngã nghiêng đáy cốc, cạn vành mắt sâu.

Bài 2

Mệt lắm rồi không theo em nữa đâu
Mệt lắm rồi, tôi làm thính cú đầu
Con chó không về ổ rơm lành lạnh
Con chó không về ai biết đêm sâu.

nguyễn cát đông

Một chút nhớ về văn nghệ Châu Đốc và Ngô Nguyên Nghiễm

Tôi đã nghe biết Nhóm Khai Phá Châu Đốc từ nhiều năm trước khi tôi về dạy học tại Châu Đốc. Tôi đã đọc tạp chí Khai Phá và vài tập thơ của Ngô Nguyên Nghiễm như Dấu Chân Gió Ngược, 1964, Ngọn Gió Hơi cuồng, 1966, chung với Lưu Nhữ Thụy. Hình thức và nội dung thật độc đáo của tạp chí Khai Phá và lối viết của các cây bút Khai Phá làm những người trẻ làm văn nghệ chúng tôi đặc biệt chú ý.

Thời đó, thời cuối thập niên sáu mươi và đầu thập niên bảy mươi, các tỉnh Miền tây nam phần, cùng với thủ đô Sài gòn và các tỉnh trên toàn quốc đã có những sinh hoạt văn nghệ thật rầm rộ. Theo sự ghi nhận của cây bút Lê Cần Thơ thì: “Nhiều nhóm văn nghệ hoạt động sôi nổi, tiếng tăm nhờ có phương tiện truyền thông như các báo, đặc san, đài phát thanh; chẳng hạn , một nhóm văn nghệ ở Đại học Sư phạm Sài gòn với tờ Chỗ Đứng (Trần văn Chi, Nguyễn Cát Đông ...); Tạp chí Tham Dự ở Vĩnh Long (Việt Chung Tử, Nguyễn Sinh Từ, Nguyễn Bạch Dương); nhóm Sóng Việt ở Cần Thơ (Chu Tấn, Trần Kiên Thảo ...); Văn đoàn Về Nguồn ở Cần Thơ (Lê Trúc Khanh, Huyền Vân Thanh, Kiều Diễm Phượng, Lê Hà Uyên, Hà Huy Thanh, Nguyễn Hoài Vọng ...) với tạp chí Khơi Dòng và chương trình phát thanh Cần Thơ; nhóm Khai Phá ở Châu Đốc (Ngô Nguyên Nghiễm, Trịnh Bửu Hoài, Lưu Nhữ Thụy, Nguyễn Thành Xuân...) với tạp chí và NXB Khai Phá” (Trích Lê Cần Thơ, tác phẩm chưa xuất bản)

Thật sự tôi còn gặp vài nhà thơ khác nữa của vùng năm non bảy núi địa linh nhơn kiệt này. Thi sĩ Thần Liên Lê Văn Tất cùng với thi sĩ Liêm Châu, thi sĩ Duy Phương ...đã làm phong phú thêm cho văn hóa Châu Đốc, nói riêng, qua những áng thơ, đặc biệt là thơ Đường và các biên khảo về Châu Đốc. Các

anh em Khai Phá thì trẻ hơn so với các thi sĩ thành danh trên đây. Khoảng đầu năm 1970, Ngô Nguyên Nghiễm đang học trường Dược, Lưu Nhữ Thụy, còn là một họa sĩ, đang học QGHG, Trịnh Bửu Hoài vừa rời ghế nhà trường, làm công chức tại tỉnh nhà. Trước 1975 Nxb Khai Phá in Thơ Kinh Tự (1971), biên khảo, Thiên Thu Ca (1972), Người Hành Giả Và Khúc Trường Ca Sinh Tử của Ngô Nguyên Nghiễm (1974); Thơ Tình (1974) và Người Hành Hương và Tình Yêu (1974) của Trịnh Bửu Hoài; Nam Hoa (1971) và Lên Đồi Hứng Bát Trăng Vàng (1974) của Nguyễn Thành Xuân. Gần đây tôi được biết Trịnh Bửu Hoài, cây bút ăn khách của giới trẻ VN bây giờ, đã in mấy mươi tập thơ và truyện, đa số là về tình yêu. Ngô Nguyên Nghiễm thì 13 năm sau ngày tháng Tư 1975, anh mới xuất hiện trở lại, không phải trên báo chí mà bằng những tập thơ, như: Tổ Ấm (1988), Hiến Dâng Cát Bụi (1989), Hương Lửa (1990), Chớp Bể Mưa Nguồn (1992). Như từ bao giờ, thơ Ngô Nguyên Nghiễm luôn là những vần thơ khai phá. Thơ Ngô Nguyên Nghiễm có cái phong vị của những bài cổ thi, cái hương vị của núi non, sông nước ẩn tàng trong những câu thơ đột phá như trong Sáng Tạo, Thế Kỷ Hai Mươi ...thời đó, như:

*Chất ngất trên mi một tấm lòng
Mang ngày tháng trồng đầy sân nhỏ
Có mái tranh và người tựa cửa
Chập chờn gậy trúc gác canh khuya*
(Tổ Ấm)

Hay:

*Nửa đêm rượu rót chưa đầy
Bóng trắng rớt xuống ngang mày khách xưa
Có trăng , trời vẫn đổ mưa
Có mây, đất vẫn đông đưa nỗi buồn*
(Bài thơ rượu vàng)

Những tháng ngày ở Châu Đốc tôi không làm sao quên được. Bên tách trà bốc khói, những chiều mưa nhẹ nhàng miền núi tôi được đối ẩm với người thi sĩ tàn phế Lê văn Tất để nghe Lý Bạch, Đỗ Phủ ... và nghe thơ Thần Liên. Còn từ thi sĩ Liêm Châu, vốn là một nhà giáo đạo mạo, tôi học được rất nhiều

điều về Thất sơn huyền bí và về những năm tháng kháng chiến của ông. Gần gũi với chúng tôi nhất là nhà văn Huỳnh Phan . Chúng tôi ra trường cùng khóa ở ĐHSP-SG; về Châu Đốc ngụ cùng nhà trọ. Huỳnh Phan được biết tới qua loạt bài Câu Chuyện Thầy Trò đăng thường kỳ trên Bách Khoa, sau được nhà Trí Đăng in thành sách. Đầu năm 1972 chúng tôi in tập thơ chung Áo Mây Bay; nghe nói anh Huỳnh Phan mất trước năm 1990 tại Long Xuyên. Thêm một người khá gần gũi với chúng tôi là nhà thơ Duy Phương. Nói là gần gũi vì anh Duy Phương không lớn hơn chúng tôi và nhóm Ngô Nguyên Nghiễm là bao nhiêu, thơ anh là thơ tình, thơ viết về quê hương dân tộc đủ thể loại, và nhà anh ở Cồn Tiên, bên kia sông Châu Đốc, là nơi tụ họp vui chơi của chúng tôi những khi Ngô Nguyên Nghiễm và Lưu Nhữ Thụy nghỉ lễ về nhà. Những buổi như vậy, anh Duy Phương thật là sảng khoái, anh ngâm thơ không biết mệt, càng say càng hay. Phụ họa có Lưu Nhữ Thụy, lúc nào cũng sôi nổi. Còn Ngô Nguyên Nghiễm, thật sự là con nhà giàu- đẹp trai- học giỏi, tuy là lớn người, lớn vóc, nhưng lúc nào cũng nói năng nhỏ nhẹ, ít khi nào cười lớn tiếng. Trịnh Bửu Hoài còn hiền hơn con gái với nét mặt đẹp và nụ cười thư sinh. Bây giờ tôi không thể hình dung lại gương mặt của Nguyễn Thành Xuân, không nhớ là lúc đó tôi có từng gặp anh hay không; hay lúc đó anh mãi đi hững hờ trắng vàng trên đồi, trên núi. Dĩ nhiên những quán cà phê tại chợ Châu Đốc cũng là nơi gặp gỡ thường xuyên của chúng tôi và nhóm Ngô Nguyên Nghiễm. Chuyện văn nghệ văn gừng nói hoài không hết.

Cũng như nói về thơ Ngô Nguyên Nghiễm trên vài trang giấy thì không thấm vào đâu.

*Bùi Nghi Trang viết về
Ngô Nguyên Nghiễm*

Những Chuyến Du Hoang tìm về Quá Khứ

Tôi viết về thơ với cái tâm vốn có, với cái trí đòi cho trong tâm trạng của kẻ bị lưu đầy. Quá trình tự hủy bản ngã của kẻ vong thân để hoàn thiện con-người- chân-thiện-mỹ của người làm thơ trong tôi luôn bị chi phối bởi cuộc sống vô thường. Tôi lạc vào cỏi tranh chấp, bảo vệ tâm thức và những vật thể tạm bợ mà tôi nghĩ là vĩnh viễn của riêng tôi. Lúc ấy, tôi cũng như anh, tìm về với Tổ ấm, dù thực hay mơ...

*Núi bỗng nhiên hiện đến thật gần
Tay mở rộng đón người viễn xứ
Ở đâu con chim không nhớ tổ
Tóc gòn cò trắng gặm sương bay*

*Nghen trong lòng bóng núi lung lay
Mây lướt thướt trên đầu ngọn gió
Mười năm xa lùm cây bụi cỏ
Ngày về khách lạnh khói quê hương*

*Dập dồn trống võ bên đường
Hồn xe ngựa thả nhiên xuôi ngược
(Vạn vật không bao giờ chùng bước
Và sông vẫn cuộn chảy âm thầm)*

Với quê nhà, chuyến trở về của người con tự lưu đầy mình tới phương xa là cuộc hành trình về quá khứ. Ba khổ thơ trên mang tâm trạng của người con vừa chạm tới đất quê trong ngữ điệu kể khi thị giác chạm vào hiện thực gợi nên ẩn dụ gần gũi và thiêng liêng nhất trong đời sống tình cảm của người con. Ẩn dụ gần gũi và thiêng liêng ấy đã sớm hình thành một nguyên tắc đạo đức gần như bất biến trong phả hệ, trong gen (gene) di truyền:

Chim có tổ người có tông!

Có lẽ ba khổ thơ trên chỉ mang ý nghĩa luân lý, một vài hình ảnh đẹp, kỳ dư là những câu thơ kể, lập lại chân lý vận động tự nhiên của vạn vật. Thị giác, xúc giác, thính giác khi tiếp cận những hình ảnh của quê xưa đã được thần kinh cảm truyền lên não bộ tạo nên những cảm xúc ban đầu. Cảm xúc càng dâng cao khi anh đặt chân lên khoảng sân nhà ngày xưa còn bé để xuất hiện những dòng thơ viết tự đáy lòng:

Chất ngất trên mi một tấm lòng

Mang ngày tháng trồng đầy sân nhỏ

Có mái tranh và người tựa cửa

Chập chờn gậy trúc gác canh khuya

Tình cảm dâng tràn lên khóe mắt, ký ức ngày xưa hiện về đầy khoảng sân. Những tứ thơ đẹp ấy mở đầu cho những chuyến du hoang tìm về quá khứ. Và dĩ nhiên, sau phút bàng khuâng ngậm ngùi trước cảnh cũ, anh quay về với bằng hữu kể chuyện vui buồn bên chén rượu, ngâm thơ. Thơ được in năm 1988, nhưng anh lại sống với những hình ảnh của những kiếm khách giang hồ của thời Lục Vân Tiên. Những "giày rơm, quán nhỏ đèn xiêu, rượu trung niên, sơn dã chập chùng..." đã đánh bật giày da, đèn điện....Nếu người đọc thơ anh được sinh ra và trưởng thành vào nửa cuối thế kỷ XX, từng quen mắt với những dãy nhà xây, đèn điện thì họ chẳng thể nào cảm nhận được những hình ảnh thân thương của một thời và dĩ nhiên sẽ dị ứng với ngôn ngữ thơ của anh, sẽ cảm nhận rằng đó chỉ là những ngôn từ sáo rỗng khi đọc

Giày rơm gác lại bước giang hồ

Nghi ngút núi sông hơi tổ ấm

Quán nhỏ đèn xiêu đêm lãng đãng

Trắng canh gà gáy một tình quê

Dăm ba bằng hữu ngỡ trong mơ

Sang sáng ngâm thơ, thơ ấu lạ

Rót rượu trung niên ngời nhấp nhá

Ngập đầy ký ức bóng trăng xưa

*Đường xa mới thấy gió xuyên thưa
Thoang thoảng vài hơi tu hú gọi
Sơn dã chập chùng trời muôn lối
Lối nào thu nhỏ được con tim*

*Góc phố vời vọi thời hoa niên
Trang điểm mấy cành hoa cúc nở
Mấy lược xuân thu đèn mờ tỏ
Nhà ai sót lại bóng tà huy*

Phong cách sống của người miền Nam thời khản hoang lập ấp vẫn hiện hữu trong những câu thơ của anh, đã trở thành một nếp sống phóng khoáng và giản dị sau phút giây bạn bè gặp gỡ. Bây giờ, mỗi lần gặp nhau, anh em vẫn giữ phong cách tiếp đãi ấy dù đã có rượu tây, bia 33 thay thế rượu " trung niên ". Cùng hít thở men rượu nồng, cùng sống " ngập đầy ký ức bóng trăng xưa " với tâm hồn rộng mở. Thần kinh cảm giác thu nhận những gì thân thương của hiện tại từ " gió xuyên thưa, vài hơi tu hú gọi ..." đến " sơn dã chập chùng " để vạch khoảng đen của ký ức mà tìm về với " góc phố vời vọi thời hoa niên ". Có lẽ vì say với dòng thơ chảy xiết nên Nghiễm không xem lại thời gian trong thơ. Ở khổ thơ trước, " đêm lãnh đăng - trắng canh gà gáy " thì ở câu cuối của ba khổ thơ sau " bóng tà huy " xuất hiện !

Cứ nghĩ rằng Tổ ấm là một chuyến đi trở lại quê nhà. Người ở đây, người sống tha phương, rồi người trở về thăm lại. sau một đêm " vời vọi thời hoa niên " với bạn bè, người ấy lại lên đường...

*Đường lên biên giới khói lam bay
Khách phải cố nhân sầu tóc bạc ?
Với núi bỗng nhiên hồn chững chạc
Như đàn voi trở lại rừng thiêng*

*Ngun ngút âm thanh tiếng đá rền
Run rẩy một giây đời lãnh bạt
Con kênh trong lòng vừa bát ngát*

người già ôn lại buổi đầy vơi

*Tháng này là tháng của mưa bay
Lũ lướt khói hương mù mịt núi
Lãng khanh tướng cô đơn chẳng đợi
Trăm năm nhàn nhạt cỏ chưa pha*

*Trùng trùng sơn thủy chạy bao la
Lạnh lạnh tiếng còi trâu đầu đố
chòi nắng nóng chân tình vạn thuở
Nhật nhòa vết tích chiến trường xưa*

*Đền treo leo lét nhà lư thừa
Thương quá quê sao nghèo thắm thía
Tăm tắp đồi cao mờ chiến địa
Bao năm còn sót bãi tro tàn*

Thơ thì cần những tứ cô đọng, nhưng đoạn thơ khá dài mang cảm xúc của Nghiễm giữa " đường lên biên giới " sao lan man, dài dòng. Đoạn thơ như nước sông chảy, thỉnh thoảng nước tuôn thành những nhánh suối cắt vô tư kéo dòng nước chính của sông chậm lại. Có những nhánh suối cắt lạc lõng, cô đơn nếu được sắp xếp, khơi nguồn thì sẽ làm đẹp thêm dòng sông thơ. Thử sắp xếp hai khổ thơ đầu của đoạn thơ vừa được trích:

*Đường lên biên giới khói lam bay
Khách phải cố nhân sầu tóc bạc?
Con kênh trong lòng vừa bát ngát
Người già ôn lại buổi đầy vơi*

*Ngun ngút âm thanh tiếng đá rền
Run rẩy một giây đời lãng bạt
Với núi bỗng nhiên hồn chứng chạc
Như đàn voi trở lại rừng thiêng*

Một, của người trước cảnh đường lên biên giới; một, của núi tác động vào hồn người. Người đứng trước con kênh (...) và núi đá

(...) có phải luân lý thơ thuận chiều? Những chi tiết so sánh vừa khiên cưỡng, vội vàng. Thế nhưng:

*Khách về như một đứa con hoang
Ấm lạnh theo ân tình của núi
Giữ áo mới hay ngoài gió bụi
Cũng còn bóng núi ngủ trong tim*

Thì tình cảm trong bài thơ thêm sâu nặng, cấu trúc của bài thơ thêm chặt chẽ với tính thống nhất, khép kín của nội dung. Mở đầu bài thơ, " Núi " muôn đời khơi gợi tình quê hương ở đứa con từ phương xa trở lại thì ở khổ thơ cuối đứa con lưu lạc của quê hương nhận rõ đời mình " Ấm lạnh theo ân tình của núi ", thấy rõ cái gốc muôn đời không bật rễ khỏi tâm hồn mình.

Chuyến du hoang tìm về quá khứ với những bài thơ mang tựa đề mà các nhà thơ cuối thế kỷ XVIII, XIX thường đặt. Những Độc mã hành, Đi sứ, Sơn khê, Vạn cốt hành...khiến tôi cứ ngỡ nhà thơ như một vị thượng quan trong triều vào nửa cuối thế kỷ XX đang bản khoản trước cảnh, trước người trên từng bước đường hành sự. Hình bóng ấy có thể làm thất vọng cho những ai muốn tìm không khí mới lạ trong thơ, nhưng với những người mang tâm hồn hoài cổ, sống với khái niệm về thơ rộng mở thì lại thấy thơ của anh tôi tại với thái độ kiên trì. Phần lớn thơ của Nghiễm mang cảm xúc về các chuyến đi, cảm xúc hoài cổ vương vất buồn trước cảnh cũ còn đây nhưng người xưa vắng bóng. Trước cảm thức ấy, tôi đọc Sáo trúc bóng xưa.

*Bao nhiêu rêu thấm mọc trong lòng
Có phải ta là thương khách không?
Một phút lãng du dừng gót cũ
Nhìn quanh hiu hắt với rừng phong*

Bốn câu thơ chỉ mang ba hình ảnh: rêu, ta, và rừng phong. Rêu và rừng phong là cảnh cũ, cò ta thì dừng gót bên đường lãng du. ta đứng giữa bao la đất trời, vắng bóng người xưa, ta cũng hiu hắt: Cảm nhận ấy dễ tìm trong bốn câu thơ, nhưng " rêu thấm " và " thương khách " thì có chút gì khó nhận. Xa quê để mưu sinh

bằng con đường kinh doanh. Có thể như thế, nên cũng có thể buồn vì cảnh sơn trang hiu hắt. Những "rêu thắm" ở câu thơ đầu? Một tứ thơ không bình thường, ngược lại với "hiu hắt rừng phong" đã được đặt vào. Rêu dày, xanh tươi: thời gian vắng bóng con người đã lâu. Nhưng ý ở từ mang màu sắc ấy không phải là ý buồn, mà là ý vui. Ta bắt gặp mâu thuẫn thường thấy trong lòng người khi trở về quê cũ, nhất là ở những giây phút đầu tiên đứng trước cảnh xưa.

Khách cũ về với cảnh xưa cùng với đêm về....

*Một bóng trăng rơi ngoài bóng núi
ta ngồi lay động dưới mùa cây
Bốn phương xứ sở trời xanh ngắt
Tu hú kêu vang mấy dặm dài*

*Ngoảnh đi ngoảnh lại, mình ta ở
Đồn dọn đường xa bóng bản quê
Nhạn điểm canh sương vàng lá cổ
Bay mờ trong ánh mắt sơn khê*

*Cứ đứng muôn đời trông bóng núi
Lòng đau phơi được với thiên nhiên
Mấy năm trời gió từ xa lại
Thổi tổ rơm về dưới mái hiên*

*Vẫn mong khoảnh khắc bờ đê cũ
Vỡ khỏi phương tây ngọn vách xưa
Để buổi hôm nao con nhạn đến
Có nơi soi xuống đáy vườn ta*

Ở nơi xa, anh cảm thấy nhớ. Nỗi nhớ mông lung. Trở lại với cảnh cũ, càng thấy nhớ hơn. Lòng càng thấy nhớ, người càng cảm thấy cô đơn, cảm thấy lẻ loi, hiu quạnh. Những chi tiết cảnh trong thơ đề là những từ gợi buồn xa vắng. Những gì được xem là động ở trong đoạn thơ đều nằm trong tĩnh lặng của đất trời hoang vu. Tuyệt vời trước mắt tôi bức tranh "bóng trăng rơi ngoài bóng núi". Núi tự tại, trăng chơi vui giữa hư ảo của thời

gian vô tình. Cảnh xa thì như thế, cảnh gần thì " tôi ngồi lay động dưới mùa cây " và nghe tiếng chim tu hú xa vọng lại. Chim gọi người hay chỉ là những tiếng kêu tự nhiên giữa hoàng hôn lạnh vắng làm cho tâm hồn người " lay động " trước cảnh hoai thành ? Uẩn nhớ, uẩn mong lồng vào thơ nhưng nào được giải bày ! Lòng người chứa đầy tình với cảnh, quên mất " mấy năm trời gió từ xa lại - Thổi tổ rơm về dưới mái hiên ", thế nhưng " ngoảnh đi ngoảnh lại, mình ta ở ". Lẽ loi biết đường nào ! Thiên nhiên vô tình biết mấy ! Giữa khung cảnh ấy, anh mong thấy được bóng dáng người xưa xuất hiện trên " bờ đê cũ ". Bóng dáng ấy, mơ ước cháy bỏng ấy có sức mạnh khôn lường như ngày nào của quá khứ đang sống trở lại trong " đáy vườn ta ". Nhưng khác...

*Vẫn đứng lâu khêu trên tháp canh
Che tay chờ rã cánh hoàng hôn
Dưới chân rải rác vài hoa núi
Vắng lặng nằm bên mấy lối mòn*

Và vẫn chờ, vẫn đợi, vẫn " che tay chờ rã..." để nghe thổn thức trong lòng...

*Ở đây tiếng suối mông lung quá
Nghiêng bóng cầu tre đến gần ngơ
Mấy buổi ta về nâng sáo trúc
Ngập ngừng gió thổi biết ai nghe*

Tâm sự chính của khách xưa nằm ở khổ thơ này. Những hình ảnh trong khổ thơ là hình ảnh của khách thơ xưa tức cảnh sinh tình. Vẫn còn đó tiếng suối, cầu tre. Thế nhưng tiếng suối trong tâm trạng của khách thơ không còn róc rách vui mà chỉ thấy " mông lung " buồn như hình ảnh chiếc cầu tre " nghiêng bóng đến gần ngơ ". Mọi khi, trước cảnh đẹp như thế, khách thơ nâng sáo trúc để có khúc nhạc băng khuâng dạo chiều tàn, ắt hẳn có bao thôn nữ để hồn bay theo tiếng sáo. Còn giờ đây thì..." ngập ngừng...", cây sáo trúc buồn nằm im trong túi xách..., khách xem...

*Đành buông thông áo xuôi sơn lộ
Đếm những hàng cây mọc dọc đường
Tưởng liếp tranh nghèo muôn thuở trước
Chập chờn trên bãi gió tang thương*

*Bốn phương có thấy hoàng hôn lạnh
Phiêu hốt đi tìm một bóng xưa
Khi núi lằng lằng bao ngõ đến
Cát vàng mờ mịt gió mây đưa*

Khách xưa đi trong cảnh tối chập chờn giữa hoang vu lạnh vắng.
Lẻ loi và cô đơn giữa " cát vàng mờ mịt gió mây đưa ". Thời gian quả là vô tình đến nghiệt ngã !
Và trên bước đường xuôi ngược tìm về với quá khứ trong thứ ngôn ngữ chứa hơi thở của thơ xưa, anh đã gặp. Cuộc gặp không mong đợi làm tim anh đau nhói, bèn làm *Thơ đề trên quán vắng tặng người tình xưa giờ là kỹ nữ*:

*Lặng im quán vắng thưa người
Chuyền tay khói thuốc mời người năm xưa
Đầu xanh nhuộm bạc, ai ngờ
Màu thời gian chạy lạng lờ quanh ta
Nắng hun đồng đỏ màu da
Bạn là gió bụi, ta là sương bay
Một ly bạn lại chau mày
Hai ly ta đón ngàn mây phong trần*

*Trường đời ngựa chạy dồn chân
Ta như con trót xoay vần quanh ta
Làn nẩy gặp gỡ tình cờ
Như xe lăn bánh ngoài bờ tử sinh
Bạn ngồi cảm lạnh một mình
Bóng trắng nhan sắc lặn dần đầu dây*

Đau cho bạn mà cũng đau cho ta. hai người: ngày xưa hạnh phúc, bây giờ bất hạnh. Phải đối diện với cuộc sống chua cay,

đáng ghen, anh chỉ biết lặng tưởng thời gian lạnh lùng bước trên mái tóc. Vô tình và nhẹ nhàng nhưng là sức mạnh đẩy đưa hai người ở điểm hạnh phúc đi ngược hướng về cõi vô biên. Duyên đứt đoạn vẫn còn vương, quá khứ tưởng đã quên nay lại hiện về mồn một. sắc da, màu nắng quê xưa đã bị nắng đời che phủ chất mặn nồng của một quá khứ hồng. Bây giờ " Bạn là gió bụi, ta là sương bay ", " bóng trăng nhan sắc lặng dần đầu đây " còn anh thì đã là " ngựa chạy chồn chân ". Bi đát là ở điểm gặp gỡ của ngàn trùng xa cách chỉ vì để được tồn tại mà vất bỏ những qui định đạo đức của con người của " người tình xưa ". Ý hẩn trong lần gặp gỡ tình cờ này, anh nghe được đường dài " gió bụi " của bạn nên cảm thấy:

*Bốn phương gió lại nổi đầy
Kéo theo hạt bụi làm cay lòng người
Rượu nê, hãy nhấp cạn môi
Thuốc nê, hãy rít cạn mùi càn khôn
Hồn ta nằm bấy lối mòn
Xót xa đâu giữ được hoàng hôn rơi !*

*Biết rằng biển cạn non bồi
Bức tranh sơn thủy ngậm ngùi trăm năm
Quán trưa nắng dạt người cầm
Người như viễn xứ, người gần quan san*

Đoạn thơ tự sự chưa thể gọi là thơ, chỉ có vài câu làm người thích thơ ưu tư. Từ " lòng " ở câu thơ thứ hai được dùng chưa ổn lắm vì nó là từ dùng để diễn tả phần tâm linh, có lẽ nên thay vào đó từ " mắt ". " Hạt bụi làm cay mắt " ở trong thơ vừa là hiển ngôn vừa là hàm ngôn, có cả hình ảnh lẫn tình cảm của con người. Lần gặp gỡ tình cờ, dù đã biết đời " biển cạn non bồi " nhưng vẫn mang nỗi " ngậm ngùi trăm năm ". Chút tình ngày xưa đọng lại ở những câu thơ ấy, còn kỳ dư thì chỉ là hình ảnh thường thấy của những quán nhậu...

Bài thơ còn 22 câu nữa, không biết bức tường của quán nhậu có đủ chỗ cho bạn của ta đề thơ " Đường đời ngựa chạy biết dừng bến ai ? "

Hầu hết những bài thơ của Ngô Nguyên Nghiễm đều dài, mang nặng ký ức đau buồn về sự đổi thay hoang vắng của nơi chôn nhau cắt rốn lẫn người quen xưa gặp gỡ trong những chuyến tìm về, hay tình cờ gặp gỡ. Bạn tôi vẫn trung thành với phong cách thơ của anh, và với tôi thì nó là điều độc đáo trong thế giới thơ hiện đại, nếu...

(trích Thơ Của Bạn Tôi của Bùi Nghi Trang, Nhà xuất bản Thanh Niên 1998)

Ngô Nguyên Nghiễm

(thơ trích)

Son Sắt Phương Đông

Gói trọn hoàng hôn chấp chới bay
Phải không ngày vắng để đêm dài
Nghe trong điệu cỏ lời sương dầy
Mang chút ân tình vương vất trời

Tinh huyết ngàn năm thoáng hiện về
A! A! Lãng miếu đổ tư bề
Hay chưa bia đá nằm lau lách
Từng giọt hồn hoang thấm đất quê

Xao xác hàng cau gọi mái tranh
Bên nhau mà đứng lạnh âm thầm
Lỡ trong buổi giá không còn gió
Xương thịt người xưa ai viếng thăm ?

Cứ thổi rạ lên mộ chí đời
Vàng chiều vàng lẫn lộn mây trời
Bốn phương ngơ ngác trầm hương động
Tích cổ còn ghi phiến đá chơi !

Nét thảo Nôm buồn ngủ trước lăng
Lao xao thập kỷ đứng điều tàn
Cổ nhân có gửi lòng theo gió

Gió cũng thổi về soi dưới trăng

Soi dài sơn thủy mấy ngàn năm
Máu đỏ hồn xanh dạo nguyệt cầm
Khí phách đâu đây về động lại
Ở hồ lưới nhện đứng chiều anh

Lếch thích quay về hướng tổ rơm
Đền chao vách lộng gió nam non
Đá lăn trong quặng đời du mục
Bỗng chốc âm về tiếng sát son

Con chim sơn sắt hiếm hoi về
Đứng bên mộ cổ hót trầm bề
Hót theo sợi khói chiều vương vấn
Vàng trời ráng cháy lạnh hồn quê !

À há ! Thì ra đá động lòng
Núi mờ sương vất dạ Phương Đông
Khói hương đâu đủ tràn tâm huyết
Thương tóc già nua rụng trước sân !

Hạt bụi giang hồ giữ gót chân
Cũng như thương khách phải phong trần
Trơ vơ bên đỉnh tinh cầu lạc
Ngóai vọng đời trăm cuộc hóa thân

Thật giả mơ hồ sợi khói bay
Lao xao cảnh trí nơi nào đây
Ai đem nhựa đắp đường điêu khắc
Thạch bản mơ hồ khóc cỏ cây

Đã thế con tim vẫn giữa lòng
Giữa trời giữa đất giữa vô cùng
Giữa bao sương muối thăng trầm sống
Sao vẫn mơ hồ chuyện cố hương ?

Thương hồ muốn gói lại bên vai
Phong ấn tràng giang với nợ đời
Cổ miếu mấy phen thăm lặng đứng
Đền nhang xô lệch với trần ai !

Run rẩy bên bày đá động lòng
Núi mờ sương vắt dạ Phương Đông
Con chim sơn sắt về bên gối
Tha mộng quê người sao xuyên không ?

16.5.1990

Sơn Khê

Trắng mắt nhìn ra trời viễn xứ
Màn đêm lòng lộng kín chân mây
Ráng xa có cố mong manh thở
Cũng đỏ mơ hồ một khóm cây

Như bếp mùa đông nhen nhúm khói
Tro than tàn lụn thật vô tình
Nếu không đứng dưới trời giông bão
Đâu nghĩ ra mình ngọn cỏ hoang
Dừng dưng xuôi ngược đường nhân thế
Chiếc lá nào bay quá ngắn ngủi
Mấy đợt sơn ca rung rúc gáy
Gọi người nghiêng ngửa kiếp xơ rơ

Ai muốn im lìm trong định số
Mặc tình con nước đuổi xô về
Cầm bằng một cánh phù dung nở
Hốc đá hoang tàn không khách qua

Mấy phen cố dựng trên sơn đỉnh
Thạch bản lung linh dưới nắng chiều
Soi mỗi đời người một bản vẽ
Bản nào phong thổ giống ta đâu?

Bởi suốt tháng năm đầy tiếng trống
Giục vào tiềm thức chút hư không
Đáy lòng nhẹ nhẹ xoay con trốt
Bay thẳng ra ngoài giấc mộng trung

Thế giới trong ta không cửa đóng
Khói mây mù mịt góc vườn xưa
Những đêm thức giấc như trong mộng
Thẩn thốt canh, tàn rụng gió mưa

Tai vẫn lắng nghe từng điệu nhạc
Mơ hồ ngọn cỏ lớn theo trăng
Lần theo gậy trúc lừa sương gió
Sương gió lừa ta không nói năng

Thản nhiên rủ áo giang hồ bạc
Cát bụi ra hoa lạnh bốn bề
Ai sống âm thầm trong xó tối
Mà không heo hút bóng sơn Khê?

Ngơ ngác bước trên bờ núi nhỏ
Nhìn quanh rờn rợn nét phong ba
Ai xô ta xuống dòng sông lạnh
Lãnh khí soi vào giữa giấc mơ

Hôm nay sóng nước về tắm tấp
Cỏ thụ nằm ven con bến trưa
Lặng đứng chờ qua năm bảy kiếp
Vẫn chưa thấy được bóng chim xưa

Ngàn sau sử chép rằng cô khách
Đập nát cây đàn dưới miếu hoang
Ôm đá lạnh lòng lên chót núi
Hú dài theo tiếng đá lăn nhanh.

Tân Khách

Tinh sương thoang thoảng tiếng khèn đồng
Vàng vọt đèn soi màu xe ngựa
Ta đứng bên cầu không chỗ dựa
Lùa đời theo nước chảy mây trôi

Như lùa bò mộng bước qua đời
Trăm ngõ gấp ghềnh đầy gai sắc
Ba mươi năm chờ vàng trắng mọc
Thiên nhiên rên rỉ tiếng côn trùng

Bên án thư bày giữa thư phòng
Thư khách ngủ vùi trên thế sự
Khói mỏng chập chờn quanh điểm lữ
Mộng hè. Mộng hè. Trời không hay

Tiếng đọc huyền lòn lõi đầu dây
Bầu đã cạn từ trăm năm trước
Ta cũng vô tình với một bước
Mà nghe khí hậu khác trăm bề

Từ đâu ngọn gió thổi vọng về
Đưa biển lớn tràn vào lá phổi
Sương muối rớt dọc rào cây cối
Điểm trắng bờ kinh sáng tháng ba

Vàng bay, Vàng bay trên tỳ bà
Lững thững bước âm thanh cấm thạch
Người du sĩ gậy cong áo rách
Ngẩn ngơ nhìn trời rộng theo mây

Trong hè phố hàng trẻ vỗ tay
Hát từng khúc đồng dao hiu hắt
Ta giạt mình về nhanh như cát
Thấy hàng cau trở nặng sau hè

Lòng bỗng chùn như bóng con dê
Năm tháng đứng soi mình lặng lẽ
Sao xuống thế bên kia đê nhỏ
Ta âm thầm theo dõi ngàn xưa

Tiếng sáo điều reo giữa ban trưa
Làm rung động gương đời cổ kính
Trống giục già trên đầu bảy đỉnh
Lồng lộng bay xuống tận bình nguyên

Tầm thức vừa đánh võ trong đêm
Rơi lấp lánh như rừng tinh tú
Bức màn cũ vô tình hé mở
Mời người quen ghé bước vào tranh

Thuyền trăm năm quày quả ra dòng
Hình tượng phai nhòa luôn ký ức
Ngựa xe đồ bên rào dâm bụi
Nằm lao xao dưới bóng hoàng hôn

Lữ khách đi có vạc kêu sương
Không hẹn lấy một ngày trở bước
Nước sông Hậu mà như sông Dịch
Thầm lặng trôi dưới mọi tình cờ

Mộng hề. Mộng hề. Đếm bao giờ
Con bướm từ lòng tranh trở lại
Vỗ đàn, ca. Lời vang vách núi
Bốn phương lồng lộng tiếng thiên thu

Gió núi từ đâu reo. Ừ ừ
Đàn trâu cổ nghểnh đầu nhai cỏ
Sau hàng tre là làn khói nhỏ
Có ta nằm vò võ trong ta

Tiếng võng đưa kéo kẹt bên nhà
Trưa nay mảnh gương đời vỡ nát

Tiếng khèn ốc âm u trời dạt
Xoáy cuồng điên ở nẻo hoang vu

Ta đứng lên khêu ngọn đèn lu
Mờ tỏ bóng chanh vàng trước ngõ
Chợt thấy vành khuyên vừa hót rộ
Tân khách về bên ngọn cỏ may.

**Bổng Nhiên Gặp Lại Bạn Xưa
Bèn Cùng Uống Rượu Truyền Âm**

Năm mươi năm không gặp
Đời đổi thay đầu ngõ
Áo quàng, chân dính đất
Hồn lạnh, đầu bạc phơ

Thời gian như cánh nhọn:
Hư ảo (trò gió sương)
Ngũ thập tri thiên mệnh
Chẳng còn gì bằng khuâng

Ngày nào hoa nguyệt lộ
Tang bồng như chim xanh
Bây giờ hai thứ tóc
Nói năng như ngậm tăm

Thế kỷ đang cô đọng
Cứng đôi mảy cổ nhân
Hay là trong cách cảm
Nói, cũng bằng như không

Nâng ly đi bằng hữu
Mười năm là ngọc châu
Cắm quanh rào dĩ vãng
Một chút gì, chiêm bao...

Bạn nén dài tiếng thở

Ngó bạt ngàn phương trời
Con chim hoang đang liệng
Như suốt đời, vậy thôi...

Bao năm quên gặp gỡ
Trăm điều như mọi điều
Cất lời không nói được
Hồn ai ngồi quạnh hiu

Bạn, ta - con sóc nhỏ
Nhảy loanh quanh trưa hè
Đọt trám bầu trước ngõ
Mà lạnh lùng sơn khê

Rượu lạt lẳng lẳng rót
Ly cạn lẳng lẳng đầy
Mười năm mà đầu bạc
Lẳng lẳng, chưa một ai !

Mỗi người một kỷ niệm
(Cửa gia bảo riêng nhau)
Ta nữ nào đếm xỉa
Vó câu vụt qua mau

Chuyện đời vẫn là vậy
Khoảnh khắc còn nhau đây
Ngày mai ai biết được
Chuyện nào của đám mây...

Ừ thôi, người bạn nhỏ
Bây giờ mình đã già
Sống trăm nền triết học
Như trò đùa hôm qua

Gặp nhau đâu cần nói
Ngôn ngữ lạnh chân trời
Ó vàng và thổ bạc

Chạm nhau trên đầu môi

Nếu bạn không rót nữa
Rượu cũng là cố nhân
Thì thôi, đầy ly cạn
Rượu sẽ hóa tâm hồn

Mai này ta lại gặp
Dù cũng lại mười năm
Ngậm tăm hai thứ tóc
Tang bồng như chim xanh...
Tân niên 1996

**Ngày về Bảy Núi, ngồi trên đỉnh Bạch vân
uống rượu cùng bằng hữu chợt hiểu rằng**

U tịch đá xanh, ngày trở lại
Triền cao thoải thoải nắng chơi vơi
Ráng bay một góc trời biên giới
Khách cũng bay về như lá rơi

Khói nhà ai chảy hiền hề sau
Góc nhỏ âm buồn tiếng võng ru
Ngơ ngác hàng tre mùi vọng cổ
Độc huyền đục ngọt gốc đêm sâu

Quanh quán đường dài, có dếp cỏ
Mười năm mài thủng gót phong trần
Về đây, gió ngựa đùa khinh bạc
Bạc áo trung niên, bạc tóc xanh

Ồ chút rượu đùa trái đất lăn
Thơ vừa rót xuống chén tri âm
Bỗng nhiên thấy rụng vài hơi thở
Đủ cuốn vào đi lá nguyệt rằm...

Cố xứ, mùa thu vàng ngẩn ngơ

Vàng ươm phố núi, hạt mưa khô
Thương hồ chết lặng trên sông Hậu
Gác mái, rồng bay, đá lạnh hồ

Thoảng nghe mấy khúc hát đồng dao
Ốn lạnh thiên nhiên gió đổi màu
Thổi áo phong sương làm tóc bạc
Đầm ìa khí hậu cháy đêm thâu

U tịch đá xanh, mờ thế trận
Bờ cao mây vén mộ âm âm
Lỡ vương vẩn lá, hoa chèn núi
Bút chỉ người xưa ngủ giữa nghiêng

Chớp mắt con kênh biên giới lạ
Chảy quanh ngọn thốt nốt sau nhà
(Bồng nhiên thơ ấu hồn năm tháng
Cây gáo vàng xưa mới trở hoa)

Vàng thắm con đường hoa cúc nở
Âm vang tu hú rụng hoàng hôn
Ráng chiều nhuộm đỏ trời biên thổ
Và nhuộm tang bồng khách viễn phương

Đá rịn mồ hôi ngày trở về
Đàn voi lầm lũi hồn sơn khê
Lung linh đáy suối phơi hình tượng
Gói bóng giang hồ, gói bản quê

Bên kia vách núi nhà san sát
Sơn lộ quanh co cát bụi bay
U tịch đá xanh, âm tiếng hót
Loài chim sơn dã nhảy dẫu đây...

Ồ chút rượu đùa trái đất lân
Rồng bay, sang sảng giọng nam non
Ngày đi núi chất lên vai rộng

Và nhốt trắng vào túi rỗng không

Thấm thoát mười năm đầu bạc phếch
Nuôi thơ chưa lớn được giang hồ
Ngày về, bạn hữu ngồi phong ấn
Thẹn với cây đa gốc miếu xưa

U tịch đá xanh, ngày trở lại
Triền cao thoải thoải nắng chơi vơi
Ráng bay một góc trời biên giới
Khách cũng nặng lòng đếm lá rơi...

8.1998

Trần Yên Hòa

Phan Nhựt Thức và Quán Quảng Nam

Quán ở phía bên trái rạp chiếu bóng Đại Lợi, trên đường Phạm Văn Hai (Thoại Ngọc Hầu cũ) coi như bên cánh gà của rạp chiếu bóng, gần sát ngay trại giam cùng tên Đại Lợi, trại tạm giam của công an quận Tân Bình, giam đủ hạng người, từ hình sự đến chính trị phạm, cho nên lúc nào cũng có bóng dáng công an áo vàng, đi qua đi lại.

Phan Nhựt Thức đã thuê mặt bằng này để mở tiệm bán bún bò Huế là chính, và các món nhậu lai rai, chị Thu, vợ Phan Nhựt Thức, từ một cô gái có sạp bán áo quần trong chợ Tân Bình, từ ngày kết tóc se tơ cùng nhà thơ, làm kẻ nâng khăn sửa túi cho Phan Nhựt Thức, tôi thấy chị Thu xuống cấp lần lần, người càng ngày càng gầy đi, tóc khô và đã có những sợi bạc, dù chị còn rất trẻ, tôi nghĩ khoảng trên ba mươi tuổi là cùng. Phan Nhựt Thức thì khỏi nói, người ốm lêu nghêu, tóc vàng cháy nắng, hàm răng đã rụng gần hết nên anh rất ít khi cười.

Hai vợ chồng đã trải qua nhiều chuyện làm ăn nhưng không lần nào trụ lại được lâu. Lần trước, cũng trên con đường này, trong con hẻm lớn trước chợ Phạm văn Hai, hai vợ chồng đã dựng tiệm bán cà phê. Nói là tiệm cho ra vẻ chứ thật ra là quán cà phê vỉa hè, bạn bè văn nghệ tới uống giúp đỡ, nhưng chỉ được có thời gian đầu, sau đó thì vì cuộc sống ai cũng phải bon chen đi kiếm ăn, nên quán từ từ ế và đi đến chỗ dẹp tiệm. Hãy thử tưởng tượng, với một chiếc xe đạp cà khỗ, mỗi buổi sáng Phan Nhựt Thức phải dậy sớm để lo chở vợ đi dọn hàng với đủ mọi thứ linh linh kinh như nồi niêu son chảo, than củi, các vật dụng linh tinh, khoảng cách từ nhà đến chỗ bán cà phê cũng hơn 10 cây số, chiều về cũng vậy, mà đâu có kiếm được bao nhiêu tiền.

Bằng đi một thời gian tôi không gặp Phan Nhựt Thức và cứ nghĩ là anh chắc có công chuyện làm ăn nào rồi nên anh không ghé lại chỗ sạp bán phụ tùng xe đạp của tôi uống cà phê, bỗng một buổi sáng Hà Nguyên Thạch dừng xe đạp lại nhắn với tôi : "Phan Nhựt Thức mới mở quán bán bún bò tại gần rạp Đại Lợi, tối nay anh em tới nhậu ủng hộ nghe". Tôi gật đầu, hỏi kỹ địa

chỉ và hứa buổi tối sẽ tới.

Đám bằng hữu văn nghệ như Hà nguyên Thạch, Phan Nhự Thức, Nghiêu Đề, Trần Hoài Thư... đối với tôi là đàn anh, bởi vì khi các anh Thái Tú Hạp, Luân Hoán, Thành Tôn, Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Trần Hoài Thư.. đã có một số thơ đăng ở các tập san Sài Gòn thì tôi mới chấp chững viết. Tôi nhớ lại, khoảng năm 1966, tôi được đổi về làm giáo sư dạy giờ tại trường Trung học Mộ Đức, Quảng Ngãi, cứ mỗi thứ bảy chủ nhật, tôi thường về tỉnh lỵ chơi, đài phát thanh Quảng Ngãi lúc này do nhà văn Đường Thiên Lý làm giám đốc nên sinh hoạt văn nghệ xứ này rất nổi đình nổi đám, luôn luôn có chương trình của Minh Đường giới thiệu các tác phẩm của các bạn văn nghệ này. Ở Mộ Đức, tôi có quen với anh Lê văn Thí, giáo viên tiểu học, tốt nghiệp sư phạm Quy Nhơn, anh Lê văn Thí người Quảng Nam, trông rất chất phác, nhưng anh hát hay và làm thơ rất tuyệt, bút hiệu là Xuân Thao, Xuân Thao nói anh có viết ở tờ Trước-Mặt Cùng Khổ, và hay sinh hoạt với các bạn ở Quảng Ngãi, Xuân Thao hứa khi nào về thị xã, sẽ dẫn tôi tham dự.

Một lần về thị xã, Xuân Thao dẫn tôi đến chỗ Khách sạn Việt Nam, nói sắp có cuộc họp của các bạn văn nghệ ở đó để chuẩn bị ra một đặc san nhân dịp Tết sắp tới. Ở đây tôi đã "thấy" được các bạn văn nghệ Quảng Ngãi một thời, như Khắc Minh, Đinh Hoàng Sa, Vương Thanh, Nghiêu Đề, Phan Nhự Thức, Hà nguyên Thạch, Minh Đường. (Nghiêu Đề từ Sài Gòn ra làm Xây Dựng Nông Thôn ở đây, dù quê Nghiêu Đề ở Quảng Ngãi nhưng anh đã vào SG sinh sống đã lâu, anh có chân trong Hội Họa Sĩ Trẻ, đã tham dự triển lãm tranh nhiều lần, đã đoạt huy chương bạc và có in tập truyện ngắn Sợi Tóc Trăm Năm. Sau này, quen thân với Nghiêu Đề, tôi biết anh là người rất vui tính, không quan trọng bất cứ một chuyện gì, cách nói chuyện của anh có một cách rất riêng, rất hóm hỉnh, anh nói giọng nghe như "từng từng" nhưng rất sâu sắc, bất cứ chuyện gì anh nói chuyện cũng có thể cười được). Cuộc họp rất vui, cuối cùng của cuộc họp bỏ túi hòm đó là sẽ tiến hành ra một Đặc San Tết. Nhan đề của Đặc San là "Người Ngồi Đợi Mũ" đây là ý kiến của Nghiêu Đề, tôi không hiểu rõ lắm ý nghĩa của bốn chữ trên liên quan gì đến chủ đích của Đặc San và không biết đặc san đó sau này có được thực

hiện và trình làng không? vì tiếp đến là trận Mậu Thân tàn khốc, tôi không còn dạy ở Quảng Ngãi nữa mà đổi ra trường Lý Tín, Quảng Tín. Từ đó tôi cũng lạc mất người bạn văn nghệ rất là yêu quý của tôi là Xuân Thao, Xuân Thao bây giờ ở đâu, ai biết ?? Thời gian đó, Phan Nhự Thức đã có tập thơ " Đốt tuổi " và Hà Nguyên Thạch có tập " Chân cầu sóng vỗ ".

Sau này nghe tin các bạn Văn nghệ Quảng Ngãi "rất lên" được tỉnh trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng là Đại Tá Lê Bá Khiếu chiếu cố đặc biệt, vì các bạn rất có khả năng và nhiệt huyết nên Phan Nhự Thức cùng Vương Thanh đắc cử Hội Đồng Nhân dân tỉnh, Hà Nguyên Thạch làm phó cơ sở học chánh tỉnh (nhưng coi như là trưởng cơ sở vì người trưởng cơ sở đã già) sau đó các anh thành lập Quảng Ngãi Nghĩa thực, cũng gây rất nhiều tiếng vang. Nhờ Phan Nhự Thức đã cộng tác với nhóm Sóng Thần của Chu Tử cho nên sau này Chu Tử gả con gái nuôi cho Phan Nhự Thức, chuyện vợ chồng này kết thúc khi anh đi cải tạo tập trung.

Như vậy là trước ngày 30-4-75 các bạn văn nghệ này tôi chỉ biết chứ không quen, mãi đến sau này, khi tôi đi tù về và mở sạp hàng bán phụ tùng xe đạp tại ngã ba đường Nguyễn Huỳnh Đức và Huỳnh Quang Tiên, thuộc phường 14, Phú Nhuận, tôi mới có dịp quen với các anh, nơi đây là nhà của Trần Thanh Ngọc, bạn cùng khoá 2 ĐH/CTCT/Đà Lạt với tôi, Ngọc rất tốt với bạn bè, nhất là đối với các bạn văn nghệ, nên nhà này coi như là nơi tụ hội các bạn những lúc khốn cùng, có thể đến đây tá túc một vài ngày, một tuần hay nửa tháng, cơm nước đàn ông, tôi khi ra tù về cũng đã có một thời như thế. Các anh Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Trần Tuấn Kiệt thường tá túc ở đây nên tôi quen và trở thành thân thiết.

Buổi tối đầu tiên của đêm khai trương quán bún bò của vợ chồng Phan nhự Thức có : Trần Yên Hoà, Trần Thế Phong, Phan Lạc Giang Đông, Phổ Đức, Hà Nguyên Thạch, Lê Mai Linh (lúc đó còn lấy tên là Sương Biên Thuý) Ngô Đình Long (ngâm thơ), Trần Thanh Ngọc, Lương văn Khiêm, Phan Nhự Thức. Để buổi khai trương cho thêm rôm rả, chúng tôi uống bia "con cộp" và ăn khô cá thiêu, ôi bia lên men con cộp là một loại bia tồi tàn và độc hại nhất, chỉ có nhà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam mới cho phép sản xuất thôi, nhưng chúng tôi đang cần

say để đọc thơ và nói chuyện, Phổ Đức nói giọng Quảng Nam quê mùa nhưng hiền lành, Phan Lạc Giang Đông giọng Bắc hào sảng, Lê Mai Linh giọng Quảng Trị ngùn ngụt khí thế, Hà Nguyên Thạch giọng Đà Nẵng đọc thơ thật có hồn và truyền cảm, Trần Thế Phong bình dị chừng chạc, chúng tôi sinh hoạt đến khuya, buổi khai trương đầu tiên tuy rôm rả thật nhưng chắc vợ chồng Phan Nhự Thức chẳng thu được bao nhiêu tiền lời, thấy bọn tôi ngồi ăn to nói lớn và uống bia bọt mạng như vậy có khách nào dám vào ăn uống.

Sau khi bia "dỏm" vào lời ra, Phan Lạc Giang Đông lên giọng đề nghị : " Để chúng ta thường xuyên gặp nhau, vừa giúp đỡ vợ chồng Phan Nhự Thức luôn luôn "có khách" tôi đề nghị chúng ta cứ mỗi thứ năm lại gặp nhau một lần ở đây và từng hai người một, bắt cặp nhau để lo cho bữa nhậu, dĩ nhiên tùy theo khả năng từng người ". Lời đề nghị được anh em tán đồng và chia nhau bắt cặp. Nhìn lại trong đám bạn bè thân hữu đến quán toàn là dân Quảng Nam cả, nên tôi đặt tên là Quán Quảng Nam và được nhiều bạn đồng ý (Cung tích Biền, Huy Tường, Thành Tôn, Đông Trình (người Huế nhưng ở Đà Nẵng), Đinh Trầm Ca, Hà Nguyên Dũng, Hoàng Lộc, đều cũng là dân Quảng Nam, là những người đến sau và đã tham dự).

Tôi đã được những đêm say túy lúy với bia con cộp, mồ khô cá đuối, khô sặt, sang hơn thì khô mực hay xí quách xương bò, cùng đọc thơ, cùng hát. Đinh Trầm Ca hát quá hay, Ngô Đình Long ngâm thơ tuyệt vời và ai cũng đọc thơ mình vừa mới làm ra, có những lần khi dất xe đạp ra khỏi quán, trời đã về khuya, rạp chiếu bóng đã vắng từ lâu , trong cơn say ngất ngưỡng mình thấy đời thật thênh thang nhìn lại thấy mình cô đơn quá đỗi, quay lại nhìn quán vắng, vợ chồng Phan Nhự Thức đang loay hoay dọn dẹp bàn ghế, Hà nguyên Thạch cũng dất xe ra đạp đi chệnh choạng, mà không biết đi về đâu, tôi biết Hà nguyên Thạch là kiếp không nhà mà, ời những kẻ làm thơ sao buồn quá đỗi.

Có một điểm son trong giai đoạn này là Phổ Đức đã làm được một buổi tưởng niệm và đọc thơ Hồ Dzếnh nhân ngày Hồ Dzếnh mất, anh đã tìm tài liệu trong những tờ "Nhân Chứng" do anh chủ trương từ trước bảy năm, viết lại về Hồ Dzếnh, ít ra khi một

người làm thơ nằm xuống thì những người làm thơ khác (hay nhân loại) biết để cúi đầu tưởng niệm, đó cũng là một an ủi vô cùng.

Những lúc quá hứng đọc thơ và hát nhạc, tại tôi quên bẵng đi quán này nằm sát gần với trại giam, quên hẳn bóng áo vàng của công an vẫn đi qua đi lại, nhất là Lê Mai Linh đọc những bài "thơ tù" của anh đầy chất phản kháng và chống đối chế độ, hay Đinh Trầm Ca hát những bản nhạc của anh không được cho phép phổ biến, Phan Lạc Giang Đông với những giọng thơ đấu tranh và thời sự.

Phan Nhự Thức rất hiền và chiều anh em nên để cho bạn bè uống quá say, uống say nói bậy và hay to tiếng là Hà Nguyên Thạch, Phan Lạc Giang Đông, Cung Tích Biền, Lê Mai Linh, nên có những lúc tưởng chừng như có đánh nhau đến nơi, dĩ nhiên xô bàn, xô ghế, hát đồ ăn xuống đất đã xảy ra nhiều lần, làm cho chủ nhân Phan Nhự Thức cùng vợ dọn dẹp mệt nghỉ, bạn bè tới ăn uống ủng hộ không biết lợi lộc bao nhiêu, chứ tôi thấy càng ngày Phan Nhự Thức càng cạn vốn, đến một hôm quán Quảng Nam phải gỡ bảng và dẹp tiệm.

Trước ngày dẹp tiệm, buổi tối sau cùng anh em gặp mặt nhau để hôm sau "tan hàng cố gắng" Phổ Đức đã làm một bài thơ dài, kể đủ tên của các bạn đã tham dự ở quán Quảng Nam, có thêm tên của các bạn gái thấp tùng đến họp mặt, bài thơ dài như số táo quân được Phổ Đức đọc cho toàn thể anh em nghe, nghe xong ai cũng buồn ngủ cảm động, nhưng sau có vài ý kiến là nếu phổ biến bài thơ đó thì không tiện vì nếu công an được bài thơ đó thì sẽ nghi ngờ anh em có ý đồ nhen nhúm gì đây, nên đề nghị với Phổ Đức nên chỉ giữ bản thảo.

Sau khi quán Quảng Nam đóng cửa, Phan Nhự Thức còn mở quán ăn vài lần nữa, đến ngày tôi đi Mỹ, vợ chồng anh vẫn còn bán quán cơm ở khu phường 6 quận Tân Bình. Trước khi đi, tôi làm tiệc giã biệt bạn bè ở nhà hàng Rạng Đông, tôi đến mời Phan Nhự Thức và nhờ Phan Nhự Thức kiếm mời dùm tôi Đinh Trầm Ca, tôi muốn có Phan Nhự Thức đọc thơ và Đinh Trầm Ca hát, tôi vốn mê cái giọng sang sảng của Phan Nhự Thức khi đọc thơ và giọng hát khàn khàn của Đinh Trầm Ca, nhưng hôm đó chỉ có Phan Nhự Thức tới, anh bảo : " Có đi tìm Đinh Trầm Ca

nhưng không gặp được người nhạc sĩ lãng tử này ", hôm đó tôi thấy anh rất mệt mỏi và tàn tạ nhưng tôi không ngờ chứng bệnh ung thư đang hoành hành anh, anh và tôi đều không biết, anh cộng ly với tôi và anh đọc thơ tặng tôi, 2 bài, là " Thơ tình trong trại cải tạo" và "Cỏi tình xuân" của anh, anh đọc có một số đoạn quên phải đọc lại nhưng giọng đọc vẫn hào sảng, đó là hình ảnh cuối cùng tôi có với Phan Nhự Thức. Tiệc chưa xong, anh đã chào tôi ra về với lý do đường về nhà anh quá xa, tuốt trên miệt Tham Lương, Tân Bình, anh chúc gia đình tôi đi bình yên, tôi bắt tay anh, nói mong gặp anh sớm tại Mỹ, anh rất bi quan về chuyện xuất cảnh của mình, anh đi "tập trung cải tạo" sau lệnh kêu gọi tập trung của chính quyền Cộng Sản nên khi vào phòng vấn hồ sơ anh bị phái đoàn Mỹ không chấp nhận, anh đang khiếu nại. Buổi tối hôm đó khoảng 9 giờ, anh phải chạy từ ngã sáu Sài Gòn về đến Tham Lương, đoạn đường thật xa diệu vợi, tôi nghĩ và rất thương anh. (hiện tôi vẫn còn tape video quay cảnh anh đọc thơ, tôi nghĩ sẽ trao lại cho chị Thức hình ảnh này khi có dịp gặp lại chị)

Tôi qua Mỹ tháng 3/95. Đến tháng 8, Trần Thế Phong định cư ở WA state. Trần Thế Phong điện thoại qua cho tôi báo tin Phan Nhự Thức bị ung thư nguy ngập, chỉ nằm một chỗ, bên giường bệnh để sẵn cuốn sổ, bạn bè thân hữu đến thăm thì "bút đàm" với Thức, vì cuốn họng Thức bị sưng, đau nhức không thể nói chuyện được. Trang đầu cuốn sổ, ghi bốn câu thơ của Thức như sau:

Dấu một lời thăm ai vừa thấp sáng.

Đã là viên thần dược dịu cơn đau.

Dấu con bệnh nhói lên thân hữu hạn.

Một niềm vui thoáng gió cũng in sâu.

Trần Thế Phong nhờ tôi kêu gọi anh em văn nghệ hải ngoại giúp đỡ kèm theo thư của Trần Thanh Ngọc và Đinh Trầm Ca viết về bệnh tình Thức. Lúc đó, tôi là người mới qua, lại ở một tiểu bang lạnh xa xôi, không biết làm cách nào tôi bèn gởi hết hai lá thư về cho Khánh Trường ở tờ Hợp Lưu, tuần sau tôi được một bức thư của Khánh Trường, đại khái Khánh Trường viết là "cái tình ở xứ Mỹ này nó nhạt lăm", nhưng anh sẽ cố gắng, cá nhân anh giúp được chút nào hay chút đó. Tôi cũng có gọi điện

thoại cho Nghiêu Đề nhưng gọi hoài không được. Tôi biết Nghiêu Đề rất có nhiệt tâm với anh em văn nghệ còn lại trong nước. Trong chuyến về Việt Nam thăm người Mẹ khoảng năm 1994, Nghiêu Đề đã dốc hết số tiền đem về ít ỏi cho Phan Nhự Thức và Trần Tuấn Kiệt. Với nhà thơ Trần Tuấn Kiệt, khi cùng ngồi uống càphê ở quán cóc gần "đình ông Súng" Trần Tuấn Kiệt có cái bệnh là mỗi ngày phải uống một chai bia BGI lớn chứ không thì bị đau đầu kinh khủng. Trong thời gian Nghiêu Đề về, Nghiêu Đề luôn luôn dài thọ cho Trần Tuấn Kiệt khoảng bia này.

Cuối tháng 11/95, tôi được tin Phan Nhự Thức mất.

Khi viết đến những giòong này, tôi vừa nghe tin từ đài phát thanh VNCR, báo tin Nghiêu Đề đã mất ngày hôm qua (6 giờ 30 chiều ngày 9/11/98 tại San Diego cũng vì bệnh ung thư !!) . Lại thêm một người bạn văn nghệ vĩnh biệt chúng ta

Bài này như là một nén hương muộn màng thấp tiếc thương hai bạn.

TRẦN-YÊN-HÒA.

Trần Hoài Thư

Thư cho một người bạn thơ

Phan Nhựt Thức xa xôi,

Hôm nay tao được đọc thư của mày được đi trên tờ Hợp Lưu. Mày có nhắc tên tao và kêu gọi lòng từ bi hỉ xả của đám bạn bè ở hải ngoại, hãy bố thí cho mày ít nhiều để chống trả lại cơn bệnh nan y. Trời ơi, PNT ơi, đọc xong, tao muốn khóc. Tao mới biết là tao có lỗi với mày, với bạn bè ở trong nước.

Bây giờ tao phải đứng ngồi không yên trong cái căn phòng ngủ của Khách sạn Embassy Suite này. Tao điên khùng. Mày xem, giá mỗi đêm là \$100.00 cho một giấc ngủ. Tiền ăn mỗi ngày tao được phép xài là 40 đô la. Hãng ban phát cho nhân viên đi công tác. Tao đâu cần gì cái thứ giường nệm gối êm, nước nóng nước lạnh, TV mấy chục inches như thế này. Tao đã từng ngủ bờ ngủ bụi ngủ gò mả ngủ ghé bố bến xe rồi mà. Tao đã từng ở trong tù tội rồi mà. PNT ơi, ước gì tao được tự do chọn lựa, thì đêm nay tao sẽ ra hàng hiên, chia tiền chia bạc, chia nệm chia các tiện nghi... Tao cắt từng lát *steak*, rán ngón cho đủ \$40. Không xài thì dại. Tao nốc bia Nhật, bia Hoà Lan, của free... Tao dẫu lòng tao, cái cô độc rung rung nước mắt. Tao nuốt mà cổ nghẹn nghẹn. Tao uống bia loại thượng hạng mà lòng cay đắng. Tao không thể không xài. Xung quanh tao, là tóc vàng và mắt xanh. Họ đang cười cười nói nói. Người hầu bàn trong bộ đồng phục đứng nghiêm trang. Họ làm sao hiểu được nỗi lòng của tao. Ăn, ráng ăn, nhắm mắt mà nuốt, hãy tìm món nào đắt tiền nhất, lobster chẳng hạn. Hãy ký tiền tip cho nhiều để đám hầu bàn phải ngạc nhiên và cảm ơn rối rít. Cái nghịch lý kỳ lạ. Một đàng không có miếng ăn, thêm hơi thuốc lá, sống đói rách, bệnh hoạn và một đàng thì thừa mứa đến trào cả cổ họng, đến sợ cả mùi bơ, đến ực vào từng cốc, sau đó lại quẹt miệng, và khóc. Con hầu bàn xinh đẹp nào nùng cứ thỉnh thoảng ghé qua hỏi thăm rất ngọt. Bên cạnh bàn là cái thác nhân tạo, từ trên cao đổ xuống hồ nước trong veo, thấy rõ những chú cá chép vàng dưới ánh đèn neon. Trên quầy rượu, người ta vừa uống bia vừa xem túc cầu. Chỉ có mỗi một mình tao. Tao mở mắt mỗi để đọc lại lá

thư của mày thêm một lần nữa. Mấy mươi năm trôi qua, để hết rồi thời trẻ dại, để có thêm những kinh nghiệm về trường đời, và lịch sử. Đến lúc này tao chẳng nhớ ông vua bà chúa nào hết, ngay cả những bài hát mà mỗi ngày tao hát cả chục lần như bài Bão Nổi Lên Rồi, Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây hay Giải Phóng Miền Nam, tao vẫn không thể nhớ nổi một lời hướng hồ chi cả bài. Nhưng tao lại nhớ hai câu thơ của mày. *Thân ngựa núi một thời giông ruổi. Tim tương lai nơi viễn vọng khôn cùng.* Nhớ mấy mươi năm rồi cũng còn nhớ. Bây giờ, những con ngựa rong ruổi nay đã què rồi. Tương lai thì mỗi thằng một ngã, sau mấy chục năm làm thanh niên ơi đứng lên đập lời sông núi...Tương lai là cái quán nghèo vợ mày kéo dài cuộc sống cam khổ, còn mày thì đang chống cự với tử thần. Đời sống quả buồn như thế ư.

Mày hãy ráng mà sống, nghe Mê Kung Phan Nhự Thức. Chờ tao về để bọn mình còn ra quán ngồi nhìn hoàng hôn ráng đỏ trên bờ sông Thị Nghè. Chờ tao về để mình còn nhắc lại những ngày ở Thủ Đức, quán Thiết Giáp và những trang ghi nợ cùng những cô bé một thời từ Sài Gòn lên thăm. Chờ tao về, để đọc cho tao nghe những bài thơ xa cách. Chờ tao về tao sẽ kể cho nghe thiên đàng Mỹ Quốc này, để mày sẽ biết rõ hơn thế nào là những giọt lệ lưu vong. Mày phải sống. Phải vượt qua ba cái bệnh tật lẽ tẻ ấy.

Tao cũng báo tin mừng là tao đã tự xuất bản tập truyện Ra Biển Gọi Thầm vào cuối năm 1995. Tin mừng bởi vì tao vẫn còn ngộ nguậy được trong chốn đầm lầy dạ trạch ở hải ngoại này. Giữa lúc thiên hạ bị nhận chìm, tao may vẫn còn thở mấy cái. Tự đánh máy, tự layout và tự phát hành. 1000 cuốn nghe vậy. Ngày đầu tiên, mang hơn chục thùng sách về nhà, vợ tao kinh hãi. Mấy thằng bạn thì than thầm dùm tao: "Ông lựa chi đúng mùa đông lịch sử này mà ra sách, tôi hết ý kiến". Tao thì hối hận. Ở xứ này, làm cái gì cũng tính trước tính sau, lợi hay hại, thiệt hay hơn.

Ngày đầu tiên, tao nghe được cái mùi mực mới, và mùi thơm của giấy. Tao lấy chục cuốn, viết tặng có chữ ký của tao. Tao tặng ai bây giờ. Những người mà tao đã xây dựng trong tác

phẩm, đều ở lại bên nhà, sống và chết như những bóng ma. Không có họ thì không có RBGT. Và trong đó có mày. Tao muốn gọi về bạn bè mỗi đứa một cuốn để chứng minh rằng qua Mỹ ăn bơ sữa tao vẫn còn viết. Nhưng làm sao tao gọi về. Văn chương phản động. Văn chương đế quốc. Văn chương bồi Mỹ. Văn chương thực dân kiểu mới. Tao đành dùng cái bìa mà nhà in tặng không mấy chục bản để gọi tặng mày. May ra nó còn lọt vào Việt Nam. Để báo tin rằng, lần đầu tiên, trong đời, tao tự hoàn thành một tác phẩm từ A đến Z. Để cho mày thấy mặt mũi của tao sau bìa *full color*. Để nói với mày, là lúc nào tao cũng nhớ đến mày. Nhớ đến những ngày những đêm một bọn sinh viên sĩ quan bọn mình dất nhau về quán Thiết Giáp hay về Hội Quán trường Bộ Binh Thủ Đức... Nhớ đến cái thân hình gầy nhom của mày với đôi giày nặng trĩu như kéo tám thân xuống đất, và nhớ đến những lần tao vượt đèo Bình Đê, bọc trong giấy nhật trình trái lựu đạn, và những trứng vịt lộn nóng hằm trong thúng trấu, cùng những chai bia và những tiếng khóc, tiếng cười của một thời...

Hãy hiểu dùm tao nghe PNT. Dù sao, tao cũng phải để dành một cuốn cho mày. Hãy gắng mà sống, chờ tao về.

000

PNT, tao viết tiếp đây. Sáng nay, tao đã gửi cái bìa về mày, nhưng chiều nay, nhà thơ Thái Tú Hạp gọi tao cho biết mày đã chết. Sáng nay, tao viết cho người còn sống. Chiều nay tao lại viết cho người đã khuất. Một lá thư viết nửa trên cho sinh và nửa dưới cho tử. Một lá thơ hỏi han ban đầu, nhưng kết thúc là mặc niệm. Lá thư đầu tiên mừng vui vì ít ra tao còn biết được địa chỉ của mày sau hai mươi mấy năm cách biệt, để cuối cùng là cái địa chỉ chung của tất cả mọi người. Địa chỉ cõi chết.

Như vậy mày đã nhắm mắt. Như vậy tao còn chớ gì để mà nói nữa hay viết tiếp nữa. Có nghĩa là mày sẽ không bao giờ đọc RBGT của tao, và tao sẽ không còn được gặp lại mày nữa. Một con ngựa đã rú bồm và bay lên Trời. Từ đất người, tao xin viết tặng hương hồn mày hai câu thơ:

Một con ngựa trắng về trời

Hai bờ sông núi ngậm ngùi tiễn đưa

Ngủ yên nghe mày.

Phan-Nhự-Thức

Cõi Tình Xuân

Nhân danh thơ phục hồi ta và bạn
Người bạn tình dong ruổi cống trên lưng
Theo vạt nắng đầu ngày vừa nguyên đán
Em cựa mình da thịt bỗng vang lừng.

Bởi khắc khổ ta một thời khép kín
Em co ro gió tạt cuối hiên buồn
Những nhát cước, nhờ đâu, tay bịn rịn
Đất bật lên từng đoá lệ trào tuôn

Thôi hãy xếp khối tình sầu hữu hạn
Hãy cùng ta túy lúy trận phong trần
Đêm động phòng rượu tràn qua xứ bạn
Một đường bay tình vút khỏi tay nâng.

Núm ngực hồng rỏ từng lời thơm phức
Buổi quay về hạnh ngộ cuối trời đêm.
Ta tóc bạc cũng nghe lòng hừng hực
Trời còn xuân, ta còn lửa tình, Em.

Thơ Tình Trong Trại Cải Tạo.

Đã cạn dòng thơ từ buổi đó
Buổi xa rừng chim cất giọng khan
Chiếc lồng nhỏ đời giam bé nhỏ
Cõi ngoài mơ là dấu chấm than !

Đã hết thuở trăng sao xao xuyến
Nắng băng khuôn nhớ sáng thương chiều
Mây thôi gọi gió tình thôi hẹn
Tháng năm qua đời xoá chữ yêu

Chỉ còn lại mẩu đời giản lượt
Hòn sỏi kia dạt bãi ngậm ngùi
Phơi lòng khô con kênh khô nước
Mặt mù sương vàng vọt tuổi người

Chỉ còn lại bình phai men rượu
Tên tửu đồ lên núi đốt than
Uống cạn dòng thơ say túy lúy
Quán đời hiu quạnh, mái đời hoang.

Chỉ còn lại muối ruồi ve vãn
Nỗi buồn dài buồn tủi thịt da
Mất sâu thâm nửa đời chờ sáng
Một người tu gởi mộng xót xa

Tưởng như thế cho qua ngày tháng
Bỗng một hôm trời trở nắng bằng khuâng
Nỗi tình cờ vấy tay lãng mạn
Thơ từ đâu đậu xuống tim chàng

Tóc người bay xao xao dưới phố
Thoảng hương thơm theo gió bay cao
Gọi nỗi tình cỗi ngoài sương gió
Về nâng niu đời đã tiêu hao

Xưa làm thơ yêu em nắng dịu
Mưa bay chưa ướt vở học trò
Giờ làm thơ yêu em nắng gắt
Mưa tạc lòng lệ xuống co ro.

Dù có thế nào thơ vẫn thế
Xin nâng ly mời rượu ân cần
Tình chính choáng bước lên cuộc sống
Bồng em qua tay vấy mùa xuân.

Ngồi lại bên vườn

Ngồi lại bên vườn chân lếch bếch
Mùa nước ao sền lún bùn đen
Bóng mây chìm thoáng lòng mê mệt
Ta chợt buồn như một thói quen

Thói quen cũng xa theo trang sách
Chữ nghĩa vãn chương buổi nhạt nhòa
Bỗng ai khua động bờ lau lách
Ngõ tiếng thơ vừa dậy dưới hoa

Thơ với người xưa đi biên biệt
Vết gió du hành xóa dấu chim
Lưỡi kiếm phong trần ai tuần tiết
Trần cười ràn rụa xé trắng im

Người xưa từ dạo mê bất tử
Ngậm thuốc trường sinh đập xác phàm
Ai đã đem thân bờ tư lự
Tóc rụng đầy hồn trắng túi tham.

Người xưa từ buổi khoe xiêm áo
Kiếm hiển vinh đâm xuống tim sâu
Khánh tướng nửa chừng rơi giáp mao
Chống cuộc nhìn lên mây biển dâu.

Người xưa từ thuở ôm trăng chết
Rượu ngập tràn gian tuý lúy sâu
Thề thét lên rạng ngời sông nước
Cơn say còn chệnh choáng ngàn sau.

Người xưa từ nổi buồn kiêu bạt
Đốt lửa cười vang rụng cửa thành
Ai đập bệ rồng nghiêng mặt đất

Cuộc thất tình vua cũng lạnh quanh.

Người xưa từ thuở vung tay võ
Giữa chợ giết người lên núi tu
Chén rượu bênh bờng trôi tiếng mõ
Chùa nghiêng hảo hớn đập thiên thu

Người xưa chắc giống như thi sĩ
Bày tiệc trần gian thết đãi đời
Vất kiếm anh hùng say bí tử
Đốt sạch từng cơn đếm xác phơi

Tàn tiệc thánh thần ngồi chết ngượng
Che mặt nghiêng đầu lệch thánh thư
Kinh điển khoe chi điều loạn sử
Đời sau đâu nhớ chuyện phù hư .

Người xưa thất chí lui về ẩn
Cần trúc buồng câu Lã Vọng chờ
Ta nay cơm áo phờ râu tóc
Về vườn sống để đỡ bơ vơ.

Người xưa lão mếp khua môi bảo
Mái tranh che hai quả tim vàng
Nay ta phiêu bạt không nhà ở
Cùng vợ che lều lá lăm than.

Ta chẳng phải người xưa như vậy.
Về bên vườn chân đất bùn đen
Đêm ngày nghe tiếng côn trùng gáy
Dừa khô trôi theo nước đất phèn.

Ngồi lại bên vườn lòng hoang lạng
Nước theo trăng lai láng ngập bờ
Chợ đời chìm dưới dòng ao vắng
Và gió lên rồi cuốn hút trời thơ .

Lý Không Minh

Tình Cờ Nhật Được Bài Thơ

Ga Quảng Trị dừng năm phút. Một bóng đèn dầu đỏ vàng đứng dưới sân ga. Tôi lặng nghe tiếng bánh sắt nghiêng trên cầu Hiền Lương. Một lời nguyện biên giới. Đã trở lại. Và nhớ được bài thơ không tên sau đây, của một người không muốn lên tên không cả diện mạo đối đời. Chép ra cho bạn bè đọc, may ra có " đũa " nhận ra bạn mình vẫn lẫn khuất trên quê hương.

Đã dứt hết

Những ngày tình trong ta rồi sao

Không còn nghe

Không còn nghe một tiếng ngân nào

Tháng năm qua âm thầm

Nhớ nhau cơn vui buồn

Nhớ quên quần quanh

Có bóng dáng em từ

Năm xa tháng nhỏ

Chập chờn trong giấc mơ già

Ngỡ như trong tiền kiếp

Nhìn lại nhau đây chăng ?

Hồi mất đêm sâu

Hồi hồn trăng sáng

Hoàng hạc bay

Mấy ngàn năm vẫn còn khói buồn

Đời người như gió qua

Thoáng nghe

đã mù dẫu tăm

Ôi những dấu đạn bom thâm tím

Như đôi mắt mù

cố trưởng

Thui thui cơn mưa con tàu chạy qua miền Thanh Nghệ. Mưa

chắc rơi suốt đêm trời. Chắc thế. Dù không nghe tiếng mưa trong cành cành của bánh sắt đường rầy. Ở nơi này dường như không có nắng mai mà chỉ là cơn mưa chào ngày khi sương sớm giăng đồng ruộng vắng. Sương sà trên mặt đất, trải mỏng nơi cửa xe một làn mỏng mỏng nom rõ những lú nhú cây xanh bên dưới, rồi lớp màng mỏng ấy đắp lên nhau, chồng lên nhau một lớp dày đứng lạng xa xa. Vệt mồm núi màu đen mờ hiện. Ló những túp lều ong óng mái tôn. Nhưng gần hơn hết cả, thực hơn hết cả (và chắc như quá khứ chiến tranh) trên đất nước là những hố bom nở dọc hai bên đường. Hố to như miệng núi lửa đã tắt còn đọng nước rung rung màu bạc. Hố nhỏ như đôi thúng dưới ánh đường đất ẩm ướt nhẽo bùn. Những hố bom nằm khít nhau, những hố bom trải đồng, lỗ ngổ lẩn sang mép ruộng lệch, ngã trên triền đất. Và nước đọng như muôn sâu. Chỉ 18 năm nay hay đã 18 năm mà sức người chưa lấp cạn hố bom. Phải có xác nào rơi trên miệng hố. Xác người cán binh trên đường đi B. Xác nông dân dậy sớm ra đồng. Xác mẹ già, xác góa phụ. Cảnh ấy nào riêng bởi những trái bom tai ác. Chiến tranh bom đạn đã hết, nhưng nay một cuộc chiến khác cũng khốc liệt nào kém, thậm chí còn muốn nhọc nhằn trên mắt - Người dân khổ bận áo tơi kết bằng lá đang tát nước đọng trong hố bom bằng những chiếc gầu sòng cũ. Những hố bom nay thành nguồn sống, thành nơi cấp nước tưới đồng. Sống dưới đạn bom một thuở và sống nhờ bom đạn một thời. Trên mỗi lưng nước trong chiếc gầu sòng hình tháp nón nghiêng lệch đựng bao nhiêu nước mưa thấm màu thuốc súng, đựng bao nhiêu tế bào xương thịt, đựng bao nhiêu máu đào hòa nước lã, để tưới mát đất cằn, nuôi lúa chỏm, dưới bình minh ướt át, để thơm cái sống lao nhọc ngày ngày, mà nuôi dần một thế hệ.

Người ta đang ngồi cao kia cũng một thời đầu đó thế đấy. Nhưng con đường đã đi qua mấy người muốn trở lại. Đến bây giờ đất nước xếp hạng nhất tính theo chiều ngược, đến bây giờ xuất cảng gạo đứng hạng ba. Những hạt gạo tròn trặn ấy chẳng nhẽ lại ngắt ra từ những chiếc gầu sòng và từ nước đọng hố bom. Và tôi nhớ vô cùng người bạn vong niên ở Sài Gòn. Và tôi sống với ông, vừa bằng hình ảnh những hố bom chết chóc và sinh sản đang chạy theo tàu, vừa bằng tâm cảm của ông khi ông ra Bắc

mấy năm về trước.

oOo

Sài Gòn nằng gắt như bếp lửa. Nằng dọi thêm từ những dòng xe ngược ngạo trên mọi con đường. Nằng dọi thêm từ hơi người, tiếng còi xe, tiếng động hỗn tạp của đời sống khi ngày vừa mọc.

Tôi bắt một chiếc xe suzuki ôm đi thăm bạn. Luôn tự hào là mình có giác quan thứ sáu đặc biệt hữu ích khi tìm một địa chỉ. Mà điều này đã được thể nghiệm trong cuộc sống. Nhớ trước đây, tôi đã tìm đúng phóc một địa chỉ do người khác vẽ nghệch ngoạc bằng miệng. Một địa chỉ không có số nhà, mà lại nằm ngay trong hẻm, mà không được hỏi bất kỳ ai. Ở nước ngoài tôi cũng tìm ngay chóc nhà một đứa bạn ở chung cư, nghĩa là tùm lum người ra kẻ vào và nhà nào cũng giống nhà nào. Tôi tin một cách thơ dại là cứ cầu thì gặp. hai lần tìm đúng nhà như thế khiến tôi tự tin lắm, không sợ đi đâu được. Vì thế khi ngồi trên xe ôm tôi liền giở bài bản giác quan cũ mà ôn luyện. Trước nhất là căn nhà tôi sắp đến không phải là nơi mới. Tôi đã đến đây một lần, hai lần, nhiều lần. Tôi còn nhớ khá rõ là căn nhà day mặt ra một dòng sông nho nhỏ chỉ hẹp một người đi xe đạp, hai bên lau lách, hai bên nhà cửa đổ ra xệch vào. Rõ hơn hết là trước sân, một bày chim sẻ đậu, mổ lóc chóc những hạt thóc rớt ngoài sàng gạo. Tôi trả tiền, từ chối lời mời đưa sâu vào con hẻm của anh xe ôm đen như cục than. Tôi muốn chắc ăn, để chính mình rà ký ức. Khấp khởi lắm. mấy cái nhà còn nhớ còn ở đó. Trật sao được. Nhưng giống như một ví von đầy kịch tính của đời người lường lự trước ngã ba đường, tôi đụng phải ngã ba đất đỏ không có trong trí nhớ đang được chà láng. Rẽ hướng nào? Thôi thì phải. Bụi đỏ đầy đến mức chỉ khoảng bàn chân một cái đã ngập tới mắt cá. Một chiếc cam nhông chở đất chạy ngược lại, tóe hàng lớp lớp bụi lên người. Con đường vắng, lại thẳng tắp y như mới lắm. Ngang một quán cà phê nhạc liu hiu vắng khách. Mấy thứ này đâu có trong ký ức tôi! Mò hỏi bắt đầu vẫ. Tôi quay trở lại khi nghĩ mình nhớ lộn. Đến ngã ba thẳng qua hướng trái.

Ừ, trái. Con đường nho nhỏ rồi đây. Phải tìm ra một con sông. Cứ đi. Thấy đường nhỏ là đi. Bạn tôi chỉ ở đường nhỏ mà thôi. Một sân nhà có bày chim sẻ.

Chao ôi, mười năm nay bạn sống âm thầm và khổ cực. Đời đen

như màu đen của gói cà phê Buôn Mê Thuật vướng víu bàn tay. Và nắng đã thêm dòn, thêm gắt, thêm bụi, thêm những tháng năm hao phí, thêm những tha hương trắc trở. Tôi trở về, tưởng gì, té ra chỉ là thằng lạc lối mà thôi.

Mà tôi lạc thiệt. Tôi xăm xăm đi vào một ngõ cụt có căn nhà khá lớn nằm chắn ngang. Vài người đàn bà ngồi xõm đầu ngõ tò mò nhìn khiến tôi càng bối rối. May mà nhà ai khóa cổng, tôi vờ trông vào như thể tìm người quen trước khi trở lại, xăm xăm đi ngang qua mấy người đàn bà chợt im bật tiếng chuyện trò.

Lại trái, phải. Trái, phải....Biết bao lần rẽ. Xe chở đất chạy lui chạy tới, những căn nhà đang xây dở ơng dở thàng. Người tôi tấm đấm mồ hôi. Mờ cả mắt.

Có một nhà văn đi tù về, tới đầu ngõ, hỏi: " Phải nhà mình không con ? "

Nhà văn kia còn có con để hỏi. Tôi trở về, hai bàn tay trắng. Một cái nghĩ trắng xóa trời. Như người tình trăm năm tắt tả tìm về một khối tình chờ, tôi đã mất dấu dọi, và lòng đau hơn chân mồi. Còn gì ngoài trời xanh mây trắng. Còn lại gì, hồi những người tình đã ra đi. Còn lại gì, hồi em yêu dấu. Anh đã mất em như gió thổi qua cánh đồng mông quạnh để lại dấu vết. Anh đã mất, tất cả. Còn lại là một bóng chim bay ngang bầu trời biền biệt. Với hư không trong lòng hư không.

Tôi vào một quán nước trên đường trở ra với tâm trạng của một người thua bạc. Người đàn ông chủ quán nói giọng Huế! Một tia hi vọng như trong canh bạc cuối cùng. Tôi vờ vẹt hỏi thăm, về Huế, về những địa danh thắng cảnh, về đời sống, đã di tản vào Nam bao lâu. Quán quanh như thế mà vẫn không làm sao tìm lối để hỏi thẳng căn nhà mình muốn tìm. Bởi tên anh đã hóa tượng nên dù đã im tiếng trên văn đàn, nên dù đã bóng chim tăm cá nhưng nguyên vẹn dấu tích còn mở ngõ trong lòng người. Một khơi chạm sẽ kéo về giông bão trông thấy. Nhưng cuối cùng thì con đường bụi bực vắng lạnh đã xúi tôi đánh bạo hỏi người chủ quán về anh. Ông ta lác đầu " không biết ". *À, ra thế, anh đã trót sinh làm con ghê nên không ai nhớ. Người ta nhớ những đứa con ruột của văn chương trong lòng chế độ.* Ông chủ quán phê bình, khá sâu sắc, dò phản ứng người nghe (cứ ù ù cạc cạc). và rồi ông ta dẫn dắt đến những tranh luận. Giọng oang oang trong

quán vắng, khe khẽ rải trên đường hanh nắng trưa.

Cuối cùng thì tôi tìm ra ông trong quán sách. Tôi tính " hù " ông để òa một ngạc nhiên thích thú. Nhưng ông nhận ra tôi ngay. Bình tĩnh ngồi trên ghế nhìn ra hiên, ông mỉm cười, khoan hòa và tự tại, trêu: " Còn nhớ đường về à ! " Những ngón tay xương xẩu đưa ra. Tôi cũng nhận ra liền chùng ấy về nơi ông. Cứ như là ông vẫn tồn tại qua dòng năm tháng. Cứ như ông là ốc đảo lặng giữa dòng, mặc cho bao nước chảy băng qua. Chúng tôi ngồi bên nhau một chập, không biết nên nói với nhau điều gì trước. Chỉ gục gặc. Chỉ mỉm cười. Như khung trời lùi lại mười năm. Như những con chim sẻ chiu chít mổ thóc. và một cái quán chè nhỏ nào đó ông và tôi đã ngồi ăn hai ly bánh lọt một thời xa xưa nào. Giữa những đầu sách và xe cộ huyền ảo ngoài kia, vẫn sáng một đỉnh văn chương trên cô độc.

Ông kéo tôi ra một quán cà phê ngoài đường. Sung sướng quá. Một thế giới riêng riêng trong cả thị phường xuôi ngược. Ông hỏi người này người kia. Vẫn nụ cười hóm hỉnh châm biếm. Nhắc một người quen, tôi bảo: " Ông kể HQB về, mời đi ăn cơm tối. Tiền ăn 100 ngàn. HQB bảo: " Rẻ quá, có 10 đô mỹ. " Ông nhân mặt nói: " Chúng nó thế đấy ! " Kể NT về ghé nhà, có công an thường phục đi cùng. Ông bảo NT: " Mày nói gì thì nói rồi cũng đi, chỉ có tao ở lại mới kẹt với chú này. " Công an thường phục thấy bị lời sắc phục, nói: " Ấy thế, hai anh muốn nói gì thì nói, tôi không báo cáo lại đâu. "

Nhưng có lẽ đặc biệt nhất là ông nói về một nhà thơ nữ, về một nhà văn cũng nữ, với sự cảm thông khó thấy, với sự bao dung khó tìm ở những người sống trong hoàn cảnh như ông gần 20 năm trời. Ông cười hích hích vui thú, kể cô nhà thơ hỏi ông có bằng lòng để cô ấy in sách của ông không. Ông trả lời: " Cò...thì tôi bằng lòng rồi ". Già mà nhộn thế đấy.

Một nhân cách vững vàng giữa trền gió thời đại. Ông ghi nhận một số chuyển biến về văn nghệ trong mấy năm, một số tên tuổi (khuôn mặt) đã trở thành quen thuộc trong và ngoài nước bằng giọng từ tốn, không sôi nổi, cứ như đối với ông, những cái mới ấy chỉ là bản nháp của một sơ đồ văn học chớm thành hình nhưng chưa hẳn đã là đích thật. Và vì thế ông không " mặn " lắm. Có lẽ ông hiểu mình là đứa con ghẻ của chế độ, không được

nuôi dưỡng, Đứa con bắt đất dĩ mà chế độ phải nhận khi cưỡng hôn đất nước. Con ghẻ nhìn con ruột hạch sách bố mẹ, đòi này đòi nọ; con ghẻ ngậm ngùi làm bốn phận thiên lương của mình, im lặng, dấu kín, không hề mong một quyền bình đẳng.

Và vì thế ông giữ gìn. Từ chối mọi lời mời. Từ chối mọi quyền lợi. Duy chỉ nhân cách tồn tại. Thái độ của ông là mặt bên kia của " phong trào phản kháng " được in trên giấy trắng. Nhưng đó chỉ là cách biện giải của người ở ngoài. Ở đây, người ta không đặt tên cho thái độ sống. Mỉm một nụ cười không thành tiếng bên tách cà phê đen cũng đủ làm nên tư cách và quan niệm. Cũng như người Eskimo không làm sao tìm ra một tiếng thích hợp để cực tả tuyết trắng quanh năm, con người sống trong bầu không khí này cũng không việc chi mà đi lục lọi vấn đề khi mỗi hơi thở là một cuộc vật lộn để sinh tồn, không hẳn để chỉ tồn sinh xác thịt mà thôi

Có thể nên người này tìm đến người kia. Có thể nên khi trở ra Bắc, ông đã nhìn thấy những hố bom bằng con mắt của người Việt Nam thương cảm cho số phận dân tộc. Từ khi nhận từ thị ấy, lời thơ ông bật dậy trong một sớm mai sương trắng trên miền Thanh Nghệ:

Ôi những hố đạn bom thâm tím

Như đôi mắt mù

cố trông.

(trích Ngày về của Quí)

TRẦN YÊN HÒA

HÀ-NGUYỄN-DŨNG, NGƯỜI-LÀM-THƠ, KHỔ-LỤY

Tôi đi tìm đường Sơn Hưng, phường 12, quận Tân Bình thiệt khổ, con đường nằm phía sâu sau chợ bà Hoa, thuộc khu Bảy Hiền, trên bì thư của người bạn ở Mỹ nhờ tôi chuyển đến địa chỉ : "Gởi Hà Nguyễn Dũng 96/53 đường Tân Hưng". Tôi chạy xe qua lại nhiều lần, đó là một con đường hẹp, có thể gọi là đường được không ? hay là hẻm?. Rất lâu, hình như tôi đã chạy xe qua bốn năm lần gì đó, tôi mới thấy một căn nhà nhỏ, có địa chỉ trên, tôi dựng xe ngoài đường vì căn nhà sát với mặt đường, không có khoảng trống để chỗ dựng xe . Tôi gõ cửa, một gương mặt đàn ông đầu tóc rối bù thò ra, đứng rồi, Hà Nguyễn Dũng.

Trước đây, tôi gặp Hà Nguyễn Dũng chỉ một lần, ngày còn ở Việt Nam, tại quán nhậu của vợ chồng nhà thơ Phan Nhự Thức. Hôm đó có rất đông anh em văn nghệ Quảng Nam như Hà Nguyễn Thạch, Cung Tích Biền, Phổ Đức, Phan Lạc Giang Đông, Trần Thế Phong, Huy Tường, Thành Tôn, Đinh Trầm Ca, Trần Yên Hòa, Hoàng Lộc...Tất cả đang say sưa uống rượu, say sưa đọc thơ, thì có một bạn văn đến trễ, người đàn ông độ khoảng trên dưới bốn mươi lăm, đầu đội bê rê đen, vóc dáng trung bình, nói giọng Quảng Nam còn đặc sệt. Anh Phan Nhự Thức giới thiệu : " Đây là anh Hà Nguyễn Dũng ". Trong đám văn nghệ, tuy chưa biết được mặt nhau, nhưng nghe đến tên là biết ngay, Hà Nguyễn Dũng đến chào tất cả anh em và sau đó có lên đọc một bài thơ của anh mới viết.

Mới đó mà đến bây giờ đã bảy năm, những ngày ở Mỹ tôi có nghe bạn bè kể lại nổi bi đát trong cuộc sống của Hà Nguyễn Dũng. Anh quá nghèo khổ dù thơ anh được một giải thưởng của một tạp chí đang bán chạy ở Sài Gòn. Với tất cả cố gắng, anh nhờ bằng hữu giúp sức, anh đã in được hai tập thơ, tôi chưa biết tên, nhưng như vậy là một hiển danh quá lớn cho THƠ của Hà Nguyễn Dũng.

Tôi còn nhớ một đoạn thơ anh đã viết :

"Dù nên hư tôi dốc chí phù thơ

Lòng vẫn biết Nhà Thơ giờ thất tán

Cuộc trăm năm của tôi gần mãn hạn

Biết đất trời có cảm tấm lòng tôi ?!"

Hà Nguyên Dũng rất vui khi gặp lại tôi. Khi vào trong nhà, ngồi trên ghế tôi mới thấy sự nghèo nàn của gia đình anh. Hình như không có gì ngoài cái bàn thờ người mẹ và những câu thơ được viết lớn như những câu đối, thế thôi. Có thể anh ngược với tôi về cảnh sống, nhưng với tôi thì tôi hiểu, tôi cũng vừa mới thoát ra khỏi cảnh nghèo khổ như anh từ ngày qua được Mỹ.

Hà Nguyên Dũng nói anh bị thất nghiệp cả năm nay, ở một đất nước người làm thơ chân chính không có đất đứng, và mọi công việc lao động chân tay cũng quá khó khăn, nên anh tìm không ra công việc. Vợ anh nấu xôi đem ra ngoài ngã ba đường Tân Hưng, Nguyễn Bá Tông bán kiếm sống, nuôi chồng, nuôi hai đứa con trai, một đứa mười sáu tuổi bị tâm thần, luôn luôn bị động kinh, những năm trước anh đã gửi con vào bệnh viện Chợ Quán để chạy chữa, nhưng bệnh tình không thuyên giảm. Thời gian chữa chạy quá lâu, phần không đủ tiền, phần không có ai thường xuyên chăm sóc nên vợ chồng anh phải đem con về nhà. Bây giờ Hà Nguyên Dũng ở nhà có bốn phận chăm sóc đứa con này, một hai ngày thì lên cơn kinh phong một lần, mỗi lần như thế thì đứa con co giật chân tay, mắt trợn trừng, miệng mũi sùi bọt, ỉa đái trong quần, anh phải ôm lấy con, nắm bóp chân tay, thay áo quần, giặt giũ . Còn đứa con thứ hai, khoảng mười hai tuổi, bị đau bao tử, luôn bị ói mửa, mà không có thuốc để chữa thường xuyên nên bệnh càng ngày càng nặng.

Tôi nghe Hà Nguyên Dũng kể về tình trạng gia đình, cuộc sống luôn luôn đói khổ của anh tôi nghe đau lòng hết sức. Anh em văn nghệ còn lại đa số là nghèo, Trần Dạ Lữ sau một thời gian dài đi bán rau muống nay lại chuyển nghề, hiện anh giữ xe ở chợ Trần Hữu Trang, Đinh Trầm Ca thì lang bang, thất nghiệp, các ca khúc của anh được thu cassette, CD, Vidéo, ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại rất nhiều, nhưng anh thu tiền bản quyền chẳng được bao nhiêu, vợ anh phải đi may hàng chợ thuê,

nuôi anh và con sống cầm hơi, Huy Tưởng không còn bán quán cà phê ở đường Bà Lê Chân nữa, nay ở nhà gói trà, Hà Nguyên Thạch trôi dạt về Bà Rịa Vũng Tàu với vợ. Anh em làm thơ, viết văn, trước năm 75 ai cũng sống lây lất, nhưng với tôi, tôi thấy Hà Nguyên Dũng là bế tắc nhất.

Hôm sau, Hà Nguyên Dũng đến nhà biểu tôi tập thơ anh mới in, Dũng nói : "Tất cả là của anh em, bạn bè thân hữu góp lại, cho mình in đó chứ mình có tiền đâu", tập thơ có tên là : "hột muối bỏ sông" (không viết hoa), bìà màu huyết dụ, không có trình bày tranh, phía sau ký họa chân dung tác giả do Trần Tuy vẽ, tập thơ nhỏ, trình bày rất trang nhã.

Đây không phải là bài tôi viết về thơ Hà Nguyên Dũng, nên tôi không có ý phê bình, tôi viết về anh vì một tấm lòng, xin bạn đọc hiểu cho, tôi xin trích một vài bài thơ của Hà Nguyên Dũng trong tập thơ "hột muối bỏ sông" mà tôi tâm đắc :

Cuộc Chia ly

Tặng Hoàng Lộc

*Hôm nay bạn tụ quanh đây chiếu
Ly bia trào bọt vui vui thay
Mai này ngó lại quanh đời thiếu
Đầu sông ngùi nhớ người chân mây*

*Cái ngùi ngùi của đêm chia tay
Như sương nhim tê tê tâm sự
Nụ cười chia biệt cảnh hoa rũ
Rụng xuống lòng nhau mấy thuở tàn*

*Ta đứng buồn như dấu chấm than
Cái bắt tay mạnh như dấu chấm
Dấu chấm hết nửa đời lặn đạn
Nửa đời người toan dựng nghiệp thơ !*

*Giờ người đi như nước thoát bờ
Ta còn chảy quẩn quanh trong nội*

*Nguồn ngọn đã chia xa mấy đời
Mà nghe róc rách mãi trong lòng*

*Ta ước chi, ta là con sông
Gập lút tràn lên chảy thỏa lòng
Ứ hự, ta như con nước kẹt
Trong đĩa cỏ mực với rêu rong !*

Hoặc :

Tâm Sự Cùng Hạng Võ (trích)

*Lưu Bang dồn ông vào chỗ cớ cùng
Ông thoát được băng tìm về cố xứ
Dù người cố xứ chưa vong phụ
Ông then lòng, ông tự xử mình*

*Do khi đi ông có vạ hùng binh
Nay trở lại thân tàn danh liệt
Ông, đại trượng phu - trang hào kiệt
Hán đế thù ông cũng chạnh lòng*

*Tôi thiệt không dám sánh cùng ông
Nhưng cận nghĩ thấy có đôi chỗ giống
Ông, cùng Hán tranh hùng, tôi, cùng đời tranh sống
Ông thua thời, tôi, lỡ vận : tay không.*

*Tôi về tới quê còn vồn vẹn tấm lòng
Nằm úp mặt vào lòng quê, túi hổ
Quê hương và tôi như hai người cùng khổ
Ôm nhau nằm trần trọc đợi bình minh*

*Tôi kém Ông, không tỏ chí khí mình
Sống hiển hách quyết lòng không sống nhục
Tôi đưa thất phu, đầu mù đục
Giữa trận đời ngậm ngãi làm ngon !*

Hà Nguyên Dũng nói với tôi thật chân tình : " Bây giờ tôi chỉ mong được có bốn năm triệu đồng (VN) sắm một tủ thuốc lá để ở đâu đường bán kiếm ít tiền phụ với vợ độ nhật, bán ở gần nhà có thể chạy ra chạy vào trông đứa con bị bệnh."

Tôi nói thêm :

"Và có thì giờ làm thơ nữa chứ."

Dũng cười vui:

"Dĩ nhiên, đó là cái nghiệp mà." ■

Hà Nguyên Dũng

Thư Không Người Nhận

Chi lạ rứa, hẹn rồi không chịu tới
Anh chống tay vịn mãi buổi chiều nghiêng
Chiếc áo trắng vừa may còn mới rơi
Cũng nhàu đi lấm láp bụi ưu phiền

Anh cứ sợ niềm mong kia sẽ mỏi
Mím đôi môi cố giữ xót xa lòng
Hoàng hôn xuống, đêm gần như mái tóc
Bên vĩa đường thêm ánh mắt anh chong.

Và như thế là thư không người nhận
Người anh thương có lẽ đã dời lòng
Chân vừa bước ra khỏi chiều lỗi hẹn
Trên đường tình vang vọng nhịp long đong.

Áo Trắng Đi Qua

Ngày ngày em đi học qua nhà
Áo dài trắng rợp khoảng trời xa
Hai tà mỏng mảnh theo làn gió
Và gió theo về từ muôn hoa

Tà áo em dường nửa muốn bay
Theo lời phủ dụ của hàng cây
Nửa như say đắm làn hương ngọt
Quấn quít hoài theo những gót giày

Con đường như thể cánh tay đưa
Em đi về những phía em mơ
Tay ôm chiếc cặp len đầy mộng
Chậm chậm lòng như ngỏ ý chờ...

Trần Dza Lữ

Khi qua đốc Mạ Oi ở Ba Lòng

Tặng các em trai của tôi

Trong đám đi tìm trầm
Chốn thâm sơn cùng cốc
Có người là nông dân
Bỏ cày lên mạn ngược
Có kẻ ở thị thành
Bỏ bút làm hảo hớn
Cũng có "Anh -hùng-tận"
Vác rựa lên sườn non
Có tay đời lận đận
Tìm kiếm phút huy hoàng
Lại có người là thánh
Có kẻ là ma vương
Tất cả đều thượng sơn
Cô hồn chung một lũ
Ngày rừng chan mưa lũ
Râu tóc ướt phiêu bồng
Nói chung, đám tìm trầm
Vì đói cơm rách áo
Người yêu coi như không
Vợ con là gió thoảng
Chiều nay, qua Ba Lòng
Vì đâu, mà thương nhớ ?
Đâu phải giò phong lan
Tìm tím chiều mất ngó ?
Cũng không phải chùn chân
Trước núi rừng muông thú
Nhưng mà, cả binh đoàn
Đều rụng rụng nước mắt
Lúc leo qua con dốc
Có tên là Mạ Oi
Dốc còn cao mong đợi

Tình còn sâu chơi vơi
Riêng ta, thì em ơi
Nhớ miền Nam tha thiết
Sài Gòn em có biết
Nỗi đau của mưa rừng ?
Không ngãi cũng tìm trầm
Đó là điều có thật.

Ba Lòng 1985

Mùa xuân trò chuyện với gác lững

Này gác lững, hơn nửa đời rồi đó
Ta mới có mây giữa cuộc phù vân
Đời thử ta như lửa thử vàng
Cay đắng bữa quanh hồn xưa chao chớn
Có đôi lúc óc cùn chí đụn
Muốn xuôi tay trả lại tuổi vàng
Chim có tổ mà ta thì phiêu lãng
Dắt nhau đi quờ quạng kiếm thiên đàng
Xin lỗi em cô gái Sài Gòn
Đã vì ta mà xa giảng đường, thư viện
Xa thời mộng-mơ-lưu-luyến
Để hóa thành cổ tượng giữa trầm luân
Vì áo cơm mà em ra chợ
Một hồn buồn giữa cõi rau xanh
Ngày vắng tục trên miệng người lấu cá
Mà em thì lú lỏi bởi không quen
Còn ta nữa, thành làm thơ và lang thang
Cũng phải bơi theo giòng đời chóng mặt
Lầm lũi kiếm từng li vàng giữa trời cao đất thấp
Rủi may ơi, ta biết đâu lường
Sống khó vô cùng ơi gác lững
Thế mà mấy mươi năm ta cũng qua cầu
Nay có mây nhẹ gánh chiêm bao
Nhưng ngoảnh lại tóc râu đã bạc
Chậm thế nào rồi ta cũng tắt

Cho cạn mùa lặn dạn thương tâm
Để Tình Yêu phơi áo mùa xuân
Và Hạnh Phúc ra ngồi hong tóc
Ta sẽ hát như chưa bao giờ hát
Lời ca xang một thuở có nhà
Gác lưng đêm nay trăng vào nạm bạc
Và tình về ngai ngái hương xưa...

1989

Ngày xuân ở Thường Đức

Lên đây vai nặng bước liêu
Quanh co sông núi khói chiều tơ vương
Mùa xuân gối đất nằm sương
Tôi thân co lạnh với hồn cây thưa
Lên đây trời đất mập mờ
Trong tôi buồn thối từng giờ tử sinh

1971

(thơ trích từ thi phẩm Hát dạo Bên Trời)

Nguyễn Minh

Hình như trời đang mưa

Đài loan tin cơn bão sẽ đổ vào thành phố trong vài ngày tới. Vợ tôi cũng như những người dân khác đều lo mua gạo, thức ăn khô, nước uống và rất nhiều dầu lửa, đèn cây để dự trữ, phòng thân. Thời tiết thay đổi hẳn. Trời âm u suốt ngày. Lại có mưa lâm râm. Không khí lành lạnh. Tôi không thể ngồi yên ở nhà trong những bức tường ngộp ngáp. Tôi cảm thấy cần phải đi, đi đâu cũng được. Tôi thay quần áo, và cũng phải khoát chiếc áo gió. Vợ tôi khuyên tôi không nên đi xa, khi thấy có triệu chứng cơn bão sắp đến, về nhà liền, tránh nguy hiểm giữa đường. Tôi gật đầu cho vợ tôi yên tâm. Tôi gọi điện hẹn Quỳnh đến một quán ăn sân vườn, nơi thảnh thơi chúng tôi ngồi lai rai vài chai bia, đủ ngà ngà say.

Quỳnh đã ngồi đợi tôi từ lúc nào. Tôi đến kéo ghế ngồi đối diện với Quỳnh. Quán vắng hoe, không đông như mọi hôm. Hai chúng tôi ngồi dưới gốc cây bàng, tàn lá sum suê. Mưa bay lất phất. Cô chiêu đãi như biết ý, đem đến đặt trên bàn bốn chai bia tiger ướp lạnh còn nguyên, một cái đồ khui, cùng một đĩa khoai tây chiên rồi bỏ đi. Để mặc chúng tôi.

Trong những lần họp mặt anh em bạn bè tôi rất bức mình khi phải ngồi nghe Quỳnh kể những thông tin về đời thường chẳng ăn nhập vào không khí văn nghệ của chúng tôi. Bao nhiêu ước mơ, ấp ủ để thực hiện về một tờ báo văn học mà thời tuổi trẻ chúng tôi đã để đình chỉ. Rồi vì thời cuộc chung tôi đã ngừng bút. Đời sống khắt nghiệt đã làm tôi vắng đi những nụ cười. Tìm đến bạn bè, một chút men say trong không khí thân tình êm ái, cùng nhớ lại một thời đã qua, thì nói làm gì những chuyện vô duyên của cuộc sống. Chỉ có những lúc hai đứa tôi ngồi riêng với nhau Quỳnh mới nhắc lại những kỷ niệm về một thời làm báo văn nghệ hăng say với lòng nhiệt thành của tuổi ba mươi. Cùng một tiếng trách lười, luyến tiếc. Sao ta lại không khởi đầu lại những gì đã từng ấp ủ, say mê. Thời tuổi trẻ. Giờ tóc đã bạc trắng đầu. Một đời hoang phế! Uống tiếp những cốc bia đầy. Hồn lâng lâng đi về đâu? Những lúc này

thì Quỳnh ngồi bên tôi mà không nói gì cả. Và tôi cũng thế. Chỉ vài ngày sau là Quỳnh ra đi. Bên kia nửa quả địa cầu. Sao mà xa với vợ. Tôi sắp mất đi một người bạn. Cuối đời Quỳnh lại phiêu bạt nơi xứ người. Lại một lần nữa thay đổi đời sống. Một cơn bão lịch sử đã làm thay đổi đời ta. Giờ Quỳnh lại đón một cơn bão khác.

Trời vẫn còn mưa, nhưng chúng tôi vẫn còn ngồi ngoài sân vườn, dưới mái dù che bằng tấm nhựa, những giọt nước thì nhau rơi tí tách xoay chung quanh chỗ ngồi hai đứa tôi. Trời vẫn lặng gió. Chưa thấy hiện tượng gì cơn bão sắp qua thành phố. Chỉ còn tôi và Quỳnh là những người khách còn ngồi lại ngoài sân vườn, những người khách khác đã đều dọn vào ngồi trong nhà. Tôi làm dấu gọi cô tiếp viên cho thêm vài chai bia. Cô gái che dù mang bia đến. Quỳnh cười bảo:

- Hôm nay ông uống hơi nhiều, phá lệ à. Ngồi đợi bão đến hả ?

- Có lẽ vậy.

- Không đợi nó cũng đến mà đợi chắc gì nó sẽ đến.

Tôi gật gù mà uống tiếp một hơi dài. Rồi cười khan. Quỳnh ngạc nhiên hỏi:

- Có gì thích thú mà ông cười?

- Nhớ lại cảnh mưa bão ngày nào ở quê.

Tôi không kể lại cho Quỳnh nghe mà trong tôi đã gợn lại hình ảnh cảnh vợ chồng con cái co ro, run rẩy ở một góc nhà trên chiếc giường tre. Mưa như thác đổ. Gió thổi mạnh như bão. Nóc nhà đã tróc bay nơi đâu. Nước xối xả theo khoảng trống ào xuống sàn nhà bằng xi măng lênh láng. Vợ tôi chỉ kịp khiêng lu gạo lên giường, chỗ khô ráo duy nhất trong nhà. Còn tôi chỉ khư khư ôm lấy cái máy cassette vào lòng rồi lấy bao ni long bọc lại, sợ nước mưa nhỏ giọt vào vào hư máy. Khi trời đã tạnh cơn mưa thì trời đã về khuya. Các con tôi đã ngủ say, chỉ còn vợ chồng tôi còn thức. Nằm cạnh bên nhau nhìn lên nóc nhà, một đường trống trơn chạy dài, như cắt mái nhà ra làm hai mảnh riêng biệt, đủ để ánh trăng áp vào thả sáng lên hai thân hình của đôi vợ chồng trẻ đang ôm nhau khất khít. Vợ tôi đã ngủ say. Còn tôi vẫn thức và nghe nhạc một mình. Tiếng nhạc hòa tấu khúc Hồ thiên nga của Tchaicopki, du dương đưa tôi vào một cõi thơ mộng xa xôi. Nơi đó vắng bóng người đàn bà

trẻ đẹp, mảnh mai, phải còng lưng gánh lúa cho Hợp tác xã nông nghiệp. Nơi đó không có nắng chang chang để làm làn da vốn đã trắng trẻo trở thành nám cháy khi suốt ngày phải ở ngoài đồng cấy mạ gặt lúa. Nơi đó không làm bàn tay năm ngón thon thả trở thành cục mịch và lòng bàn tay ngày nào hồng hào không thành chai lì. Cuộc sống cơ cực mà không bao giờ tôi nghĩ rằng mình phải gặp trong cuộc đời vẫn không làm chúng tôi bi quan. Vui vẻ mà sống. Sau những giờ lao động chân tay chúng tôi còn một đời sống khác. Mặc cho anh Phú theo đoàn quân giải phóng trở về khuyên tôi phải từ bỏ đời sống tiểu tư sản. Đã bỏ thành phố về sống ở nông thôn thì phải sống như một người nông dân. Buổi sáng dậy sớm, tôi nghe nhạc không lời để khởi mang tiếng là nghe nhạc vàng, cùng uống cà phê sữa nóng, cùng hút một điếu thuốc, nhớ lại một vài kỷ niệm đẹp của những ngày đã qua trong một đời sống khá giả trước năm 75, và tuyệt đối vợ chồng tôi tránh nhắc đến những cơ cực mà cuộc sống hiện tại đã làm chúng tôi điêu đứng. Sau đó mỗi người tản mản đi làm. Vợ tôi ra đồng. Tôi đến văn phòng HTX với những con số về công điểm ăn chia, về số lúa thu hoạch, về phân bón nhập kho. Một kế toán trưởng hợp tác xã nông nghiệp mà tôi không hề phân biệt được đâu là cỏ cú đâu là cây lúa non. Về đến nhà, tối thấp đèn dầu đọc sách văn học. Khuya nghe nhạc cổ điển tây phương. Và ăn cơm độn. Bo bo. Khoai mì. Khoai lang. Những năm 79-80. Bao nhiêu người thân, bạn bè bỏ quê hương, lén lút trốn tránh nhau để vượt biển ra đi. Những năm 90 họ ung dung trở về rạng rỡ nụ cười với những người thân ra đón mời. Bao nhiêu sai lầm tôi đã trải qua. Mười lăm năm sau tôi mới dẫn dắt vợ con thoát khỏi nông thôn vào sống ở thành phố Sài Gòn như chúng tôi đã từng sống trước năm 75. Bạn bè tôi từ từ cũng tụ về một mối.

Tôi hỏi Quỳnh:

- Ra giêng, cưới vợ cho con trai đầu rồi mới đi chứ.

Quỳnh không trả lời mà chỉ gật đầu.

Bắt đầu lại một cuộc sống với tuổi gần sáu mươi kể cũng buồn thật. Tôi đưa ly bia định uống một hơi nhưng bỗng ngừng tay lại, đôi mắt đưa nhìn quanh đâu đó, và tai thì nghe nghe ra, tôi nhận ra trong tiếng mưa rơi có văng vẳng tiếng đàn guitar rồi từ từ vang vọng tới. Lúc đầu từng tiếng khoan thai sau dần

đập. Những ca khúc Việt Nam của một thời đã làm tôi say mê. Hoài cảm. Đêm đông. Buồn tàn thu. Tôi sống người đi và bằng hoàng khi nhận ra tiếng đàn này rất quen thuộc với tôi từ thời niên thiếu. Vẫn những tiếng lách rung rung mang âm hưởng của đàn mandolin. Đúng rồi tiếng đàn của bạn tôi. Của bốn mươi năm về trước. Một khoảng thời gian dài bỗng rút ngắn lại trong một tích tắc trong từng tiếng âm thanh dồn dập xô đẩy tôi vào một không gian khác, một thời gian khác. Tôi nở một nụ cười héo hắt. Tôi bậm môi thật chặt để chặn lại nỗi uất nghẹn sắp trào ra thành tiếng khóc. Nhưng nước mắt tôi đã chảy xuống thành từng giọt rơi xuống mặt nước vàng sủi bọt của ly bia tôi đang uống dở. Quỳnh sống sót nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên và hỏi rất khẽ:

- Sao vậy?

- Đúng là hấn.

Quỳnh ngoắc tay gọi cô chiêu đãi và hỏi tác giả đàn guitar là ai. Cô chiêu đãi đáp gọn:

- Vô Thường.

Tôi gật đầu nói nhỏ nhưng cũng đủ cho Quỳnh nghe:

-Vớ vẩn Thường. Bảy Rìu.

@

Tuổi thơ của chúng tôi, tên trong giấy khai sinh ít được gọi tới, chỉ kêu nhau bằng biệt danh mà cũng không hiểu xuất xứ từ đâu, hồi nào. Tôi, bạn nổi khố gọi là Minh Bui còn Thường là Bảy Rìu. Ở hai con đường khác nhau. Nguyễn Thái Học. Trần Hưng Đạo nhưng nhà hai đứa đâu hông với nhau. Căn gác của tôi, cửa sổ mở nhìn qua là phòng gác suốt của hấn. Chỉ cần một tín hiệu bằng huyết gió là chúng tôi xuống gác ra khỏi nhà gặp nhau mà chẳng ai biết. Thường là những đêm trời có trăng khi những ngọn đèn nhà trong phố phường đều tắt hấn, lũ chúng tôi ba đứa, Minh Bui, Bảy Rìu và Tín Têno, rủ nhau ra ngồi ở sân quần vợt mà đánh đàn guitar, mà ca hát. Suốt cả đêm và có khi thiếp ngủ luôn tại đó, khi giật mình thức giấc, tưởng rằng sương khuya sẽ ướt mất cây đàn, mới hay ai đó trong ba đứa đã lấy tấm ra phủ kín cây đàn rồi đánh thức nhau dậy, chạy về nhà chui vào ghế bố đã để sẵn từ đầu hôm trước hiên. Thử ấỵ còn thanh bình. Không có giới nghiêm. Không

có tiếng súng. Một thị trấn nhỏ nhất miền Nam này sống hiền hòa êm đềm. Những năm 56 – 57. Cả ba cùng một tuổi Ty.. Tân Ty. Têno và Bảy Rìu là anh em bạn dì. Cả ba chúng cùng học một trường tiểu học, và khác trường khi lên trung học. Trong những đêm mùa hè nóng nực, chúng tôi mỗi đứa đều lấy cỏ ngủ ngoài hiên nhà cho mát nhưng cốt yếu là để khuya đến kéo nhau ngồi dưới cột đèn đường hay sau sân ngoài bờ thành của một ngôi chùa nhỏ. Thường đánh đàn guitar bằng tay trái. Tín gảy đàn guitar bằng tay mặt. Hai đứa ngồi bên nhau, đuôi thùng đàn đầu lại nhau, hai cần đàn dài chĩa lên hai phía khác nhau. Đầu cúi xuống, tóc phủ xuống trán lất phất bay theo gió. Những ngón tay của bàn tay phải bấm trên giây đàn của cần đàn, còn ngón tay cái và ngón tay trỏ của bàn tay trái của Thường thì cầm lấy phím đàn bằng miếng đồi mồi mà gảy từng tiếng một hoặc liên hồi lên giây đàn tạo thành những âm thanh dòn giả tựa như tiếng đàn mandolin. Còn Tín thì ngược lại. Cầm đàn bằng tay trái và bàn tay trái những ngón tay thon thả có để móng tay dài dùng nó để búng vào giây đàn tạo ra âm thanh đục trầm. Tôi ngồi trước mặt hai đứa nghe hai người bạn từ lối chơi đến cái cầm đàn trái ngược nhau hẳn, đối kháng nhau. Tôi không biết đàn. Tôi chỉ là người thưởng thức, cảm nhận được sự hài hòa của hai tiếng đàn đó. Tiếng đàn trầm và khoan thai nhưng khi cất giọng hát thì cao vút của Tín Têno. Tiếng hát của Thường Bảy Rìu thì trầm khàn trái ngược tiếng đàn với âm cao. Tôi không biết cả hai biết đàn guitar từ lúc nào nhưng một điều chắc chắn là cả chưa không qua một trường lớp nào. Tôi thường mua sách Tự học đàn guitar của Lan Đài tặng hai bạn, khi tôi rời khỏi thị trấn nhỏ đó ra Huế học Trung học đệ nhị cấp. Tôi tưởng từ đó chúng tôi không gặp nhau nữa. Năm năm sau tôi lại trở về làm nghề gỗ đầu trẻ. Tín Têno động viên vào trường sĩ quan Thủ Đức. Thường Bảy Rìu làm công chức tòa hành chánh Tỉnh và có vợ. Mỗi đứa đều có một đời sống riêng, không liên quan gì với nhau nhưng tôi đã lầm. Ngày mới quen nhau khi chúng tôi là những cậu bé con ngồi vay quanh ngồi nghe anh Đề, một thanh niên trong xóm tôi, gảy đàn mandolin. Anh Đề là bạn của anh Hai tôi, từ lúc hai người còn nhỏ, rồi lớn lên đều mất tích. Làm Việt Minh. Tôi không hiểu sao anh lại bỏ về thành nhưng nhìn nước da

của anh xanh mét, và người gầy đét, khô cằn, rõ ràng anh mang bệnh sốt rét. Tôi chỉ nhớ có một buổi tối trời có trăng lần theo tiếng đàn tôi mới gặp được anh. Anh đang ngồi trên thành lan can, dựa lưng vào vách, tay ôm cây mandolin và đàn liên tục, từ bài này sang bài khác. Những âm thanh dòn dã, hùng hồn, nhưng có lúc như tỉ tê phiền muộn. Toàn những bài nhạc mà lúc bấy giờ tôi chưa nghe ai phổ biến. Có hỏi, anh Đề chỉ cười và nói nhỏ: *"Lớn lên chú mày sẽ biết"*. Sau này tôi khám phá ra đó là những bản nhạc kháng chiến: An phú Đông. Nhớ chiến khu. Bà Mẹ Gio Linh. Anh chỉ đàn mà anh không hát. Lần sau tôi tìm đến anh, nhà anh chỉ cách nhà tôi ba căn mà năn nỉ anh đàn cho tôi nghe. Hai anh em dắt nhau ra ngoài hiên nhà, người đàn người nghe, khi anh Đề ngừng tay, hút thuốc, thì tôi đã nhận thấy hai chú bé tuổi như tôi đã ngồi cạnh mình từ lúc nào. Anh Đề chợt đến với chúng tôi rồi anh cũng chợt đi như một bóng ma, nhưng tiếng đàn của anh đã để lại cho chúng tôi một dấu ấn của tuổi thơ về âm nhạc. Một đêm trăng, ba đứa không ai rủ ai tìm đến anh Đề thì mới hay anh đã bỏ nhà ra đi từ đêm qua. Sau này tôi mới hiểu vì sao một đêm trước đó anh đàn cho chúng tôi bài Cây đàn bỏ quên và tặng cho Bảy Rìu cái phím đàn bằng vảy đồi mồi. Nghe anh Đề đàn tôi nhìn trời bâng quơ, còn Bảy Rìu thì chăm chăm nhìn bàn tay anh Đề cầm phím đàn liên tục gảy nhạc. Từ đó Bảy Rìu tập tành đàn. Tín Têno tập hát. Còn tôi tập viết văn.

Nhiều lần tôi tìm băng cassette hoặc đĩa CD về đàn Guitar của Vô Thường ở Hải ngoại để thưởng thức tài nghệ của anh cũng như xem lại tôi có xúc động đến rơi nước mắt như vài năm trước. Tôi có đến lại quán sân vườn ngồi uống bia và yêu cầu họ cho tôi nghe lại băng đàn guitar nhưng họ trả lời đã bị hư nát rồi. Tôi có hỏi những nơi thu băng nhưng họ lắc đầu, chưa thấy. Vài năm sau trong một chuyến đi lên Đà Lạt nghỉ mát, vào nhà sách, nơi quầy bán băng cassette tôi thấy có tên Vô Thường, mừng quá như vừa gặp lại người bạn cũ, tôi mua về. Chiều đó tôi không ngồi ở nhà Thủy tạ cùng Trọng, lấy cớ đang có hứng để viết một truyện ngắn. Trong không khí lạnh lẽo của vùng Cao nguyên, ngồi trong căn nhà gỗ, trước mắt là

màu xanh lục của rừng thông bên kia ngọn đồi vương vãng những áng mây trắng lơ lửng trôi qua. Tiếng đàn Vô Thường trôi dạt. Từ từ âm thanh đó kéo tôi đi vào một cõi khác, xa lìa với cuộc đời này. Và tôi lại bật tiếng khóc. Sà gì một tiếng đàn của người bạn cũ làm tôi xúc động như thế. Tôi ngồi suy ngẫm cố tìm xem từ trong đáy lòng của mình trong cõi u minh một dấu vết đau thương nào.

Ba tôi trong những ngày cuối đời chỉ còn là một ông già gầy nhom, mặc quần áo lụa trắng, tay chống gậy lần bước chân mỗi một bước đi. Tuổi tác bấy giờ ba tôi cũng bằng tôi bây giờ. Sáu mươi, nhưng cơn bệnh lao phổi kéo dài phá nát hai buồng phổi làm những cơn ho kéo dài và tuôn máu đỏ tươi, trông ba tôi như một cụ già tám mươi. Muốn lên gác tôi đều phải đi ngang qua ba tôi. Nơi ông nằm vào ban ngày là chiếc ghế xích đu bằng vải bố, trước bàn thờ loe loét một ngọn đèn dầu hội vệt, một lư nhang luôn luôn có cây nhang được đốt lễ loi, phảng phất mùi hương, phía sau là tấm hình đã hoe ố của mẹ tôi. Ba tôi như người giữ mồ. Ban đêm ông cũng không cho bật đèn điện, ông không chịu được ánh sáng. Chỉ bao nhiêu bước chân đi qua là thoát cõi tối tăm, ma quái, ngang qua dáng ba tôi nằm như xác chết, để lên được căn gác tôi đã làm Tuyên run sợ biết bao.

Khi ba tôi chết tôi mới khám phá ra là ba tôi đã tự tử bằng thuốc ngủ. Bác sĩ bảo cơn bệnh sẽ còn hành hạ và kéo dài cuộc sống ba tôi vài ba tháng nữa. Ba tôi nói làm sao con cái tự về đông đủ dưới mái nhà ấm cúng này như ngày giỗ mẹ tôi. Làm sao con cái không giỗ mẹ, giỗ cha cùng một ngày, không phải vì tốn kém mà nơi chín tuổi có vợ có chồng cùng theo hương khói rủ nhau nhìn con cháu. Có phải cuối đời ba tôi muốn chuộc lại lỗi lầm ngày nào đã làm mẹ tôi đau khổ. Ngày trước khi ba tôi mất, ba tôi buộc anh Quý phải đem trâu cau cưới chi Mận, cũng như Tiến ngoài Huế cưới Nga. Đám cưới chạy tang. Còn tôi, ba tôi dặn dò Tuyên cố gắng phấn đấu chứng tỏ tình yêu vững mạnh để thuyết phục ba mẹ Tuyên đồng ý.

Thấp cho ba tôi một nén nhang Thường khấn thầm: *"Như vậy là con đã đền tiền đưa bác đi rồi nhé."* Tôi giặt mình nhớ lại những ngày trước đó. Thường báo cho tôi anh mới khám phá

việc khuếch đại âm thanh đưa tiếng đàn guitar thùng thánh thoát như đàn guitar điện của ban nhạc Shadow thịnh hành thời đó. Anh gắn micro sát vào mặt gỗ thùng đàn, đầu kia phích cắm vào sau chấu điện của cái đài philippe 6 đèn. Và anh cầm phím đàn của anh Đề cho thuở nào gảy lên dây đàn guitar như gảy lên cây đàn 8 giây của đàn mandolin. Âm thanh vang dội qua nhà tôi. Không phải ngồi bên cạnh nhau và phải lắng tai mới nghe hết âm thanh của tiếng đàn. Tôi tắt ngọn đèn trên căn gác định ngủ, ánh trăng chiếu qua khung cửa sổ dội vào một góc phòng tôi và tiếng đàn guitar réo rắt và liên tục từ Hoài cảm, Đêm đông, Buồn tàn thu, Bến xuân. Không biết còn đến ca khúc nào nữa thì tôi đã vào những giấc mơ thần tiên. Những đêm sau đó cũng khoảng trăng lên ngay đỉnh đầu là Thường ôm đàn một mình với âm thanh khuếch đại ở một góc phòng nhà anh mà đàn không cần biết đến những người ở nhà bên cạnh đang cần sự yên tĩnh. Ba tôi là người phản ứng đầu tiên. Ông hỏi tôi: *“Nhà ai mới mua máy hát mà để đĩa nhạc to vậy.”* Tôi trả lời ngay: *“Thằng Bẩy Rìu chơi đàn đó ba.”* Ba tôi thắc mắc hỏi tiếp: *“Đàn gì vậy?” – “Dạ, Guitar.” – “Như cây đàn của thằng Tín hả. Sao lạ tai vậy?” – “Guitar điện tự chế. Mà hay không ba?”* Ông gật đầu: *“Da diết quá. Buồn quá.”* Bấy giờ tôi mới nhận ra vẻ mặt quá bơ phờ của ba tôi. Hai mắt ông lõm sâu và có quầng thâm, chứng tỏ những đêm giấc ngủ chập chờn cùng những cơn ho dữ dội, tàn phá thân xác ông. Gặp Thường tôi kể lại. Và gợi ý: *“Mày đàn ban ngày to máy cũng được, ban đêm giảm âm thanh lại.”* Thường phản ứng với vẻ mặt buồn xo: *“Ban đêm trăng thanh gió mát và tâm mình lắng dịu, chơi đàn mới sướng, âm thanh thật mạnh mới dã.”* Những đêm sau đó, trời vẫn còn trăng, gió vẫn mát nhưng lại vắng tiếng đàn của Thường. Ba tôi mới hỏi: *“Bộ thằng Thường bệnh hả?” – “Sao ba lại nghĩ vậy?” “Thế sao tao không nghe nó đàn?” – “Sợ ba ngủ không được con bảo nó đừng đàn giữa đêm khuya. Nó nghe lời nhưng con biết nó rất buồn” – “Nghe nó đàn tao buồn nhưng vắng tiếng đàn của nó tao lại đau khổ hơn. Tao chờ đợi. Tao lắng tai. Tao thao thức. Tao thấy trong tâm hồn tao thiếu vắng cái gì đó. Té ra tiếng đàn đó mới dẫn dắt tao tìm thấy mẹ mày trong một cõi xa vời khác.”* Ba tôi ngừng tiếng một lúc rồi năn nỉ *“Tội ba, con nói nó đàn cho ba được gặp mẹ*

con với”. Đêm đó Thường đàn cho ba tôi nghe bài Dạ lan Hương. Âm thanh ma quái, liêu trai. Sáng mai thân xác ba tôi đã cứng lạnh. Dưới gối có một túp thuốc ngủ trắng trơn. Chắc là ba tôi đã gặp được mẹ tôi rồi.

@

Tối nay, trên căn gác, tôi không bật đèn, dưới bóng tối lơ mơ, tôi ngồi gác cằm lên song cửa sổ, mắt nhắm mắt nhìn bãi đáp máy bay của phi trường Tân sơn Nhất. Trời tối đen như mực. Sao lấp lánh. Một dãy đèn xanh đỏ chằng chịt cắt ngang như phân chia ranh giới giữa biển cả và trời mây. Ánh đèn pha chớp chớp như những tia sấm, báo hiệu cho máy bay đáp xuống. Âm thanh réo rắc của tiếng đàn guitar của Vô Thường từ dàn máy CD vang lên. Tôi tự hỏi: *“Tại sao hai lần trước tôi nghe tiếng đàn này tôi đều chảy nước mắt, rồi sau đó một vài kỷ niệm giữa tôi và Vô Thường cùng những hình ảnh xa vời của cha tôi, của anh Đề, của Tín tên mới hiện lên sống lại trong tim tôi. Tôi chưa tìm ra lý do nhưng tôi biết có một cái gì sâu xa nằm tận đáy lòng tôi đang bị một khối nặng nề đè nặng lên. Nó muốn vùng dậy và thoát ra”*. Tôi một mình muốn chìm đắm trong tiếng đàn đó xem nó dẫn tôi đi đâu, có làm tôi xúc động trước khi nhận ra một khuôn mặt ai đó đã qua trong đời mình những ngày xa xưa đã qua tưởng chừng như đã chết. Tiếng đàn Vô Thường có lúc tỉ tê như đang muốn tâm sự với tôi một nỗi niềm gì. Âm thanh trầm trầm, rời rạc, bỗng lên cao như cánh diều bay vút theo gió lên trời cao, rồi bị đứt dây, lảo đảo giữa khoảng không gian bất ngát.

Có lúc tiếng đàn dồn dập như xô tôi vào một cõi mệnh mông nào đó. Có tiếng gào thét, vẫy vùng. Và uất nghẹn. Giận hờn. Và thương nhớ. Sau bao nhiêu năm từ thời tuổi thanh niên đến lúc này đầu đã bạc mà một câu hỏi đã làm tôi cũng như Vô Thường bức rức không có câu trả lời thích đáng. Tại sao hấn chết. Tín tên. Tín không chết ngoài trận mạc mà hấn chết vì tự tử. Một viên đạn súng lục hấn tự bắn vào đầu. Khi tôi gạt đám người bu quanh trước cửa nhà Tín, và chạy vào phòng Tín thì Tín đã chết rồi, đầu còn nghẹo một bên, máu ra lênh láng.

Một lỗ thủng sâu xuyên qua từ bên này qua bên kia màng tan. Tôi đặt đầu Tín lên chiếc gối ngay ngắn. Mẹ Tín ôm xác con mà gào khóc: *“Tại sao con làm vậy? Mẹ có lỗi gì?”*. Tôi lắc đầu. Bà hỏi tôi: *“Con biết lý do.”* Tôi cũng lắc đầu. Chính tôi cũng đang ngỡ ngàng. Bà lay vai tôi: *“Con là bạn thân với nó chẳng lẽ nó không tâm sự gì với con. Đừng giấu bác.”* Tôi đau khổ vì tôi không hiểu gì hết. Đêm đó tôi nằm một bên xác của Tín, một bên kia là Thường Bảy Riu. Hai đứa nắm chặt mỗi bàn tay lạnh ngắt của Tín mà tức tưởi. Tín chết có để cho tôi vài giòng chữ nhắn gởi là an ủi Thanh hộ Tín. Cũng như với Thường giỗ dành hộ mẹ Tín. Tôi biết đó là hai người đàn bà mà anh hết lòng yêu thương. Cả tôi và Thường, những ngày sau đó phải trả lời trước người quân cảnh điều tra về những người mà Tín viết vào cuốn sổ nhỏ như một nhật ký ngắn. – *“Thanh là ai?”* – *“Cô bạn gái thân thiết của tôi từ tấm bé?”* – *“Là gì của nạn nhân.”* – *“Là người yêu”* – *“Ở đâu?”* – *“Sàigòn.”* – *“Địa chỉ.”* – *“Không nhớ.”* Im lặng một lát anh ta đột ngột hỏi tôi: *“Anh có nghĩ vì cô Thanh mà anh ta tự tử.”* Tôi trả lời rất tự tin: *“Không. Không bao giờ.”*

Khi tôi vào thăm Thanh, một buổi tối ngồi bên nhau, Thanh nói rất khẽ, kể về một giấc mơ đã làm Thanh bàng hoàng là Tín hai tay ôm lấy đầu, máu từ màng tan chảy ra lai láng. Chập choạng bước tới rồi ngã gục vào lòng Thanh. Tôi cháng váng, nhìn đôi mắt tôi, Thanh hỏi: *“Có phải anh vào an ủi Thanh vì Tín đã?”* Tôi chỉ biết gật đầu. – *“Có phải Tín chết vào ngày 21, cách đây 5 ngày.”* Tôi cũng gật đầu. Tín chết để lại cho tôi vài lời vĩnh biệt. Với Thanh thì Tín báo mộng. Tà tội. Thanh chỉ nghĩ là Tín chết ngoài chiến trường. Khi nghe tôi kể lại Thanh như người không hồn. Thanh ngồi cứng đờ như một pho tượng.

Bước vào tuổi 17 tôi qua một cơn bệnh hiểm nghèo. Thương hàn. Nằm một chỗ suốt gần một tháng trời. Thanh thường qua thăm tôi. Tôi cứ bắt Thanh hát cho tôi nghe, như một câu hò êm ái đưa tôi vào giấc ngủ đầy mơ mộng. Tín cũng thường ngồi dựa lưng vào vách tường, ôm cây đàn guitar gảy những âm thanh trầm buồn trong những lúc tôi còn đang ngủ. Trong một buổi chiều nào đó, sau giấc mơ chập chờn tiếng đàn đưa tôi đến gặp nàng tiên diêu hiên cầm chén thuốc đưa vào

miệng tôi, cứu sống tôi. Mở mắt dậy, thấy hai người bạn hai bên. Từ đó Tín và Thanh quen nhau. Thanh hát hay với tiếng đàn guitar đệm theo của Tín. Không phải riêng tôi mà các bạn cùng trường đều nhận ra điều đó. Chẳng ai thay thế được tiếng đàn đó cho tiếng hát của Thanh bay cao. Trong đêm trình diễn văn nghệ cuối năm của trường Duy Tân tiếng hát của Thanh, tiếng đàn guitar đệm theo của Tín đã làm rung động khán giả nhất là các bạn bè cùng học cùng trường. Hình ảnh đẹp như thời bấy giờ là cặp song ca Nguyễn hữu Thiết – Ngọc Cẩm. Chồng đàn, vợ hát. Một ngày nào đó, chúng tôi mong thấy trên sân khấu miền Nam Tín đàn và Thanh hát.

Tín chết để lại cho Bảy Rừu cây đàn guitar mới mua khi lãnh tháng lương lính đầu tiên, các giầy đàn bằng sợi nylon. Thường treo lên tường cạnh giường ngủ, cứ nhìn thấy chữ không cầm lên nổi để bấm đàn. Anh bị cái chết bí ẩn của Tín ám ảnh. Cũng như tôi, không đọc nổi vài trang tiểu thuyết, nghe vài đoạn nhạc cổ điển Tây phương hoặc những ca khúc tiền chiến mà tôi không cảm thấy gì cả. Những buổi chiều xẩm tôi hay ngồi một mình trong ánh sáng lờ mờ, hút thuốc liên miên, không muốn suy nghĩ về cái chết của Tín, những nỗi giận hờn, oán trách, tức tưởi về Tín về tôi. Trách mình vô tâm. Trách bạn vô tình. Trong cuốn sổ tay nhỏ, người quân cảnh đưa cho tôi, đưa cho Thường ngồi đọc, chữ viết Tín viết rất nhỏ và tháo, người lạ khó nhận ra, họ nhờ tôi đọc. Suốt cả khoảng thời gian dài Tín chuẩn bị cho cái chết của mình mà hai thằng bạn thân của hắn đều không biết gì. Giật mình nhớ những đêm Tín rủ tôi và Thường cùng nhau vào Sài Gòn đi khiêu vũ. Tín nhảy những bản tango rất tuyệt vời. Người vũ nữ trẻ đẹp thướt tha theo từng bước diu của Tín. Cả vũ trường đều nhìn say mê. Một người bạn cùng quê, cùng mê vũ trường như chúng tôi báo tin về sự bỏ nhà ra đi theo người tình của vợ Thường. Mẹ Thường nhờ hấn nhấn Thường về. Thường không tỏ một thái độ gì cả. Mặt vẫn lạnh lùng. Trong sổ tay Tín viết đáng lẽ đêm đó ở khách sạn Tín sẽ tự tử bằng thuốc ngủ nhưng nửa đêm nằm bên cạnh nghe tiếng khóc rấm rức của Thường Tín hoãn lại. Bao nhiêu dự tính tự tử bằng đủ mọi cách. Thuốc ngủ. Đâm xe vào trụ điện. Nhảy lầu. Tắm biển bơi ra khơi, ra mãi ra mãi đến một chân trời xa lạ. Địa điểm khi thì bãi biển

Nhatrang. Khách sạn Sài Gòn. Trên một khúc quanh cù chỏ trên đèo Ngoạn Mục. Để rồi cuối cùng, một viên đạn xuyên qua màng tang. Trên giường ngủ của mình tại nhà cha mẹ. Lý do thì không thấy Tín nói đến. Biết gì để tôi an ủi Thanh đây. Thanh ngơ ngác. Tôi lẳng lặng. Thường ngẩn ngơ. Những người ngoài cuộc gắn cho cái chết của một chàng trai 24 tuổi nào thất tình, nào bị chỉ huy trưởng đi, định tổng ra mặt trận, đủ có một lý do chán đời để mà tự hủy đời mình. Một vài người con gái có đến tìm tôi nhờ tôi dẫn ra mộ Tín. Vừa thấp nén nhang, nước mắt chảy dài và ngẹn ngào nói với tôi: *“Có lẽ vì em mà anh ấy chết.”* Tôi chỉ biết gật đầu lấy lệ.

Thời gian qua đi, gần 40 năm tôi vẫn lang lang trong những giấc mơ đi tìm Tín. Tín còn sống đó, nhưng ẩn dật đâu đó lánh mặt không muốn gặp tôi. Hoặc có tình cờ chạm mặt nhau thì Tín ngơ ngác nhìn tôi với con mắt người xa lạ. Tôi kêu tên Tín. Đúng là khuôn mặt Tín, nhưng hồn thì của một người lạ hoắc. Tôi nhắc đến tên tôi. Tên Thanh người con gái anh yêu suốt đời. Hần lắc đầu hỏi lại: *“Ai vậy, Tôi không quen.”* Không biết Thanh có gặp những giấc mơ tương tự như tôi không. Nếu thế thì buồn cho Thanh quá. Mong rằng Thanh gặp được Tín trong vòng tay yêu thương trong một cõi mệnh mông, bỗng bồng nào đó. Tín vẫn đệm đàn guitar và Thanh vẫn hát. Như thuở còn đi học.

@

Cũng như về Tuyên, tôi ước mơ cuối đời mình sẽ được gặp lại Tuyên, dù chỉ một lần. Trong giấc mộng, Tuyên tránh mặt tôi cũng như Tín, để lúc tỉnh giấc tôi buồn vô hạn. Gặp nhau để làm gì tôi cũng hiểu khi hai chúng tôi mỗi đứa đã an bề gia thất. Và tuổi già đã đến trên đầu mỗi đứa. Khi tôi nghĩ đến lúc mình nhắm mắt xuôi tay không bao giờ tôi được gặp lại Tuyên, người tình xưa. Trong tâm tưởng chỉ còn mơ hồ một hình ảnh người con gái 20 ngây thơ và trong trắng.

Nào ngờ, chúng tôi gặp lại nhau thật sau 30 năm cách biệt. Người ngồi đối diện với tôi là Tuyên, người đàn bà đã từng trải, chịu bao đắng cay sau biến động lịch sử 75, chồng chết

trong trại cải tạo một năm sau đó. Tuyên dẫn dắt mấy đứa con thơ dại vào sống ở sàigòn. Bon chen. Rồi vượt biên. Bị bắt vào tù. Thả ra lại tiếp tục vượt biên. Thọ bạn tôi cũng là anh rể của Tuyên chỉ cho tôi biết chừng đó về Tuyên. Ngày tôi dắt cả gia đình từ bỏ thị trấn nhỏ vào sống Sài Gòn cũng chính là những ngày cuối cùng Tuyên còn ở Việt Nam. Thọ cho tôi biết hình như Tuyên buôn bán giày dép ở đường Lê Thánh Tôn. Tôi lang thang mãi suốt con đường đó mong có tiếng ai đó rất quen thuộc, rất thân ái gọi khẽ tên mình để ngừng bước quay lại nhìn khuôn mặt người tình năm xưa, xem lòng mình còn bằng hoàng đến mức độ nào. Tuyên cười và lắc đầu:

- Anh Thọ cho sai tin về Tuyên hay anh lại nghe lầm. Tuyên có sạp vải ở chợ Tân Định, sau những lần thất bại ê chề lại bị bắt tù vì tội buôn thuốc tây lậu. Vài lần gặp lại người quen Tuyên có hỏi về anh họ nói anh đi kinh tế mới.

Nói chung, sau biến cố 75 chúng tôi không nhận được tin tức đích xác của nhau. Sau này tình cờ gặp lại Minh, em ruột của Tuyên, mới cho tôi hay là Tuyên và các con ở Mỹ. Đời sống đã ổn định.

- Anh nghĩ là khoảng đời còn lại tụi mình không còn gặp được nhau? Tại quê nhà, cùng một thành phố mà chúng ta còn không có cơ hội, huống gì khi hai đứa ở cách nhau nửa quả địa cầu. Phải không Tuyên.

Tuyên khẽ lắc đầu, đôi mắt nhìn thẳng vào mặt tôi mới nói:

- Không. Nếu vậy thì em không về lại Việt Nam, sau khi Minh cho em biết tin tức đích xác về anh.

- Giờ thì tóc anh đã bạc trắng đầu. Em cũng không còn trẻ. Chúng ta đang ngồi lại với nhau, nhìn lại nhau, đánh giá lại tình yêu đã dành cho nhau cùng những lầm lỡ của thời tuổi trẻ mà khi đó ta không biết để nó trôi qua, mất mát. An hận. Ray rức. Hối tiếc.

Người con trai phục vụ đem đến tấm thực đơn và lịch sự hỏi:

- Thưa hai bác dùng gì?

Lúc ấy tôi mới nhận ra tôi và Tuyên đang ngồi tại nhà hàng Tib. Nhìn xung quanh mình, còn nhiều bàn vắng khách, hai đứa tôi là khách đến sớm nhất. Bàn tôi ngồi sát vách bằng kính trắng suốt ngăn cách với cái sân trồng để mấy hàng chậu kiểng bonsai, cây cảnh và hòn non bộ. Tiếng hát Khánh Ly thoang

thoảng quanh đây. “Người ngỡ đã xa nhau nhưng người bỗng hiện về Tình ngỡ đã quên đi nhưng tình ở quanh đây” Lời bài ca giống như tâm trạng của tôi và Tuyên. Tôi hỏi Tuyên:

- Những ngày rằm ở Mỹ em có ăn chay. Như ngày nào khi thời còn con gái, ở trọ trong chùa, phải ăn chay trường

- Có. Chỉ một mình. Các con em không biết ăn chay.

- Giờ thì có anh. Tại quê nhà. Em gọi món gì đi, cái mà ở Mỹ hiếm thấy. Nhà hàng này đặc biệt chỉ bán quanh năm suốt tháng các món ăn chay xứ Huế và nghe nhạc Trịnh công Sơn.

Những giọng ca quen thuộc của Khánh Ly, Lệ Thu diễn tả lời thơ, âm điệu nhạc buồn của Trịnh công Sơn từ từ đưa chúng tôi lui về quá khứ. Thời gian đi thụt lùi. Không gian đảo ngược quăng chúng tôi về một thị trấn nhỏ đầy kỷ niệm của một mối tình thơ ngây. Bật đi tiếng hát. Vọng lại tiếng đàn guitar độc tấu những ca khúc Trịnh công Sơn thành một liên khúc. Tuyên ngẩn ngơ rồi buột miệng:

- Tiếng đàn guitar của Vô Thường.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Sao em biết.

- Ở Mỹ, Vô Thường nổi tiếng cả mười năm nay. Ở nhà em cũng có vài đĩa CD Vô Thường với ca khúc tiền chiến. Mỗi lần nghe là lòng em nôn nao như xa lìa đời sống quá bon chen, như con lật đật, để trở về vùng im vắng của quê nhà. Nơi ấy có những người thân yêu của một thời xa vắng. Cứ vương vấn bên lòng. Dù thời gian có trôi qua.

- Em thử nhớ xem, tiếng đàn này em đã nghe một lần nào trong cái dĩ vãng xa xưa, thời còn con gái. Riêng anh, nó cứ ám ảnh anh vì cả một khoảng đời trai trẻ các anh dính liền với nhau. Hấn đó: Vô Thường, bạn anh, Tín tên o mà ngày nào mới quen nhau anh đã kể cho em nghe về cái chết của một thanh niên đẹp trai, tài hoa.

- Ngày ấy em là cô gái tuổi 18, nghe anh kể cảnh anh Tín tự tử, suốt mấy đêm liền mất ngủ, miệng phải lâm râm đọc kinh Phật, để xô đuổi hình ảnh máu đổ trộn lẫn với não tủy từ màng tang tuông ra. Ghê quá. Anh Vô Thường thì em chưa nghe anh nhắc tới.

- Giờ cũng chưa muộn dù đã 25 năm bọn anh chưa gặp nhau lại, anh kể cho Tuyên về hấn. Hấn xấu trai, mắt lồi răng hô,

nói chuyện thô lỗ, vô duyên. Có tật mọi vật đều cầm tay trái, kể cả cây đàn. Không có mối tình nào đẹp. Có vợ sớm để vợ ngoại tình bỏ đi. Cưới vợ khác có vài đứa con rồi cũng bỏ họ lại quê nhà, di tản sang Mỹ những năm 75. Hồi nhỏ đi học, lớn lên thành lính kiểng. Niềm say mê nhất đời hẳn là đàn guitar. Cái duyên, cái đẹp tâm hồn của hẳn đều nằm trong tiếng đàn. Như Trương Chi còn có My Nương. Còn Vô Thường thì có ai? Sau này vài người quen từ Mỹ về anh có hỏi thăm về Vô Thường, họ cho biết vẫn ở một mình sau bao nhiêu đời vợ, bao nhiêu cuộc ly dị. Bao nhiêu cuộc chia đôi tài sản. Chàng chỉ còn lại chiếc nhà xe di động có trang bị dàn máy ghi âm để thu tiếng đàn của mình vào đĩa CD.

Tôi ngừng nói khi thấy Tuyên đang ngơ ngẩn như có ai đó đang dẫn dắt nàng đi vào một cõi nào. Tuyên đang chấp choạng, quờ quạng, lênh bênh như mây bay. Tôi cũng bước theo nàng, hụt hẫng, bồng bềnh trong trời mênh mông. Tiếng đàn tử tế, khi chậm khi nhanh, khi trầm khi bổng. Khi lướt thưa khi dồn dập dẫn dắt tôi và Tuyên lang thang trong cõi mộng mơ. Tuyên nói như còn trong cơn mộng du:

- Chẳng lẽ em đã nghe tiếng đàn guitar này. Cũng bản Ướt Mi của Trịnh công Sơn. Một buổi chiều mưa trên căn gác nhà anh. Từ đâu vọng lại. Em ngồi một mình. Anh quên lời hẹn với em. Anh không về. Tiếng đàn lập đi lập lại cũng vẫn một bản Ướt Mi cho đến lúc em bước chân nhẹ nhàng xuống cầu thang và rón rén đi ngang qua chỗ ba anh nằm bệnh mới vững bước tự nhiên ra khỏi nhà anh.

Tín Tenor dẫn tôi vào cõi chết thì chính Tuyên là cô gái ngây thơ từ từ dắt tôi ra khỏi vùng u minh đó. Sau cái chết bất ngờ và bí ẩn của Tín đã làm lung đoạn tinh thần tôi. Tôi sợ ánh sáng, cứ trầm mình trong bóng tối, ngồi hút thuốc liên miên, nhìn khói thuốc bay vờ vờ mà hồn mình thì vất vưởng đâu đó. Đêm ngủ, những cơn mộng mị quái dị, thần chết với lưỡi hái bén ngọt cắt đầu những người thân máu vung ra lai láng bắn vào mặt tôi. Thấp thoáng hình ảnh Tín rủ rê tôi bỏ cõi đời mà tôi đang sống tới một cõi khác đẹp hơn mà chỉ có hẳn mới khám phá ra như Kha Luân Bố tìm ra châu Mỹ. Tôi còn lưỡng lự, chưa tin có một cõi đẹp hơn cuộc đời này. Khi còn trên cõi đời này tôi và Tín thường dính liền nhau. Tôi ra Huế học, Tín

cũng ra thăm suốt cả mùa hè. Tôi vào Qui Nhơn học sư phạm, Tín cũng theo suốt cả mấy niên học. Tôi động viên Tín học để thi cho đỗ tú tài cùng lắm không có việc gì làm thì đi lính ra sĩ quan và lấy vợ. Người đó nhất định là Thanh rồi. Tình yêu của hai người người bạn thân mà tôi đã từng vung xén. Tôi là gạch nối, nhịp cầu, giải hòa những giận hờn vì những bất đồng của con trong đời sống. Tôi rằng đe Tín tình bạn chúng tôi sẽ tan vỡ nếu Tín làm điều gì cho Thanh phải đau khổ. Với Thanh mỗi lần giận Tín thì tôi vỗ về ít nhất cũng vì tôi mà làm lành với hắn. Nhìn hai người bạn thân yêu thương nhau mà mình cũng cảm thấy hạnh phúc.

Tín chết làm tôi lão đảo, chênh vênh, như một kẻ say rượu bước chân lên cầu thang mà cứ tưởng bước xuống vực sâu, tôi lao mình rơi xuống, chới vơi trong miền hoang vu, bấy giờ khuôn mặt Tuyên, đôi mắt Tuyên long lanh những giọt lệ và đôi bàn tay xinh xắn nắm chặt tay tôi kéo lên, dịu dặt tôi, vững chãi bước tiếp tục trên cõi đời này. Từ già những cơn say túy lúy, từ già những đêm đi lang thang một mình giữa phố phường đã đóng cửa mà lòng tan hoang, cùng nỗi ám ảnh về cái chết của Tín, tôi đã bước vào thế giới tình yêu của Tuyên mang lại cho tôi.

- Đúng là tiếng đàn Vô Thường sau một thời gian im tiếng vì cái chết của Tín. Em nhắc đến buổi chiều đó làm anh giật mình nhớ ra có lần Thường hỏi anh có biết vì sao mà hắn có hứng thú để đánh đàn guitar, ngay chính trên cây đàn Tín để lại, âm thanh phải du dương, lạnh lạnh, phải gây xúc động cho người nghe. Phải khếch đại âm thanh. Chỉ một hình ảnh về khuôn mặt ngây thơ và trong trắng của một người con gái bên kia khung cửa sổ, lơ mờ qua màn mưa rơi lớt phớt ngoài trời tao cũng nhận ra được những giọt nước mắt của nàng đang nhỏ xuống, đã tạo ra những âm thanh tuyệt vời trong tâm hồn tao khiến những ngón tay tao gảy lên những giây đàn theo nỗi cảm xúc mà tao không cầm lòng được. Nó mạnh hơn cái ám ảnh của cái chết. Ai? Mà biết không. Anh lắc đầu và hắn chỉ thốt lên , dù sao tao cũng cảm ơn cô bé ấy. Anh không thắc mắc tìm hiểu chỉ mừng là hắn đã đàn được mà càng lúc càng hay, những âm thanh điêu luyện làm rung động người nghe. Bây giờ, trong một tình cờ như vậy anh mới biết cô bé ấy là ai

rồi. Tuyên.

Tôi ngừng nói, cầm ly nước uống một hớp nhẹ, rồi nhìn Tuyên hiện tại sau 30 năm vẫn còn mang dáng dấp ngày xưa, đôi mắt trong sáng nhưng u hoài, và nụ cười héo hắt. Tôi nói tiếp:

- Mỗi lần anh nhớ về Tuyên thì anh không thể quên được những giọt nước mắt của em. Lúc nào cũng khóc được. Đáng lý ra anh phải dỗ dành Tuyên, an ủi Tuyên thì anh cứ ngồi trơ mà nhìn. Anh như con mỗi mắc bẫy mìn nhện, tay chân cứng đờ nhưng lòng lại xót xa.

Tuyên không nhìn thẳng vào mắt tôi mà nàng nhìn ra ngoài sân, nói rất khẽ như tự nhủ thầm với lòng mình:

- Tụi mình gặp nhau lúc nào trời cũng mưa.

Tôi cứ ray rức mãi về một buổi tối đã bỏ Tuyên giữa đường đứng núp mưa. Một mình với thân con gái. Trời lạnh, rét run. Sài Gòn ban đêm đầy cạm bẫy. Cả tiếng đồng hồ sau Trọng mới đi đón hộ tôi. Bao nhiêu năm qua tôi cứ ân hận mãi. Ngay sáng hôm sau tôi kể lại cho chị Mận nghe và chị ấy chửi tôi là kẻ vô tâm. Và tôi chuộc lỗi bằng cách tối đó mang đến cho Tuyên những trái cam và sữa với sự ngạc nhiên của Tuyên: Em đâu có bệnh. Tôi tự trách mình: hết vô tâm lại ngờ ngẩn.

- Mỗi lần trời mưa là lòng Tuyên xốn xao. Bao nhiêu năm rồi cũng vậy nhớ đến một cái gì đó không rõ ràng. Buồn về một điều gì đó không rõ nét. Rất mơ hồ. Rất xa xôi. Nó nằm rất sâu trong lòng em. Có dịp thì nó trỗi dậy: Những cơn mưa cùng tiếng đàn guitar của Vô Thường.

- Về mối tình đầu. Thuở ấy em chỉ biết yêu và chỉ biết khóc?

Tuyên nói như một lời trách móc

- Còn anh, anh chỉ biết nhìn, để nó trôi qua. Anh không biết giữ gìn, quý trọng.

Tôi gật đầu như một thú nhận:

- Đến khi mất em rồi anh mới nhận ra thì đã muộn.

Tôi rút trong túi áo ra tấm hình đã hoen ố vì thời gian đặt trước mặt Tuyên. Tuyên cầm lên xem, tôi thấy hai tay nàng run rẩy. Tấm ảnh đen trắng Tuyên chụp thuở còn là nữ sinh. Ngây thơ. Đôi mắt mở to nhưng buồn. Đôi môi mỏng nở nụ cười nhưng không rạng rỡ. Phía sau chữ của Tuyên viết nghiêng: Trao về anh với nhiều thương nhớ. Tôi đọc cho Tuyên nghe đoạn kết của một lá thư 35 năm về trước của Tuyên 18 tuổi: Em lo lo sợ

tình mình sẽ tan vỡ mất thôi. Không biết lúc ấy ai buồn hơn ai?
- Đã bao nhiêu năm rồi mà anh vẫn giữ được. Lan không buồn sao?

- Đời anh chỉ có một mối tình duy nhất. Lan biết và quý trọng nó.

Trong bữa ăn, Tuyên thường gấp bỏ vào chén tôi những thức ăn nhẹ, cũng như gấp bỏ những lát ớt cay lẫn lộn trong thức ăn, và dặn dò đủ thứ, anh không được ăn cay, cử chất béo, cấm hút thuốc, cà phê, thuốc lá và rượu. Bao tử mới bớt hành anh. Tôi nhìn từng cử chỉ nhỏ nhặt, săn sóc tôi mà lòng mình se sắt.

Tôi gọi người chiêu đãi ra dọn dẹp và mang lại hai ly nước cam tươi. Thì giờ ngồi lại để thưởng thức nhạc Trịnh công Sơn. Cả tôi và Tuyên đều im lặng trong tiếng đàn guitar của Vô Thường không phải như những thánh giả xa lạ, mà là hai người bạn thân đang nghe tiếng lòng anh đang thổn thức. Tiếng đàn đập dìu dẩn tôi và Tuyên trở về căn gác xưa của ngôi nhà 11 Nguyễn thái Học, Phanrang. Ngồi bên song cửa sổ hai đứa nhìn sang căn gác đối diện Vô Thường đang cầm đàn guitar và ngẫu hứng gảy đàn, những tình khúc của Trịnh công Sơn thành một liên khúc. Mưa rơi lất phất làm thành bức rèm ngăn cách kẻ đàn người nghe. Trong cái ánh sáng lờ mờ của buổi xế chiều tôi nhận ra hình như có bóng dáng ai đó cầm chiếc đàn guitar lẳng lặng ngồi bên Vô Thường. Đúng là Tín Têno thời trai trẻ. Hai người đầu lưng dựa vào nhau. Một mái đầu tóc đen chạm vào một mái đầu tóc đã bạc. Như thân hình của một con bướm. Hai cần đàn chia về hai phía khác nhau. Một bên cầm đàn bằng tay phải. Một bên cầm tay bằng tay trái. Như đôi cánh bướm giang ra. Người trẻ đệm tiếng đàn trầm cho người già đánh lướt qua âm thanh cao vút và dòn tan, lạnh lạnh. Tiếng basse như tiếng ai thở dài. Hai cánh bướm cứ chập chờn. Âm thanh của hai cây đàn hòa lẫn vào nhau. Hai cánh bướm đã nhập lại dính sát vào nhau. Tiếng đàn bỗng đứng u uất. Rồi thăng thốt. Rồi tức tưởi. Bóng dáng chàng thanh niên biến mất và hồn Tín Tenor đã nhập vào Thường Bảy Riu.

Có tiếng gậy gõ trên cầu thang, và bước chân ai rất nhẹ lên gác tôi, rồi im bật. Tôi quay lại thấy cha tôi chống gậy dựa lưng vào vách tường, mắt nhắm nghiền, lắng tai nghe.

Chuyển từ ca khúc này qua ca khúc khác bằng âm thanh của

đàn mandolin, dồn tan , cao vút rồi chợt trầm xuống. Khi khoan thai, khi dồn dập. Không biết anh Đề còn sống hay đã chết. Anh có nhận ra âm hưởng của phím đàn mà ngày nào anh đã tặng Bảy Rìu. Anh sẽ mỉm cười. Cảm động. Tiếng đàn càng lúc càng tha thiết. Một cảm giác tê lạnh nơi bàn tay tôi, nhìn xuống mới hay giọt nước mắt nào ai nhỏ xuống. Đôi mắt ngây thơ đã ứa lệ. Tuyên của tuổi 18. Của mối tình đầu. Biết yêu và chỉ biết sợ. Bỗng dừng trời mưa to. Những đường mưa xiêng qua cửa sổ làm ướt người Tuyên. Không như ngày đó tôi chỉ biết đứng nhìn. Bây giờ tôi ôm Tuyên sát vào lòng như truyền hơi ấm cho nhau.

Không biết Tuyên có cùng một cảm nghĩ như tôi không? Tôi định hỏi thì Tuyên đã nói trước, giọng nhỏ lại:

- Anh Vô Thường độc tấu guitar nhưng em nghe sao như có tiếng đàn thứ hai của ai đệm theo. Ở Mỹ về Việt Nam, được ngồi với anh tại nhà hàng ở Sài Gòn, cùng anh nghe tiếng đàn Vô Thường mà em cứ ngỡ tụi mình đang ngồi trên căn gác nhỏ nhà anh của 30 năm về trước.

Nước mắt Tuyên bỗng chảy dài. Tiếng đàn đã dứt. Tôi nắm chặt lấy bàn tay Tuyên. Tuyên thẳng thốt hỏi tôi:

- Hình như trời đang mưa phải không anh.

Sài Gòn Tháng 4 năm 2001

Cao Vị Khanh

Hường nhan

Má mang con trong bụng chạy giặc từ quận về làng khi tây trở lại, cuối năm 46. Xe cộ tàu bè gì cũng bị tịch thu hết, cả đến mấy chiếc ghe xuồng ọp ẹp cũng bị xung công. Ba thì bị bắt cùng với bạn trang lứa đầu ngay từ tiếng súng hù dọa đầu tiên. Thân đã gầy như mai lại bụng mang dạ chửa, bốn đứa con từ ba tới mười tuổi lúc thức bên chân, đường dốc ngược mười lăm cây số hóa thành sạn đạo.

Váng bảy giờ nghỉ lại, đường má đi suốt bảy mươi năm làm người đàn bà xứ Việt y thể như toàn sạn đạo. Con đường trúc trắc tai ương và lầy lội nước mắt, gần như đầu có quá một ngày vui. Mà có phải cùn mần dốt nát gì cho cam. Từ thuở bé dù mồ côi cha sớm, vẫn được ngoại là phú hộ ở Chợ Thom gởi cho đi học trường áo tím ở Sài-gòn ngay cái thời mà chữ nghĩa còn hiếm hoi như vàng. Hè về quê còn có tí tắt lúu riu theo hầu. Ba đi học ở Nam Vang, vậy mà không biết mai mối ra sao, lại đem trầu cau theo nội chèo ghe từ cồn Bình Phụng ngược kinh Chợ Lách để cưới cho bằng được. Từ đó má theo chồng đi dạy học hết Tam Bình qua Vũng Liêm rồi về Chợ Lách. Thử nghĩ đến một thời mà giảng sơn còn là mấy dây sông nước mịt mù, làng xóm hắt hiu thưa thớt, cô giáo trẻ ôm tráp bỏ quê lặn lội theo chồng giữa một vùng đất trời lạ lẫm. Má ơi đừng gả con xa. Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu. Có đêm nào cô giáo lặng khóc thầm gọi má chăng?

Nhưng mà dù có thút thút gì đi nữa, phận dâu con đâu thể dè bồng. 17 tuổi, cái tuổi mà con gái thời nay còn được gọi là đám nhóc, chỉ biết ăn học rồi chơi nhông nhảnh, cô dâu trẻ thời đó đã phải lếch thếch đội ba cái chữ tòng và gồng gánh bốn cái chữ đức lớn quá khổ. Vậy mà má có sót chữ nào đâu. Phụng dưỡng cha mẹ, săn sóc chồng, đắp đổi em út, dứt móm con cái rồi lại dèo thêm cái nghiệp dạy dỗ học trò trong những xó lớp nghèo nàn nóc lá vĩa dùm vĩa dụp. Cục phấn trắng mềm xèo, tấm ván sơn đen mốc thếch, cây roi mây dịu ngọt má gõ gõ làm nhịp cho đám con nít tay chân bùn đất tèm lem tập đánh vần từng chữ cái. Nền đất thịt gập mùa mưa ướt dột lỗ chỗ, má mang guốc dòng mỏng đánh, lội lên lội xuống sửa miêng đứa này, nắn giọng đứa nọ. Hai gót chân đỏ hồng trầy trật giữa lớp sinh dèo

quánh. Đám học trò đứa thì chiều qua lừa trâu về muộn bữa sau ngồi khật khà khật khưởng mắt nhướng không lên. Đứa đi cầm câu khuya khoắt mắt trộm lơ miêng vừa ngáp vật vừa ê a như mớ. Vậy mà học trò của má giỏi lắm. Chưa hết năm, cây điệp già ở góc trái mới vừa trở nụ đã đọc vèo vèo mấy câu cách ngôn má dạy. Mỗi buổi tan trường học trò sắp hàng về lượn qua lượn lại như rồng rắn. Má đứng tựa cửa nhìn hút theo tới đứa cuối cùng khuất sau mấy bụi chuối lão rồi mới cặp sổ lưng thủng về nhà. Học trò má chưa về tới cửa đã quăng cặp quăng vở đi dật trúm bắt lươn, tát ao mò ốc. Má mới về tới nhà đã xắn quần xách nước, vo áo xắt chuối cho heo ăn, rải thóc cho gà lượm. Bầy con năm đứa, đứa vùi vãnh đòi bú đứa xum xoe bắt má chải tóc thất bính cột nơ. Rồi bữa cơm riêng cho nội, cơm chung cho gia đình. Giàn bếp tối thui um um khói đục, má một mình quần quật nấu canh kho cá. Má ơi sao mà má giỏi quá vậy. Tiểu thơ như má lấy chồng nhà quê chẳng nệ mình liễu. Khuya tối má tần tảo gánh vác giang sơn nhà chồng. Vậy mà đã hết đầu. Con còn nghe kể có lắm khi mấy bà cô nổi hứng nặng nhẹ canh lát cơm khô. Sao mà má chịu được. Cực khổ tay chân đã đành, ai bắt má ăn cơm mà pha nước mắt. Con như má chắc con đã bỏ đi mấy đời rồi. Có đâu cứ ở đó chịu trận. Hay là tại ngoại đã dạy má như vậy. Rồi dòm ra bạn bè má cũng chịu như vậy. Hay là tại má quá thương ba nên cũng giống như Tôn phu nhân đã gá thân về Thục, thì cứ phải đem má hồng ra mà trau tria cho trót. Nghĩ ra mà tội. Mấy ông đàn ông xưa khôn thấy mờ. Cứ dẻo nhẹo đem chuyện liệt nữ với lại tiết phụ ra mà đồ ngọt cho nên má hồng mới đến nổi lắm lem.

Suốt mấy kỳ chạy giặc, ba còn tù tội trên tỉnh, nhà hết gạo, má phải chèo chống theo mấy con nước lớn nước ròng vô tuốt mấy ngọn kinh cùng, mấy vàm rạch cạn mua bán chút đỉnh hột vịt, đầu lửa đem về đổi gạo đắp đổi. Nắng sớm mưa chiều làm làn da mát rượi của má nứt nẻ như mặt ruộng khô nước. Mi mắt mệt như sụp xuống như tấm rèm buông lủng chỉ còn lộ có chút dạng mờ của hai hàng xuân sơn cũ. Cả cặp môi tươi rói của má cũng tái xám như cánh hoa úng nước. Tội nghiệp má, thân đàn bà mười hai bến đỗ, má ghé một lần mà đủ cả hai bến đục trong. Rồi thảng thảng, má ẵm con dắt theo chị kế, tay xách nách mang nửa đêm nửa hôm dốt đuốc ra sông chờ dò dục. Đi tới trưa đến khám tỉnh thăm ba, cho ba nải chuối cục đường. Ở dưới quê ba bị nghi là việt-gian-phản-quốc. Ở trên thành ba bị ngờ là việt-

minh-nằm-vùng. Cứ như vậy mà ba đi từ tháng này qua tháng khác. Sáng sáng lính dẫn đoàn tù dài thậm thụt đi làm cỏ-vé mấy công thự. Má ngồi núp dưới bóng cây me cổ thụ, vạch vú eo sèo cho con bú trây, nói trống qua hàng rào kẽm gai hỏi thăm sức khỏe của ba. Có khi má vừa chậm nước mắt vừa giả lả kể chuyện nhà làm như mọi sự đều yên ổn. Rằng ông bà nội vẫn mạnh. Rằng anh chị con vẫn chơi. Rằng lấm nhà vẫn đông đầy lúa thóc. Má ơi con biết gì đâu, con nằm trong lòng má mà như nằm trên đồng gai chông đời má vậy.

Má cực riết rồi thành quen. Gót chân bỏ guốc thả cho hà ăn chày ngày rồi cũng chai cứng. Lâu lâu ngoại từ Cái mơn ngồi ghe sang thăm. Sông nước thăm thăm, lòng ngoại chách cũng bồi bồi. Ngoại bây giờ nghèo lắm. Nhà cửa ruộng vườn của ông cố để lại bị người ta nổi lên đốt rụi. Ngoại cũng làm cô giáo, đâu có gì ngoài tấm lòng chờ theo con nước qua thăm. Ngoại vuốt tóc má rồi ngoại khóc. Con lấm đẫm theo chân thấy má kéo vạt áo chấm lên nước mắt cho ngoại đừng thấy. Má ơi nước cứ chảy xuôi thì đâu má giấu ngoại được. Cũng như khi con xa má rồi thì con nhớ má có một mà má nhớ con gấp mười lần, vậy thôi.

Rồi thùng thảng đầu đó cũng yên. Chòm xóm lục tục kéo về. Má lại đi dạy học, chờ ba. Học trò má chạy giặc tứ tán, chùng về lớn vọt lên như đám cải đồngeng, mỗi sáng thay phiên ghé nhà cổng con lội mương theo má ra lớp. Có khi con thơ thẩn ngoài sân lượm trái còng trái bả đậu tách làm râu giả mấy ông tây đi tàu sắt. Có khi bắt chước mấy anh lớn tập chơi đánh trống một mình chạy vòng vòng cái sân trường nhỏ xíu. Trưa trưa buồn tình con chui xuống gầm bàn nằm chèo queo nghe má giảng bài có người đi chơi xa cho đã rồi trở về làng mà nói tỉnh queo không đâu đẹp bằng quê hương. Tiếng má lanh lảnh mà ngọt ngào mở ra cho con cánh cửa đầu đời dẫn vào một cõi trời mới, sông núi sắt son. Rồi ba được thả ra. Mà phải ở lại thành. Vậy là một lần nữa má lại cụ bị tay xách nách mang bè chống bầy con lếch thếch bỏ quê lên tỉnh. Thành phố xa mã, lòng má tẻ quạnh. Cả nhà chui đục dưới chái nhà người bà con bên hông đình Ông, ba đi làm sớm về khuya cật lực, má quang gánh chất chịu. Đám anh chị con được gởi tới trường. Mỗi đêm về chợ, má chong đèn vừa vá áo vừa khảo bài. Có khuya mưa nặng hạt cả nhà nằm chùm nhum rút sát vào vách nhà người ta mà ngủ. Lần nào ba má cũng nằm tuốt bên ngoài dang lưng hứng bớt giọt trời nhơn buốt như kim châm. Giông gió quậy trên mái

tôn nghe tới rã trời rã đất. Lòng của ba má chắc cũng rã nát đến vậy thôi.

Mưa tiếp nắng lần nữa qua được mấy mùa, còn ba má qua không biết bao nhiêu lận đận mà dựng căn nhà đầu tiên ở phố. Căn nhà sàn vách ván quét vôi trắng có chiếc lan can treo mấy chậu bông vạn thọ vàng rực như lòng má buổi đó. Cái tết đầu tiên sung túc, chồng con quây quần, má dọn mâm cơm cúng rước ông bà tươm tất. Con chắc lòng má vui hơn tết nữa. Má mặc áo dài, tóc chải sát bối cao sau ốt, mặt nghiêm trang mà khoan hòa, đẹp không thua gì hình Cô Ba in trên mấy cục xà-bông thơm, đốt nhang làm rằm khấn vái cảm tạ ông bà đất nước. Khói bay cao, thơm phức. Lòng má trải ra, rộng không chừng. Ôi những năm mười tuổi, con sung sướng như đồng tử đứng trên tòa sen năm cánh. Quần áo vải mới má cắt may mượt rượt, bánh trái hàng vật liền miệng. Tết nhứt má gói bì gói nem cả xôi treo giàn bếp, dưa giá nhận cả khạp, thêm thịt ba rọi cắt vuông bằng nắm tay con nít kho tuyền với nước dừa tươi. Má còn xắt chuối khô thành sợi nhỏ, ngào với gừng và đậu phộng cả thố để dành cho ba ngọt miệng mỗi buổi trà. Má chu đáo không để ai thiếu món gì trong ba ngày tết. Sắp nhỏ thêm tiền đồng mừng tuổi. Đứa lớn thêm mấy lời vỗ về căn dặn. Ra giềng má lại được nhận cho làm cô giáo trường tỉnh. Trường gần chợ, má áo hàng thanh đạm, dáng mảnh như cọng cỏ may lau lách giữa phố phường, bộp cập nách, có đứa học trò nhỏ lẻo đẻo theo sau ôm sổ sách ngày bốn buổi đi về. Học trò của má giữa chợ đông biết bao nhiêu, đi đâu cũng gặp. Có chị lớn đại rồi, vậy mà gặp má giữa đường vẫn khép nép đứng lại khoanh tay thưa gửi. Có anh lớn tòng ngồng đang khòm lưng đạp xe, vậy mà gặp má là nhảy rớt xuống lề, cúi đầu gần sát đất. Con đi bên má, cũng hã dạ lấy. Đàn con má ngày một lớn khôn bắt đầu tập tành đỡ đần cho má một ít việc nhà. Chùng đó má mới rảnh rỗi đôi chút mà nghĩ tới phần mình. Mà cũng có phải tự má muốn đâu mặc dầu cái thú nghe hát cải lương vốn đã truyền đâu từ đời cố ngoại. Thuở mà nhà cửa còn như dinh thự, má đã được ông ngoại nuôi dạy như bạc nữ lưu, cho làm quen thói phong nhã trong những buổi tụ họp đồn ca tài tử tại nhà. Cô ba Trà vinh, cô năm Sa decs đầu có lạ gì với má. Má rành ngũ cung với lại bài bản không thua ông soạn giả nào hết. Có khi còn lên viết chơi mấy khổ Trăng thu dạ khúc với lại Xuân tình nữa. Vậy mà chừng lấy chồng rồi là dẹp hết, quên luôn. Chỉ còn hát ầu ơ với lại ví dầu theo

nhịp vông ru con kẻo kẹt. Tối chừng được thơi thới, ba mua cho má cái máy hiệu Radiola có hình con chó kê đầu bên cái loa thiệt bự. Chiều chiều cơm nước vừa xong, má nằm vông gọi con quây dây thều hát đĩa cho má nghe. Riết rồi con cũng ghềnh nghe Út Trà Ôn hát Sầu vương biên ải như má. Lâu lâu có gánh cải lương ghé ngang qua tỉnh, ba mua vé thượng hạng rồi giục ép má đi coi. Lần nào cũng vậy, hể đi là má dắt con theo cho có bạn. Hai má con ngồi chen chúc một ghế. Con thì ráng hết mức mà mới nửa màn là đã gục lên gục xuống theo nhịp kèn tiếng trống. Tối màn đào kép xuống vọng cổ phụt đèn màu, giựt mình ngó lên là thấy má nhúu chéo khăn chậm mát. Bộ lòng má có cả biển nước mắt hay sao. Vãn tuồng, má nắm tay dắt con về qua mấy hè phố vắng hoe. Con vừa ngủ vừa đi ngon ơ không cần nhắm hướng. Có má ở kề bên để gì má để con lạc đường hả má.

Nghĩ lại mà tiếc má ơi, phải chi tuồng đời cũng có hậu như trên sân khấu thì má con mình đỡ biết mấy. Cứ dắt nhau đi xem đào kép khóc cười theo cảnh giả rồi về. Đàng này ngoài đời mấy vở trường hận ai viết đầu mà cứ diễn đi diễn lại hoài làm kẻ khóc người cười đến hết hơi mặc dầu chẳng ai thuộc bài bản gì ráo trọi. Má ơi con cũng biết trời hay làm đầu bể nhưng đầu tính được tang thương ra đến nỗi ấy. Má đi vấp một bước thanh xuân mà trần ai lại khổ. Mãi tới tuổi xé chiều rồi trời vẫn cứ đòi đoạn đánh ghen cho được mới thôi. Khoảng thời gian sung sướng trôm trềm đầu có mấy năm. Con mới vừa xong trung học là đời lại làm thêm đầu bể nữa. Giặc giã liên miên, nhà cửa cháy tan hoang, cửa cải má giành dùm bổng chốc thành tro thành khói. Năm đó má vừa tới tuổi về hưu. Vốn liếng hơn bốn chục năm dạy học gom lại còn cái huy chương chánh phủ gởi tặng mà chưa kịp nhận. Vậy mà má còn một bầy con phải lo tới nơi tới chốn. Nhà ở tỉnh, má vẫn muốn gởi con đi đại học ở Sài-gòn. Má tính ở nhà tiện tận mấm muối gì cũng xong, miễn làm sao hàng tháng đủ tiền sách vở cơm nước cho con cái trọ học. Con có quên được đâu má. Tết Mậu thân giặc đốt nhà, ba dựng tạm cái chòi trên nền đất cũ, cây mạn lão trước sân cháy nám tới dọt dòm thấy ũ rũ chẳng kém gì người. Con tính bỏ học mà má kháng kháng không chịu. Tối ngày con đi không biết má chạy vạy ở đâu mà sắm sửa cho con đủ thứ. Quần áo mới, va-li mới... rồi cứ theo con mà đồ dành. Má nói mà không dờm lại mình trên người chỉ còn cái áo túi và chiếc quần lãnh

đen đã trở màu. Tóc má rối trắng như trăm đường chỉ mảnh mà lòng sắp ngửa chắc cũng cỡ lòng con vạc bị xáo măng. Con đi học xa bốn năm năm, má ở nhà dạm bạc với mớ tiền hưu còm cõi. Thiếu đủ con làm sao biết được. Có một điều con biết chắc là má nhịn ăn nhịn mặc cho con ăn con mặc, cho con ra ngoài không mắc cỡ với người ta. Mỗi lần về má làm món ngon vật lạ cho con đỡ thèm lúc ở xa một mình. Sáng ra xe trở lại trường, chiều hôm trước má xách nón "đi xóm". Đi đâu mấy đổi, khi về móc túi lấy tiền cho con. Tiền má cầm cố, tiền má vay mượn, con có biết đâu. Chỉ biết nhà thì túng quẩn mà con thì không thiếu thứ gì. Chắc má sợ con lo rầu mà xao lãng việc học. Trời ơi con có học làm vua làm chúa gì đâu mà má giựt gấu vá vai chẳng sợ muối mặt. Ngày con thành đạt chắc má mừng lắm hả má. Mà con có thấy má vui rộn ràng gì đâu. Vẫn dửng ung dung. Vẫn tiếng cười lặng. Vẫn câu nói nhường. Xong đứa này rồi má lo đứa khác. Má lo hoài lo hũy. Mà ngược đời thì thôi. Con cái càng lớn thì má lo càng nhiều hơn nữa. Con vẫn chăm bẵm học xong sẽ về tiếp má. Vậy mà con có nuôi má được ngày nào đâu. Minh tính xuôi đời lại tính ngược. Nó lộn lên lộn xuống làm má con mình điều đứng. Mười năm cuối má lo còn nhiều hơn mấy mươi năm đầu nữa. Đến lúc sức đã kiệt, da mỏng te thấp thỏm đau mấy đường chỉ máu mà má có hơi tay được đâu. Sau đại họa 75, người ta lấy nhà, đuổi má về vườn sau khi bỏ tù một lúc bốn thành con trai của má. Má khóc khô chớ nước mắt đâu còn. Rồi dang lưng còng ra mà tiếp tục hứng đỡ. Nay lặn lội thăm nuôi đứa này, mai lê lét dứt móm đứa khác. Hồi trước má nuôi con mà má hy vọng. Lần này má nuôi con mà má tuyệt vọng. Má sợ không nuôi con kịp cho đến khi con được thả ra. Ở bên kia hàng rào kẽm gai má chết đứng chết ngồi. Gỏi muối mè lạo xạo hột mặn hột bùi. Lòng má con biết nát như còn hơn cháo lòng nữa. Má nuôi con chắc một từng tàu lá chuối rọc phơi đếm bó, từng bẹ dừa sợi tước xướt tay, từng nĩa cau chẻ phạm đêm tối lửa cái ngủ vật vờ. Vậy rồi ra tù con bỏ má con đi. Đi tới mất biệt hết năm này qua năm khác.

Má ơi hường nhan có một tấm lẻ mà phận mỏng cánh chuồng có tới cả đôi. Chiều Quân biệt Hán sang Hồ còn kẻ rước người đưa chớ còn má của con đẹp người đẹp nết mà sao đường truân chuyên thui thủi. Ngày má đau con không được lo thuốc thang. Ngày má mất con không lay biệt. Mẩn mủ con không đội, áo tang con xếp lại để qua

bên, gậy tang con không về chóng kịp để vừa đi thụt lùi vừa dang tay cản cho chậm lại phứt giấy má rồi nhà lần chót.

Nhưng mà thôi... dẫu nín chậm cách nào thì cũng không cầm lại được. Má đến với đời như một đóa phù dung mà mỗi cánh hoa chỉ là một hơi sương văng vát. Những hơi sương phả ra trên mặt đất buồn hiu này cho đau khổ có một chút long lanh, cho phiền muộn có một chút ngọt ngào và cho giọt lệ sau cùng... rồi ra cũng có chút niềm hạnh phúc.

Ôi một tấm hường nhan mấy thuở...

Song Thao

Mai sau

Khi vợ chồng Phụng ly dị, Giao mừng thầm trong bụng nhưng ngoài mặt anh vẫn giữ vẻ buồn bã vừa phải. Anh biết Phụng đã chịu đựng vợ rất nhiều. Loan có nhan sắc, bất thiệp nhưng cái tâm không được đẹp như cái dáng. Nàng chỉ biết có mình, trau chuốt cho thân xác và thủ kỹ tới từng xu. Nơi Loan, đồng xu có hai kích thước. Nó rất nhỏ bé khi nàng tiêu cho mình và rất to lớn khi nàng tiêu cho người khác. Người khác đây bao gồm cả Phụng, người mà nàng bòn rút từng đồng tiền lẻ. Chẳng bao giờ Phụng được hưởng một chút tiền rơi vãi của vợ. Túi tiền của Loan có cái miệng rất hẹp, khó có một đồng tiền chui lách ra được qua những ngón tay kiểm soát cẩn thận của nàng. Nàng luôn luôn có một lý do để văng mặt đúng lúc trả tiền, ngay cả trả cho những thứ chính nàng chọn mua cho nàng.

Tạo hóa là một ông chủ bất công số một. Khi kết đôi cho một cặp vợ chồng, lão trời già này thường đã ngang nhiên chỉ tay kết tội một người bắt phải thua thiệt mọi bề. Phụng nằm trong số những người xấu số này. Những đồng tiền rộng rãi mà anh dâng hiến cho vợ chẳng giúp anh mua được chút quyền uy nào. Loan dành luôn quyền vùng vằng, giận dữ, nhếch mép, chì chiết và thậm chí có khi còn lăng mạ, xía xối chồng. Giao đã có lần mắng Phụng.

" Tao chưa thấy có thằng chồng nào đụt như mày. Mẹ kiếp, cứ như tao thì tao đã cho xong từ lâu rồi."

Phụng chẳng hề có phản ứng với lời dạy dỗ thô bạo của bạn. Anh vót vát.

" Thì tại phúc nhà mày lớn, mày vợ được Lựu nên mày không hiểu được tao. Thế thôi. Thằng nào hay, thằng ấy biết."

Giao tức trong bụng mà đành ngậm câm. Phụng nói cũng đúng. Biết Loan như vậy mà Giao cũng chưa bao giờ tỏ ra mặt

được một phản ứng coi được với vợ bạn. Anh không vồn vã với Loan nhưng anh cũng không tỏ ra ơ hờ với nàng. Chất nịnh đầm trong Giao vẫn còn đầy ắp. Một nụ cười tươi, một câu nói khéo hoặc một cử chỉ dịu dàng cũng đủ hóa giải mọi toan tính làm cho ra lẽ của anh. Làm một điều không tốt coi bộ khó hơn làm một điều tốt. Cái cốt của mấy anh lịch lãm nó như vậy.

Phụng có dư lịch lãm để phân vân trước đề nghị khá bất ngờ của Giao. Anh muốn kéo Phụng về ở chung với vợ chồng anh.

"Nhà tao rộng, ba phòng ngủ tao chỉ xài có một. Cho đứt mày một phòng cũng còn rộng chán. Tại sao mày phải đi thuê phòng ở ngoài?"

Nghe ra thì có lý nhưng Phụng vẫn ngại.

"Tao thấy không tiện. Có tao ở thì cuộc sống của mày với Lựu phải khác đi. Tao không muốn."

Giao quắc mắt.

"Tao đã mở lời mời mày thì chẳng có gì không tiện cả."

Giao nói át đi như vậy nhưng Phụng lại nghĩ khác. Thân thì thân thật đấy, mày tao từ thời còn đánh bi đánh đáo cho tới bây giờ vẫn cứ mày tao, nhưng mỗi người một phận, chung đụng nhau tất phiền. Đói co mãi, Giao xuống nước.

"Tao cần mày. Chắc mày hiểu."

Mặt Giao chùng xuống. Xanh xao hơn. Hốc hác hơn. Từ khi vướng vào căn bệnh quái ác, Giao như một người khác. Hết sôi nổi, hết hăng hái, hết sức sống. Anh thu người vào trong căn nhà, chẳng buồn tiếp xúc với ai. Thành phố trăm đường trước kia anh tung tăng đủ cả trăm, ngày nay anh chỉ uể oải hầu như chỉ trên một con đường duy nhất: từ nhà tới bệnh viện và từ bệnh viện về tới nhà. Khi thì một buổi, khi thì một ngày, khi phải nằm lại vài ba ngày, lòng anh mẫn chất mỗi lần phải tới nơi không thương được. Đời anh chỉ còn hai điều an ủi: có Lựu dịu dàng bên cạnh và có Phụng để anh quên đi cuộc sống ngặt nghèo. Chỉ với Phụng, anh mới tìm lại được phần nào đời sống cũ. Cười cợt, đấu láo, mắng mỏ, tâm sự với nhau.

Nhìn Giao ngồi lặng câm, mắt rũ xuống, người lỏng lẻo trong bộ đồ ngủ, bàn tay khẳng khiu mân mê quanh thành ghế, Phụng

đành chịu thua.

" Thôi được. Tao chiều mày."

Mặt Giao sáng lên.

" Có thể chứ! Tao biết mày chẳng bao giờ bỏ tao."

Lộ sắp đặt căn phòng dành cho Phụng thật tươm tất. Giường tủ, bàn ghế đầu vào đó chờ Phụng dọn tới. Gia tài của Phụng nhét không đầy băng ghế sau và góc thùng xe. Quần áo, sách báo, đĩa nhạc, máy hát, ti vi và giàn máy điện toán. Giao nhìn Phụng khuôn đồ vào nhà với đôi mắt của người bất được của. Anh hớn hờ ra mặt, nụ cười nhẹ nhàng trên môi như chẳng muốn bay đi.

Thuốc của Giao, bày lủ khủ một bàn, thứ uống ngày, thứ uống tối, thuốc trước bữa ăn, sau bữa ăn, lại còn thứ giữa bữa ăn. Thuốc như một đồng hồ khổ hình. Lộ là người ngăn nắp, nằng sắp xếp, lộ sẵn thuốc cho Giao, nhưng anh vẫn ông ẹo như một đứa trẻ, phải ngọt ngào dỗ dành mới chịu uống cho. Từ ngày bữa ăn có Phụng, khác đi. Hai người trò chuyện liên miên. Phụng chỉ việc đổ thuốc ra trước mặt là Giao bốc bỏ vào miệng liền. Cơm ăn cũng vậy. Giao khều khều từng hạt cơm trông phát nản. Lộ có thân mật dứt cho ăn thì Giao cũng vẫn uể oải.

" Nhai cơm như nhai rơm. Mẹ kiếp, trâu bò thật!"

Lộ vỗ về.

" Anh thích ăn món gì, cho em biết, em nấu cho anh ăn ngon miệng."

" Cái miệng anh nó không ngon chứ không phải cơm em nấu không ngon. Em có nấu tới gì đi nữa thì cũng vậy thôi. Để mai mốt, em nấu cơm cúng anh, lúc đó anh hết bệnh chắc sẽ thấy ngon miệng hơn."

Mất Lộ tối sầm xuống. Nước mắt ở đâu mà dính trên má. Nàng đã nhất quyết giữ niềm vui cho chồng, nén mọi khổ đau trong lòng, nhưng sao câu nói của Giao vẫn đành đoạn lòng nàng. Nhìn thấy nước mắt của vợ, Giao thở dài.

" Anh xin lỗi em!"

Giao chẳng nói thêm được gì nữa. Nước mắt đã chặn môi miệng anh.

Những bữa cơm có Phụng thì khác. Anh oang oang chuyện gẫu, tán dóc, khích bác Giao. Miệng lạnh lẽo như tay, Phụng vừa nói vừa tiếp cho Giao ăn. Giao vừa tỏ ra uể oải, Phụng đã mắng át.

" Ăn đi mày. Vợ mày vất vả đoán ý mày để nấu cho mày những món ăn vừa miệng thì mày phải ăn đi chứ. Chất ga lăng mày vất đi đâu hết rồi?"

Giao cười mếu máo.

" Ga lăng cái con khỉ ấy! Người còn nát hương chi cái ga lăng. Mày dếch biết gì cả, chỉ nói tầm bậy!"

Phụng xuống giọng dỗ dành.

" Ừ thì thôi. Vứt mẹ nó cái ga lăng đi. Cơm cũng là thuốc đấy. Ăn đi cho khỏe để còn gây sự với tao chứ. Tính tao ưa nặng, không có đứa nào chọc cho sôi máu thì buồn. Mẹ kiếp, đắp đi mày!"

Giao đành cố nuốt miếng cơm một cách khó nhọc. Cũng chỉ được vài miếng rồi lại ai oán.

" Ăn cũng đi đứt, chẳng ăn cũng đi đứt. Chó má thật!"

Phụng làm bộ gân cổ.

" Thì thằng chó nào chẳng phải đi đứt. Mày tưởng tao lột da sống đời được à?"

Giao chậm rãi.

" Nhưng mày chưa trông thấy lần mức. Tao thấy rồi."

" Trông thấy hay không thì lần mức vẫn có đó. Mẹ kiếp, đời người mà! Có sinh có diệt. Khi mày chui ra khỏi bụng mẹ mày thì ông trời đã vẽ sẵn cho mày một vòng tròn rồi. Tụi vãn vẽ chúng nó gọi là cái vòng tử sinh, cục súc như tao thì gọi là cái vòng chó má. Mày lớn lên một chút thì cái vòng kim cô đó thu nhỏ lại một chút. Lớn tới cỡ tao với mày thì nó đã chật lắm rồi. Bệnh tật của mày có làm nó chật thêm một chút thì mặc mẹ nó, lý tới nó làm gì. Nghĩ tới cái sống chứ đừng nghĩ tới cái chết. Vui được lúc nào hay lúc đó. Mày có Lựu, có tao. Thấy kệ cái vòng chó má đó. Cho nó què luôn!"

Giao lại cười gượng.

" Mày ăn nói nghe cũng được đấy chứ. Chỉ phải cái tội dùng hơi nhiều đường thôi. Mà, kệ cha nó. Ngọt một chút cũng đâu có

sao!"

Phụng bón cho Giao từng niềm vui nho nhỏ như thế. Tưởng là phát phơ cho Giao quên đi cái phủ phàng của bệnh tật, nhưng một lần, lựa lúc chỉ có hai người, Lựu đã nước mắt đầy vơi cảm ơn Phụng.

" Từ ngày có anh ở đây, cuộc sống như thay đổi hẳn. Trước kia, em với Giao thui thủi như hai oan hồn nương dựa vào nhau. Em cố vui vẻ cười nói tới vô duyên mà Giao vẫn buồn bã nặng nhọc. Căn nhà không có sinh khí như một nắm mồ chôn chặt một thân xác và một tâm hồn. Thân xác của Giao và tâm hồn của em. Em chẳng biết cảm ơn anh đến thế nào mới đủ."

Phụng gạt đi.

" Lựu có còn coi tôi là bạn không vậy? Làm được gì cho Giao, tôi không bao giờ nề hà. Tôi vẫn coi đó như là bốn phận của mình, hướng chỉ chỉ làm một thứ lão ngoan đồng hạng bét!"

Thương Giao, đã đành, Phụng cũng thấy thương Lựu. Nhìn nằng cục cung hầu hạ, chiều chuộng Giao, Phụng vừa khâm phục vừa thương hại. Cuộc sống nhiều khi bày ra những thử thách nặng nề tưởng con người chẳng cách gì gánh được. Vậy mà, đáng liêu như Lựu cũng trần thân xăng xái chống đỡ. Bệnh của Giao là bệnh khốc liệt, chẳng một chút hy vọng qua khỏi, mà còn lạnh lẽo ngốn dần da thịt anh mỗi ngày, mỗi giờ. Thuốc thang như làm phép, chống đỡ được ngày nào hay ngày đó. Giao biết vậy mà Lựu cũng biết vậy. Giao chịu đựng sự dày vò thân xác thì Lựu cũng quay quắt chịu đựng sự dày vò tâm hồn. Giao cam chịu đã đành mà Lựu cũng đành phải cam chịu. Trời đã nhả tâm gửi đến họ phong ba bão táp thì họ chỉ còn biết co vào nhau mà chống đỡ. Có điều là Giao nằm dẹp lẹp trong cơn lốc còn Lựu vừa cố đứng vững trong cuồng phong vừa cố lôi kéo Giao đứng dậy. Phụng thấy nể sức chịu đựng của Lựu. Chết héo trong lòng mà vẫn phải tươi tỉnh dựng Giao lên.

Giao cũng có nỗi dày vò riêng. Anh có cảm tưởng như mình đã ăn cắp cuộc sống của Lựu. Trước kia, Lựu ưa chưng diện, ưa đi ra ngoài, ưa những tụ họp đông người, ưa chõng đưa đi ăn, đi chơi. Giao bao dung chiều chuộng cái duyên dáng đàn bà của Lựu. Đàn bà phải tươi tỉnh nhả nha gặm nhấm cuộc sống như

vậy. Giao thích cái nữ tính mềm mại nơi vợ. Anh có cái thú căng ngực mang chất đàn ông ra sống với Lựu. Cho tới khi cơn bệnh ập đến làm anh xác bác xang bang. Những cơn vi khuẩn dẫu mặt đã quay anh như quay dế. Giao chán mình, chán tất cả cỏ cây hoa lá trên đời. Chẳng gì có thể làm anh tha thiết. Anh lập một hàng rào tự nhốt mình cô độc bên trong. Cho tới khi anh quen với cơn bệnh. Nó ở trong anh như một thân thiết. Lại thêm có Phụng mang đến cuộc sống không nhuộm bệnh. Anh như người triền miên trong cơn ngủ dài bỗng giật mình thức giấc. Giao chợt nhận ra lại cái bóng bên mình là Lựu.

Lựu như khô héo đi với căn bệnh của Giao. Nàng vứt bỏ cuộc sống của mình để đau cùng chồng. Nhiều khi Giao ngồi thần thờ nghĩ tới cái sức sống vui tươi của Lựu đang bị nổi bất hạnh của anh đè bẹp dí. Anh muốn chảy nước mắt. Còn nhúc nhích được chút nào, anh cố mang lại vui tươi cho Lựu chút đó. Lựu không biết lái xe, anh cố gắng đưa Lựu đi chợ, ghé chỗ này một chút, chỗ kia một chút cho Lựu mua sắm. Sức anh chỉ được đến vậy. Nhiều khi anh mệt lả nhưng vẫn cố đeo mặt nạ với vợ. Nhưng Lựu có con mắt và linh tính của một người vợ. Nàng luôn luôn muốn hy sinh cái thú riêng của mình để vợ chồng có thời giờ ngồi hóng gió bên hồ hoặc đi dạo chút chút dưới những hàng cây xanh lá. Nhưng đành hanh là tính của con tạo, mỗi ngày Giao như mỗi đuối thêm. Lái xe giữa phố phường đông đúc, xe cộ đan nhau, bụi khói ngột ngạt là một cực hình đối với anh. Có Phụng, anh như nổi được thêm cánh tay.

" Phụng này, mày làm ơn thay tao đưa Lựu đi chợ, đi công việc được không? Tao ngại chơi với con ngựa sắt già nua quá rồi."

Nghe bạn nói, Phụng thấy ngại. Sóng đôi với Lựu ra đường, gặp người này, gặp người kia, anh sợ có sự hiểu lầm. Nhưng anh cũng thấy cái lý của Giao. Giao cần nghỉ ngơi. Khi Giao đã thấy sợ lái xe thì trong người anh hẳn đã lại hút thêm sinh khí. Phụng ngần ngừ.

" Lái xe đưa Lựu đi thì không thành vấn đề. Nhưng có khó nghĩ cho Lựu không? Rồi còn thiên hạ nữa chứ. Toàn những cái miệng rồi rảnh không mới phiền chứ!"

Giao háy Phụng.

" Mày cũng kiểu cách dữ hê! Mẹ kiếp! Làm như con quan không bằng. Lự thì chẳng có gì phiền. Để tao nói với bà ấy là xong. Còn miệng thiên hạ ấy à? Mày lý chỉ tới những cái lỗ đó. Chuyện mình mình cứ làm, ai mà bịt được những cái toang hoác ấy. Hay là mày lại viện cớ để nuông chiều cái thói làm biếng của mày?"

Phụng đỏ mặt.

" Vừa thôi chứ mày. Công nhận là cái gì có thể làm biếng được thì tao ít khi bỏ qua dịp may. Nhưng khi cần thì cam đoan với mày, tao nhất định không thua anh lực điền nào hết. Mày cần tao lái xe à? Xong ngay!"

Giao mỉm cười. Cái thằng phở bò này muốn được việc thì phải nặng tay với nó một chút. Chơi với nhau lâu ngày, anh biết tính bạn. Cho Phụng vào xiếc là nghề của anh, từ lâu. Xong được Phụng, anh tính với Lự. Buổi tối, hai vợ chồng nằm trên giường, anh thấy người bải hoải, than nhức chân nhức tay. Lự vội vàng xoa nắn cho anh. Anh được dịp nhỏ nhẹ với vợ.

" Chân tay anh hồi này coi bộ yếu. Nghĩ tới lái xe anh ớn quá. Ngay cả chỉ ngồi trên xe, anh cũng đã thấy mệt đứt hơi. Anh tính em cần đi đâu thì nhờ anh Phụng đưa em đi được không?"

Lự dùng tay ngơ ngác nhìn chồng. Anh xuống thêm một nấc thang nữa rồi sao? Nàng nuốt tiếng thở dài trong bụng. Lự chẳng ngạc nhiên, bà bác sĩ đã nói rõ với nàng đường đi nước bước căn bệnh của Giao , nhưng sao tim nàng vẫn như bị một bàn tay vô hình bóp đến nghẹt thở.

" Anh tính sao cũng được. Sức khỏe của anh là trên hết, lúc nào em cũng nghĩ như vậy. Nhưng đi riêng với anh Phụng, em thấy ngại ngại thế nào ấy. Có kỳ không anh?"

Giao uể oải.

" - đó mà kỳ với không kỳ! Chuyện mình nghĩ là phải thì mình cứ làm chứ, còn thiên hạ thì kệ xác họ. Khi cần, có ai đưa cái móng tay ra giúp mình không?"

Giao nói gì thì nói, Lự vẫn chưa quen được cái ý tưởng sống đôi với Phụng ở ngoài đường, nhưng nàng quả lo ngại cho chút

sinh lực còm côi của Giao. Chẳng vì cái cần cái không đâu mà nàng có thể đành lòng véo đi một chút sức tàn quý giá của chồng.

" Anh đã nói vậy thì em xin vâng lời anh. Em luôn luôn chỉ nghĩ tới sức khỏe của anh. Em yêu anh!"

Lựu ôm ghì chồng, hôn tới tấp lên má, lên môi, lên mắt, lên trán Giao. Nước mắt nàng rịn quanh mi. Trận mưa hôn làm Giao tê tái. Anh xiết vòng tay, gục mặt vào vai Lựu, ngàn cân buồn phiền như được gửi vào đôi vai mảnh mai tội nghiệp của nàng.

Giữa chốn đông người, Phụng luôn luôn kè né giữ khoảng cách cần thiết khi đi với Lựu. Lựu cũng cố tránh những cử chỉ, lời nói dễ gây hiểu lầm. Vậy mà cũng không xong. Cái cộng đồng người Việt nhỏ bé trong thành phố không thiếu gì những đôi mắt soi bói, những cái miệng rỗi rãi, những cái đầu lơ lửng luôn muốn rúc vào đời sống của người khác. Cô bạn thân của Lựu kéo nàng vào một góc vắng trong chợ.

" Anh Giao khỏe không?"

Lựu thần thờ .

" Khỏe gì nổi. Càng ngày càng tệ đi thì có. Mày tính coi, bệnh đó thì mày đã biết, tính theo tháng, rồi tuần, rồi ngày, rồi giờ . Thuốc và tắm bồ chỉ để kéo dài được chừng nào hay chừng đó. Tối một lúc nào đó..."

Lựu nghẹn ngào nói không thành tiếng. Cô bạn thở dài.

" Tội vợ chồng mày quá! Khi không vướng vào ngõ cụt. Anh Giao không đi với mày được nữa à?"

" Anh ấy đã bắt đầu thấy sợ cái ồn ào ở ngoài đường rồi, người như muốn buông xuôi. Đành theo mệnh trời chứ biết làm sao!"

Mắt cô bạn hực lên.

" Tao biết nỗi khổ tâm của vợ chồng mày. Vậy mà mấy đứa ăn không ngồi rồi, chuyên dí mũi vào quần người ta nói ra nói vào phát ghét!"

Lựu cười nhạt.

" Chuyện tao đi với anh Phụng phải không?"

" Chứ còn gì nữa! Mà thầy kệ những cái miệng thúí hoắc đó mày ơi. Chịu khó nghe mày! Cho tao gửi lời thăm anh Giao

nghe. Mai mốt tao lại thăm."

Chia tay cô bạn, lòng Lựu bầm dập. Nàng như thấy trăm ánh mắt nóng rực đang thiêu đốt vai nàng. Lựu co người lại, cúi mặt ra quầy tính tiền. Khi theo Phụng lễ mễ trên tay những túi xách ra xe, Lựu đi như người không hồn.

Buổi tối, khi đã ở trong phòng riêng với Giao, Lựu phân vân chẳng biết có nên nói cho chồng nghe chuyện ngoài đường không? Mặt Lựu dờ ỉn. Những ngón ngang trong lòng nháy cả lên mắt Lựu. Giao đọc trên đôi mắt ngần ngại của vợ sự bất an.

"Hình như em không được khỏe phải không?"

Câu thăm dò của Giao làm Lựu giật mình.

"Sao anh hỏi em vậy?"

Nàng cố vui nét mặt. Giao ngả đầu lên thành ghế.

"Anh đọc được trong mắt em."

"Như vậy thì anh đọc sai trang rồi. Thấy mắt em tươi chưa?"

Giao bẹo má vợ.

"Anh không đọc sai trang đâu. Em vừa giở sang trang đấy chứ. Em chưa xong trang trước sao đã vội giở sang trang sau? Em có điều chi muốn kể cho anh nghe không?"

Lựu dựa đầu vào vai chồng. Nàng muốn bung lòng mình ra cho với bớt tủi hờn. Đầu nàng trĩu xuống. Giao nghe nặng nặng trên vai. Ruột anh quặn đứt. Đôi vai chắc nịch ngày xưa Lựu vẫn tìm về dựa mỗi khi bối rối nay vênh lên khúc xương cấn cái. Dù sao, đó vẫn là đôi vai của Giao. Lựu nghe lòng mình được vỗ về êm ả. Giao với tay xoa đầu Lựu. Nàng như muốn khóc.

"Thiên hạ lắm miệng quá anh ạ. Em buồn!"

Giao kéo đầu vợ dựa vào ngực mình, bàn tay dò dẫm trên mi mắt Lựu.

"Chuyện em đi với Phụng phải không?"

Đầu Lựu ngúc ngắc trên ngực chồng.

"Kệ họ! Anh biết là được rồi."

Giọng Lựu run rẩy.

"Anh, em cần anh!"

Giao hôn lên tóc vợ.

"Anh biết. Anh thềm được làm chỗ dựa cho em, suốt đời."

Nhưng anh biết chẳng bao giờ được như vậy. Anh thương em!"

Lựu bật khóc nức lên. Nỗi tủi hờn ào ra xối xả. Giao lặng thinh xiết chặt Lựu. Mắt anh mờ đi. Mặc cảm bất lực căng anh ra. Trí óc anh mờ dần. Anh cảm thấy mắt anh đang ứa ra nỗi đau đớn tê dại.

" Mai sau, khi anh không còn nữa, em sẽ dựa vào đâu mà sống? Anh có lỗi với em. Anh thương em cõi cút."

Lựu mở to mắt thét lên.

" Anh đừng nói nữa! Em van anh!"

Mặt Giao vô hồn. Bức tường trắng trước mặt bày ra một khoảng trống rợn người.

" Lựu, chúng ta phải nhìn vào sự thực phũ phàng đang ngầu nghiêng chúng ta."

Lựu rấm rứt cổ đè chặt những thổn thức trong lòng. Giọng Giao băng giá.

" Phụng là bạn anh. Anh ấy cũng như anh. Anh hiểu từng góc ngách trong con người anh ấy. Anh tin Phụng. Anh thương em. Anh nghĩ Phụng có thể bảo bọc em. Kệ thiên hạ em ạ!"

Lựu ngẩng mặt lên, khuôn mặt nhoe nhoẹt nước mắt. Giọng nàng sắt lại.

" Anh muốn nói gì vậy?"

Mặt Gao vẫn không có hồn. Lựu như thấy một bức tượng chảy nước mắt. Nàng bầu mạnh vào ngực Giao. Pho tượng sống vẫn câm nín. Như đã ngàn năm.

Gió thốc tháo rung từng cánh cửa. Mưa bùng bùng gõ vào những vuông kính giận dữ. Trời gầm thét dữ dội. Phụng vừa đi kiểm soát cửa vừa bảo Giao.

" Xứ sở gì đâu mà cái gì cũng quá đáng. Mình leo tuốt lên đỉnh trái đất để ngụ cư kể cũng có cái bất tiện. Mưa gió thì như anh vũ phu nổi giận, sấm chớp thì như đập nát mặt. Khi trời yên gió lặng thì treo sát đầu một ông trăng khổng lồ mặt đỏ rần như anh say rượu có thể té xuống đê bẹp mình bất cứ lúc nào."

Giao cười.

" Vậy mà có người loay hoay mãi mới đặt được cái chân run rẩy vào cái chỗ dễ sợ đó."

Phụng nói lảng.

" Bởi vậy!"

Lựu từ phòng bếp chạy qua.

" Anh Phụng đóng dùm hết cửa chưa? Trời đất gòi mà dữ dằn. Sợ muốn chết."

Giao nhìn vợ.

" Em khỏi lo. Anh Phụng có bừa ếm sấm chớp ở bên ngoài hết rồi. Cứ để cho mưa gõ cửa. Làm gì nhau tốt!"

Lựu te tái trở vào bếp. Giao lắc đầu.

" Tội nghiệp! Đàn bà là một sinh vật cần dựa dẫm. Phụng này, tao rừng mình khi nghĩ tới lúc Lựu mất chỗ dựa."

Phụng xua đi nỗi lo của Giao.

" Đừng có nghĩ vẩn vơ. Mà làm ơn giữ vững tinh thần, thuốc thang chăm chỉ, ăn uống bình thường dùm tao. Rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp."

Giao lắc đầu.

" Tao không nghĩ như mày. Tao nghĩ tới những người thân, mai sau. Tao biết trong người tao chứ. Mày đâu có nói với tao những điều mày thực sự có ở trong đầu, phải không?"

" Tao không phải là người dối trá."

" Đúng, mày không dối trá, mày chỉ thương tao thôi. Tao lại thương Lựu và tin ở mày. Phụng, tao hỏi thật mày nghe, khi tao không còn, liệu Lựu có thể dựa vào mày được không?"

Phụng bàng hoàng. Câu hỏi của Giao cũng xoáy vào tai anh như tiếng sấm ầm ì cuồn cuộn ngoài kia. Anh nhìn Giao bối rối.

" Chuyện mai sau còn xa vời vợi, lúc đó sẽ hay. Mày nghĩ xa làm gì cho tổn thọ."

Giao vẫn dính cứng vào ý nghĩ của anh.

" Tao chỉ muốn mày trả lời thẳng. Có thể hay không?"

Phụng chiều bạn.

" Còn tùy, nhưng có thể."

Giao cúi mặt nói nhỏ.

" Cảm ơn mày!"

Giao trở lại bệnh viện. Bác sĩ giữ anh nằm lại. Người Giao mỗi ngày. Cái đau như một đứa trẻ nghịch tình, cấn chỗ này rồi nhảy qua cấn chỗ khác. Khấp người. Anh chống trả với những cơn đau bằng tất cả sức tàn của anh. Bác sĩ mời Lựu vào phòng

riêng. Nhìn bộ mặt nghiêm trọng của bà bác sĩ thường ngày chẳng bao giờ vắng nụ cười, Lựu run lên. Nàng kéo Phụng.

" Em sợ quá! Anh vào với em được không?"

" Lựu phải bình tĩnh. Chắc chưa đến nỗi nào đâu."

Phụng trấn an Lựu mà như tự trấn an mình. Anh cũng hoang mang chẳng kém Lựu. Phụng đỡ Lựu vào gặp bác sĩ. Bà bác sĩ lúc nào cũng bị công việc quẩn lấy chân nên không có thời giờ vòng vo. Giọng bà nhỏ nhẹ buồn rầu.

" Chắc bà đã biết, bệnh ung thư cho tới bây giờ vẫn chưa trị dứt được. Thuốc thang chỉ để kéo dài thêm được tới đâu hay tới đó. Bệnh ông nhà đã ở vào thời kỳ cuối. Sau những cơn đau ông sẽ hôn mê cho tới khi tắt thở. Tôi đã cố kéo dài cuộc sống của ông được hơn ba năm, đó là một điều an ủi. Cho bà cũng như cho tôi. Cầu mong bà có đủ can đảm để vượt qua lúc khó khăn này cũng như ông nhà đã can đảm đương đầu với căn bệnh ngặt nghèo trong suốt mấy năm qua."

Bà bác sĩ không tiết lộ cho Lựu và Phụng biết là Giao có gửi bà hai bức thư dán kín. Một cho Lựu và một cho Phụng. Giao đã dặn kỹ bà là chỉ trao hai bức thư này khi anh không còn nữa. Nét mặt nhàu nát và lời nói nghẹn ngào của Giao đã nói cho bà biết đó là những bức thư quan trọng. Anh đã lấp bấp dặn bà như một người đang cố bước ra khỏi những vòng dây rối mà chân cẳng còn như muốn dính vào đất đai cuộc đời.

tháng 7/ 2001

Trần Doãn Nho

Đi cho hết đêm *

Lục nao nước muốn gặp Hồng. Anh đạp xe qua lại trước căn nhà của Hồng nhiều lần. Khi thì anh đạp chậm chậm phía bên kia đường, khi thì anh đạp phía bên này đường. Đến ngay trước nhà Hồng, anh dừng lại một chút, làm bộ loay hoay chỉnh một cái gì nơi xe đạp, lăm lét nhìn vào căn nhà. Nhưng Hồng chẳng hề xuất hiện. Căn nhà có những tầng cấp cao, hai lớp cửa, cửa ngoài bằng gỗ thì luôn mở, nhưng cánh cửa kính bên trong thì đóng im ỉm. Chẳng thấy ai ra vào, y như căn nhà không người. Hay là Hồng đã dời đi chỗ khác? Vô lý. Vì anh gặp Hồng mới chưa đầy một tháng, đâu có nghe Hồng nói gì.

Sáng hôm sau, anh đi sớm, quyết tâm chờ đợi. Anh bám sát đoạn đường đi ngang nhà Hồng. Lúc đầu, anh đạp ngang, đi thẳng tới góc đường phía đầu kia, vòng xe lại, đi thật chậm, tới góc đường phía đầu này, quay trở lui. Anh tìm ra một chỗ ở bờ sông, có cái bến giặt nho nhỏ trắng xi măng. Anh dựng xe đạp ở mé bên kia đường, khóa lại, rồi ngồi trên phiến đá nhỏ nhìn ra hướng bờ sông, chầm thuốc, phì phào, thản nhiên. Chốc chốc, anh ngoái đầu nhìn về phía nhà Hồng, mong chờ ray rứt. Cả hai cánh cửa vẫn còn đóng kín. Lòng bồn chồn, cổ khô đắng. Tâm trạng anh lúc này

* *Tựa do Tòa Sạn đặt*

chẳng khác gì tâm trạng của chàng thanh niên Lục đứng ngóng cô nữ sinh anh yêu thầm nhớ trộm hồi gần hai mươi năm về trước. Băng khuâng, xao xuyến, hồi hộp, lo âu, hy vọng. Anh vút tàn thuốc xuống sông, đưa tay bứt những cọng cây dại mọc quanh đó. Anh e dè nhìn vào ngôi nhà trước mặt. Có đôi mắt một ai đó đang theo dõi mình không?

Một người đàn bà bưng cái thau áo quần bước xuống bến, nhìn anh, ánh mắt dò hỏi. Anh cảm thấy khó chịu, quay đi châm thêm điếu thuốc. Xuống đến bến, để thau áo quần xuống đất, chị ta lại ngoái đầu nhìn lui. Anh cảm thấy nhột nhạt, đứng dậy, đạp xe qua một con đường khác. Từ phía kia, anh đạp trở lại chậm chậm, lòng thắc thỏm không yên. Mỗi một đoạn đường trước mặt đều trở nên xao xuyến. Anh đi ngang nhà. Cánh cửa vẫn bất động. Ôi chao, dễ dàng biết bao! Cứ dựng xe lại, đường hoàng bước lên tầng cấp, đường hoàng gõ cửa, và đường hoàng hỏi thăm. Sao lại lẩn tránh thế này? Anh lăm la lăm lét nhìn y như một tay tội phạm sợ hãi người ta sẽ bắt quả tang. Thôi, thì về. Lần khác vậy. Nhưng khi tới dưới chân cầu Đông Ba, anh vòng xe lui. Biết đâu! Quả nhiên là đúng. Kia, cánh cửa động đậy rồi mở toang. Đầu chiếc honda lộ ra. Anh đạp chậm lại. Một bóng người xuất hiện: Thuận! Thuận cao lớn, sừng sững ở đó như một thiên thần. Anh chới với, đạp nhanh về phía cầu Gia Hội. Tiếng xe nổ dòn dỏi theo phía sau. Bỗng nhiên, vai anh bị túm lại và giọng Thuận ồm ồm vang lên một bên:

- Ông Lục, đi đâu mà sớm vậy?

Lục giật mình nhìn sang, thấy một nửa khuôn mặt râu ria lờm chờm:

- À...đi...có chút việc.

- Lâu nay thế nào? Cũng nhậu đều đều chứ?

- Đâu có!

- Chối làm gì. Máy ông ngày nào chẳng nhậu, phải không nào?

Thuận cười vang, buông vai Lục ra, dọt xe đi.

Anh tự hỏi tại sao khi mình không mong gặp thì gặp hoài mà đến lúc muốn gặp thì nàng lại biến mất. Trước đây, đi đâu cũng gặp Hồng. Bây giờ, Hồng mất biệt. Đi ngang đi lại trước nhà không thấy anh lại tha thẩn đạp quanh thành phố. Anh

gặp vô số những người anh chẳng cần gặp. y thế mà bóng Hồng vẫn biệt tăm.

Cuối cùng, anh sức nghĩ: tại sao không lên núi tìm? Rõ lẫn thẩn. Thế là anh đạp xe đi ngay. Trời hè nắng chói chang. Anh đạp lên dốc núi trong cái nóng nùng nực và tiếng ve kêu rền dưới các lùm cây. Đến cổng, anh dựng xe, bạo dạn mở cửa cổng đi vào. Tiếng chó sủa dồn. Người đàn bà xuất hiện, la chó, tỏ vẻ ngạc nhiên, rồi khi nhận ra anh, cười:

- Cậu đó à? Đi mô mà lại lạc loài lên đây?

Anh nói láo:

- Dạ, cháu đi chùa, tiện thể ghé vào thăm vú.
- Rứa thê! Tội nghiệp hí! Rứa khỏe không?
- Dạ, khỏe, vú. Vú có khỏe không?
- Khỏe thì không khỏe, nhưng mà còn nhúc nhích, đi

lại được.

- Vú ở một mình hoài như thế này mà chịu được, tài thật.
- Mô có ở một mình.

Lục hụp ngay cơ hội:

- Vậy thì Hồng ở với vú?
- Không, không, nhưng lên luôn.
- Dạ ngày nào cũng lên?
- Không, không. Vú không nhớ, nhưng lên luôn. Lâu

nay mô mà không thấy. Răng lâu ni không lên chơi? Rảnh lên chơi cho vui.

- Dạ.
- Vô nhà uống miếng nước.
- Dạ, cảm ơn vú. Con đi bây giờ.

Anh đi loanh quanh sân nhìn cây nhìn cỏ một lát rồi hỏi:

- Chỉ một mình Hồng lên với vú thôi à?
- Thì một mình hán chứ ai vô đó.

Lục thất vọng chào vú ra về.

Vừa dắt xe xuống con dốc sỏi, nhảy phóc lên yên đạp, thì nghe tiếng gọi mừng rỡ:

- Anh Lục!

Giọng Hồng. Anh luyễn quỳnh tông bánh xe trước vào vách núi, chao đảo. Anh gượng giữ thăng bằng. Hồng quanh xe

đến bên anh. Hồng vừa dừng lại, anh thả chiếc xe ngả chổng chơ, giang hai tay ra chào đón Hồng. Anh lắp bắp:

- Trời, Hồng! Cô Hồng!

- Hồng đây. Anh lên tìm Hồng phải không? Hồng linh tính không sai mà. Hồng biết ngay là hôm nay thế nào cũng gặp anh.

- Lại xạo nữa!

- Hồng nói thật. Chỉ có điều là không biết gặp ở đâu và như thế nào, nhưng Hồng biết chắc trăm phần trăm là sẽ gặp. Tin Hồng đi.

Lục tin. Cuối cùng, anh đã gặp nàng, thế thôi. Hồng ríu rít:

- Mà lâu nay, anh đi đâu mất biệt vậy?

Anh hỏi lại:

- Hồng cũng thế, đi đâu mà mất biệt?

- Vẫn ở trong thành phố này. Không tìm làm sao gặp?

- Không tìm? Vậy ai lên đây?

- hờ! Thôi được. Vào nhà cái đã.

- Không, tôi phải về.

Hồng dứ tay vào trán Lục:

- Ừ, thì về đi. Về và không bao giờ gặp lại nhé.

Lục cười như trẻ thơ.

Tới chỗ gốc cây lần trước, Hồng dừng lại, lấy tấm ni lông ra. Lục thắc mắc:

- Chỗ cũ à? Không còn chỗ nào khác sao?

- Chỗ nào là chỗ nào?

- Có nơi nào còn nguyên sinh, nơi nào không có vết chân người, nơi nào hoàn toàn hoang dã.

Hồng cười:

- Thôi buổi này còn chỗ nào là rín đâu. Chỗ nào con người cũng tìm đến mà mò ráo hết rồi.

Thấy Lục vẫn còn đứng nhìn quanh, Hồng nói:

- Mấy hôm trước, rảnh, Hồng chịu khó đi quanh quanh mấy lần. Trời! Đi rừng một mình sợ muốn chết. Hồng cố tìm một chỗ...một chỗ...tốt hơn, nhưng không có.

Lục cảm thấy thú vị. Tuy thế, anh làm bộ hỏi:

- Tìm một chỗ tốt, để làm gì vậy?

Hồng phụng phịu:

- Thì...chẳng lẽ để Hồng đi chơi ...một mình.

Lục véo má Hồng:

- Ai mà biết!

Rồi anh nhìn nàng, tủm tỉm cười. Hồng hỏi:

- Gì mà cứ nhìn người ta cười hoài vậy?

- Anh tưởng tượng một cô Hồng tiểu thư, đi một mình vào rừng để tìm nơi làm tổ.

Hồng đập nhẹ vào ngực Lục:

- Cái anh này! Làm như Hồng là con chim không bằng.

- Không chim thì là gì nữa. Tìm chỗ tốt trong rừng để làm gì nếu không để đẻ trứng.

Hồng ngấm nghĩ một lát rồi cười buồn:

- Ừ. Nghe nói thì như đùa, mà đôi khi cũng thế thật đấy, Lục à! Nếu được đi đâu thật xa, thật sâu, không có ai, không dính líu với ai...

- Vậy thì đi.

- Thì đi!

Hồng xếp đồ lại vào xách. Lục nắm tay Hồng, kéo đi. Anh không theo những lối mòn, mà băng ngang những vùng cây cỏ um tùm. Hồng cười khúc khích:

- Anh dẫn Hồng đi mô?

- Cứ đi. Cần gì biết đi đâu.

- Không khéo quên mất đường về.

- Cũng tốt! Hồng sợ thành Lưu Nguyễn lạc thiên thai hay sao?

- Trời, được thành Lưu Nguyễn thì còn gì bằng, phải không Lục.

Mùi lá mùi cây, mùi gỗ mục phảng phất. Hương rừng làm Lục ngáy ngất. Anh băng băng kéo Hồng đi. Thỉnh thoảng anh dừng lại, đợi Hồng. Hồng kêu nhỏ, rên rĩ vì lá cứa, gai xóc, nhưng nàng vẫn im lặng theo anh. Đến một vạt cỏ tranh um tùm, Lục dừng lại, nhìn Hồng:

- Hồng mệt chưa?

- Mệt! Hay ta dừng lại đây?

Lục nghi ngại nhìn quanh:

- Vẫn chưa phải là nơi mình muốn đến. Hồng xem, đây cả dấu chân người: gỗ bị cưa, cây bị chặt. đây vẫn còn loài người.

- Thì đi!

Hồng bước tới, suýt ngã vì ông quần vương phải một cành cây. Mồ hôi tươm trên khuôn mặt Hồng. Tóc rối. Những sợi tóc dài lòa xòa trên trán, có sợi vắt ngang sống mũi nhỏ, có sợi dính vào khóe môi. Hồng mệt nhọc và hớn hở bước theo Lục. Anh mê muội kéo Hồng đi miết. Anh lòn, đạp, nứu, nhảy, đu, bươn bả vượt qua những khoảng rừng, những lùm cây, những mảng cỏ tranh, những con suối cạn. Rừng bất tận. Không sao. Rừng che dấu. Rừng bao vây, che chở. Rừng hoang dã, thơ thối. Rừng mịt mù, ngoài cõi. Rừng đăm đui, hồn nhiên. Mỗi một bước tiến tới, thế nhân lùi xa tăm tắp. Hai người trở thành hai con thú hoang sống chuồng, về với cây lá, đất đai.

Và đêm ập xuống, nhanh chóng và êm đềm y như ai vừa buông một tấm màn nhung trùm cả trời đất. Hồng đi sát vào người Lục, run rẩy:

- Hồng sợ!

- Có người đâu mà sợ. Lục thì thầm

Anh mảy mò bước trong đêm, kéo Hồng đến một gốc cây. Anh ôm Hồng. Nàng nép mình vào ngực anh, thở. Hai người im lặng lắng nghe. Rừng đêm yên tĩnh kỳ lạ. Không có âm thanh nào ngoài tiếng lá va chạm nhau ào ào.

- Hồng nghe tiếng cây thở, Lục ơi.

- Không phải, chúng nói chuyện tình đấy.

Hồng cười rúc rích. Anh nhìn thấy vệt sáng của đường rừng khép mở. Anh hỏi:

- Hết sợ chưa?

Hồng nép sâu thêm vào khoảng ngực:

- Hết. Nhưng trời tối quá, chẳng lẽ...

Anh quả quyết:

- Đợi. Mình sẽ đi tiếp.

- Đi mô nữa hè?

- Đi cho hết đêm.

- Chẳng lẽ đi hoài?
- Ừ.
- Trời tối thế này...
- Hồng biết, trời sẽ sáng.

Và trời sáng thật. Trăng lên nhanh, tuôn ánh sáng vương vãi. Những âm thanh đua nhau vang lên: tiếng leo trèo lên cây, tiếng bò dưới lá, tiếng rít, tiếng kêu the thé, man dại, tiếng lục cục. Rừng thức dậy, mơ màng trong sương đục. Lục cảm tay Hồng:

- Ta đi.

Hai người men theo những vết ánh sáng để đi. Rừng bây giờ yên ắng trở lại. Trong vắng lặng, rừng trở nên huyền hoặc. Mọi thứ dường như bất động. Chỉ có bóng trăng chuyển dịch. Thỉnh thoảng có tiếng rơi của một giọt sương, nghe lẻ loi, mơ hồ như từ một cõi nào xa rớt vào hư ảo. Lục cảm thấy người nhẹ tênh. Anh dắt Hồng đi như dắt một cái bóng. Hai người đi chuyển thành thang giữa ngàn cây giăng mắt. Qua khỏi bóng của một cụm rừng già, cây cao, tàn rậm, họ bắt đầu xuống dốc. Trước mặt, một mảng sáng mênh mông hiện ra. Trăng loang loáng trên một thảm cỏ ngậm sương. Hồng chỉ tay xuống dưới, reo lên:

- Kia, suối, Lục. Xuống đó đi.

Lục gật. Đúng là suối. Âm thanh reo rào rạt. Nước tuôn tràn, bất tận. Anh hân hoan nhìn một đường nước trắng xóa loang loáng ánh trăng, chạy vòng vèo theo triền đồi và biến mất sau khu rừng phía xa. Anh kéo Hồng dầm lên cỏ, lướt xuống. Tiếng suối reo nhỏ dần. Dòng nước nhỏ dần. Khi cả hai xuống hết dốc, vừa đến nơi thì lạ chưa, tiếng suối không còn nữa, chỉ nghe vọng âm vắng vắng rồi tan biến. Trước mắt, dưới ánh trăng vàng vọt, chỉ còn trơ ra một con lạch nhỏ khô cạn. Hồng thất vọng nhìn quanh:

- Vậy thì con suối đâu?

Lục ngẩn ngơ, đứng nhìn. Áo giắc chẳng? Anh nắm tay Hồng, cẩn thận bước xuống những tảng đá nhon nằm cheo leo bên bờ khe. Lòng khe đầy đá sỏi to nhỏ không đều. Một giòng nước nhỏ nhoi ri ri chảy qua giữa những khe hở của các tảng đá. Hai bên bờ lau lách, cỏ dại um tùm. Lục cảm thấy thấm mệt.

Anh dừng lại:

- Mình nghỉ ở đây.

Hồng ngần ngại nhìn cây cỏ um tùm chung quanh. Lục lấy tấm ni lông ra. Anh lùa một đám cỏ tranh xuống, trải tấm ni lông lên trên. Anh bảo Hồng ngồi. Hồng ngần ngại.

- Hồng sợ gì vậy? Lục hỏi.
- Sợ rắn.

Anh quả quyết:

- Đừng sợ. Rắn phải sợ mình.

Chẳng nói gì thêm, anh ôm xốc Hồng lên, rồi ôm nàng lăn xuống tấm ni lông. Anh nghe tiếng lạo xào bên dưới. Vạt cỏ tranh nằm rạp. Cả hai lún sâu xuống. Anh lăn qua lăn lại để cho chỗ nằm được bằng phẳng hơn. Rồi anh ôm Hồng, im lặng nhìn lên. Phía trên, khoảng trời bao la hiện ra. Trăng cao tí. Chung quanh núi rừng chen chúc. Trong một thoáng, anh có cảm tưởng mình thoát khỏi mọi ràng buộc với cái xã hội nhiều nhương, kỳ quặc dưới kia, bỏ lại đằng sau bao nỗi lạc loài. Anh ôm chặt thân hình nhỏ nhắn của Hồng và cảm thấy hứng khởi. Một hứng khởi tươi mới như sau thời kỳ phục sinh. Tâm hồn anh như được thanh tẩy khỏi mọi ràng buộc. Anh thì thầm:

- Anh cảm thấy tự do.

Hồng nhòm người dậy:

- Tự do? Không. Hồng cảm thấy sợ. Sợ anh. Anh liều thật.

Lại cười khúc khích. Nàng bày rượu ra. Lục say đắm nhìn nàng. Dưới trăng khuya, nàng mỏng mảnh, thơ thới như khói.

Rượu nồng, tình thắm. Lục hỏi:

- Ta đi tiếp nhé?

Hồng nép vào anh, ngần ngại:

- Anh còn nhớ đường về không?

Lục ngoái nhìn ngọn đồi phía sau:

- Sao không. Chỉ cần leo ngược dốc này, là có đường về nhà Hồng thôi.

- Đâu có đơn giản vậy. Mình đã đi qua bao nhiêu cánh rừng rồi, anh nhớ không?

- Cần gì nhớ. Trăng nó dẫn mình đi, lo gì.

Hồng hỏi, giọng chột băng khuâng:

- Có khi nào về thì mọi chuyện đã thay đổi không nhỉ?

- Thì sao?

Hồng im lặng. Lục chỉ về phía trước:

- Thử vượt thêm cánh rừng nữa đi. Xem thử bên kia có gì?

Hồng gật. Hai người băng qua khe, đi vòng theo triền dốc. Rừng rậm, thấp. Cỏ cây chằng chịt. Vừa hết khu rừng, Hồng chỉ mé bên phải:

- Đường như có nhà ở, Lục ơi.

Lục nhìn theo tay chỉ. Đúng là có nhà. Một ngôi nhà nằm đơn độc dưới một chòm cây. Hồng hào hứng nói:

- Sao lại có nhà giữa rừng thế này, Lục nhỉ? Hay là mình thử đến đó xem sao?

Lục ngần ngại:

- Đùng nữa. Anh ngại. Biết đâu đó là công an biên phòng.

Hồng quả quyết:

- Không đâu. Đây là nhà chứ không phải là đồn đâu. Để Hồng tới thử xem.

Lục lần chần bước chậm theo sau Hồng. Đi một quãng ngắn, cả hai thấy một lối mòn nhỏ dẫn đến ngôi nhà. Hồng dừng lại, nhìn lui nhìn tới, ngạc nhiên:

- Lạ thật! Sao Hồng thấy chỗ này quen quá, Lục à?

Nói xong, nàng chạy nhanh tới phía trước. Lục rào bước theo. Được một đoạn, Hồng reo lên:

- Lục ơi, nhà Hồng! Kìa, anh xem, khu mộ của ba má Hồng nhé, hàng dương liễu vây quanh nhé, còn xem kìa, cái sân, cái cổng. Còn kia, phòng của Hồng.

Hồng vừa nói vừa kéo Lục chạy băng qua hàng rào, đến khoảng sân. Hồng dừng lại, ôm chặt lấy Lục, lấp bắp:

- Sao nhà Hồng lại ở đây, anh?

Lục rùng mình, ngẩn ngơ. Cho đến khi nghe tiếng chó sủa và bà vú của Hồng lụm lụm bước ra, anh mới tin là Hồng nói thật.

Đêm đó, Lục ngủ lại thư phòng của Hồng. Anh nằm ôm nàng, nghe nàng kể những câu chuyện mà nàng đọc từ hồi còn nhỏ. Hồng nói:

- Anh có biết chuyện Mai ăn khỏi trả tiền không? Chuyện thế này: có một người khách ghé vào một quán ăn nọ ở dọc đường. Anh ta định gọi đồ ăn thì chợt thấy ngay trên cửa quán có treo một tấm bảng đề: Mai ăn khỏi trả tiền. Anh nghĩ bụng: tội gì mà mình ăn hôm nay. Đợi đến mai lại ăn. Nghĩ thế, nên anh nhịn đói, rời quán. Hôm sau, anh lại đến. Anh gọi đồ ăn, ăn uống phủ phê, xong thung dung bước ra. Chủ quán chặn anh lại, bảo: Sao anh không trả tiền mà bỏ đi?. Anh sùng sộ: Hôm nay ăn khỏi trả tiền mà. Chủ quán hỏi: Ai nói với anh vậy?. Anh chỉ vào tấm bảng: Thì chẳng phải anh cho treo tấm bảng này à?. Chủ quán trả lời: Đúng. Anh nói: Thì tại sao lại còn đòi tiền tôi. Chủ quán nói: Tấm bảng nói sao, anh nhắc lại cho tôi nghe. Anh nhìn tấm bảng, đọc: Mai ăn khỏi trả tiền. Chủ quán bảo: Vậy thì mai anh lại ăn hân hay. Bây giờ mới có hôm nay chứ đã ngày mai đâu. Anh ngẩn ngơ, móc túi trả tiền và bẽn lẽn bỏ đi.

Trong mơ, anh nhìn thấy mãi tấm bảng Mai ăn khỏi trả tiền.

(Trích Dặm Trường, truyện dài)

HOÀNG ĐỊNH NAM

TA VÀ GIÓ

Ta, cơn gió qua bao trời xao xác
Thổi hiu hiu, đất lạ, cảnh không quen
Ta cứ đi hoài như người hành giả
Đường quay về là biển thẳm đêm đen

Ta đi nhưng chưa bao giờ đến được
Như trái đất này quá đổi mệnh mông
Dù thiên hạ sáng Nam, tối Bắc
Trưa Tây thành, chiều bát phố phương Đông

Có khi loanh quanh giữa tường cao, vách xám
Giữa cuộc đời hữu thủy, vô chung
Một chút nghĩa tình cứ chực chờ trôi tuột
Dù với ai, ta cũng trải hết lòng

Ta tự nhủ như bao lần tự nhủ
Cả một quê hương thoát đã tiêu tan
Thì mọi sự là lâu đài bằng cát
Làm sao ta không quý những tình thâm

Gió bỏ lại những đồi cao, lũng thấp
Ta qua đời, những quán trọ đìu hiu
Ta và gió tự thân không ấm lạnh
Tuyết cuối trời gởi rét, gió mang theo

Em cũng gởi ta môi hồng lửa Hạ
Và tấm lòng đôi lúc cũng lập Đông
Nên giữa phố phường vạ người qua lại
Vẫn hoang vu như thủy tận sơn cùng

Và ta một đời đau thương như gió
Trên cành khô rít lộng những âm cầm.

8/2001

VŨ ĐÌNH TRƯỜNG

Nghe tin mây đang lính

tặng NQB

Đời ai chẳng một lần qua bến nắng
nhánh sông mưa vàng úa sợi ưu phiền
Mây bước xuống bậc thềm rêu tĩnh lặng
Đi vào đời tay trắng bước truân chuyên

Bên cuộc tình đã xa mù miên viễn
Mây tìm quên trong nắng gió quân trường
rồi suốt đời tương lai đành bỏ lảng
Biết mai sau ai nhỏ lệ sầu thương

Tao nhớ mây khuôn mặt chiều tháng chạp
Vành môi thâm như chiếc lá bên thềm
Ngôi tam cấp trường xưa buồn không nói
Đau gót chân mây từ biệt hoa niên

Có còn lại chút gì trên phố cũ
Bánh xe mây lăn nát mặt đường thâm
còn âm vọng mỗi mòn trong gió thoảng
Ru hồn tao đèo đuột nỗi buồn thâm

Giờ mây đã đi vào vùng cát bỏng
Ân tình nào rung động trái tim mây
Hãy quên đi ngọn đuốc mờ đã tắt
Bò trong đêm vàng vọt ánh ma trời.

Sài Gòn, khoảng năm 1969

Nguyễn Nhung

Những Lần Ranh Nghiệt Ngã

Tháng bảy năm năm mươi tư, một số thành phố và vùng quê miền Bắc được tiếp thu, người ta lũ lượt kéo về cảng Hải Phòng xuống tàu vào Nam, những người giàu có và công chức của chính phủ thì đi bằng máy bay, từ Hà Nội bay thẳng vào Sài Gòn. Dù đi bằng cách nào, thì lịch sử đã đánh dấu ngày chia đôi đất nước, đời sống dân chúng miền Bắc như khoác lên chiếc áo mới màu đen ảm đạm.

Giữa lúc ấy thầy tôi bỗng dưng trở bệnh, chứng đau bao tử của ông lần này nặng hơn, hết thuốc chữa. Biết khó qua khỏi, trước khi chết, thầy tôi dặn dò mẹ tôi hễ ma chay xong phải tìm đường đưa các con vào Nam, đó là quyết định cuối cùng của ông, dù trước đó thầy tôi không hề có ý định bỏ tất cả cơ nghiệp để ra đi.

Thầy tôi qua đời giữa cơn hỗn loạn của ngày đất nước chia hai. Còn một chút sức tàn và minh mẫn, thoi thóp như ngọn đèn lù mù sắp hết dầu, lóc lên một lần chót rồi tắt, thầy tôi đã hiểu thế nào là sự thay đổi của thời cuộc. Lý do thầy tôi bảo vợ đưa các con đi Nam, có lẽ chỉ thầy mẹ tôi hiểu với nhau, cả một sự nghiệp gây dựng gần hai mươi năm đã vững vàng lắm, vậy mà thầy tôi không tiếc. Chỉ ba hôm sau đám ma thầy tôi, một buổi sáng gần cuối năm, trời mùa Đông có mưa phùn và gió bắc, mẹ tôi dặn dò người bố già, rồi gần như lén lút, dẫn ba đứa con nhỏ đi trước, để anh tôi ở lại đi sau với người bố già, vì mọi người không dám đi cùng một lúc. Anh tôi khi ấy mới mười lăm tuổi, còn người anh lớn đã đi theo người bác vào Nam trong chuyến tàu trước.

Mẹ con dẫn nhau ra Hải Dương trú ngụ ở nhà người chị họ, định quay về đón anh tôi thì một người cháu họ cũng vừa thoát được, gặp mẹ tôi với lời nhắn của anh :-" Mẹ đừng về nữa, con sẽ tìm cách đi sau". Nếu ở lại chừng vài hôm, chắc

mẹ tôi chẳng bao giờ còn đi đâu nữa.

Chờ đợi mãi mà không thấy anh tôi đến, chỉ còn chuyến tàu chót vào Nam , không còn cách nào hơn, mẹ tôi không thể quay về mà cũng không chờ đợi thêm được, đành gạt nước mắt ra đi. Cuối cùng thì anh tôi ở lại, chỉ bên này với bên kia giòng Bến Hải mà tưởng chừng vạn dặm, mẹ tôi vào Nam mang theo trong lòng bao đau đớn, khắc khoải vì bỏ lại một đứa con. Nỗi đau của người mẹ có một đứa con đã chết, có đau đớn nhưng cũng có nguôi ngoai, nhưng nỗi đau của một người mẹ phải chia lìa một đứa con còn sống, mà bất lực không biết con mình sống ra sao, lưu lạc phương nào, ở với ai khi không còn cha mẹ, sướng hay khổ, nó cứ ám ảnh mẹ tôi suốt một đời, mãi cho đến hai mươi sau chiến tranh, mẹ con gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi.

Lúc ấy tôi còn bé, chỉ biết là trên mảnh đất miền quê những ngày mới vào Nam, mỗi buổi chiều, khi đợt khói lam chiều tỏa từ mái nhà tranh bốc lên trời, theo gió chiều bay về một phương trời xa, mẹ tôi nhìn lũ con bé dại mà rơi nước mắt, rồi lại xót xa nhắc tới anh tôi còn ở lại ngoài kia.

Nỗi buồn của mẹ tôi hình như cũng ảnh hưởng đến đám con cô. Chị em tôi tha thẩn chơi với nhau, lúi mếu củ khoai trong bếp lửa, hình dung đến người anh còn ở lại ngoài Bắc, đứa nào cũng ngậm ngùi . Ít lâu sau, người ta tìm cách liên lạc với người nhà còn kẹt lại miền Bắc, qua ngã Cao Miên, mẹ tôi nhận được tấm Bưu thiếp của anh tôi gửi vào, có một đoạn viết cho mẹ tôi: " Mẹ đi rồi, gia đình vẫn vui vẻ, bình an. Hai ông cháu vẫn tăng gia sản xuất, đời sống no đủ như xưa. Ai cũng mong ngày gia đình đoàn tụ...". Lá thư viết bằng mực tím, ngắn ngủi chỉ mấy hàng đã làm mẹ tôi khóc ròng rã. Làm sao mà vui vẻ, bình an khi gia đình tan tác, một ông già với một đứa trẻ con mười lăm tuổi làm gì có sức lao động mà tăng gia sản xuất? Không phải chỉ mình gia đình tôi mới tan tác như thế, thỉnh thoảng lại có người nhận tin từ miền Bắc, đưa cho nhau xem rồi mắt ai nấy đỏ hoe. Chỉ vài năm sau, đất nước đã chia hai lại tiếp tục chiến tranh, những người tập kết vào mùa thu ra Bắc không có ngày trở về, và những người di cư vào Nam chờ ngày xum họp, cũng chẳng hy vọng đoàn tụ. Người ta không hình dung nổi vận mệnh của đất nước

lại chỉ là một chuỗi chia lìa đằng đẳng, như khi xưa năm mươi con theo mẹ lên non, năm mươi con theo cha xuống biển, như là một định mệnh oan nghiệt cho lũ cháu con, đeo đẳng lên số phận nghiệt ngã của một dân tộc, cứ mãi mãi phân ly.

* * * *

Hơn hai mươi năm sau, ngày chiến tranh chấm dứt, may mắn là bom đạn không cướp đi của mẹ tôi đứa con nào, nhà nhà hai miền Nam Bắc đổ xô đi tìm nhau, qua những thông tin liên lạc về địa chỉ cũ. Mẹ tôi bảo người anh lớn viết thư về tìm em, chỉ ít lâu sau thì nhận được thư anh tôi gửi vào, kèm theo một tấm hình chụp cả nhà đứng dưới cây bàng trước cửa. Anh đã có thêm bốn đứa con, cháu lớn độ mười hai tuổi, mặt mũi đứa nào cũng buồn tẻ và gầy guộc, đứa bé nhất anh bồng trên tay, bẽn lẽn nép đầu vào ngực bố.

Cả nhà mừng, thở phào. Thế là còn sống cả, chỉ trừ chị tôi đi nước ngoài vào những ngày cuối khi miền Nam thất trận. Vậy là thoát, vì trong nhà đã có người làm việc cho chế độ trước phải khăn gói đi tù, chị tôi thật là may mắn.

Nhận lá thư với tấm hình anh tôi gửi vào Nam cho gia đình, đôi mắt mẹ tôi đã lơ mờ, ngắm nghía mãi hình ảnh đứa con trai hai mươi năm xa cách, với lũ cháu nhỏ mà cứ chảy nước mắt. Thế nào rồi mẹ con cũng gặp nhau, tôi hiểu nỗi vui trong lòng mẹ tôi, rồi khi nhìn mẹ ngồi trầm ngâm nhai trầu trong bóng tối ngoài hàng hiên, tôi hiểu mẹ tôi đang nghĩ đến chị tôi, cái buồn trong lòng bà mẹ Việt Nam, tìm lại được một đứa con sau hai mươi năm đất nước chiến tranh, rồi đến lúc hòa bình, lại thêm một đứa con ra đi, mà trong thời buổi ấy, không ai nghĩ có ngày còn gặp lại.

Mãi năm sau anh tôi mới thu xếp đem đứa con đầu lòng vào Nam gặp mẹ và gia đình, kèm theo những món quà đơn sơ của miền Bắc. Khúc lưa đen Nam Định để mẹ may quần, anh nghe nói miền Nam không đủ vải vóc, cân bột sắn để mẹ uống cho mát, trà mạn Phú Thọ, vài quả hồng giòn xứ Lạng, khi vào đến miền Nam đã chín nhũn.

Bữa cơm xum họp trong nhà thật cảm động, chúng tôi nhắc những chuyện ngày thơ ấu, dù bây giờ không ai còn bé

dại. Có bao nhiêu chuyện để hỏi để nghe, mẹ con bà cháu quây quần trên chiếc chiếu trải trên nền gạch bông, mẹ tôi bồm bồm nhai trầu, nhìn đứa con trai nay đã trưởng thành trong đau khổ, sau bao năm ở lại một mình nơi quê nhà, đang kể lại cho gia đình nghe nỗi đoạn trường của anh. Họ hàng ai còn ai mất, hàng xóm láng giềng năm xưa, những năm lũ lụt đói kém, những trận mưa bom, gia đình bỗng bế nhau di tản lên mạn ngược. Chiến tranh là vậy, nhờ phúc đức tổ tiên mà gia đình còn đầy đủ, dầu chưa gọi là trọn vẹn niềm vui sum họp.

Hình như tất cả anh em chúng tôi, dù lớn hay bé, đều mơ hồ nhớ lại căn nhà xưa của thầy mẹ tôi với không khí đầm ấm trong những ngày thơ ấu. Căn nhà nằm bên ngoài bờ thành Sơn, một cái thành cổ được xây từ đời vua Minh Mạng. Sơn Tây có hai cửa chính, cửa Tiền và cửa Hậu. Phố cửa Hậu đi thẳng ra bờ sông Hồng, còn nhà tôi ở phố cửa Tiền đi về hướng núi Tản, từ nhà, có thể nhìn thấy dãy núi Ba Vì mờ mờ trong màn sương, đường vào trong đã nhấp nhô những ngọn đồi thấp.

Thầy tôi xây một cái bể chứa nước mưa ở góc sân sau, cạnh bể nước có trồng cây hoa ngâu để thầy tôi ướp trà, phía sau nhà bếp là mảnh vườn có cái ao vuông, xung quanh trồng rất nhiều tre trúc và chuối ngự, thuở ấy mẹ tôi còn trồng thêm rau cải hay rau muống. Anh tôi kể rằng sau ngày bố chết, mẹ và các em đi Nam, anh sống với người bố già trong căn nhà gạch hai gian vắng lặng, tất cả tài sản của thầy tôi đã bị tịch biên, chỉ còn căn nhà trống trải làm chỗ ở cho hai ông cháu. Những buổi chiều mùa Đông cô quạnh, thui thủi hai người trong căn nhà thiếu bếp lửa hồng và tiếng cười đùa của lũ em, anh tôi rống lên khóc trong khi ông bố già ngồi rì rầm đọc kinh. Rồi chừng như cảm cảnh nỗi tan tác, phân ly, một già một trẻ nhìn nhau rồi cùng òa lên khóc.

Sau đó ít lâu, anh tôi nhặt nhạnh tất cả những gì của cha mẹ để lại rồi một hôm bỏ nhà ra đi, chưa đầy mười sáu tuổi. Anh chỉ nung nấu một điều, vượt qua sông Bến Hải là còn hy vọng gặp lại gia đình. Chuyến đi không thành công, cầu Hiền Lương không dài bao nhiêu nhịp mà khoảng cách khó lòng vượt qua nổi, những họng súng đen ngòm chỉ chực nhả

đạn vào bất cứ người dân hai miền Nam Bắc, khi điên rồ vì nhớ thương mà đi qua phía bên này hoặc phía bên kia. Anh tôi không đi đến đâu thì bị bắt, không có tội gì, chỉ là tội một đứa trẻ con đi tìm mẹ và anh em. Anh bị hai năm tù, lúc được thả anh vừa mười tám tuổi, hai năm tù đã khiến anh thành người lớn để chịu đựng được nỗi cô đơn dằng dặc suốt hai mươi năm sau.

Lúc ấy ở miền Nam, mẹ tôi cũng vất vả ngược xuôi để nuôi lũ con thơ ăn học, lòng vẫn ngổn ngang, nghĩ ngợi thương đứa con cô cút chốn quê nhà, chẳng còn hy vọng gì còn nhìn lại con, vì chiến tranh giữa hai miền hình như không có dấu hiệu chấm dứt. Anh tôi tuy chưa đủ lớn, nhưng đã sớm trưởng thành để tìm cách tự lực cánh sinh. Anh làm đủ mọi nghề. Hai cái lò gạch ngày xưa thầy tôi làm chủ, nay anh tôi vào làm công cho nhà nước như bao nhiêu người khác. Rồi làm thợ thổi thủy tinh, để sản xuất bóng đèn và chai lọ, đất nước lạc hậu, máy móc thô sơ, con người phải dùng chính sức người để sản xuất. Cơm gạo thiếu, may thì được ngày một bữa cơm, còn ăn đòn thêm khoai luộc và ngô bung.

Được ít lâu, người bố già cũng lần ra chết, anh bơ vơ có một mình, chỉ còn vài người hàng xóm thân tình chạy qua chạy lại. Cậu Hoạt thợ may là người hàng xóm tốt bụng, không vợ không con, sống khắc khổ như nhà tu, dạy cho anh nghề thợ may, vì nghề thổi ống thủy tinh vừa vất vả lại ăn uống thiếu thốn, dễ bị lao phổi. Hơn hai mươi tuổi anh đã lấy vợ, vì không chịu nổi nỗi đơn độc, đám cưới chỉ đơn sơ như một bữa cơm trong nhà, gồm vài người hàng xóm với mấy người thân bên vợ, cô dâu chỉ duy nhất có một chiếc áo dài để mặc trong ngày cưới, không có được chiếc nhẫn kỷ niệm.

Hai người hàng xóm của gia đình tôi ở ngoài Bắc, là những nhân vật đặc biệt còn rơi rớt lại từ thành phần tiểu tư sản. Cậu Hoạt sống một mình, ẩn dật với mở kinh kệ và cô đơn, suốt ngày chỉ nghĩ đến chuyện tu thân, lên trời làm thánh. Cậu chán đời, sinh yếm thế, một lần đổ vỡ cậu nhìn đàn bà như tà ma, dạo trước có người rủ cậu đi Nam, nhưng với cậu hề đã buồn thì ở đâu cũng vậy. Cô Hạ có cửa hàng đan len và hàng xén, bán đầy kim chỉ và que đan, cô còn nhận đan áo cho khách, lúc rảnh rỗi vẫn hay đọc tiểu thuyết và ngâm thơ. Cô

Hạ thuộc gia đình trí thức tiểu tư sản, thích văn chương, gần ba mươi tuổi mà chưa chồng, cô chờ người yêu là một sinh viên Hà Nội, đi theo nhóm Cách Mạng chống Pháp mãi chẳng thấy về. Thỉnh thoảng, trong ký ức của chị tôi khi nhớ về cô hàng xóm, cô vừa đan áo vừa ngâm thơ, có hai câu hay lắm mà chị tôi còn nhớ:

" Chết đi là hết sự đời,

Chết đi là hết mọi mùi đắng cay."

Cô Hạ mang một mối sầu lãng mạn , tay đan nhanh thoăn thoắt mà thỉnh thoảng lại mơ màng nhìn cụm mây bay về một phương trời xa. Có lẽ nỗi sầu ấy nó vện vào đời cô, cho nên nghe anh tôi nói, cô sống thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần, sau bị lao phổi rồi chết. Cậu Hoạt sau cũng lẩn thẩn, đâm mắc bệnh dở hơi, gàn gàn, dở dở. . .

Toàn những chuyện buồn khiến nghe xong ai cũng chảy nước mắt. . .

* * * *

Anh tôi còn kể nhiều chuyện nữa, rồi thở dài kết luận, thấy tôi chết đi là một điều may mắn cho ông, nếu sống, nhìn thấy sự nghiệp và của cải của mình tạo dựng bằng mồ hôi nước mắt, bỗng một sáng một chiều bị cướp giật đi một cách tức tưởi như thế, chắc ông cũng điên lên mà chết.

Lúc anh tôi kể đến cơ nguồn chạy lụt và chạy bom, cả nhà đều đỏ hoe đôi mắt. Riêng anh, đôi mắt ráo hoảnh, cứ mở to không chớp, nhìn đau đầu vào khoảng không như nhìn vào thăm thẳm của dĩ vãng, có những nỗi khổ tột cùng mà người lớn còn không chịu nổi, huống gì với một đứa trẻ chưa thành niên.

Có lần lụt lớn, nước dâng lên lấp mé nhà, vợ chồng con cái bồng bế nhau chạy lụt, hành trang chỉ là mấy cái tay nải đựng ít quần áo và lương khô. Khi về, nhà cửa còn mốc meo, ẩm ướt, mấy tấm ảnh của thầy mẹ và các em bị loang lổ không còn hình dạng, anh đau khổ nhìn tấm ảnh cuối cùng, một lần nữa, những trận lụt lớn, những cơn mưa bom, đánh bật luôn trong anh chút kỷ niệm của người thân.

Bom đạn giăng giăng trên quê hương, tạo nên những

vết sẹo lồi lõm trên thân thể một tổ quốc bị đau mùa. Lúc miền Bắc toàn dân bị đẩy vào cuộc chiến tranh, thanh niên, thanh nữ hồ hởi lên đường đi giải phóng miền Nam, anh tôi cũng tình nguyện đi B, nhưng không được chấp thuận, vì cái lý lịch có gia đình ở miền Nam. Vậy mà ở miền Nam, những gia đình có cha, anh tập kết ra Bắc, con em vẫn được đi học và nhận vào quân đội, có những người còn được học hành để trở thành những nhân tài cho đất nước.

Cuộc chiến tranh ở Việt Nam rất ngộ nghĩnh. Người Việt ở miền Bắc được nhồi nhét lòng căm thù cao độ, lại thiếu thốn về đời sống vật chất, cho nên họ cương quyết chiến đấu với miền Nam để đoạt được Thiên Đàng tại thế. Người Việt miền Nam vừa chống giặc, vừa tò mò nhìn xem kẻ thù là ai, rồi khi biết "giặc" cũng chỉ là người Việt Nam như mình, thì họ rất bao dung để đơn giản nghĩ rằng: "Khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.". Đó có phải là nguyên nhân mà miền Nam thua, khi một nửa bên kia cố tình chiếm đoạt, một nửa bên này chỉ hòa hoãn chống đỡ để duy trì hòa bình, sự tương tàn chỉ vì hoàn cảnh bất đắc dĩ mà bắn giết nhau, chứ ai lại muốn gạch những vết mực đen lên bức tranh quê hương đẹp đẽ.

Anh tôi vẫn nung nấu ý định đi vào Nam tìm gia đình bằng con đường đi B, nhưng vẫn không toại nguyện, nếu đi lọt, lại thêm một tiểu gia đình tan nát vì chiến tranh. Dấn thân bằng con đường chết để mong gặp lại mẹ và anh em, nhưng nếu chẳng may anh được chấp nhận, có thể bỏ xác trên đường Trường Sơn, hay trên một chiến trường miền Nam, thì liệu có nên đếm xác anh vào số những kẻ thù bị tiêu diệt?

Chắc chắn là không thể, nếu nhìn vào sâu thẳm tấm lòng người dân miền Nam cũng như miền Bắc, những con người chân chất, mộc mạc, không ai lại muốn đất nước chiến tranh, sẽ tội nghiệp vô cùng người dân quê tôi, để hiểu rõ cái áp lực chính trị áp đặt lên thân phận người dân đôi miền thật nghiệt ngã. Sau này, khi hai miền thống nhất, bên thắng đàn áp bên thua trong hạm hực, bên thua cũng khuất phục trong hạm hực, hứa hẹn một màn đấu đá cắn thận trong tương lai nếu có dịp, những lần ranh nghiệt ngã không bao giờ mất. Cũng chỉ vì e ngại lần ranh nghiệt ngã ấy, mà mẹ tôi chưa dám thực hiện

một lần trở về, thì đã vội vã lìa đời. Rồi mả mai sao, không khí chính trị làm miền Nam nghẹt thở, để sự có mặt của anh tôi trong gia đình, lại vẫn là hiện thân cho một tai ương của dân tộc, khiến anh em tôi có lúc không hiểu nhau, như một câu hát nghe rất buồn cười nếu được suy diễn theo lối châm biếm của người nghe: " Vui sao, nước mắt lại trào..."

Miền Nam vốn từ trước đến giờ, đã được trời thương ban cho một mảnh đất gió thuận mưa hòa, kiếm miếng ăn không khó. Nay hòa bình, người dân được quản lý chặt chẽ bao tử như thời kỳ chiến tranh chống Mỹ của miền Bắc, phân phối từng hạt gạo, lít nước mắm, thước vải để may quần áo. Ngay cả vấn đề tư tưởng, dầu rằng chưa hẳn đã được thực sự tôn trọng trong thời kỳ chiến tranh, nhưng cũng không đến nỗi bị bóp nghẹt kiểu " trên đe, dưới búa, đít ngồi bàn chông" như lúc này. Anh em tôi đã bắt đầu có những lần cãi, vì ít nhiều gì mỗi bên đều bị ảnh hưởng cuộc sống xã hội nơi mình lớn lên, bởi vậy mà đôi khi vẫn có những bất đồng tư tưởng không thể tránh. Kinh tế đã tụt dốc, người ta đổ xô ra chợ trời bán buôn những thứ mà ngoài kia gọi là : " phồn vinh giả tạo". Giả hay thật thì ai biết cho ai, chỉ thấy là miền Bắc đổ xô vào vớt vét những thứ " giả tạo" đó đem về, người miền Nam cũng vội vàng tống khứ những thứ " giả tạo", để hòa mình mau chóng và khắc phục sự thiếu thốn của đất nước trong thời kỳ hậu chiến.

Mừng vui trong một nền hòa bình bi thảm như thế, cuộc tái ngộ thật ngậm ngùi. Nếu như người ta hiểu được cái giá quá đắt đã phải trả cho cuộc tương tàn, mà bỏ đi hai chữ hận thù, cùng bắt tay vào xây dựng đất nước thì giờ đây tổ quốc đã đẹp để biết bao. Sự bức dọc khiến người miền Nam nhìn anh em mình ở ngoài Bắc với cái nhìn chung chung trong một nỗi thống hận, bất kể là ai, năm mươi con theo mẹ về trời, năm mươi con theo cha xuống núi, rõ ràng thì khó mà hòa hợp với nhau từ cách sống cho tới tư tưởng. Có những cái đơn giản điển hình là chiếc nón cối, người ta dùng để đội đầu , rất gọn và nhẹ, nhưng vốn có thành kiến, người miền Nam nhìn chiếc nón cối như biểu tượng của cái " xấu", và vì thế mà sinh bao chuyện hiểu lầm, khi hầu như tất cả người dân miền Bắc đều đội nón cối, vì đơn giản nó chỉ là cái mũ. Vậy thì lập luận "

chiếc áo không làm nên thầy tu" có vẻ không được lý giải rõ ràng trong trường hợp này, nó chỉ được suy diễn bởi những tư tưởng lệch lạc.

Cả nhà nghĩ đến chuyện về thăm quê. Đường bộ sau chiến tranh còn gập ghềnh, đầy hang ổ bom đạn, đường thủy thì lâu lắc, xa xôi, chỉ chờ đường tàu Thống Nhất làm xong là thế nào cũng có nhiều người hai miền về thăm nhau. Riêng điều ấy, với mẹ tôi thì tôi hiểu đó là điều bà ray rứt hằng đêm, nỗi sầu xa quê bao năm trường tưởng sẽ về ngay được, nhưng mẹ tôi vẫn không về, lý do vì có người con bỏ nước ra đi, vẫn có thể bị họ hàng ngoài kia đàm tiếu theo quan điểm chính trị thuở đó.

Trong đêm khuya, mẹ tôi bồm bẻm ngồi nhai trầu hàng giờ ngoài mái hiên không ngủ. Về. Không về. Mẹ tôi quay quắt trong ý tưởng được một lần về thăm mái nhà xưa, nơi chốn cũ, thành phố nhỏ mà quanh đi quẩn lại chỉ những người quen biết. Con đường về làng cũ, có mồ mả ông bà, có ngôi mộ của thầy tôi nằm ở một nghĩa trang cạnh ven đê sông Hồng, có con đường ra Hà Nội hai bên râm mát bóng cây bạch đàn. Những hình ảnh năm cũ, nay như cuộn phim lần lượt trở về trong trí nhớ. Ít ra thì mẹ tôi vẫn ước ao về xây lại nấm mồ của thầy tôi cho tử tế, được trở về làng quê cũ, nói lại ngôn ngữ quê mùa với anh em, họ hàng trên mảnh đất quê nhà.

Tôi đã nhìn thấy bao điều nghịch lý sau những ngày hòa bình. Có xum họp rồi vẫn thấy phân ly, có thương yêu rồi vẫn có hận thù. Người mẹ miền Nam vội vã hạ tấm hình đứa con đi lính đã tử trận xuống, chỉ vì anh ta mặc bộ quân phục lính miền Nam, có gắn chiếc huy chương trên ngực áo. Sự mất đi của người con đã là một đau xót cho người mẹ, ngay cả sau khi chết, tấm hình kia cũng không được một chỗ đứng danh dự trên bàn thờ. Mẹ tôi cũng thế, dẫu hai mươi năm trước bỏ lại một đứa con, chỉ là cái oái oăm của định mệnh, thì hai mươi năm sau, một đứa con lại ra đi, há không phải là điều đau xót. Thật vậy, cho đến cuối đời, lúc thoi thóp trên giường bệnh, dường như mẹ tôi vẫn bị ám ảnh về sự mất mát này. Ngày mẹ chết, anh tôi từ Bắc không vào được đúng ngày chôn cất, chị tôi cũng không về được vì người ta vẫn cấm chợ ngăn sông, những lần ranh vẫn còn, tiếp nối từ thời kỳ này sang thời kỳ khác.

Có nhìn vào cái dáng buồn rầu của người mẹ xa con, mới thấy nỗi u uẩn trong lòng người mẹ. Buổi trưa hè, mẹ tôi ngồi nhặt gạo nấu bữa cơm chiều, thỉnh thoảng lại buột miệng gọi tên một người con bà nhớ, khi thì anh tôi, lúc lại chị tôi. Dường như lúc ấy trong lòng mẹ tôi vẫn là hình ảnh căn nhà lợp ngói hai gian ở phố Cửa Tiền năm xưa, anh tôi độ ấy hơn mười tuổi, công em chạy long nhong ngoài hè đường, hay là hình ảnh chị tôi, lũn cùn đi nhổ hết những cây cải non trong vườn sau của mẹ.

Hai đứa con mà cuộc chiến Việt Nam đã thay nhau đẩy ra khỏi trái tim người mẹ, để mẹ tôi suốt đời nặng trĩu những nhớ thương, đau khổ.

* * *

Anh tôi tính hơi bất thường, con người đầy tình cảm tha thiết như thế, bỗng dưng nhiều khi lạnh lùng, hoài nghi tất cả. Sự mâu thuẫn nội tâm này là kết quả của những tháng ngày anh cô đơn chống chọi với đủ mọi thứ bất trắc trong cuộc sống, nó ảnh hưởng lên tâm hồn anh khiến anh ngờ vực ngay cả lòng thành thật của người khác. Càng suy nghĩ, tôi thấy anh tôi đáng thương hơn đáng trách, chính chế độ đã nhào nặn anh thành kẻ đa nghi và đánh mất niềm tin nơi con người, bị lừa dối, bị hắt hủi, bị cái đối cái khổ dần vật khiến người ta lúc nào cũng thắc thỏm lo âu. Không tin cả Trời, không tin cả Người, không còn niềm tin thì đời sống làm gì còn ý nghĩa. Chẳng phải mình anh tôi, sau này có dịp về lại miền Bắc, tôi mới thật đau xót nhận ra rằng, ngay cả lòng nhân ái cũng không được tự do bày tỏ, thật gớm ghê cho cái tàn nhẫn của chính trị.

Năm một chín tám mươi , tôi đi Bắc thăm người thân trong trại Cải Tạo, sẵn dịp về thăm anh chị và các cháu. Chuyển xe từ miền Nam đổ chúng tôi xuống vỉa hè một con đường của thị xã Thanh Hóa, lúc ấy tuy ban ngày mà phố xá thật vắng vẻ, không nhìn thấy một chiếc xích lô nào làm phương tiện di chuyển như ở miền Nam.

Đang ngờ ngác tìm người để hỏi thăm đường ra bến xe đi Bãi Trành, như địa chỉ trong thư dặn dò, một đồng hành lý

ngồi ngang toàn những thực phẩm tiếp tế, chúng tôi lúng túng chưa biết làm sao để chuyển được ngân ấy thứ ra bến xe, thì đúng lúc ấy chủ nhân của căn nhà chỗ chúng tôi đứng tạm đi làm về, đằng sau chiếc xe đạp còn chở theo một bó rau muống thật to, có lẽ anh mới ghé qua chợ.

Nhìn bộ điệu ngơ ngác của chị em tôi, anh đoán ngay là dân miền Nam ra thăm tù ở miền Bắc. Thành phố nhỏ, người qua kẻ lại nhìn chăm chăm vào những người lạ dọ dẫm khiến chúng tôi thật khó chịu. May quá, đúng lúc ấy, người chủ nhà chạy ra, anh nói:

" Các em cứ mang hết hành lý vào trong này, đứng mãi ngoài đường người ta dòm ngó. Vào đây rồi tính sau, đi thăm người nhà cải tạo phải không?"

Chẳng cần anh phải nói thêm, chúng tôi vội vã khuôn hành lý vào nhà ngay, lúc này tôi mới chú ý đến anh, chiếc nón cối đội đầu, áo sơ mi trắng, đúng là một cán bộ nhà nước. Tôi cũng không hiểu sao anh lại có vẻ tử tế với chúng tôi như vậy, sau anh mới kể, đã có hai lần vào miền Nam, anh có người anh làm nhà giáo ở trong ấy, bảo anh đưa vợ con gia đình vào có nhà cửa và cơ sở làm ăn, nhưng anh không vào, vì vợ anh vốn người chân quê, gia đình chị lại ở cả Thanh Hóa, chị sợ đi xa không gần gũi cha mẹ anh em, nên dù thấy miền Nam phồn thịnh và đông đảo, vẫn không đi.

Nhà anh tuy ở phố nhưng vẫn theo kiểu nhà quê, phía sau có chuồng nuôi lợn và cái giếng nước. Sau khi nghỉ ngơi, tắm giặt sạch sẽ, đúng vào giờ tan tầm buổi trưa, chị cũng về nhà nấu cơm, các cháu gửi ở nhà trẻ. Chị ngạc nhiên nhìn chúng tôi, anh vui vẻ vấn tắt vài câu giới thiệu chúng tôi là người nhà của ông anh từ miền Nam ra. Sau đó vợ chồng rù rì to nhỏ, chị cũng không hỏi thêm, sẵn có túi gạo ngon từ miền Nam đem ra, tôi tế nhị thổi nồi cơm trắng để cả nhà cùng ăn, chị bảo chiều sẽ dẫn tôi đi chợ , có công viên với khu vườn hoa khá đẹp.

Hai chiếc bếp củi được đặt trên nền đất, căn bếp bé tý và tối om om. Trong buồng ngủ của anh chị, thấy có chiếc máy may , một chiếc máy truyền hình và chiếc máy hát đã cũ, chắc của người anh trong Nam tặng. Còn phòng khách lại trống trơn, chỉ có chiếc phản gỗ và bộ bàn ghế cũ làm nơi tiếp khách.

Cơm vừa chín tới thì một người đàn bà, chắc là hàng xóm của anh chị , thấy có người lạ chạy sang , xông xộc đi vào nhà, anh vội giới thiệu " mấy cô em bắt đắc dĩ" từ miền Nam ra. Với vẻ xông xáo rất tự nhiên, bà ta đi vào bếp, tự tiện nhắc nắp vung nồi cơm vừa chín tới ở trên bếp, hít hít mấy hơi , rồi nói với một vẻ đầy châm biếm:

" Hôm nay ăn sang nhỉ, nguyên một nồi cơm trắng."

Rồi bà ta nhìn lom lom vào chúng tôi như dò xét, vì lúc này bà đã quan sát chúng tôi đứng ở lề đường khá lâu , cho nên sinh nghi trong bụng. Bà hàng xóm ra về, chúng tôi quả thật lo ngại và buồn nôn cho cái kiểu nhảy xổm vào cuộc sống của người khác như thế. Bữa cơm ăn không biết ngon, phần mệt, phần lo, tôi thấy anh thở dài, còn chị thì đắm chiêu, tư lự. Sau bữa ăn trưa, anh phải đi làm, chị cáo ốm ở nhà đưa tôi đi chợ, và sau bữa cơm tối, anh chuẩn bị đưa chị em tôi ra bến xe. Anh nói, giọng buồn buồn:

" Anh phải đưa các cô ra bến xe ngay tối nay, vì mỗi ngày chỉ có một chuyến xe đi Bãi Trành, sợ sáng mai không kịp."

Thật ra nhìn vẻ khổ sở trên nét mặt anh, tôi có thể hiểu là anh không dám cho chúng tôi ngụ lại nhà anh đêm đó, vì những rắc rối có thể xảy đến cho gia đình anh. Chúng tôi thông cảm ngay nỗi khổ tâm của anh, một người xa lạ không chút máu mủ ruột rà, vậy là anh quá tốt, không dám đòi hỏi gì hơn.

Gửi gắm chúng tôi ngồi bên hàng hiên một quán nước, lù mù ngọn đèn dầu trên chiếc bàn thấp có bày vài nải chuối, mấy cái bánh in nhân đậu xanh, mấy chai nước chanh pha sẵn và nồi nước chè tươi. Suốt đêm hôm đó chúng tôi nằm trên tấm ny lông trải dưới đất, gối đầu lên đồng hành lý sợ mất trộm, bến xe càng về khuya càng vắng người, chỉ có một vài người lỡ đường chờ chuyến xe sáng ngồi uống nước và hút thuốc vật. Lòng tôi nao nao buồn, nhìn quanh thì chỉ những mảnh đời khốn khổ, đói nghèo , đầy những bất trắc , càng nghĩ tôi càng muốn chảy nước mắt .

Sáng hôm sau, trời tờ mờ sáng và chuyến xe duy nhất đã vào bến, tôi thấy anh đã lọc cọc đạp xe ra. Quần xắn cao, còn vác thêm một cây đòn gánh, anh nói suốt đêm cũng không ngủ được vì lo, anh chỉ mong trời sáng để ra bến xe giúp chị em tôi lên xe, đề phòng bị mất cắp hay bọn lơ xe, khuân vác

bắt chẹt. Chờ chúng tôi lên xe xong xuôi, anh dặn dò mấy câu rồi mới về, tôi ngồi nghĩ ngợi về ân nhân mà muốn khóc, xúc động vì lòng nhân ái giữa con người với nhau. Những lúc cấp bách nguy nan, những lúc cô đơn trong giòng đời, những chia xẻ dù nhỏ nhoi vẫn làm trái tim ta thổn thức, cảm nhận thật sâu sắc về tình người quý báu đó.

Có một điều đau xót là những ràng buộc của chính trị đã khiến người ta không dám thể hiện lòng nhân ái, vì những bất an cho cuộc sống và tương lai khiến phải hững hờ trước nỗi khổ của người khác, đó là cái lằn ranh nghiệt ngã mà chắc chỉ khi nhắm mắt, hai tay buông xuôi người ta mới thoát ra được.

Tôi viết những giòng chân thật này để cảm ơn anh, người tôi không hề quen ở thị xã Thanh Hóa êm đềm, vào buổi sớm mai còn phủ đầy sương núi, chập chùng những rừng cây ở phía xa. Ít ra thì tôi cũng một lần mở được chút suy nghĩ hẹp hòi cái lằn ranh vô hình, đã thắt chặt lấy tâm tư dân tộc sau bao nhiêu năm đầy thành kiến với nhau. Anh lại ngậm ngùi chia tay chị em tôi và chúng tôi đáp chuyến tàu đêm về Hà Nội. Tôi mua chiếc bánh mì mà nuốt không nổi, vì nó cứng như đá, những con rệp đánh hơi người bò lên lổm ngổm, bám chặt lấy da thịt chúng tôi chích nhoi nhói. Tàu đi qua những sân ga buồn, leo lét ánh đèn đêm vàng vọt. Đến ga Nam Định, tàu ngừng, người ta chen chúc nhảy tàu ngã dúi dụi vào nhau, một chị phụ nữ nhà quê đi buôn còn dẫn theo đứa con gái khoảng sáu tuổi, đôi mắt con bé cứ dán chặt vào ổ bánh mì trên tay tôi thèm thuồng. Tôi đưa ổ bánh mì khô cứng cho con bé, nó mừng rỡ giương mắt ra nhìn trong khi người mẹ cảm ơn rồi rít. Một ổ bánh mì cứng như đá chọi chó cũng u đầu, vậy mà nó đã mừng rỡ đến như vậy ư ? Qua đó, đủ hiểu cái đói, cái nghèo đã phủ lên đầu đồng bào tôi, tội nghiệp biết bao.

Sau này về miền Nam, một mùa Xuân tôi nhận lá thư của anh viết thăm, có thêm một câu thơ :

" Trước sau nào thấy bóng người,

Hoa đào năm ngoái còn cười gió Đông. . "

Tôi hiểu, thêm một nét lãng mạn và mơ mộng nơi tâm hồn anh. Người ta có thể bóp chết tất cả, ngoại trừ tư tưởng. Bom đạn, nghi kỵ, thù hận của một cuộc sống nhiều nhục

nhân, anh vẫn có chút lãng mạn rất dễ thương để tặng tôi câu thơ lấy trong truyện Kiều, chứng tỏ rằng anh có một tâm hồn thật dịu dàng, thật người dẫu kín trong vẻ cứng cỏi bên ngoài. Có lẽ anh đã liên tưởng chúng tôi với phận long đong của chị em Kiều, trong hoàn cảnh ấy vẫn giữ được nụ cười, ánh mắt, dáng dấp thanh tân cho nên đã ý nhị ghi tặng câu thơ này chăng?

*

*

*

Hai miền Nam Bắc thông thương được vài năm thì mẹ tôi qua đời, thế là cái ước vọng được về nằm bên cạnh ngôi mộ thầy tôi cũng không bao giờ thực hiện được. Ngay cả lúc chết, các con vẫn còn tứ tán mỗi người một nơi, anh tôi ở miền Bắc không vào kịp để chôn cất mẹ, chị tôi ở phương xa vẫn chưa có nẻo về, chỉ còn vài anh em gần gũi lo ma chay cho mẹ. Đám ma đơn sơ ở một làng quê miền Nam, có con sông nước đục ngầu phù sa và những giẻ lục bình hoa tím trôi lang thang, có hàng dừa xanh soi bóng nước, có tiếng chuông nhà thờ buồm những âm thanh buồn buồn mỗi khi chiều xuống.

Trước khi đi xa, tôi về quê bốc mộ cho mẹ. Lần cuối cùng tôi cầm trên tay nhúm tro cốt của mẹ, rồi nhìn những sợi khói mong manh bay lên trời trong một buổi chiều miền quê quạnh vắng, tôi đã vừa khóc vừa nói với mẹ tôi rằng: - " Thôi nhé mẹ ơi! Bây giờ thì thầy mẹ đã được gặp nhau rồi. Dẫu đất nước chia lìa, dẫu lòng người có phân ly, nay trở về cát bụi, sẽ không còn lần ranh nghiệt ngã nào bên kia thế giới. Mẹ đã hoàn toàn bình yên, bình yên mãi mãi."

*Để tưởng nhớ hương hồn thầy mẹ,
Riêng tặng các anh chị của tôi.*

NGUYỄN NHUNG, 2001.

vĩnh hảo

Quỳnh Hoa

“Này, em thấy không, chỉ ở xứ này quỳnh mới chịu ra hoa chứ ở các vùng lạnh có tuyết đấy à, quanh năm suốt tháng chỉ có lá thôi, mà còn ẻo uột chứ không lớn bản và xanh mướt như vậy đâu nhé.”

“Em biết mà. Bởi vậy em mới nói là anh đáng được tưởng thưởng lắm! Rinh về một chậu quỳnh to bự có sẵn mười mấy cái hoa sắp nở, lại thêm mấy chục nụ hoa mới chớm. Thưởng anh nè...”

“Hê, tưởng em thưởng thứ gì chứ hôn thì có gì đặc biệt đâu!”

“Anh á, bộ tưởng dễ được hôn lắm hả? Anh không nhớ hồi đó anh muốn hôn em bất chết mà có được cho phép đâu! Cả mấy tháng trời mới thuyết phục được người ta chứ bộ! Bây giờ có rồi không biết trân quý nữa. Đàn ông mấy người bao giờ cũng thế, chỉ ham chuộng cái gì chưa có!”

“Đừng nói vậy. Cái tâm lý ấy không phải của riêng đàn ông đâu nhé. Đàn bà cũng vậy thôi. Chẳng hạn... cái xe mới mua về, ham lái lắm, lái xa đến đâu cũng chẳng thấy mệt, bụi bặm chút xíu là lau tới lau lui, nhưng quen rồi thì đâu thấy em chăm sóc nó kỹ lưỡng như thuở ban đầu nữa, phải không?”

“Chuyện đó thì khác. Chiếc xe tự nó đâu có đòi hỏi mình chăm sóc, chỉ tại mình muốn chăm sóc thôi. Khi mình không có thời giờ chăm sóc nữa thì mình cũng chẳng có lỗi gì với nó cả. Còn con người ta đâu phải như vậy. Người ta luôn muốn được người khác quan tâm, chăm sóc, nếu không được thì người ta héo úa đi chứ.”

Hưng đang loay hoay cắt xén mấy cành lá quỳnh bị hấp nắng, nghe vợ nói vậy, quay lại, cười, dịu giọng với nàng:

“Em thấy anh không quan tâm em đúng mức hả?”

“Đôi khi cảm thấy vậy. Hình như anh bắt đầu chán em thì phải.”

“Đừng nói vậy,” Hưng bước đến gần chỗ vợ, đưa hai tay cầm vật dụng làm vườn ra sau lưng, nghiêng đầu đến, hôn nhẹ

trên trán vợ, “anh vẫn yêu em như thuở nào, chẳng gì thay đổi cả. Bằng chứng là... anh mang chậu hoa quỳnh về cho em nè. Em có biết tại sao các loại hoa khác anh cũng thích nhưng lại thích hoa quỳnh một cách đặc biệt như vậy không?”

“Thì tại nó trùng tên với em chứ gì!”

“Chứ không phải em trùng tên với nó sao?”

“Nó mới có hôm nay thôi anh à.”

“Nhưng tên của nó có trước em lâu rồi. Ha, vậy thì em cũng biết rồi! Anh yêu hoa quỳnh, mang hoa quỳnh về đây, bộ không chứng tỏ được gì tình yêu của anh dành cho em sao?”

“Cũng chứng minh được chút chút, nhưng để xem thế nào đã chứ. Biết đâu anh lại lo chăm sóc, tưới xén, vun bồi, tưới tẩm cho nó tốt tươi mà quên em luôn sao.”

“Thiệt khéo lo! Nó chỉ là một thứ vô tri thôi em à. Có nó cũng được, không có nó cũng chả sao. Còn em, anh không thiếu em được, em có biết không?”

“Thiếu em thì anh tìm cô khác, khó khăn gì đâu chứ.”

“Đâu có dễ vậy! Người ta nói cái quý không phải là cái tìm không có, nhưng chỉ đơn giản là cái có nhiều kỷ niệm khó quên đối với mình thôi. Em không nhớ câu chuyện xưa bên Trung Hoa mà anh kể em nghe à: có người đàn bà đi ngang rừng cỏ tranh, đánh rớt cái trâm cài tóc làm bằng gốc tranh. Cô ta cứ đi tìm hoài. Người qua đường biết chuyện, góp ý: ‘Cỏ tranh cả rừng như thế, cô đâu cần mất thời giờ nhọc công sức đi tìm cái trâm đã mất!’ Cô trả lời: ‘Cỏ tranh tuy cả một rừng, nhưng tôi vẫn muốn tìm cái trâm tôi dùng hằng ngày vì chính cái trâm đó mới là cái có nhiều kỷ niệm với tôi.’ Em thấy chưa? Cho nên... không có em, đi tìm cô khác, tuy rằng có thể được nhưng mất công quá đi! Phải làm lại từ đầu với một cái gì thật mới, không có chút kỷ niệm nào với mình sao?”

“Ha, anh nói nghe hay lắm, tình lắm, nhưng chẳng biết có thực lòng như vậy không à!”

Hưng cười, tỉnh nói một câu gì đó nhưng nghĩ sao, không nói, tiếp tục xăm xoi, ngắm nghía chậu hoa quỳnh. Quỳnh Hoa cũng đứng gần đó, nhìn chậu hoa một lúc rồi quay vào nhà trong:

“Em vào nấu ăn nghe. Mới đó mà trời tối rồi. Anh có cần phải tưới cho nó không, tưới xong rồi vào chứ.”

“Người ta dặn chỉ tưới ngày một lần thôi. Những ngày hoa sắp nở thì tưới nhiều một chút.”

“Thì bây giờ hoa sắp nở rồi đó. Anh nghĩ là cuối tuần này hoa nở chưa?”

“Cũng khó mà biết được. Không chừng tối mai đã nở vài cái rồi đó. Để chờ xem sao. Mình chưa có kinh nghiệm gì với loài hoa này cả.”

“Thật không đó?” Quỳnh Hoa cười hỏi lại.

“Ồ, em muốn nói... ha ha, có chứ, có kinh nghiệm với nó chứ, nhưng là kinh nghiệm chiêm ngưỡng, thưởng thức thôi chứ đâu phải kinh nghiệm đoán trước được ngày giờ phát tiết anh hoa của nó.”

“Anh thực tình không có kinh nghiệm đó sao? Không biết được ngày sinh nở của nó?”

“Hi hi, đừng làm khó anh chứ. Ừ thì người ta nói là khoảng thời gian đó sẽ khai hoa nở nhụy, nhưng mình đâu biết được giờ nào, phải không? Em không nhớ hồi mang thai bé Thư, em cứ la lên ‘It’s time!’ bao nhiêu lần trong ngày, bao nhiêu ngày trong tuần, nhưng rồi đâu đã đến lúc. Ngược lại, đến lượt sinh bé Thi thì em lại nói, làm như là giàu kinh nghiệm lắm, ‘chưa đâu, chưa đâu’ nhưng cuối cùng lại chạy không kịp!”

Hai vợ chồng cùng cười vui với nhau một lúc rồi lại bắt qua chuyện này chuyện nọ, toàn là những kỷ niệm vui đẹp của quá khứ.

“Ấy chết, mãi mê nói chuyện, trời tối rồi. Em phải vào nấu ăn. Thôi anh ở lại mà ngắm hoa quỳnh giả há.”

“Hừ, thật thì thật hết, giả thì giả hết chứ.”

Quỳnh Hoa ngẫm nghĩ câu chồng nói, vừa cười vừa nguyt dài một cái rồi bước lên bậc thềm từ sân sau dẫn vào nhà bếp. Nàng phải vịn một tay vào khung cửa, khó nhọc nhắc cả người để bước lên. Hưng nhìn theo nàng từ phía sau, thấy dáng vợ nặng nề chẳng khác gì Tracy, cô Mễ làm cùng sở. Tracy đã bị cho nghỉ việc với lý do là làm công việc chậm trễ quá, không đáp ứng được nhu cầu của sở. Cái lý do này ở một vài nơi khác đã bị gán cho cái tội “kỳ thị người mập” nhưng Tracy thì hiền lành, biết phận, chẳng kiêu cáo gì, chỉ nhận lương tháng chót và 6 tháng phụ cấp thất nghiệp, rồi nghỉ luôn.

Nói cho cùng thì dù người ta không muốn kỳ thị người mập nhưng cũng khó mà ngăn cản những ông bà giám đốc cái nhận xét chung rằng người nặng nề quá thì ắt phải làm việc chậm đi. Thực tế như vậy, ai mà không thấy. Cứ tưởng tượng một người làm công việc như thư ký chạy bàn giấy, hay một người hầu bàn ở nhà hàng chẳng hạn. Những người này cần phải di chuyển nhiều, mà nếu sự di chuyển đối với họ là một công việc nặng nhọc thì chắc chắn là năng suất phải kém đi so với những người mảnh khảnh, nhỏ con, lanh lợi... Đó là chưa kể đến hình ảnh của một người dư thừa thịt mỡ đi qua đi lại trong một tiệm ăn, nếu không gây cảm giác ón trong họng thì cũng có vẻ như ngấm đưa ra dấu hiệu cảnh cáo ‘này các người, có ăn uống gì thì cũng ăn ít thôi nhé, ăn nhiều thì sẽ... thê thảm như tôi ngay.’ Ở nhà hàng mà gọi cho thực khách cảm nghĩ đó thì chết rồi!

Quỳnh Hoa ngày xưa—xưa không bao lâu đâu, chỉ chừng mười năm trước thôi—là một hoa khôi của Tổng hội Sinh viên Việt Nam của trường đại học Long Beach (CSU of Long Beach). Lúc ấy Hưng là sinh viên mới từ tiểu bang khác đến, lo thủ tục nhập trường thì quen được nàng ở văn phòng Admission and Records. Ở đó, Quỳnh Hoa là thư ký—vừa học vừa làm (work study)—tại văn phòng, đã tận tình hướng dẫn chàng và rồi chàng cũng tận tình theo đuổi nàng cho đến khi thành vợ thành chồng. Thực ra thì Hưng không hề có ý theo đuổi một hoa khôi, và cũng chẳng hề biết rằng Quỳnh Hoa được chấm như là hoa khôi trong nhóm sinh viên Việt của liên trường đại học thuộc quận Los Angeles. Mà chuyện bầu chọn hoa khôi như thế cũng chẳng có gì chính thức. Chẳng qua chỉ là sự truyền miệng với nhau, dĩ nhiên là khởi đi từ đám nam sinh viên những lúc rỗi rảnh ngồi tán dóc ở các cafeteria của trường. Chàng ở trường khác mới đến không hề biết chuyện đó. Đến khi trở thành bạn trai ‘chính thức’ của Quỳnh Hoa rồi thì mới được một số bạn học ‘chúc mừng.’ Năm sau, do đề nghị của nhiều người, Quỳnh Hoa dự thi “Hoa hậu Áo dài Long Beach” do cộng đồng Việt tổ chức hàng năm, và rồi được trao vương miện... Câu chuyện là như thế. Tự đứng ở một nơi xa xôi chuyển đến, chân ướt chân ráo xin nhập học rồi tình cờ chiếm được trái tim của một người đẹp được nhiều chàng trai

khác gấp gáp, sẵn đuổi. Quỳnh Hoa thuở ấy cũng quen nhiều bạn trai nhưng chẳng bao giờ xem những người này như là tình nhân thực sự của mình cả. Chẳng ai hiểu được tại sao Quỳnh Hoa không chọn họ lại chọn một người chẳng có gì đặc biệt ở nhân dáng bề ngoài như Hưng. Còn về chuyện học hành của Hưng thì vào thời gian chàng mới chuyển trường, chỉ có Quỳnh Hoa mới biết được qua hồ sơ học vấn của chàng nộp nơi văn phòng làm việc của nàng. Chàng là sinh viên ưu hạng (honor student) của Arizona University, nhưng chàng không nghĩ rằng đó là điểm làm cho Quỳnh Hoa hứng thú. Nàng là người hoạt bát, cởi mở, thông minh, chăm chỉ, học giỏi, có vẻ như là một con người hướng ngoại, nặng về vật chất. Nhưng không đúng vậy đâu. Khi chọn Hưng, nàng chỉ chấm chàng ở một điểm duy nhất: thành thật. Nói vậy chẳng phải là những người khác đều dối trá, lừa đảo đối với nàng mà chỉ có nghĩa rằng trong tình yêu và trong sự theo đuổi tỏ tình với nàng, Hưng rất thành thật, không tán hươu tán vượn, không ca tụng nàng quá đáng. Đó là tự Quỳnh Hoa nói lại Hưng nghe khi hai người đã thân nhau. Riêng Hưng, chàng lại nghĩ khác. Chàng nghĩ đến một yếu tố xem ra chẳng quan trọng gì nhưng chính vào thời điểm ấy, vào hoàn cảnh ấy, nó đẹp và nó làm rung động trái tim người đẹp. Sau này nghiệm lại, chàng biết không phải chàng đã cố tình sử dụng nó như một chiêu thức để chinh phục nàng. Chàng chỉ hành xử theo cảm tính—một thứ bản năng—của một nghệ sĩ, đặc biệt là nghệ sĩ Việt Nam, trước cái đẹp. Nếu có thể cưỡng gọi là một thứ chiêu thức, thì đó là chiêu thức rất cổ điển: tặng thơ người đẹp. Một bài thơ ngắn thôi, bốn câu. Không có câu nào ca tụng nàng đẹp như nhân vật nữ huyền thoại Bạch Tuyết, hay trong cổ sử như Tây Thi, hay hiện đại như công nương Diana, các siêu sao màn ảnh và siêu người mẫu như Sean Young, Cindy Cradford, Demi Moore, Nicole Kidman, Wynona Ryder... như hoa hậu Việt Nam, hoa hậu Á châu, hoa hậu thế giới... cũng không ví nàng như thiên thần hay tiên nữ giáng trần chi cả. Nguyên bài thơ chỉ nói về sự rung động của mình trước một con người tử tế, tốt bụng và... có duyên. Chỉ vậy thôi. Vâng, chỉ đơn giản như vậy. Thấy rung động và cứ ghi xuống đại thành một bài thơ ngắn, rút rè ép vào sách, tặng người đẹp để cảm ơn nàng giúp đỡ.

Rất ư là cổ điển. Rất ư là nhà quê. Một bài thơ gửi đi chỉ để biểu lộ lòng mình, không cần hồi âm đáp trả, không mong đợi bất cứ thứ đền bù nào cả. Nhưng rồi lại được đáp trả.

“Sự thành thật chỉ là một đức tính. Nó không đủ để em thích anh đâu. Kèm theo đức tính đó là một thái độ, một lối sống, một lối bày tỏ theo cung cách thích đáng nhất... Có phải rằng em lưu ý đến anh từ một bài thơ ngắn, phải vậy không?” Khi thành vợ chồng rồi, đã có lần chàng hỏi lại nàng như vậy. Nàng im lặng suy gẫm một lúc, rồi gật đầu công nhận.

Nàng cho rằng, giữa một đám phàm phu tục tử làm gì cũng muốn cho nhanh, nói gì cũng muốn nói cho rõ hết, tán tỉnh thì nịnh bợ và khoa đại hết biết, giao tiếp thì cố tình phô trương mở kiến thức lượm lặt nông cạn, mới quen hôm trước hôm sau đã đòi hò hẹn đi ăn tối, đi xem phim... thì một gã sinh viên lặng lẽ, ít nói, rụt rè đưa một cuốn sách rồi biến mất, để lại một bài thơ thật nhỏ, chỉ hai mươi chữ thôi... quả thật là một nhân vật, một dấu tích, một biểu tượng thâm lặng còn sót lại của huyền sử Đông phương trên đất nước hoa dạng này. Cái kiểu tỏ tình cổ điển ấy trải bao thời gian, trải bao hoàn cảnh đổi thay, vẫn giữ được vẻ lãng mạn thâm trầm của nó. Thời nay người ta không còn tỏ tình kiểu ấy nữa không phải vì nó lỗi thời, mà chính vì họ không còn lãng mạn và nên thơ như con người của những thế hệ trước.

Khi Quỳnh Hoa công nhận tình yêu của nàng dành cho Hưng khởi đi từ cách tỏ tình bằng một bài thơ của chàng, bỗng dưng Hưng thấy tăng thêm niềm tin vui trong lòng. Tin rằng thi ca, dù ở tầm mức nào, cung bậc nào, cũng luôn đưa cánh tay huyền diệu của nó xuống để cứu vãn con người ra khỏi sự tầm thường dung tục của thế giới hiện thực. Theo Hưng, Thượng đế có chết thì con người vẫn sống; nhưng thi ca mà chết thì con người chỉ còn là cái xác khô. Nói về thi ca, Hưng không nói riêng về thơ mà nói chung về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, màu sắc hay âm thanh để biểu đạt cái đẹp. Cũng theo chàng, cái đẹp không phải là cái đối nghịch với cái xấu qua kết quả thẩm định của số đông, mà chính là thực tại của sự vật khi số đông hay từng cá nhân chưa kịp phán xét và thẩm định nó... Cho nên khi Quỳnh Hoa từ một hoa hậu mảnh khảnh trở nên một thiếu phụ đầy đặn sau khi sinh con đầu lòng, rồi dần dần

trở nên người đàn bà hai con nặng ký như hôm nay, Hưng vẫn cứ thấy nàng đẹp và tình yêu nơi chàng vẫn thế, có vẻ như chẳng đổi thay gì. Dầu vậy, thoát khi Hưng cũng đắm nghi ngờ chính mình. Chàng cho rằng có thể chàng chỉ tự dối lòng, tự an ủi mình thôi: cái đẹp ngày xưa của Quỳnh Hoa không còn nữa, và cái đẹp hiện tại của nàng chỉ là bóng dáng nhập nhòa của bao kỷ niệm chồng chất lên nhau. Thời gian trôi đi, cuốn phăng bao vẻ đẹp thực tế của hương sắc con người. Không cưỡng chống được sự tàn phá vô tình ấy, con người đành chất mót những kỷ niệm vui buồn từng chia xẻ với nhau làm thành tổ để gìn giữ và tô chuốt lại vẻ đẹp ban đầu của người yêu. Cho nên, một mặt chàng cứ tự nhủ hoặc nói với Quỳnh Hoa rằng ‘em vẫn đẹp như xưa’ nhưng mặt khác, chàng vẫn biết rằng cái đẹp ấy không còn nữa với thời gian. Những người yêu nhau chỉ sống với cái đẹp quá khứ và khi sống với nhau là sống với tình yêu quá khứ...

Hưng xoay chậu hoa quỳnh để tìm cho nó một vị trí thích hợp. Đứng ngắm nghía một lúc rồi rửa tay vào trong. Quỳnh Hoa đang làm bếp.

“Cần anh giúp gì không?”

“Ồ... anh lật rau cho em được không?”

“Được, để anh. Nè, em nghĩ sao nếu cuối tuần mình mời vài người bạn thân đến chơi, uống trà, ngắm hoa quỳnh nở?”

“Vui chứ sao. Nên lắm. Nhưng anh có chắc được ngày nào hoa nở không?”

“Ông Dân đoán là trong vòng vài ngày nữa thì hoa nở đợt đầu. Thường nở vào lúc 8 đến 9 giờ tối. Anh nghĩ là mình mời và thông báo cho họ trước. Khi biết chắc ngày nào hoa nở thì mình lại gọi điện thoại, hú một tiếng, chắc chắn họ kéo tới, khó khăn gì. Anh hi vọng là hoa nở vào dịp có trăng tròn. Hôm nay mười hai âm lịch rồi.”

“Vậy thì anh gọi mời đi. Cũng lòng vòng mấy ông mấy bà cựu sinh viên của trường thôi chứ gì. À, anh tính làm tiệc gì đãi khách đây?”

“Tiệc trà thôi,” Hưng nhún vai nói, “chứ có cái tiệc nào thích hợp hơn để ngắm hoa quỳnh?”

“Nhưng tiệc trà là lúc hoa sắp nở, đang nở, còn trước đó thì cũng phải đãi họ ăn bữa cơm tối đã chứ. Em tính là nướng

barbecue.”

“Xì, làm cái gì đơn giản thôi. Bày ra đó rồi đến khi hoa nở dọn không kịp!”

“Thì cứ ngồi đó vừa ăn vừa ngắm hoa, có sao đâu?”

“Chao ôi, ngắm hoa quỳnh mà ăn thịt nướng à! Đời thuở nào mà diễn ra cái cảnh rừng rợn đó nhỉ!”

“Chữ tiệc trà đơn sơ thanh đạm gì của anh thấy xưa lắm rồi anh ạ. Bây giờ ngắm hoa thì cũng ngắm lẹ lẹ thôi chứ, ai có thời giờ đâu mà ngồi lâu nhâm nhi tách trà với anh.”

“Thôi được, không cãi với em nữa. Em muốn bày thịt nướng với rượu bia, giã thêm nem chả, hột vịt lộn gì cũng được, nhưng các màn nhậu nhẹt đó phải chấm dứt trước 7 giờ tối.”

“Có nghĩa là phải bắt đầu vào tiệc lúc 5 giờ rưỡi? Sớm quá vậy!”

“6 giờ bắt đầu cũng được, có sao đâu. Một giờ đồng hồ cho chuyện ăn uống, một giờ đồng hồ nghỉ ngơi cho rượu thịt tiêu bớt, rồi mới đến tiệc trà chứ.”

“Được rồi, được rồi, theo ý anh. Làm như là người ta ham nhậu lắm vậy. Bày tiệc nhậu là bày tiệc cho mấy ông thôi. Phận đàn bà chúng tôi chỉ cần gặp nhau, nói chuyện là đủ rồi. Anh lo mời đi rồi cho biết bao nhiêu người tới dự há. Nhớ mời thằng em nuôi của em nghen.”

“Tất nhiên rồi. Nhưng mà... mời nó tới nhậu thì được chứ không lẽ bắt nó ngồi ngắm hoa. Cái thằng đó có chịu được một phút im lặng để uống trà, nghe người ta ngâm thơ, ngắm trăng lên, nhìn hoa nở... không vậy?”

“Ồi chao, làm như là chỉ có anh mới là thi nhân thôi vậy há! Thằng em tôi cũng có làm thơ chứ bộ.”

“Thơ ở đâu, hồi nào? A, bài thơ bữa nó đọc cho tiệc đám cưới con bà Liên đấy à! Hô hô... bài đó nó ăn cắp nguyên vẹn của một tiệc cưới trong nước chứ có phải của nó đâu! Nhưng mà... dù đó là bài thơ của nó đi nữa thì nó cũng chẳng phải là mẫu người thích hợp cho tiệc trà. Cái mẫu người của nó há, chỉ thích chỗ ồn ào, cụng ly cốp cốp, dzô dzô 100%, la lối om sòm, cười nói sang sảng... em không thấy vậy sao?”

“Vây mới vui nhà vui cửa chứ. Có đâu như anh, cứ ngồi im lặng cả buổi, nhấp trà lâm râm từng chút, cười không ra

tiếng, thở không nghe hơi, buông lời ra thì toàn là thơ văn triết lý... y như một cụ già.”

Hưng cười, xua tay tỏ ý không muốn bàn nữa, sợ mất công đưa đến cãi vã. Lặt rau xong, Hưng giúp vợ rửa rau rồi dọn bàn.

Quỳnh Hoa đã thay đổi nhiều. Dường như ngay từ khi bắt đầu trở thành đàn bà, người phụ nữ thực tế hơn. Mọi thứ đều thực tế. Trong sinh hoạt hàng ngày, mỗi thứ đều thoát cái trở nên tinh vi. Tình yêu cũng thế, biến thành cái gì có thể tính toán được, sờ mó được qua những biểu hiện vật chất. Một bài thơ cho ngày sinh nhật, viết trên một tấm thiệp tự tay vẽ lấy, không còn làm nàng cảm động bằng một bó hoa kèm theo tấm thiệp in sẵn hình và chữ đầy đủ, thật đẹp, dày cộm nhiều lớp giấy, có nhạc. Cách nàng hí hửng, nói cười huyền thiên khi nhận quà, hoa và thiệp của “thằng em nuôi” đã chứng minh điều ấy. Nàng vui thật. Không phải để làm vui lòng “thằng em nuôi” trước mặt nó đâu. Ngay cả khi nó đã về rồi, nàng vẫn cứ vui, đi ra đi vào ngắm lọ hoa, chăm chút sắp qua sắp lại vị trí những cành hoa, rồi cứ ngắm nghía, đọc tới đọc lui tấm thiệp, mở tấm thiệp ra để nghe bản nhạc chúc mừng sinh nhật nhằm chán mà ai cũng biết “happy birthday to you”... niềm vui sinh nhật kéo dài cả tuần cho đến khi hoa héo. Còn bài thơ và tấm thiệp của chàng thì nàng chỉ đọc qua một lần với một vẻ lạnh nhạt. Nàng chỉ giả vờ hỏi lại vài chữ trong đó ý nghĩa thế nào để tỏ ra nàng có quan tâm. Vậy thôi.

Anh chàng gọi là “thằng em nuôi” của Quỳnh Hoa nhỏ hơn nàng hai tuổi, tên Long. Cũng tận tình thương và theo đuổi “chị” hết sức nhưng lúc nào chị cũng xem như một cậu em nhỏ. “Chị” lên xe hoa theo chồng rồi mà em vẫn không chịu buông tha, cứ bám theo, làm người bạn của gia đình, rồi lại làm người em nuôi bất cứ tiệc lớn tiệc nhỏ, chuyện xa chuyện gần gì của gia đình cũng có mặt, cũng xen vào, góp ý, thảo luận sôi nổi... đôi khi nói đùa thẳng thừng “đáng lẽ bà là bà xã chứ không phải chị nuôi tui đâu nhé!” hoặc “đáng lẽ cái chỗ của ông ngồi là chỗ của tui đó. Chẳng biết sao bà ấy lại chọn ông!”... Đại khái là vậy. Một thằng em nuôi dễ ghét và dễ sợ. Giống như một con đĩa. Nó bám mình thì mình chẳng có lợi ích gì cả, về vật chất cũng như về tinh thần. Bây giờ cố ý hất nó ra

thì làm tổn thương cái tâm lượng quân tử của mình—biến mình thành nhỏ mọn trong mắt người khác, và sẽ tự cảm thấy hèn hạ đối với chính mình—mà để nó tự tung tự tác thì nó phá hoại cả cái đẹp mà mình trân quý gìn giữ.

Chiều chủ nhật. Hưng dọn dẹp và trang trí sân sau, tạo một khung cảnh ấm cúng, thơ mộng cho một buổi tối ngắm hoa quỳnh nở cùng các bạn bè thân. Quỳnh Hoa lui hui ở bếp, sửa soạn thịt nướng cho bữa ăn chiều. Có Long, thằng em nuôi, vừa phụ giúp vừa pha trò vui vẻ. Phần tiệc trà cho đêm ngắm hoa thì chỉ có bánh ngọt, trà ngon, do Hưng chịu trách nhiệm. Pha trà là nghề của chàng.

Quỳnh Hoa và Long định dọn bàn ăn ngoài sân. Hưng cự nự:

“Cũng cái khung cảnh này, nhậu nhẹt rồi kể đó ngồi uống trà ngắm hoa, coi sao được. Giữ gìn tôi một chút thanh lịch cho cái sân sau này được không? Dọn bàn ăn trong kia đi.”

“Anh thật khó tính. Ngồi ngoài này mát mẻ, khoảng thoáng hơn chứ,” Quỳnh Hoa cần năn lại.

“Thôi mà anh Hai, đừng làm khó tội này chứ,” Long tiếp lời Quỳnh Hoa, “ăn gì lại chẳng là ăn, uống gì lại chẳng là uống. Dọn cùng một chỗ cho tiện mà.”

Hưng nghiêm mặt định nói một câu gì đó, nhưng kềm lại, nhún vai, tỏ ý thuận theo hai người. Chàng đã trân quý, chăm chút, chờ đợi giờ phút hoa nở đã nhiều ngày nay rồi, không muốn gây gổ làm hỏng mất không khí đẹp để thiêng liêng của những giờ sắp tới.

Khách lục tục kéo đến. Tính luôn cả chủ nhà thì cũng mười hai người. Long lảng xảng nói cười, tiếp rước như thể chính y là chủ nhân, chủ tiệc. Bầu trời còn ửng nắng mà bữa ăn đã bắt đầu. Tiếng nói tiếng cười rôm rả. Ly cụng nhau rộn rảng. Lời đẩy nhau rộn ràng. Những khuôn mặt đỏ gay. Những đôi mắt đục ngầu. Giọng cười tiếng nói kéo nhựa. Chuyện thời sự. Chuyện mạng lưới và kỹ thuật tân kỳ. Chuyện tiểu lâm. Từ cấp độ nhẹ nhàng đi dần đến đậm đặc, thô tục. Hưng ăn lấy lệ, uống qua loa, cười cầm hơi. Quan sát. Trong cái đám ồn ào bát nháo này, thực sự là không ai thích hợp cho một đêm trăng ngắm hoa quỳnh nở. Sao vậy kìa? Họ đến đây làm gì, chẳng

phải để ngắm hoa nở, và đọc thơ cho nhau nghe? Ăn nhậu say bí tỉ, nói cười ồn ào như chợ, rồi chỉ một tiếng đồng hồ sau nữa thôi, bước vào một thế giới thanh lịch, nhẹ nhàng khác? Vợ chồng chàng đã mời lắm người hay là họ đã thay đổi cả rồi, không còn thơ mộng như mười năm về trước?

Chỉ có một khuôn mặt lạ ngồi ở góc bàn là có vẻ ít nói, ít cười. Một phụ nữ trầm lặng đi theo Tạo—bạn cùng trường của Hưng—hoặc gã đàn ông hoạt náo nào đó ngồi kế bên nàng mà Hưng không biết tên. Có lẽ nhờ cô ta không biết uống rượu bia nên ít nói chẳng? Hay vì cô ta không muốn đến mà bị gã đàn ông kia ép đến? Hay vì cô ta nghe nói có tiệc trà ngắm hoa quỳnh nở nên sốt sắng có mặt và bây giờ đang thất vọng nhìn bữa tiệc vui nhộn đang cực cần phá vỡ từng giây từng phút của đêm thiêng sắp tới? Đáng người mảnh khảnh. Khuôn mặt nhỏ. Không đẹp. Chẳng có đặc điểm gì đáng để lưu ý nơi con người ấy ngoại trừ sự im lặng giữa một đám đông ồn ào. Nét im lặng đó làm đẹp cả một góc bàn, làm sáng cả một vùng sân phía ấy. Hưng nghiêng nghiêng đầu ngắm nhìn nàng qua bóng chiều nhẹ xuống, chập choạng, hư ảo. Nàng cười nhẹ. Không biết là cười với Hưng hay chỉ cười gượng để đáp lễ câu chuyện của người khác. Nhưng dù thế nào, ngay phút ấy, Hưng thấy nàng đẹp hơn tất cả những người đàn bà nào khác trên đời. Hưng nâng ly bia, uống cạn. Không lẽ... không lẽ cái đẹp chỉ hiện hữu trong những phút huyền hoặc, mong manh? Hưng không dám nhìn nàng nữa. Sợ mình chết đấm. Hoặc sợ nàng tan biến đi. Hưng đứng dậy, rời bàn. Xin phép, tôi vào trong chút xíu. Ê, đừng có trốn quân dịch nghe! Làm một ly nữa nè, 100% coi nào! Không, tôi vào một chút rồi ra ngay. Hưng hơi khệnh khạng bước vài bước rời khỏi đám đông. Không phải chàng say men. Chỉ say một chút tình hư huyền...

Hai bé Thư và Thi đang ngồi làm bài tập cho ngày mai. Hưng nhìn chúng bất chợt lại nảy lên ý nghĩ rằng chính cái đẹp ngày xưa của Quỳnh Hoa đã hóa thân thành hai đứa con gái. Con người luôn luôn muốn níu kéo và bám víu vào cái gì mình ưa thích để tự đánh lừa rằng mình vẫn tồn tại theo thời gian. Nhưng có cái đẹp nào có thể còn mãi với thời gian? Tất cả đều trôi về quá khứ. Chỉ có tình yêu thì hướng về tương lai. Ôi, rõ khủng! Con người một khi khởi lên tình yêu, đều có khuynh

hưởng nghĩ đến một tương lai nào đó. Người ta kéo cái tình yêu đó dài ra theo năm tháng, theo sự mê loạn của chính mình, nhưng thực sự thì không thể có một cái tình yêu kéo dài. Bị kịch của tình yêu nằm ở chỗ đó. Khởi dậy một thứ tình rồi tô vẽ cho nó tính cách dài lâu. Trong ảo tưởng về tính cách dài lâu của nó, sẽ thấy cái đẹp thật ngắn ngủi. Cho nên, nếu yêu người là yêu vì cái đẹp của tâm hồn hay thể xác thì không làm gì có một mối tình chung thủy! Cái đẹp nào cũng trôi đi, cũng thay đổi, tàn tạ theo thời gian cả. Chỉ có cái đẹp hiện tiền, chợt hiện chợt biến, trong khoảnh khắc, làm dậy lên một thứ tình yêu, cũng trong khoảnh khắc. Không có cái đẹp kéo dài. Không có tình yêu kéo dài. Tất cả đều hiện hữu và mất đi trong khoảnh khắc. Ngay trong khoảnh khắc ấy, nếu bắt được nó thì nó trường tồn miên viễn; không bắt được nó thì khởi sự cho một ảo tưởng kéo dài...

Khi Hưng trở ra thì vườn sau đã lên đèn. Bầu trời đêm tím sẫm. Tiệc rượu coi bộ đã tàn. Mấy người đàn ông bụng bự ngồi ì ra, tiếp tục tán gẫu. Mấy người đàn bà đứng dậy phụ nhau dọn dẹp tàn tích của một trận thư hùng giữa sức người và những thực phẩm vô tri.

“Anh chuẩn bị pha trà là vừa rồi đó,” Quỳnh Hoa nói với chồng.

Hưng quay trở lại bếp, nấu nước sôi, tráng cho nóng những tách trà nhỏ, mở nắp hộp trà ngon.

“Có ai còn hứng thú để uống trà ngắm quỳnh nở không?” Hưng hỏi khi Quỳnh Hoa và người đàn bà mảnh khảnh kia bưng chén bát dơ vào bếp.

“Hỏi gì kỳ vậy! Dĩ nhiên là ai cũng mong đợi tới giờ phút này chứ!”

Quỳnh Hoa nói rồi quay qua người đàn bà kia, như tìm đồng minh. Người đàn bà kia gật đầu, không nói. Hưng chế nước sôi vào bình trà. Người đàn bà kia đứng lại bên cạnh nhìn Hưng tỉ mỉ làm công việc của chàng.

“Anh có cần giúp gì không?”

“Không, cảm ơn cô. Tôi làm một mình được mà. Chỉ cần... chỉ cần cô biết thưởng thức, là đủ rồi.”

“Thưởng thức trà đấy à, dĩ nhiên là biết chứ.”

“Và thưởng thức hoa nữa kia.”

“Dĩ nhiên, em đến đây để được ngắm hoa quỳnh nở mà. Với lại... nghe anh Tạo quảng cáo là có mục ngắm thơ nữa, em thích lắm.”

Hưng gật gù tính nói một câu tỏ ý như tìm được tri âm bỗng thấy Tạo bước vào.

“Vân à, mình phải về đó em. Anh Hưng ơi, tôi có việc phải về gấp, cáo lỗi với anh nghe. Ôi, tiếc quá, mất cơ hội ngắm hoa quỳnh nở rồi.”

Té ra Vân là người tình mới của Tạo mà Hưng không biết. Vân ngạc nhiên trở mắt nhìn Tạo, vùng vằng không muốn đi. Vân nói:

“Giờ mà gấp vậy! Sao anh nói tối nay rảnh, có thể ngồi chơi lâu được mà?”

“Thì có chuyện bất ngờ mới phải về chứ anh đâu muốn. Vừa có cú phone nhấn phải đi gấp đó. Cấp cứu mà, đâu làm ngơ được.”

“Phải cấp cứu không hay là...?” Hưng hỏi lại với giọng nửa tin nửa nghi.

“Thật mà, bạn không biết đâu, rồi nơi đây giờ này, mất cơ hội ngắm quỳnh nở, tôi đau lắm đó. Nhưng thôi để dịp khác, mùa khác vậy. Tôi phải đi đây anh Hưng ạ. Đi em.”

“Hay để cô ấy lại đây, tôi sẽ đưa cô ấy về sau. Anh đi bệnh viện thì cũng đâu cần đem cô ấy đi?” Hưng đề nghị.

“Ừm... thì đi bệnh viện rồi còn đi công việc khác nữa mà. Đi, em.”

Vân chau mày, nhưng rồi cũng bước theo Tạo, vừa đi vừa e dè ngoái lại, nói với Hưng:

“Xin lỗi anh Hưng nhé, thôi hẹn dịp khác.”

“Tôi đau lắm đó, mất cơ hội ngắm hoa quỳnh,” Tạo còn nói thêm.

Họ đi rồi, Hưng lắc đầu, lắc bảm:

“Đau tiếc cái con khỉ. Chỉ nói cái miệng.”

Hưng đem trà ra sân. Thực khách cùng ồ lên một tiếng, rồi lao nhao:

“Rồi, đến rồi!”

“Mục chính bắt đầu.”

“Nãy giờ đến đây chỉ chờ đợi giờ phút này thôi đấy.”

“Lấy cây đàn ra đây đi chị Quỳnh Hoa, cho anh Hưng

trở tài, lâu quá không nghe anh ấy gảy nhạc classic.”

“Thú vị quá, thú vị quá, không gì bằng ngồi ngắm hoa nở, nhìn trắng lên, nghe bằng hữu ngâm thơ, đánh đàn...”

Đặt bộ đồ trà lên bàn, tự dưng Hưng cảm thấy những lời reo mừng của đám thực khách này đều rỗng tuếch, giả tạo. Hưng vẫn không tin nổi là từ không khí náo nhiệt có thể bước thẳng vào không khí thanh tao thì vì một cách tự nhiên, dễ dàng được. Họ chỉ đóng kịch thôi. Họ chẳng còn chút thơ nào cả. Bây giờ họ chỉ thích rượu mạnh, coi phim khiêu dâm hay phim bạo động, đọc và nghe băng tiểu thuyết rẻ tiền loại chẳng cần suy nghĩ và chẳng cần giữ lại nơi tủ sách, thích nghe nhạc kích động hoặc chỉ hứng thú với những liên khúc tango, boléro... Ôi, với sự trống rỗng vô vị của tâm hồn như thế thảo nào họ lại chẳng mê nghe nhạc liên khúc. Họ không muốn có một khoảng trống nào trong không gian và thời gian nên cứ lấy liên khúc ra mà lấp đầy. Mà càng cố gắng khóa lấp những khoảng trống, họ lại càng trống rỗng, tầm thường, nhạt nhẽo hơn. Họ chẳng biết rằng chính những khoảng trống, những nốt lặng, những giây phút thiếu vắng chờ đợi nhau, giữa hai nốt nhạc, hai bản nhạc, hai giọt nước mưa rơi, hai chặng đời, hai khoảng thời gian, hai tâm cảnh, hai con người... mới là cái chỗ thâm sâu, ý nghĩa nhất. Cũng như ngắm hoa quỳnh, giây phút hoa khẽ rung mình rồi lay nhẹ, lay nhẹ để hé mở những cánh hoa, là giây phút linh thiêng mầu nhiệm, đẹp đẽ; nhưng giây phút chờ đợi trước khi hoa khai nhụy lại chính là thời gian đem lại nhiều bồi hồi xúc cảm nhất. Nếu chỉ cần thấy những bông hoa thì sao không chờ hoa nở xong rồi hãy đến mà nhìn, hay là cứ mua hoa nhựa về cắm ở một góc nào đó trong nhà cho vui. Nghe nhạc mà cứ muốn nhạc réo liên tục không ngừng nghỉ, hết bản này qua bản nọ, không một nốt lặng, không một giây phút ngừng nghỉ, thì còn gì là nhạc nữa! Cái thằng em nuôi kia nữa, hần chỉ là một thằng láu cá với liên khúc của những lời, những câu, những nụ cười sáo, rỗng.

Trà được rót ra những cái tách nhỏ xíu. Hương trà tỏa thơm dịu dịu. Nhưng cũng chưa át được mùi thịt nướng còn phảng phất chung quanh.

“Trà ô-long hảo hạng đấy bà con ơi,” Long nói lớn.

Mọi người im lặng, chẳng ai nói gì. Dường như hương

trà và những tách trà đã mang đến cho họ một chút không khí cổ kính nào đó, khiến họ tự đứng bất ổn ào. Chỉ còn một mình Long là cứ bô bô cái miệng.

“Trà ô-long này muốn mua rẻ một chút tí phải lái xe lên Chinatown trên Los Angeles. Dưới này bán 30 đô một hộp ‘103’ chứ trên đó mình mua 1 hộp chỉ 25 đô thôi.”

Mọi người gật gù, bắt đầu nhấp trà. Long tiếp:

“Trà này sản xuất từ Đài Loan đấy. Có nhiều hạng còn đắt tiền gấp 5 lần trà ô-long 103 này nữa kia. Dù vậy, tôi vẫn thích trà 103 hơn. Không phải đắt tiền thì lúc nào cũng hợp với khẩu vị của mình, phải không? Chẳng hạn như hộp 409, họ có pha sâm vào đó nên bán đắt hơn 103, nhưng đâu có ngon. Mùi vị nó chát hơn, cái hậu ít ngọt hơn. Ở đây có ai uống trà 409 chưa?”

“Chưa,” một người đáp, giọng nhỏ, “anh Long này có vẻ sành điệu quá nghe. Từ rượu bia đến trà, thứ gì cũng sỏi hết mà.”

“Hi hi, có gì đâu, sơ sơ thôi mà. Để tôi nói cho quý vị nghe, về chuyện liên quan đến hoa quỳnh này đấy mà. Khi này tôi đã nói với chị Quỳnh Hoa rồi, bây giờ nói cho bà con ở đây biết,” Long tiếp tục bô bô.

“Thôi, khoan nói đã Long à,” Quỳnh Hoa chặn lại. Nhưng Long cứ tiếp:

“Nói thì nói, cho vui, chứ có gì đâu. Này nhé, tôi có học được một món súp rất độc đáo. Bảo đảm quý vị thử một lần sẽ không bao giờ quên được. Món này vẫn còn trong vòng thí nghiệm thôi; ý tôi muốn nói là trên căn bản nó đã thành một món súp, nhưng có thể tùy theo khẩu vị và tài nghệ chế biến của những tay đầu bếp, có thể làm cho nó ngon hơn, hấp dẫn hơn...”

“Là món gì vậy nói mau đi, lòng vòng hoài!” một người trong bàn tiệc thúc giục.

“Thì món súp hoa quỳnh đấy mà!” Long vừa nói vừa cười thật lớn.

Hưng trọn mắt, gằn lên:

“Im đi. Muốn nói gì thì... ra ngoài đường mà nói.”

“Thôi mà anh Hai, bớt giận coi nào. Chuyện gì mà nghiêm trọng thế! Anh không thấy mọi người đang chú ý lắng

nghe tôi sao? Phải không quý vị? Thấy chưa, thấy chưa. Tôi tiếp nhé, hoa quỳnh có cái tên khoa học là... là gì nhỉ? Quỳnh mất rồi. Nhưng được tính của nó rất cao, có thể đem chưng với đường phèn mà ăn cho mát gan bổ thận; ngoài ra, còn có thể nấu súp ăn rất ngon: khi hoa vừa nở xong chừng nửa giờ hoặc cao lắm là một giờ, lúc nó còn tươi chưa rũ xuống, cắt ngang cuống hoa, chỗ sát với lá, đem vào lo nấu ngay còn như không nấu được liền thì bỏ vào bao, cho vào tủ lạnh, hôm sau lấy ra nấu...”

“Thôi đi. Bây giờ không phải giờ ăn nhậu nữa,” Hưng lại gần giọng nói.

“Trời ơi, anh Hai nói vậy mà nói được. Đây chỉ nói chuyện thôi chứ có nhậu nhẹt gì đâu. Này nhé, trước khi nấu phải lấy cái nhụy hoa ở giữa ra, để nó lại sẽ bị đắng vì đây bông phấn. Cái hoa thì chế mỏng ra từng miếng cỡ này. Nồi súp có thể nấu với mực rong khô, tao một ít tôm tươi nữa thì tuyệt... Nói vắn tắt vậy thôi chứ không chừng quý vị nấu còn ngon hơn tôi nữa kia. Hoa quỳnh nấu súp có chất nhờn nhờn như lá mồng tơi quý vị ạ...”

Hưng đứng dậy, khều vai Long, ra dấu ngoắc Long:

“Ra đây mình nói chuyện riêng một chút.”

“Gì mà nghiêm trọng thế anh Hai,” Long cười giả lả, nhưng vẫn mau mắn đứng dậy bước theo Hưng.

Hưng đi ngang nhà bếp, phòng khách, mở cửa bước ra ngoài đường. Long theo sau, vẫn cười. Hưng nghiêm sắc mặt nói:

“Về đi. Tao không muốn nhìn mặt mày nữa. Mày có muốn gặp chị nuôi của mày thì phone đến hoặc gặp ở ngoài đường, đừng có bước vô nhà tao nữa, nghe chưa!”

Nói xong, không cho Long đủ thời gian nói lại tiếng nào, Hưng quay nhanh vào, đóng cửa sầm một cái. Đến ngang bếp, Hưng rót một ly nước lạnh, uống cho nguôi giận. Vài phút sau Hưng mới ra sân với khách. Quỳnh Hoa thấy Hưng trở lại một mình không có Long, liền hỏi:

“Gì vậy? Long đâu rồi?”

Hưng không nói, chỉ hất hàm hướng ra phía đường. Quỳnh Hoa đứng dậy ngay, lầu bàu:

“Anh làm cái gì vậy? Long về rồi phải không? Tự dưng

làm mất vui! Thiệt tình, anh cố chấp quá!” nói rồi Quỳnh Hoa đi nhanh ra ngoài.

Hưng ngồi lại với khách, im một lúc mới nói:

“Xin lỗi các bạn... Tôi không kiềm được nóng giận. Xin bỏ qua cho. Mời uống trà.”

Mọi người có vẻ ái ngại, nhìn Hưng. Không khí im lặng bao trùm.

Hoa quỳnh bắt đầu nở. Từng đóa, từng đóa, như hẹn trước với nhau, cùng run rẩy cửa mình dưới ánh trăng mờ nhạt. Trong thoáng chốc, chậu hoa với những cành lá xanh mượt uốn éo như bầy rồng đã được điểm bằng những hoa lớn trông như những nàng tiên áo trắng từ cõi nào đáp xuống vườn này. Cuống hoa đỏ, từ các cạnh của những phiến lá mỏng mà túa ra, cong xuống dưới rồi lại hướng lên, nâng những nụ hoa nghiêng chênh chếch về hướng người ngắm—có vẻ là như vậy; nếu cuống hoa nâng nụ hoa thẳng đứng lên thì người ngắm không làm sao thấy được nhụy hoa lấm tấm vàng và rất cầu kỳ bên trong. Hoa quỳnh lớn mà không thô. Đài các mà không kiêu sa. Thơm dịu dịu chứ không ngào ngạt. Vậy rồi hương thơm cũng tỏa ngát một vùng.

Một vài tiếng xì xầm, rồi vài tiếng xôn xao.

“Thơm quá.”

“Ồi đẹp quá.”

Hưng lặng lẽ ngắm, rung động một lúc nhưng rồi cảm hứng trong chàng lụi tàn thật nhanh. Nghĩ đến Quỳnh Hoa, vợ mình, đang vắng mặt trong những phút giây đẹp đẽ nhất, Hưng khóc trong lòng bằng một nỗi đau khó hiểu.

Gần một giờ đồng hồ sau thì khách lần lượt cảm ơn chủ nhà, ra về. Hưng tiễn người khách cuối cùng ra cửa rồi quay trở lại sân sau. Đánh đàn guitar, ca một mình. Gần một giờ sau, mới thấy Quỳnh Hoa trở lại, lặng lẽ ngồi ở một cái ghế gần đó. Cả hai im lặng chẳng nói gì. Hưng cũng không đàn ca nữa.

“Anh đã ngắm hoa xong chưa?”

“Có việc gì sao?”

“Vào nghỉ mai đi làm. Long nó dặn... hái hoa lúc còn tươi đem vào bỏ tủ lạnh ngay thì ngày mai nấu mới ngon.”

“Em muốn làm gì thì làm đi.”

Quỳnh Hoa đứng dậy, với con dao cầm sẵn trên tay, cắt những hoa quỳnh cho vào một cái rá nhựa.

Quỳnh Hoa vào trong rồi, Hưng vẫn còn ngồi im nơi đó thật lâu, cho đến khi trăng lên quá đỉnh đầu, cho đến khi sương đêm xuống lạnh, khiến chàng phải rùng mình. Chậu hoa quỳnh vẫn còn đó, nhưng không còn hoa, không còn hương. Hưng tưởng chừng nó đã chết. Hưng muốn ca thêm một bản trước khi vào ngủ nhưng cuống họng như bị tắc nghẽn, không thốt nên lời. Chỉ còn tiếng đàn vang nhẹ, nhẹ trong đêm. ■

Trần Bang Thạch

Cũng vẫn là chuyện buồn

Gần ba mươi năm sau tôi mới gặp lại chị Hạnh, từ ngày chị bỏ làng Thường Đông đi mất. Trong khoảng thời gian đó gần như tôi không nghe tin tức gì về chị, mặc dầu tôi cố hỏi thăm, kiếm tìm. Thời gian đi tù cải tạo ở Chi Lăng, có người bạn tù nguyên quán Châu Đốc nói rằng hình như chị Hạnh chính là chị Bảy Th., người nữ bí thư tỉnh ủy đã tiếp thu thị xã Châu Đốc. Ra tù, tôi dò hỏi tin này thì không có ai xác nhận. Cho nên một chị Hạnh tóc đầy che kín cái lưng ong và dài đến khỏi vòng eo thon là hình ảnh tôi còn giữ về chị. Thật sự thì tôi còn giữ trong tim mối tình của tôi đối với chị nữa, một mối tình đầu. Gọi như vậy chẳng biết có được không ?

Mối tình đầu, nghe có vẻ lãng mạn thời thượng nhưng mà có thật; nó đeo đuổi tôi từ cái tuổi còn thơ, lứa tuổi mà con nít đồng quê còn ở trường tắm mưa, trời lạnh tìm chim hoai không thấy. Lúc đó chị Hạnh lớn hơn tôi gần nửa con giáp. Dĩ nhiên đây là mối tình trẻ con, tình một chiều. *Tưởng như là tình yêu*, các ngài văn sĩ viết như vậy. Làng Thường Đông của chúng tôi là một làng nhỏ nằm trên nhánh sông Cái Răng bắt nguồn từ con sông cái Bassac ngoài Cần Thơ và cách thị trấn Cái Răng chừng một giờ đi bộ. Con đường nằm dài bên dòng sông, nhà cửa, vườn tược sầm uất. Có những cái mương ranh cát ngang lộ với những cây cầu dừa hay cau, trời mưa cầu dính đất, người đi rất dễ bị té xuống mương. Nói rõ như vậy để cụ thể hóa con đường tình bằng đất dài gần ba cây số của tôi thời đó. Chúng tôi lớn lên ở đây, nhớn nhơ như lục bình rau mác trên sông đầy, tươi non như chuối dừa cổ cây hoa lá, nồng nàn như nước ngọt phù sa. Nhà ba má chị Hạnh, chú thím Năm, là một mái lá che tạm trong khu vườn măng cụt của ba má tôi. Ngôi trường tiểu học là một gian nhà lợp ngói âm dương, vách che bằng tàu lá dừa cũng nằm trong khu đất của gia đình tôi, dựng trên cái nền cũ của Nhà Việc

ngoài đầu vằm Bà Vền. Trường không cửa nẻo, chỉ có một phòng duy nhất, một ông thầy duy nhất với ba bốn cấp lớp khác nhau cùng học một lúc. Hai ba chục cái bàn học long đình, sứt mẻ. Nắng che mưa đây. Bầy dê ba tôi nuôi cứ nhè các bàn học mà phóng uế, có cục bự, đen bóng như trái chà-là. Cho nên chúng tôi mỗi ngày vừa hốt vừa học. Nghe đồn thầy giáo Ba là một tay chum của Kỳ ngoại hầu Cường Để, từ Phố Hội chạy vào đây lánh nạn. Nhưng đám ranh con chúng tôi thì khoái cái truyền thuyết này: Quả thật thầy có chạy, nhưng chỉ chạy tới Bình Định, mỗi chum dừng lại, rồi phải lòng một o ở đây; gái Bình Định ai mà không biết đánh roi đi quyền, đến khi com không lành canh không ngọt, o chỉ phóng cho thầy một đàng vằn cước là thầy bay tuốt vào đây dạy học, cho quên đời. Thầy viết chữ Hán, thầy đọc chữ Tây, thầy ngâm thơ vịnh nguyệt. Thầy bắt mạch hốt thuốc. Người ta còn đồn thầy nói được tiếng Nhật-nhĩ-man nữa. Điều này thì tôi đâu hàng. Vì tôi không phân biệt được lúc nào thầy nói tiếng Tàu, lúc nào thầy nói tiếng Tây, tiếng Nhật. Kể cả tiếng Việt mà tôi cứ nghe như thầy nói tiếng ngoại quốc. Cách ăn mặc của thầy cũng ngoại quốc lắm: bước sang nhà bên cạnh cũng quần dài màu cháo lòng, áo dài thâm, guốc mộc. Trong lúc người nam bộ chúng tôi thì chân đất, đầu trần, quần cụt, áo da ... người. Lúc ấy chị Hạnh tuy đã lớn tuổi nhưng cùng học lớp nhì với tôi vì chú thím Năm từ vùng kháng chiến mới trở về sau hiệp định Genève 1954. Chú thím Năm nghèo lắm, ngày ngày phát vườn, làm cỏ mướn cho ba má tôi. Chị Hạnh là đứa con duy nhất của chú thím Năm. Má tôi tuy là người đàn bà suốt đời ở nông thôn nhưng có chút chữ nghĩa nên thường kể hay đọc cho tôi nghe những chuyện thần tiên, chuyện cổ tích từ những ngày tôi rất nhỏ. *Ngày xưa, xưa lắm... có bà tiên ...* Cho nên khi gặp chị Hạnh lần đầu với mái tóc thật dài tôi như tận mắt thấy một nàng tiên trong chuyện cổ tích. Tôi bị hấp hồn. Sau này tôi mới biết cái gọi là tiếng sét nó rớt trúng đỉnh đầu tôi sớm quá, làm thành bé ngủ ngờ ngáy ngồ này ngày ngật ngất ngư nghiêng ngả, cho nên những tiếng sét về sau tôi coi như pha. Trình Giáo Kim đã hiện ngang đưa đầu nhận cái búa thần đầu tiên, rồi ngửa mặt lên trời cười ha hả ba bốn phút, thì sáu búa tiếp theo già Kim coi như những món ăn chơi, vừa nhận búa vừa

xĩa răng, ăn trầu.

Trẻ con đứa nào mà không thương yêu tiên, bất kỳ tiên bà hay tiên cô. Có lẽ tôi yêu chị Hạnh từ đó.

Đêm trăng. Những đêm trăng tuyệt vời ở quê tôi đã góp phần lớn vào tâm hồn lãng mạn của cậu bé con là tôi thời đó. Những năm năm mươi rất ít người sắm được cái máy hát quay tay, xài kim con gà *le coq*, nên đêm trăng các thanh niên thiếu nữ hàng xóm hay tụ tập ngồi trên cây cầu xi-măng cốt sắt rộng chừng hai xây tay bắt ngang con rạch Bà Vèn, nghe tiếng hát cải lương từ các đĩa Pathé hay Asia 33 vòng quay, phát ra từ cái loa mắc trên ngọn dừa cao thuộc khu doanh trại của một đại đội Hòa Hảo đồn trú bên kia sông; nghe tiếng được tiếng mất tùy theo chiều gió, nhưng có hề gì, những gái trai này họ cần gặp nhau, nhìn nhau là đủ. Còn các trẻ con thì bày đủ trò chơi trên khoảng đất dưới dốc cầu. Lúc đó tôi cũng là trẻ con, nhưng tôi không thích các trò chơi, mà chỉ thích nghe cải lương và ghiền chị Hạnh. Má tôi nói tôi thích chị Hạnh vì chị Hạnh biết làm kẹo dừa thật ngon. Tôi phản đối. Chị Hạnh ngọt hơn cây kẹo dừa nhiều. Tôi đeo theo chị Hạnh và đeo theo các tuồng cải lương vọng lại từ bên kia sông. Những Bạch Huệ, Ngọc Ánh, Thành Công, Út Trà Ôn, Minh Chí, Việt Hùng, Tám Thưa ...tôi thuộc tên không sót. Mã Chiếm Sơn, Thành Lãnh Bán Heo, Đời Cô Lựu, Tô Ánh Nguyệt ...tôi cũng nằm lòng. Tôi ghét Lý Thông, Bàng Quyên cũng như ghét mấy anh thanh niên bu quanh chị Hạnh. Tôi thường ngồi sau lưng chị Hạnh nghe cải lương, nên mỗi lần nghe những lời đối đáp thân mật của họ tôi hay dấu mặt vào suối tóc thơm mùi bồ kết của chị, muốn cắn đứt từng sợi, từng sợi một cho hả giận. Chỉ có những buổi trưa vào mùa măng cụt, sầu riêng là tôi được đọc quyền chị Hạnh. Chỉ có tôi bên chị, không có một anh này anh nọ nào hết. Trong một cái nhà nhỏ như nhà chòi được dựng cao như tháp canh, hàng ngày, sau giờ học ở trường là tôi và chị Hạnh ở trên chòi canh đó. Chúng tôi vừa học bài vừa tập hát cải lương và đọc truyện Tàu, chuyện cổ tích. Chị Hạnh được ba má tôi nhờ canh kẻ trộm bẻ măng cụt hay sầu riêng. Những tập cải lương 50 xu nhỏ bằng bàn tay, những chuyện cổ bằng thơ của tác giả Đoàn Trung Còn, những bộ truyện Tàu của nhà Tín Đức

thư xã... chất đầy trên chiếc giường tre trong khu nhà canh. Buổi trưa êm ả trong khu vườn tĩnh mịch mà nghe chị Hạnh nói *thơ Văn Tiên* thì nhin đối cả ngày cũng được. Đầu óc tôi và chị Hạnh đắm đuối những vệt nắng trưa xuyên qua kẽ lá với tiếng ve râm ran bất tận khắp vườn và các điệu ca Vọng cổ, Đão ngũ cung, Thủ phong nguyệt, Xàng xê, Hướng mã hồi thành ... xen lẫn với Trần Minh khổ chuối, Phạm Công Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn, rồi Càn Long du Giang Nam, Vạn Huê Lầu, Tiết Nhơn Quý, Na Tra, Dương Tiễn, Tồn Ngộ Không, Đường Huyền Trang, Tôn Tẩn ... Như vệt nắng loang trong khu vườn khi mặt trời dần dần xuống thấp, chúng tôi lớn lên và vẫn thấy mình gắn bó với nhau như hình với bóng, như tiên nữ với gã tiểu đồng. Suối tóc chị Hạnh mỗi ngày một dài thêm, mượt mà thêm. Hơi ca vọng cổ của tôi mỗi ngày một mùi mẫn hơn theo độ lớn của lồng ngực và độ rung của nhịp tim mỗi lần chị Hạnh xoa tóc ngồi nghe, mơ màng gõ nhịp. Một hôm cao hứng, chị Hạnh bới đầu giả làm Kim Liên để ngồi sụ mặt mà nghe Võ Tòng là tôi chửi như tát nước vào mặt. *Ta tuy là giảng hồ thảo khấu, nhưng đã từng trừ gian, đã hổ thì lòng dạ nào bội phản anh ta. Còn người. Hỏi con tiện tỳ mặt hoa da phấn, mày ngài mắt phượng mà sao quá đổi lẳng ... ư.ư...ư ... loạn.* Có một thời gian chú Năm bị công an Cần Thơ bắt giam nơi khám lớn, nghe nói vì là cựu kháng chiến hay gì gì đó, chị Hạnh eo xèo như một cọng cỏ tranh khô. Những lần đi thăm ba trở về chị chỉ biết ôm tôi mà khóc. *"Em ơi, R. ơi, chị khổ lắm, tội nghiệp ba chị lắm. Người ta tra khảo ba chị hàng ngày đó em ơi"*. Những khi đó tôi chỉ muốn mình lớn nhanh để ôm trọn chị Hạnh vào lòng, vỗ về, an ủi. Và để làm người anh hùng cứu khốn phò nguy của gia đình chị Hạnh. Rồi sau mấy tháng chú Năm cũng được thả ra, nhưng gầy còm như cây sậy. Từ đó chú Năm không còn có thể phát dọn cỏ vườn cho gia đình tôi được nữa nên chú thím dọn nhà ra cất gần khúc sông rộng, chỗ nước xoáy, làm nghề hạ bạc. Chính thực thím Năm mới là người vó cá và giăng lưới trên sông với sự phụ giúp của chị Hạnh, còn chú Năm thì chỉ có thể đêm đêm ngồi xuồng câu tôm trên sông vắng, gởi tâm sự mình qua tiếng đàn bầu ướn dầm sương đêm. Nhiều hôm tôi theo xuồng câu của chú Năm, tiếng ca vọng cổ của tôi quyện theo tiếng độc huyền trôi

theo dòng sông đêm, giạt lên bãi bờ, tấp vào doi vịnh. Để sáng hôm sau nghe tiếng chị Hạnh nói nhỏ bên tai, ấm như hơi thở: "R. làm chị mất ngủ suốt đêm qua". Và tôi bỗng chốc thấy mình thành một gã Trương Chi tài hoa nào đó nên tôi gọi chị là Mỹ Nương. Chị nói : *"Còn lâu chú em mày mới là chàng Trương của tí tí! Ha! Ha!"*

Đến năm chúng tôi vào lớp nhứt thì phải ra thị trấn Cái Răng học. Chị Hạnh phải thay đổi khai sanh, sụt tuổi để chuẩn bị thi vào lớp Đệ thất ở Cần Thơ. Số tuổi của chị Hạnh bây giờ rất xứng hợp với thân hình nhỏ gọn của chị. Có lần tôi nói giỡn: *"Mình bây giờ bằng tuổi nhau rồi đó, không được xưng chị với R. nữa đó nghe!"* Chị Hạnh rướn chân cộc lên đầu tôi một cái, nói : *"Nghèo mà ham. Cái thằng quí!"*. Rồi chúng tôi cùng cười. Chúng tôi vui cười với nhau hầu như suốt năm học đó. Năm học mà chúng tôi cùng nhau đi bộ từ sáng tinh mơ đến trường tại thị trấn Cái Răng, rồi chạng vạng tối trở về nhà, bất kể nắng mưa. Thời đó xe đạp rất khó sắm, nhưng tôi có một chiếc hiệu Udago, còn chị Hạnh thì không mua nổi, mà chở chị Hạnh phía sau bọc-ba- ga thì không được vì đường đất lồi lõm, trời mưa thì trơn trượt, mặt đường lầy lội, cho nên tôi cũng bỏ xe đạp mà cùng đi bộ với chị Hạnh. Như tôi đã nói, đây là con đường tình yêu của tôi đó. Chúng tôi thẩn thơ nắm tay đi trong nắng. Chúng tôi nghiêng ngả đầu nhau đi trong mưa. Chúng tôi cười vang trong sương sớm. Chúng tôi buồn bã theo mỗi tiếng chim chiều.

Càng ngày tôi càng say mê mùi bồ kết từ vuốt tóc mượt mà của chị Hạnh. Màu đen huyền của tóc như càng ngày càng buồn bã hơn sau cái chết của chú Năm trong một đêm thổ huyết rợn rùng. Lúc đó chị Hạnh, với cái áo bà ba trắng đầy máu, khuôn mặt đầy máu, tay chân đầy máu, vừa ôm cha vừa ngồi chết cứng trên đống máu tươi. Cũng từ đó, chị Hạnh có thêm đôi mắt sâu như vùng bóng tối, thật buồn. Buồn hơn cái buồn âm u của vuốt tóc đã ủ dột trên chiếc lưng non.

Năm học rồi cũng qua trong cái hồn nhiên, vô tư của tôi và trong cái u hoài, khốn khổ của chị Hạnh. Mấy tháng hè năm đó chúng

tôi học thi, chuẩn bị cho kỳ thi đệ thất đầy cam go nên chúng tôi ít có cơ hội gặp nhau. Những lúc gặp nhau chúng tôi cũng ít nói, ít cười với nhau. Không biết vì mỗi đứa đã thấy mình cao hơn một chút hay niềm vui của chúng tôi đã chết theo nỗi buồn của chị Hạnh. Không biết từ hồi nào mà chị Hạnh biết đàn độc huyền cầm. Nhiều đêm hôm khuya khoát, cùng với tiếng chim đêm trên không, tiếng côn trùng dưới đất, tiếng đàn bầu của chị u trầm thoảng bay trong gió. Điệu Nam Ai như oán như than như hờn như trách. Tôi nghe mà lạnh người, tưởng như nghe tiếng độc huyền của chú Năm thoát lên từ cõi âm ty. Cũng có nhiều đêm đi dạo trước sân nhà, tôi thấy xa xa bỗng bành một mái tóc dài lẫn khuất giữa những tàu lá dừa thấp úm rù trên bến sông. Mùi sinh non trên bãi cạn không át nổi mùi bồ kết quen thuộc thoát ra từ mỗi cọng tóc dài như một dòng sông đêm.

Mùa hè năm đó ngày thi chưa tới mà cái chết của thím Năm đã đột ngột tới rồi. Và chị Hạnh cũng đã đột ngột bỏ đi sau khi an táng mẹ. Người ta nói chị đi về phía bên kia. Căn nhà trống bưng vách trên bờ sông. Cái vó cá bằng chỉ cô-tông nhuộm vỏ trầm nằm chờ vợ trên bãi. Cái rổ xúc cá rộng vành còn máng trên đầu cây sào mù u bên cạnh đàn bầu đã héo lá. Khi con nước ròng, cây cầu dừa nằm xoai xoải dưới bến được bao phủ một lớp sinh non, chông chờ tay vịn. Một đề lục bình cô đơn, héo úa tấp trên bãi từ hồi nào vẫn còn đó. Tất cả còn ở đó. Nhưng tiếng đàn bầu giữa khuya và dòng tóc đêm sâu thoảng hương bồ kết thì đã đi đâu mất rồi. Chàng Thạch Sanh đã không còn cây đàn thần để khảy lên khúc tịch tình tang, ai đem công chúa lên thang về nhà. Còn nàng công chúa Tiên Dung có bao giờ quay thuyền trở lại bến xưa để người Chử Đồng Tử biết thân mà trầm mình dưới cát, dội một gáo nước nhiệm màu ?

Chuyện cổ tích vẫn là chuyện cổ tích. Và ít có chuyện cổ tích nào vui.

oOo

Người ta gọi là chợ Nhà Bàng có lẽ từ khởi thủy nơi đây là rừng bàng, người địa phương đã đốn những cây bàng để lập chợ.

Chợ là vài mươi căn nhà nhỏ mái lợp bằng lá thốt nốt, vách ván tạm bợ. Bấy giờ đã xế chiều. Nắng đã dịu bớt. Có tiếng bò rống nghe từ cánh đồng cỏ trước chợ. Chợ vắng người. Chỉ có quán bán cà phê là có vài người vừa hút thuốc vừa nói chuyện trên trời dưới đất. Khách bước vào quán kiểm chút gì ăn đỡ dạ. Bên trái quán, người đàn bà Khờ-me ngồi ngủ gục bên gánh hàng bán nước thốt nốt, ruồi bu như đậu đen. Kế đó, ông tàu già ngồi ho sù sụ sau tủ thuốc lá lẻ. Một căn nhà nhỏ ở cuối chợ, mái hiên có treo cờ đỏ sao vàng. Chắc đó là đồn công an. Tại vùng Năm Non Bảy Núi này, cái chợ nhỏ vậy mà nằm ở vị trí tốt, gần nhị biên. Khách từ thị xã Châu Đốc, sau khi vượt núi Sam với đền thờ Bà Chúa Xứ chừng năm sáu cây số thì thấy một ngã rẽ. Nếu khách rẽ mặt thì sẽ đi về hướng huyện Tịnh Biên, sát ngay biên giới Việt Nam -Campuchia, với những rừng cây thốt nốt làm tiền trường cho dãy núi Dài xanh lam bên kia biên giới. Còn đi thẳng khách sẽ về hướng Nhà Bàng, Chi Lăng, Tri Tôn, Ba Chúc với các núi Con Két, núi Trà Sư, núi Tượng, núi Cấm, núi Giải, cũng nằm dọc theo biên giới. Ăn xong tô bún nước lèo dần bụng, vẫn xong diều thuốc rê, bập bập mời lửa, rồi khách lên xe lỏi đi về phía núi Trà Sư, đối diện với núi Con Két. Giữa hai quả núi này là con đường đá dẫn tới Chi Lăng, trước 75 là một trung tâm huấn luyện; sau 75 là nhà tù, rồi trại lính. Núi Con Két là quả núi trọc nằm cách khu chợ Nhà Bàng chừng 2 cây số. Từ lộ xe nhìn chếch lên cao, khách thấy một chõm núi y như hình dạng cái đầu con kết với cái mõ thật rõ ràng, càng nhìn càng thấy giống. Phía sau cái đầu con kết có những phiến đá trông giống như những tiền ông đang ngồi đánh cờ. Lưng chừng quả núi này, hướng xe chạy có một cái tháp cao 18 tầng giữ tro cốt những vị sư liễu đạo tại ngọn núi này. Xuống xe, khách tìm lối mòn đi lên núi Trà Sư. Quả núi này có cây cảnh xanh um, nhiều loại cây trái. Những mái nhà nhỏ rộng chừng bằng chiếc đệm ẩn khuất trong những chòm cây hay vách đá. Có những người cư ngụ hoàn toàn trong hang đá, không có cửa nẻo gì hết, người ta chỉ thấy những cái lu sành hứng nước mưa để ở bên ngoài hang. Đa phần những người này là những nhà tu khổ hạnh. Chung thân diện bích. Người ta đồn rằng họ chỉ uống nước mưa mà sống. Cọp beo chồn khỉ rắn rít tình cờ bước tới cửa hang đều cúi đầu một cái rồi quỳ quả bả

đi. Người ta cũng nói hai thời kỳ chiến tranh không có một hòn đạn nào rót ở đây. Chiến tranh không thể có trên đất Phật.

Nhờ những hời han trước, hôm nay khách không khó lắm khi tìm ra căn nhà muốn gặp. Căn nhà nằm gần tới chóp núi, ngay đầu nguồn một dòng suối nước trong. Hồ nước thiên nhiên trên đầu suối bao giờ cũng đầy. Con suối này sẽ chạy quanh co xuống tới chân núi rồi chảy ra kinh đào Vĩnh Tế. Xung quanh căn nhà là những cây măng cầu dai, đu đủ, nhãn, chuối, khoai mì, giàn đậu, giàn mướp... Mùa này là mùa nhãn chín. Những cái lồng đan bằng nan tre bọc từng chùm nhãn. Mùi thơm của nhãn quện khắp nơi... Những chú sóc con chuyền trên cây, như không chú ý gì đến người khách lạ hôm nay. Tiếng ve, tiếng chim như làm nền cho tiếng suối róc rách bên bờ đá. Có tiếng khếch khếch của chú khỉ con nào đó góp lời. Trước và xung quanh nhà là những chậu hoa mẫu đơn đang có những cánh hoa đỏ to hơn cái chén. Một chậu hoa mai tứ quý cao hơn mái nhà với những cánh mai màu huyết dụ. Bất đắc dĩ khách phải làm người nhàn tản ngắm cỏ cây hoa lá vì đã ba lần khách gõ cửa, một lần gọi tên chủ nhà và xưng tên họ mình mà cánh cửa gỗ vẫn chưa được mở ra. Khách chợt nghĩ tới sợi dây chuông của Khái Hưng trong Hồn Bướm Mơ Tiên mà bất giác rung mình. Một vệt sáng yếu ớt xuyên qua kẽ vách ván. Khách cũng ngửi được mùi nhang thơm từ trong hắt ra. Đêm ở đây xuống thật nhanh. Cỏ cây hoa lá chung quanh như cùng một lúc trùm lên một tấm vải màu sẫm. Trời núi đã có rải rác ánh đèn đầu. Dưới chân núi, tại chợ Nhà Bàng và ở thật xa hướng nam là thị xã Châu Đốc đã lấp lánh ánh đèn điện. Khu doanh trại Chi Lăng ở hướng tây bắc cũng sáng ánh đèn. Một tiếng chim lẻ bạn kêu thảng thốt trong màu chiều. Khách uể oải kéo cao cổ áo treillis cũ, đội lên cái nón lác định xuống núi. Lúc khách bước tới chậu hoa mẫu đơn định hái một cánh hoa kỷ niệm một chuyến *đi mà không đến* thì cánh cửa gỗ từ từ mở. Khách dừng tay để thấy chủ nhân tay còn vịn nắm cửa. Ngọn đèn trứng vịt lù mù phía sau lưng nên khách chỉ thấy một bóng đen cao, gầy. Chủ nhân bước lui như có ý mời khách vào. Chủ nhân chỉ chiếc ghế mây kê gần cửa sổ rồi bước lui thêm mấy bước, ngồi ké bên mép một tấm ngựa gỗ chỉ rộng vừa đủ

cho một người nằm. Một bàn thờ kê ở vách nhà cuối phòng có cây đèn trứng vịt. Hai cây đèn cầy chưa đốt gắn trên hai cái chén chung úp ngược. Sát vách, trên bàn thờ, khách thấy hai khuôn ảnh của vợ chồng người trung niên quen thuộc từ hơn ba mươi năm trước và một khuôn ảnh của một thanh niên mà khách không biết là ai, đầu đội nón cối, cầu vai áo có gắn quân hàm. Chủ khách vẫn chưa ai mở lời. Tiếng muỗi vo ve nghe thật rõ như mỗi người đang nghe rõ tiếng đập thình thịch của trái tim trong lồng ngực mình. Ngọn đèn trứng vịt lù mù vẫn ở phía sau chủ nhà nên tới giờ này khách cũng chỉ thấy nhờ nhờ gương mặt người đối diện. Không thể im lặng được lâu, khách phải lên tiếng.

"Đêm ở đây xuống mau quá. Không ngờ".

"Và chắc trời lạnh hơn dưới đồng bằng".

"Không. Mát và dễ chịu hơn nhiều. Thật nhiều".

Con thạch sùng chạy vòng vòng trên vách. Một con khác chạy phía sau, chắc không bao giờ bắt kịp. Khách nghe có tiếng thở dài. Không biết là của ai.

"Ở đây quả là vùng Thất sơn màu nhiệm, cảnh đẹp như tranh. An bình, thanh tịnh. Thật đúng là chỗ cho người đi tu".

"Và cho kẻ trốn đời".

"Kẻ trốn đời?"

"Phải. Kẻ trốn đời".

"Đời là vậy, từ ngàn xưa. Thế sự nhọc đại mộng. Còn đâu, bề thăm. Ai hơi đâu mà trốn".

"Chắc cũng có người".

Khách nghe những tiếng ho thật khẽ, như bị nén chặt trong lồng ngực người đối diện. Ngọn đèn lù mù phía sau lưng chủ nhà in cái bóng lung linh, gãy khúc trên vách lá. Khách cũng nghĩ tới cái bóng của mình in trên một tấm vách khác, tấm vách ván phía sau lưng mình. Hai cái bóng cùng lung linh, cùng gãy khúc, nhưng không chạm vào nhau như hai cái bóng trong vườn vườn cũ ngày xưa. Vườn vườn cách nay mới có mấy mươi năm mà đã là vườn vườn cổ tích.

"Xin được vào bếp nấu ấm trà đãi khách phương xa. Không ngờ"

hôm nay trời trở gió".

" Không dám làm phiền. Trời trở gió. Không ngờ".

Gia chủ vẫn giữ thế bộ bước lùi. Khách tự hỏi: Không biết mái tóc dài còn ở phía sau lưng?

Không ngờ. Phải. Không ngờ. Ba mươi năm biệt tăm, mất dấu, bây giờ gặp nhau. Thật không ngờ. Nhưng sao quá ngỡ ngàng? Cái riêng của mỗi người từ ba mươi năm qua bây giờ nở nhần tâm tụ hội về đây để xây lũy, đắp thành căn lối chim xưa ? *Chao ôi binh lửa, ôi binh lửa, ai đẹp giùm ta trận giặc này.* Có phải dòng thơ ấy Trần Huyền Trân dành cho định mệnh hôm nay ? Xin đất trời xóa sạch những thương ghét, lụy phiền, ân oán của ba chục năm qua mà trở lại thời hồng hoang nguyên khởi để tái tạo những chuyện thần kỳ. Trong đó có chuyện người lãng tử say hương bồ kết rồi ngủ vùi trong một suối tóc mây. Hay xin sơn thần thổ địa nổi cơn gió lớn đưa nguyên trái núi Trà Sư này về làng Bích Câu buổi trước, để Tú Quyên được một khắc tương phùng với Giáng Kiều, người tố nữ trong tranh. ện hội ngộ ở làng Bích Câu cũng chỉ là chuyện cổ tích từ muôn đời. Chuyện hợp tan. Cũng vẫn là chuyện buồn. Cánh cửa cái vẫn còn mở. Khách đội nón, bước ra. Gió núi bây giờ thật là lạnh.

Phạm văn Nhân

Màu Thời gian

Màu

thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngắt

Hương thời gian không nồng

Hương thời gian thanh thanh

Đoàn Phú Tứ

Mấy đứa cháu quần quýt bên ông. Đứa nói ra đứa bàn vào, đề nghị ông nên thuê chiếc xe ca về tỉnh cho tiện, lại còn khỏe nữa, chứ đi xe đồ chạy cà rịch cà tang để làm cho ông mệt. Ông ngồi nhìn những đứa cháu không nói gì. Bây giờ đứa nào cũng lớn cả. Ông nghĩ lại, mới đó mà đã hơn hai mươi mấy năm, mau thật. Ngày ông ra đi mấy đứa cháu còn nhỏ lắm, khoảng năm , sáu tuổi chi đó. Bây giờ nhìn đứa nào đứa nấy lớn như thổi.

Có đứa nói: Để con gọi điện thoại cho hãng xe đem xe tới nhà đưa ông đi. Nhưng ông nhất định không. Ông muốn đi xe đồ để tìm lại cái tuổi mà nhiều lần ông đã theo những chuyến xe đồ đem đi về thành phố để kịp buổi sáng vào lớp học. Thời đó còn yên ổn, tháng nào ông cũng về nhà bới xách ít đồ ăn để vào ở trọ trong thành phố, để học, khi ông lên lớp cao hơn. Những chuyến xe đem như đã quen thuộc với ông từ thuở nào. Mấy đứa cháu thấy ông đòi đi xe đồ, buổi sớm đưa ông ra bến. Chiếc xe đồ như những năm nào, cũ kỹ. Hành khách trên xe chật như nêm. Thế mà ông lại thích. Có gì đâu, xe chạy một đôi thì chỗ ngồi cũng rộng thôi. Ông nghĩ như vậy, cho nên dù bị ngồi kẹp giữa những hành khách mà ông lại thấy vui, gần gũi bà con trong gang tấc . Bên cạnh ông, một người đàn ông trung niên ngồi phì phà hơi thuốc lá chẳng cần biết trên xe chật chội, đông người. Trên xe có nhiều tiếng nói ồn ào , và cũng có người đưa mắt nhìn ông có vẻ tò mò, vì ông ăn mặc đàng hoàng. Ông cũng vẫn tỉnh bơ, hết nói cười với người khách này đến cười nói với người khách khác, mà hầu như có lẽ ít có dịp nào ông có được cái gần gũi bà con khi ngồi lại trên chiếc xe đồ này . Bên cạnh ông còn có con bé gái

trạc tuổi chừng 15, 16 nhưng có vẻ lanh lợi, nhìn ông rồi nói trống:

- Bác Việt kiều mà cũng đi xe đồ?

- Thế cháu có đi không?

- Đi chứ. Nếu không " gô " xe đồ thì " gô bằng xe gì. Vào những ngày nghỉ học là cháu " gô " thường xuyên.

- Sao cháu không nói tiếng Việt, mà chêm vài tiếng Anh, tiếng Mỹ vô làm gì, nghe nó sao đâu ấy.

- Thời buổi bây giờ là vậy đó bác. " Mo- đồ " mà. Tụi cháu đồ xô đi học tiếng anh, để kiếm " mo - ni " hơn. Không phải như những ngày mới giải phóng. Ai cũng lo đi học tiếng Nga . Đợi lắm.

Ông nghe con bé nói chuyện, lúc nào nó cũng pha vài ba tiếng Anh ,tiếng Mỹ bập bõm, làm ông nhớ lại những năm còn chiến tranh, lúc đó ông còn trong quân ngũ. Những lần về phố cũng nhìn thấy những đứa trẻ nín kẻo những người lính Mỹ lang thang trên đường. Chúng nó cũng bí bô vài ba tiếng ngoại quốc để kiếm sống, bằng cách đưa dẫn họ đến chỗ ăn chơi nào đó trong thành phố ngập ngụa những quán bar, và tiếng nhạc .

Chiếc xe đồ chạy một đỏi ra khỏi phố, ông đưa mắt nhìn ra bên ngoài khung cửa xe như háo hức tìm về dĩ vãng. Những thửa ruộng, những con trâu đứng thản nhiên nhai cỏ, hay một vài ụ rơm nào đó đứng bên vĩa hè nhà. Vẫn cái vẻ hăm hở không bao giờ ông quên được cho dù khi còn trai trẻ hay lúc còn trong quân đội. Thời đó, biết bao nhiêu lần ông hành quân qua những xóm làng , cũng những đám ruộng đó, cũng những ụ rơm đó, cũng những con trâu đứng nhìn ngơ ngác những toán lính đi qua. Xóm làng đối với ông nghe sao gần gũi. Như hôm nay cái háo hức như về lại với ông ngày nào. Ngày mà...

oOo

Thằng Mịch lớn lên, nó cũng chẳng biết quê hương làng xóm ở đâu. Chỉ biết nghe mẹ nó nói quê hương ở đâu tận ngoài Huế, một làng quê nghèo nào đó. Cha đi lính cho Tây đỏi vào Nam, dẫn mẹ và mấy anh chị em nó đi theo. Khi nó lớn lên hai, ba tuổi thì cha đi đánh trận chết, mấy mẹ con không thể trở về Huế được, phải ở lại sống trong khu phố cũ kỹ, mà hằng ngày mẹ nó

phải đi gánh nước thuê cho bà con trong khu phố để kiếm tiền nuôi bảy con dại. Ai cũng biết nó là con bà gánh nước thuê đi đổ từng nhà. Vì nước giếng của nhà nó rất ngọt và mát. Nấu một nồi canh mà không nấu nước giếng nhà nó là thiếu đi chất ngọt. Pha một bình trà mà không có nước giếng của nhà nó, bình trà mất ngon. Cho nên mẹ nó mới rào cái giếng lại, vì đó là nguồn sống của mấy mẹ con. Có điều thằng Mịch càng lớn lại càng học giỏi. Năm nó học hết tiểu học, muốn học thêm phải thi vào trường công để học tiếp lớp đệ thất. Một hôm nó múc nước cho mẹ và chị nó gánh xong, chạy bộ xuống trường trung học tỉnh để xem kết quả. Tên nó đứng hàng đầu trong danh sách thí sinh trúng tuyển. Thời đó vào học trường công là một hãnh diện. Nó chen ra khỏi đám đông, chạy về khu phố cũ cho mẹ và các anh chị nó hay. Mẹ nó đang gánh đôi thùng nước, nghe nói nó đậu, mà lại đậu cao, bà mừng quá làm đổ đôi thùng nước lênh láng. Tối đó, mấy mẹ con về lại ngôi nhà nhỏ, chị nó thấp giọng trên bàn thờ của ba nó để cho mẹ nó khấn vái nói nó đã đậu. Xong mẹ nó hỏi:

- Con muốn mẹ thưởng cho con cái gì ?

Nó nhìn mẹ lắc đầu. Vì nó biết hơn ai hết, mẹ nó không có tiền.

Thế rồi, mẹ nó lặn lưng lấy ra 5 đồng cho nó, bảo:

- Mẹ thưởng cho con. Cầm mà mua cái gì để ăn.

Những giọt nước mắt của nó ứa ra. Cầm 5 đồng của mẹ cho, nó biết cái khổ của mẹ nó suốt đời chỉ là người đàn bà đi gánh nước thuê thì làm sao có nhiều tiền cho nó được. " Năm đồng, con cầm mua cái gì để ăn " như một món quà thưởng mà nó nhớ suốt đời. Để rồi từ đó, nó phải vươn lên bằng con đường học vấn. Chỉ có con đường này mới xóa được nỗi khổ của gia đình nó.

Phố cũ không phải là quê hương làng xóm của nó. Nhưng phố cũ lại là một mảng đời của nó dính chặt với bao nỗi vui buồn của mấy mẹ con, thăng trầm trên từng đôi thùng gánh nước. Gần mười năm, nước giếng nhà nó đã nuôi sống cho toàn nhà nó, cho đến khi nó trở thành người lớn.

Phố cũ. Ông đang vẽ lại khu phố đó khi ông ngồi ở nhà con cháu

ông. Ông vẽ nó trong trí tưởng mà gần như ông không thể nào quên. Ông lại vẽ nó lần nữa khi ngồi trên chiếc xe đồ cũ kỹ, chật chội, chạy cà rịch cà tang trên đường. Ông vẽ cái giếng nơi ông múc nước hằng ngày sau những lần ông học về. Ông vẽ lại ngôi nhà nhỏ nghèo nàn mà mấy mẹ con ông dùm túm nhau ở. Ông vẽ lại nhiều lắm. Ông vẽ đi, vẽ lại ngôi nhà cổ của thầy giáo Châu. Vẽ lại gương mặt của chị Ngân, con của thầy. Nhưng sao lạ, mỗi lần ông vẽ là mỗi lần những kỷ niệm cứ dồn về như từng con sóng vỗ, liên tiếp, liên tiếp. Hết hình ảnh này lại chồng lên hình ảnh khác. Mà hình ảnh nào cũng làm lòng ông quay quắt. Phố cũ, ai cũng biết ông. Cái thằng Mịch con bà gánh nước thuê, ngày ngày đi học trường công lúc nào cũng đội cái nón cối trắng, mỏng vành, không có tiền mua phấn đánh lại để nó có những đốm vàng, bắn thủ. Cái túi đựng sách vở chỉ là cái cái bao lát. Và, sách vở học ở trường cũng chỉ là sách mượn của bạn bè để chép lại, vì không có tiền mua. Khi chép xong một bài, coi như nó đã học thuộc. Thế mà nó học giỏi lạ lùng. Con nhà nghèo có khác.

Chiếc xe đồ ngừng lại ở bến. Những chiếc xích lô chạy tới, đón mời. Ông không đi xe xích lô để về phố cũ. Ông đi bộ để nhìn thấy lại những cảnh cũ người xưa; mặc dầu bây giờ không còn ai như trước. Tất cả đã đổi thay. Cuộc sống có vẻ vội vã, bon chen, ăn nói xô bồ xô bịch, không như ngày nào còn chút lễ nghĩa. Nhưng ký ức hiện về rõ nường nượp. Ông thả bộ trên những con đường mà ông xa phố mấy mươi năm, giờ nhìn lại chẳng khác bao nhiêu. Những kỷ niệm như hiện rõ dần trên từng bước chân ông đi. Tới trước ngôi nhà cổ, ông dừng lại đứng nhìn. Cánh cổng bằng gỗ đen xỉ như mun vẫn khép kín như dạo nào, ông còn là thằng Mịch, con của bà gánh nước đi đổ cho từng nhà. Ngôi nhà của người thầy cũ. Thầy Châu dạy Pháp văn, mà ông ngồi học trong những tháng hè. Trong số những bạn bè cùng học với ông trong khu phố cũ, chỉ có ông là học không phải trả tiền cho thầy. Thầy Châu thương ông vì thấy ông nhà nghèo mà ham học. Đứng trước cánh cổng của nhà thầy, kỷ niệm ùn ùn kéo đến. Chị Ngân còn trong đó không? Cô thầy chắc đã chết lâu rồi. Hay

nhà đã có chủ khác. Ông thấy thằng bé đi ngang qua, ông nín nố lại, hỏi:

- Trong nhà còn có chị Ngân không, cháu?

- Cháu không biết Ngân nào cả.

- Sao vậy?

- Bảo nói không biết mà. Nhà cứ đóng cửa im ỉm hoài. Có thấy ai trong đó đâu.

- Mà cháu ở đây bao lâu ?

- Ông hỏi kỳ. Bố mẹ cháu ở đây khi chưa có cháu.

Ông nhìn thằng bé. Ừ nhỉ. Thằng bé trạc 12, 13 tuổi, còn nhỏ hơn mấy đứa cháu của ông, thế mà đi hỏi vợ vẫn. Làm gì nó biết chị Ngân. Ông sửa lại bộ tịch, kéo cái áo lại cho thẳng đàng hoàng, định xô cánh cổng gỗ để vào trong sân nhà thầy giáo cũ để gặp chị Ngân, thì bóng dáng thằng Mịch lại hiện ra rõ ...

Lúc nào gánh nước cho nhà thầy là nó dành đi gánh, không cho mẹ nó hay chị nó gánh. Cánh cổng gỗ được nó xô ra, chỉ vừa đủ cho nó lách đôi thùng nước vào. Thế mà cánh cổng vẫn kêu kèn kẹt vì nặng. Nhìn thấy chị Ngân đứng dưới hiên nhà nhìn nó cười, rồi nói: Mi gánh nước tới đó hả. Nghe chị hỏi, nổi mọt nhọc như tan biến dưới sức nặng của đôi thùng. Lần nào gánh nước cho nhà thầy, chị Ngân cũng bắt nó ngồi lại hỏi vài ba câu chuyện rồi vào nhà bếp lấy cho nó một món ăn nào đó. Thường là khoai lang luộc. Khoai luộc của nhà thầy thật ngon, bột nhiều, ăn dễ mắc nghẹn.

Chị Ngân thương nó nghèo mà học giỏi. Chị thích nó ngồi lại để nghe nó nói chuyện về anh Dậu, anh của thằng bạn nó mà chị để ý thương, nhưng không dám nói với ai. Chỉ có nó chị mới tâm sự được. Chị thương anh Dậu nhưng vì nhút nhát quá lại còn sợ thầy Châu nữa, nên chỉ biết nghe những gì nó nói về anh Dậu là chị thấy vui rồi. Có lần nó gánh nước cho nhà chị xong, ngồi xuống trước hiên nhà, nó nói:

- Em thấy anh Dậu đi với chị Hà trong xóm.

- Đi đâu?

- Em không biết. Có lẽ họ dẫn đi ăn kem dưới phố.

- Đi với con khùng đó làm gì .

Chị nói xong, đưa mắt nhìn ra khoảng sân trước nhà nhìn hòn non bộ và cây cảnh mà thầy Châu làm nên. Hòn non bộ và cây cảnh trước nhà thầy như một vũ trụ thu nhỏ lại trong sân có đủ tất cả. Chim chóc. Cây cối. Núi rừng. Vào những ngày thầy không đi dạy, cây cối và hòn non bộ là cảnh vui thú của thầy trong ngôi nhà mà hẳn là già cỗi và lặng lẽ lắm, nếu không có chị Ngân. Nếu không có tiếng cười, tiếng nói của chị trong ngôi nhà cổ này, có lẽ mọi người ai cũng hóa thạch. Chị nói dứt câu : " Đi với con khùng đó làm gì " rồi chị bỗng cười. Nó ngồi nghe tiếng cười của chị như tiếng thủy tinh vỡ. Rồi chị hỏi:

- Mà mi thấy thật không.

- Thật mà.

- Mi đi đâu mà thấy.

- Chị hỏi kỳ. Chẳng lẽ em nói xạo.

Chị Ngân cốc vào đầu nó một cái, như âu yếm, như giận hờn. Để rồi chẳng bao lâu, thằng bạn nó nói cho nó nghe anh Dậu sắp lấy vợ trước khi đi lính. Nó không gánh nước tới nhà thầy, mà nghe tin như thế, nó chạy một mạch tới cho chị Ngân hay. Chị ngồi yên, không cười không nói. Hôm đám cưới anh Dậu, nó rủ chị Ngân đi coi, chị không đi, mặt chị buồn xo. Hôm đó, đám con nít trong khu phố cũ có dịp rồng rắn nối đuôi nhau, theo đám nhà trai đi bộ qua nhà gái rước dâu, thật vui. Trước khi về lại căn nhà của nó, ghé lại nói cho chị Ngân nghe, nó thấy đôi mắt của chị đỏ ngầu, khi chị ngồi sau bếp. Nó biết chị khóc.

Từ lúc anh Dậu qua bên kia sông lấy vợ, nó không còn thấy chị Ngân thường hay ra ngồi nơi đầu ngõ giúp cho thím Hai nướng bánh trắng trong ngôi quán ọp ẹp của dì. Những lúc chị nướng bánh trắng xong là thế nào chị cũng mua mở hàng một cái cho dì. Chị vừa bẻ bánh vừa ăn, vừa nhìn những hạt mè đen trên bánh như một thú vui mà chị thích thú. Có lẽ không có người con gái nào có cuộc sống âm thầm, lẻ loi đến phát sợ trong ngôi nhà cổ của ba má chị. Cho nên từ đó chị có tiếng cười trong suốt như pha lê, cũng như chị rất thích ăn bánh trắng nóng giòn, khi nhai bánh. Có những lúc chị vừa ăn bánh trắng giòn vừa tản mẩn đếm những hạt mè đen dính trên miếng bánh mà chị bẻ ra. Nhìn đôi mắt của chị cũng biết chị thích thú rồi. Sự lẻ loi sẽ tan biến trong thú vui riêng đó của chị . Có lần thầy đi dạy, nó vừa gánh

nước cho nhà thầy xong, chị Ngân dẫn nó vào trong thư phòng của thầy để nó nhìn thấy cái kệ sách của ba chị. Nó đứng xuýt xoa, mở tròn đôi mắt ra nhìn, không dám đưa tay sờ mó vào những quyển sách quý trên kệ, mà chắc chắn một đời nó sau này mua cũng không nổi. Đang ngẩn ngơ đứng nhìn kệ sách như có dòng điện hút chặt nó vào thì nó lại nghe thoang thoang đâu đây mùi hương trầm phảng phất trong gian nhà thờ tổ tiên. Rồi cuối cùng nó nhìn lên trên tấm vách, một bức tranh của lão đầu hói, mặt tròn, mà nó thấy bộ râu của lão cũng cười. Nụ cười trong râu của lão làm nó thích thú. Nhìn bức tranh trong thư phòng của thầy tự nhiên nó thấy sáng khoái với nụ cười trong râu của lão, tự tại, hồn nhiên. Nó hỏi chị Ngân:

- Bức tranh của ông nào vậy, chị?

Chị nói:

- Lão tổ Lạt Ma đó. Chị rất thích bức tranh này.

Từ đó nó lớn lên, vào đời, vào lính, lúc nào trước mặt nó cũng tự tại, yêu đời, hồn nhiên với nụ cười trong râu của Lão Tổ. Ngôi nhà thơm ngát hương trầm.

Ông nghĩ sao không dám xô cánh cổng. Ông chỉ để tay lên những thanh gỗ, rồi giữ yên đó. Những vân gỗ trên cánh cổng như hiện về. Ông đứng dựa người vào cây trụ xây nhìn vào bên trong sân. Hồn non bộ vẫn còn đó. Những cây cảnh có xê dịch đi, đổi chỗ. Hơn hai mươi mấy năm, con phố cũ nơi ông ở đã đổi thay nhiều. Nhưng, những mái nhà vẫn là những mái ngói âm dương cũ mềm của một thời xa xưa, mà trên đó vẫn đọng lại những mảng rêu xanh óng ả dưới ánh nắng sau cơn mưa, không làm sao mất đi được.

Những thanh gỗ lâu năm nứt nẻ, ông mân mê nó tựa hồ như nghe thấy tiếng thì thầm từ đâu đó vọng về của thời xa xăm. Ông phải đến thăm thầy trước khi về lại ngôi nhà nghèo xơ, nghèo xác của mẹ ông. Bây giờ chỉ còn lại người chị cả chăm nom mà giếng nước cũng chẳng có ai gánh, bởi ai cũng già. Nhiều lần chị ông viết thư cho ông muốn sửa lại ngôi nhà cho đàng hoàng để thờ mẹ, nhưng ông không cho, cứ để đó mà ở. Cát nhà to cửa rộng, nghe người ta nói họ sẽ lấy. Nhưng ông thì không nghĩ như thế,

cất nhà to làm gì, sao không giữ lại những gì của một thời quá khứ. Mà nơi đó còn có tiếng nói đầu dây vọng lại nơi bờ rào, thành giếng. Mà nơi đó, đầu dây, còn có tiếng khua động của gàu nước va vào thành giếng mỗi lần ông múc nước lên. Tiếng cười của một thời nghèo xơ, nghèo xác của thành Mịch. Bởi, ông vốn là người hoài cổ.

Ông định đứng trước cánh cổng gỗ một hồi rồi đi, để dĩ vãng tự do khơi động. Nhưng ông lại nghe có tiếng guốc khua trên sân. Rồi một bóng người tới hỏi:

- Ông tìm ai?

- Chị Ngân.

- Ngân nào nhỉ?

- Ngân con của thầy dạy tôi cách đây bốn mươi năm về trước.

- Là. Trong nhà này chẳng có ai tên Ngân, và cũng chẳng có ai là thầy giáo cả. Làm gì có hơn bốn mươi năm trong ngôi nhà này. Có lẽ ông lầm nhà.

Ông nghe người đàn bà nói như vậy. Để thử lại trí nhớ, ông đưa tay sờ lên những thanh gỗ của cánh cổng mà ngày xưa ông đã từng xô ra một chút để ông lách người gánh đôi thùng nước qua. " Không, cánh cổng vẫn còn đây mà, có thay đổi gì đâu ". Người đàn bà nghe ông nói lí nhí, hỏi:

- Ông nói cái gì?

- Không. Tôi không nói gì cả.

Rồi ông bỏ đi về hướng nhà ông. May ra nơi đó còn có người chị.

oOo

Buổi sáng thức dậy lần đầu trong khu phố cũ, ông nghe lại tiếng rao hàng quen thuộc của thời thành Mịch con nhà nghèo gánh nước thuê. Ông lại thả bộ đi lòng vòng trong khu phố. Ông nghe rõ tiếng nói tiếng cười râm rang. Ông cứ thế mà đi, rồi ngồi xuống bên vệ đường cạnh rổ bắp đang còn bốc hơi nóng hổi. Ông mua vài trái không cần lựa. Ông nói như nói cho chính ông nghe: " Ngon lắm đây, ngọt lắm đây ". Ông đưa tiền cho thành bé bán bắp. Nó nói:

- Sáng nay cháu bán chưa được bao nhiêu. Ông ngồi đây, để cháu đi đổi tiền thối lại cho ông.

- Thôi. Cháu cứ cầm lấy. Đừng đổi. Phiền lắm.

- Dạ, tiền nhiều quá. Ông ăn hết rồi bắp của cháu vẫn còn tiền của ông mà.

- Không sao. Cháu cứ cầm. Ăn thương ăn nhớ chứ đâu phải mua để ăn.

Thằng bé bán bắp không hiểu ông nói gì, nó cầm tờ giấy bạc trên tay vân vê mà còn ngại. Ông thần nhiên tâm sự: Ngày xưa ông bằng cháu, ông nhai cả củi bắp nữa đó cháu. Củi bắp nó ngọt lắm đó cháu. Bây giờ ông chỉ lật từng hột chứ đâu dám cạp như xưa được nữa. Vừa nói ông vừa cười.

Buổi sáng thật ấm lòng, ấm dạ. Lâu lắm ông mới có được buổi sáng như hôm nay. Có tiếng chim sẻ ríu rít đầu đó trên mái nhà. Ông đưa mắt nhìn lên những mái ngói âm dương của khu phố cũ. Lại, tiếng chim sẻ có thay đổi gì đâu nào, vẫn với âm thanh ríu rít như tiếng cười khúc khích của những đứa trẻ đang nô đùa. Những mảng rêu xanh vẫn còn đó, óng ả trên những lớp ngói thâm đen mà những người thân quen của ông đã đi đâu hết. Ông hỏi thằng bé bán bắp:

- Cháu có biết chị Ngân con của thầy Châu trong ngôi nhà cổ đó không?

- Lâu quá, hình như không ai nhớ.

- Lâu là lâu bao nhiêu?

- Hình như mấy mươi năm rồi. Cháu có nghe ba cháu nói là cô thầy đã chết. Còn chị gì đó mà ông nói đã đi lấy chồng, vào sống ở trong Nam. bây giờ chắc cũng gần bằng ông.

- Ừ ! Còn hơn nữa. Chị ấy tên Ngân.

- Cháu không biết.

Ông vẫn ngồi bên lề đường, lật từng hạt bắp luộc, nhai chậm rãi như nín kéo lại những con sóng thời gian đã trôi qua đời ông lặng lẽ. Ông muốn về nhìn lại khu phố cũ một đời ông lớn lên, mà trong xóm ai cũng biết ông là thằng Mịch học giỏi, con nhà nghèo. Phải chỉ còn có chị Ngân trong ngôi nhà cổ của thầy, để ông mở cánh cổng gánh đôi thùng nước vào nhà, và nghe tiếng

chị " mi đó hả " để cho lòng ông thanh thản, hồn nhiên, tự tại như bức tranh mà lâu lắm chị Ngân chỉ cho ông xem. Bức tranh của Lão Tổ Lạt Ma.

Trần Hoài Thư

Đêm Mơ

Buổi học đầu của lớp Toán Cao học. Người thiếu nữ đã đến lớp từ lâu, và người đàn ông, ngồi đằng sau, biết mình sắp chết đuối về bờ vai mềm và cái dáng dấp nhỏ bé rất Đông Phương ấy. Ông giáo sư già vào lớp, ngồi trên chiếc ghế và rảo mắt nhìn đám sinh viên. Sáu người học trò. Ông trao tờ giấy điểm danh xuống người ngồi hàng đầu. Tên tuổi. ID. Nhan thi Nguyen. Đến phiên người đàn ông. Việt Nam. Niềm vui nho nhỏ dấy lên. Nguyễn thị Nhan hay. Nhân hay Nhân. Tôi đọc thầm. Nhân. Tên của một người xưa. Tên mà tôi viết cả ngàn lần trong những đêm ngày nhớ nhung chất ngất. Tên tôi gọi khi tôi quần quai cùng vết thương, khi tôi đứng trên cao để nhớ đôi Nam Ô, và nhìn xuống thấp để nhớ về biển xanh dưới chân đèo Hải Vân. Tên trên phong bì, trên trang thơ, trên những giờ, những phút trải trong lòng nhật ký từ một nơi nào của thành phố Đà Nẵng.

Tôi nhắm mắt lại. Con tim già nua hôm nay bỗng nhiên rạo rực lại rồi. Tôi nhìn lên, gặp đôi bờ vai nhỏ. Ngày xưa, em cũng gầy guộc, em cũng dịu dàng, em cũng mong manh. Ngày xưa, Nhân ơi, anh về phép, đợi mưa ngoài cổng, để em phải bối rối tội tình trong chiếc áo mưa màu tím hoa cà. Ngày xưa cổng trường Phan Châu Trinh, học trò con gái khúc khích cười trước một cây si cổ thụ. Ngày xưa người về một ngày rồi lại bỏ đi, người đợi một ngày rồi lại ôm mặt khóc. *Một người về đỉnh cao. Một người về vực sâu. Để cuộc tình chìm mau...*

Ông giáo sư bắt đầu giảng bài. Ông dùng vụ án O J để chứng minh về vai trò quan trọng của Toán học. Ông đùa: Bọn mày xem, bây giờ ai ai cũng trở thành toán gia. Luật sư, bác sĩ, ông quan toà, bồi thẩm đoàn, những tên không bao giờ thích Toán học bây giờ luôn luôn nói về xác suất *probability* trong việc thử máu, và dùng toán thống kê để chứng minh...Sự thật là tuyệt đối. Cho dù xác suất sai là 1 phần tỉ tỉ đi nữa, kết quả vẫn không phải là sự thật. Có nghĩa là không thể chứng minh OJ phạm tội. Phải

nhờ Toán học O J mới thắng. Còn nữa, *unabomber*, cái ông toán gia làm điên đầu FBI cả hai mươi năm qua... Ông già nói liên tu bất tận. Có lẽ ông muốn trút hết nỗi hăm hiu của một lớp quá chừng ít ỏi cũng như cái kiếp toán gia bạc bẽo của ông. Thật vậy, trong khi các lớp cao học khác, học trò chen lấn, đông đúc, thì mỗi lớp Toán, vốn vụn vãi sinh viên. Cái thê thảm của một xã hội kim tiền. Có phải vậy không ?

Cuối giờ, ông giáo sư đọc một mạch những bài *homework* cho kỳ đến. Tôi thấy Nhân bối rối, chừng như không bắt kịp câu nói của vị thầy. Rồi lớp học tan. Bọn sinh viên mấy người hối hả đứng dậy. Chỉ còn Nhân. Em ngồi lại. Như một con nai nhỏ tội tình. Vâng, tôi biết, ngày xưa, tôi cũng đã từng có những giờ phút khốn khổ như em hôm nay. Giờ đầu tiên tôi cũng đã từng tuyệt vọng nghĩ đến một cuộc đầu hàng. Tôi đến bên người con gái đồng hương, thăm hỏi. Nỗi buồn đến tội nghiệp. Và em đã bầu víu vào tôi.

oOo

Người đã gọi bên trời. Con sáo đã sổ lồng. Con sáo qua sông. Tôi như thằng bé nào cầm chiếc lồng trống trơn buồn so bên dòng sông đỏ máu. Hai toà lâu *Twin Towers*. Toà Empire State Building. Chinatown. Holland Tunnel. Tượng Nữ thần Tự Do. Cầu Pulaski Skyway. Những ngày hôm qua, tôi và người và Nữ Ước. Hôm nào trời Nữ Ước mưa bụi. Mưa làm dòng Hudson mờ đi, để buổi học đêm, bên kia bờ, triệu triệu ánh đèn phải trở thành những con mắt ràn rụa lệ. Để giờ break time, người và tôi, đứng trên lầu cao, và nhìn qua thành phố. Tôi kể những gì tôi biết về Nữ Ước. Tôi kể về một đêm đứng trên chóp đỉnh của toà Twin Towers mà nhìn xuống những con đường ngang dọc đan kết những chuỗi kim cương ngọc ngà, ngời sáng hầu như bất tận. Nhân biết không. Đó là những đoàn tắc xi Nữ Ước. Tôi kể về quả cầu được thả xuống tại khu Times Square vào lúc giao thừa dương lịch với hàng trăm ngàn người từ khắp nơi đổ xô về. Trai gái hôn nhau. Những chiếc hôn dài của mùa hạnh phúc. Và tiếng còi xe, tiếng kèn giấy, tiếng phong cầm, và rượu chát, rượu mạnh, nút chai bật tung như pháo nổ. Và người ta nắm tay nhau

khieu vũ...Em thốt lên vui quá hả ông. Ông có bao giờ đến đây tham dự chưa. Chưa cô à. Nếu cô muốn, tôi sẵn sàng làm người hướng dẫn. Vâng, thế nào em cũng nhờ ông.

Nhàn ơi, tôi nhầm mất lại đây. Cảm ơn em, cho tuổi trẻ của tôi một lần trở dậy. Đêm nào như đêm hôm qua, khi tuyết trắng xóa phủ xuống Nữ Ước, khi muôn triệu ánh đèn kinh thành càng làm màu tuyết lung linh hơn, và rực rỡ hơn. Đêm cuối năm, em xa nhà, và tôi cũng xa hương. Xe chờ em ngoài khu nội trú. Em khoác chiếc áo dạ đen. Mưa tuyết đập đều trên đầu. Mưa tuyết óng ánh dưới ánh điện nhiều nến. Khu nội trú nhiều cửa sổ đèn tắt. Chắc hầu hết sinh viên đã trở lại nhà. Tôi mở cửa xe. Mở thêm quạt tuyết. Xe theo con đường chánh của quê hương của Frank Sinatra. "Nhàn ơi, Nhàn có bao giờ nghe Frank Sinatra hát chưa?". "Frank Sinatra là ai hở ông?" "Là một danh ca nổi tiếng của Mỹ. Ông ta có giọng hát thật ấm. Nơi đây là nơi ông lớn lên. Cả thành phố đều hãnh diện vì ông. Các quán cà phê, nhà hàng đều treo hình có cả chữ ký của ông nữa". "Thế thì được làm ca sĩ hạnh phúc quá ông nhỉ?" "Vâng, bởi vì ít ra ông cũng mang hạnh phúc cho một số người". FM106.7. Âm hưởng của một bản nhạc Giáng sinh Holy Night. Vâng đêm Thánh Vô cùng. Đêm ngày xưa hay là đêm nay. Cửa xe mở ra và em ngồi thu mình như con mèo nhỏ. Trời lạnh, nhưng hồn tôi ấm lắm. Xe chạy dưới mưa tuyết. Chiều cuối năm, khác với quê nhà, không có cảnh hối hả bồi hồi cho một cuộc trở về. Hay là tại lòng tôi, quá quen đến dừng đứng. Hơn mười năm xa hương, thời gian quá dài để làm chai sạn những nỗi nhớ nhưng quay quắt. Con tim ngỡ đã ngủ yên. Bây giờ tự dưng em làm con tim tôi thức dậy. Em hay Nhàn xa xôi với vợ ngàn trùng. Em hay Nhàn một thời để yêu và một thời để chết. Em làm tôi cứ nghĩ đến một người.

Xe đã ra ngoài xa lộ. Nhàn co ro. Đôi mắt mở lớn nhìn đêm. Đêm sáng lòa như tấm thảm kim cương mờ nhạt lệ mềm. Đêm đầy dẫy hai kẻ không quen bỗng nhiên gặp. Em có biết là tôi quá hạnh phúc biết bao nhiêu không. "Nhàn muốn nghe nhạc không?" "Ông có nhạc Bảo Yến không?" "Không. Tôi chỉ biết Lệ Thu, Khánh Ly, Mai Hương, Thái Thanh". "Họ hát ở bên này, phải không ông?" "Không. Họ là những ca sĩ nổi tiếng tại miền Nam

trước 1975". "Thế ư". Rồi tiếng hát cất lên. *Nhắm mắt. Cho tôi tìm một thoáng hương xưa.* Nhân có vẽ thờ ơ, lơ đãng nhìn ra ngoài đêm. Mưa tuyết rơi để đua tranh cùng cây quạt nước. Hàng xe đang chờ đợi nối đuôi. Dưới cầu phía Nam là phi trường Newark. Nhân thấy gì không, phi trường quốc tế Newark, đèn đuốc sáng trưng, cứ năm phút là mỗi chuyến bay đáp xuống hay cất cánh. Tôi nói. Quả thật vậy, thưa ông? Vâng. Như vậy làm sao đủ thì giờ để người ta từ biệt, phải không ông? Vâng, đời sống ở xứ sở này đều hối hả, gấp rút, ngay cả nỗi chia ly. Không còn cảnh người đứng trên ngôi nhà gió nhìn ra phi đạo, thấy bóng người thân yêu của mình lần khuất vào lòng tàu. "Ông ơi. Chắc ông có nhiều người để ông phải đưa tiễn". "Tại sao Nhân lại hỏi thế. Vâng, thì trong đời của bất cứ một ai đều có một lần từ ly". "Thế ông đã có lần từ ly nào để mà ghi nhớ ?" Tại sao Nhân lại hỏi như thế. Vâng, tôi đang nhớ đây. Nhớ một người tên Nhân. Nhớ một người mong manh như sương như khói. Nhớ người nào luống cuống bên tôi, má au hồng, đêm đêm viết về tôi bao nhiêu giòng nhật ký...Nhớ để mà hiểu rằng, có nhiều chuyện không thể ngờ nổi, tưởng tượng nổi. Như Nhân của một thời bấy giờ lại trở lại bão bùng...

Rồi tiếng hỏi bên tai.

"Ông ơi, có phải hai tòa lầu chọc trời kia là Twin Towers ?"

"Vâng".

"Tại sao gọi là Twin?"

"Tại vì chúng giống nhau như đúc. Chúng sinh đôi. Tại vì người ta không muốn thấy chúng lẻ loi. Nếu lẻ loi, chắc chúng buồn lắm..."

Người con gái không nói. Em làm sao hiểu được thế nào là nỗi lẻ loi của một đời người. Muốn đọc lại câu thơ của Thanh Tâm Tuyền: *đêm nay có những người khóc lẻ loi một mình*, nhưng không dám. Tuổi em không phải là tuổi tôi. Không thể mang nỗi buồn rầu của thế hệ tôi về thế hệ em.

oOo

Xe vào khu Chinatown lúc hơn 8 giờ tối. Giờ này hầu như khu phố Tàu trở nên vắng vẻ. Chúng tôi tìm một quán ăn Việt Nam. Nhân ăn rất ngon miệng. Tôi vừa uống bia vừa nhìn nàng. Cảm

tạ Đất Trời đã cho tôi được gặp lại một bóng hình. Cảm tạ gương mặt thanh tú, mái tóc cắt ngắn, đôi vai gầy mảnh mai, để đêm nay, tâm hồn tôi phải ấm áp. Đêm cuối năm, tôi thêm phà khói thuốc để mờ đi gương mặt của người bạn học. Để bóng hình như hình sương và bóng khói. Như niềm hạnh phúc mà tôi bất gặp đêm nay.

oOo

Sau đó chúng tôi lái xe đến Twin Towers. Trời đã bớt tuyết, nhưng gió từ sông Hudson thổi về lồng lộng giữa hai dãy lầu cao khiến chúng tôi phải co rúm lại trước những cơn gió thốc. Hơi thở thành khói. Dưới hàng hiên, một người homeless đang nằm ngủ. Không hiểu sao y lại ngủ được giữa cái giá rét cũng như náo nhiệt của một đêm cuối năm. Trong một quán cà phê, những mái đầu chạm nhau. Xe cộ vẫn tấp nập. Không khí của đêm giao thừa ở đây khác với quê nhà. Ở đây hình như người ta đổ xô ra đường. Còn ở quê nhà, người ta về bên trong cánh cửa của đoàn tụ, của giây phút gần gũi giữa người sống và người khuất. Ở đây niềm vui mở ra trên những vỉa hè tấp nập người, trên những con đường tấp nập xe cộ, trên những tiếng cười nói rộn ràng và tiếng nhạc vui mừng rộn ràng cả lòng phố. Nhất là ở khu vực World Trade Center này. Hình như người ta từ các nơi khác dùng xe bus, xe điện ngầm để về đây, rồi chuyển xe để về Times Square. Và trước khi đến Times Square họ muốn nhìn cả một New York về đêm. Bởi vậy, chúng tôi phải vất vả lắm mới tìm một bãi đậu xe. Sau đó chúng tôi hướng về Twin Towers. Hai bên đường, hầu hết các cửa tiệm đã đóng cửa. Những đoàn tắc xi vàng tiếp tục nối đuôi trên đường Church, Broadway, Chambers. Từ dưới chân tòa lầu chọc trời, nhìn lên muốn chóng mặt. Rồi mua vé. Rồi thang máy mở ra. Người phụ trách bấm nút. Thang máy vụt phóng lên, đưa người chạm với tầng không. Rồi cửa mở. Hơi lạnh ủa vào. Hai tai đã nghe hơi ù và một cảm giác hụt hẫng như ta đang ở trong vùng không trọng lực. Mắt người bạn gái chợt sáng lên như bất gặp một niềm kinh ngạc thích thú. Tầng cuối cùng 110 như chạm lấy trời. Trên cao, một chấm sáng rất mờ nhạt giữa cỏi. Không biết là ngọn đèn của chuyến bay đêm hay

là một tinh cầu lạc lõng. Nhìn xuống, nhìn quanh, cả Nữ ước như ngập cả một biển kim cương lộng lẫy xen kẽ những mái nhà tuyết trắng như tấm thảm óng ánh bạc. Dưới nữa là những con đường xen kẽ dày đặc, với hàng hà ngọn đèn sáng rực như đuổi nhau không bao giờ dứt. Nhàn reo lên: New York. Đẹp quá ông ơi... Tôi chỉ nàng Tượng Nữ Thần Tự Do nằm bên sông Hudson. Tôi chỉ nàng hướng cửa biển, kể với nàng về những con tàu mang người di dân đến Nữ Ước đầu tiên. Tôi chỉ cho nàng cầu treo Brooklyn, với những sợi cable khổng lồ. Nhàn biết không, đêm nay New York không ngủ. New York làm cả một nước Mỹ cũng không ngủ luôn. Tại sao vậy, thưa ông. Tại vì mọi người đang hướng về New York trong đêm giao thừa. Có lẽ mọi người đều mở máy truyền hình để nhìn quả cầu khổng lồ ở Times Square được thả xuống đúng vào lúc đêm bước sang năm mới... Nhàn có thấy dưới đường kia không. Đại lộ American và đường số 5, rộng đến 6 lanes. Nhàn thấy cả đoàn xe đứng yên. Tại sao ông biết ? Bởi vì chúng ta không thấy những ngọn đèn kia di động nữa. Đúng rồi. Ông hay quá. Chắc ông yêu New York lắm phải không. Vâng. Nó làm tôi tìm lại một Sài Gòn xưa. Nó cũng có Phố Tàu, cũng có những quán cà phê lộ thiên, những vỉa hè đông như hội. Khi mình bước đi, mình không còn là mình nữa. Mình hòa nhập vào đám đông như dự phần vào một cuộc đại khiêu vũ... Chao ơi, ông kể làm Nhàn muốn chảy cả nước miếng...

"Nhàn ơi". "Dạ. Thưa ông". "Nhàn hãy tìm dùm tôi hướng nào là Việt Nam của mình". Tôi hỏi Nhàn.

Nhàn nhìn vào cối đêm. "*Thưa ông, hướng nào là Việt Nam. Em tìm không ra. Còn ông?*"

Tôi im lặng. Muốn nhìn thẳng vào đôi mắt để nói: "Tôi tìm được rồi. Qua đôi mắt của em, qua giọng nói Việt Nam của em.

Nhàn nhìn xuống thành phố. Người bạn gái nhỏ bé chắc buồn. Đôi mắt nàng long lanh. Hay là màu rực rỡ của New York phản chiếu. *Nhàn hãy đứng yên để tôi chụp một tấm hình.* Tôi nói. Nhàn nghe lời. Tôi điều chỉnh ống kính. Phía sau nàng, là cả một thành phố với muôn triệu ức ngọn nến đêm lung linh trang điểm như một bức tranh vĩ đại. Nhàn ơi, em biết không, tay tôi đang run đây. Tim tôi đang đập đây. Lòng tôi đang bồi hồi đây. Hãy

cười. Hãy lung linh đôi mắt. Hãy co ro trong chiếc áo lạnh. Để tôi không bao giờ quên có một cơn mơ, một giấc chiêm bao trên tận cùng của chóp đỉnh Twin Towers, đêm cuối năm huyền nhiệm này.

oOo

Đêm còn lại, hai người đã hoà mình vào dòng thác người đông như kiến cỏ. Hầu như người mọi nơi đều đổ xô về Times Square. Đêm lạnh căm căm cùng những cơn gió lồng lộng thổi về từ sông Hudson. Trái cầu khổng lồ vẫn chờ đợi ở trên dàn. Đường Broadway, đường số 5, 6, 7 không còn di chuyển xe cộ được nữa. Nhạc Giáng Sinh tiếp tục lướt thướt từ những khu shopping gần đây. Trời không tuyết nhưng trời lạnh xuống dưới độ đông. Hai người cầm tay nhau để khỏi lạc. Không ngưng ngừng. Không có cả một áng mây vẫn đục che xám cõi lòng. Đêm nay. Đêm của điều ao ước. Đêm của rượu nồng hạnh phúc cho cả năm và cả đời. Đêm của *resolution*. Dù phương Tây hay phương Đông. Thì ra ở đâu, nhân loại vẫn có những giây phút hướng về hy vọng. Đẹp nỗi buồn sang một bên. U uẩn mãi có ích gì.

Nhân ơi, cảm ơn cô bạn nhỏ, cảm ơn tuổi trẻ, cảm ơn cái giây phút màu nhiệm, để mọi điều chân thiện mỹ, hạnh phúc, tốt đẹp, bình an, len nhập vào trái tim của mỗi con người. Cảm ơn Nữ Ước, thành phố không phải là quả táo mà là trái tim...Rồi quả bóng khổng lồ đã được thả xuống thật chậm. Chiếc kim đồng hồ to lớn trên khu Times Square vẫn tiếp tục nhích từng giây, cùng theo tiếng đếm vang rền: ten, nine, eight, seven, six, five, four, three, two, và one. Rồi một tiếng pháo nổ lớn cùng cả muôn hàng tia pháo bông rực rỡ in trên bầu trời đen đặc, tiếp theo là cả một tràng sấm động của mừng vui, của muôn lời chúc tụng, của bài hát Auld lang syne:

Should all acquaintance be forgot & never brought to mine.

Should all acquaintance be forgot & day of auld lang syne.

Và trong giây phút ngất ngây kỳ diệu, tôi và Nhân đã ôm choàng lấy nhau. Rõ ràng chúng tôi đã không thể cưỡng chống lại cùng niềm kích ngất này. Có chất rượu nào say hơn. Tôi nhìn vào đôi

mắt của người con gái:

- Nhân có ước ao gì cho năm mới không ?

Người con gái nhắm mắt lại. Ánh sáng từ những tia pháo bông làm gương mặt nàng sáng lung linh.

- Em ao ước...

Nàng ngừng nói. Tôi hiểu. Vâng tôi rất hiểu. Ai cũng có một người rất thân yêu được cất giữ trong con tim. Và Nhân cũng vậy. Tôi cũng vậy. Cũng có một người nữ, đến với tôi bằng tất cả linh hồn và thể xác. Nàng đã ngừng mặt, ngừng đầu vì tình yêu, không bao giờ đặt những câu hỏi. Tôi nói với người bạn học:

- Vâng, tôi xin tôn trọng niềm ao ước của Nhân. Nay, Nhân hãy đặt một bàn tay lên tim và ao ước đi... Cả những gì Nhân muốn thực hiện... Đêm nay linh thiêng lắm. Dường như mọi lời ao ước của chúng ta đều được các thiên thần lắng nghe...

- Thật như vậy, phải không ông ?

- Vâng. Nhân thấy cả trăm ngàn người Mỹ đổ về đây đêm nay.

- Vâng, thì em sẽ ước. Ông đừng nhìn, em mắc cỡ lắm đó.

Rồi Nhân nhắm mắt lại. Thành khẩn. Dịu dàng. Như một người nào. Xa xưa lắm. Mệnh mỏng lắm. Vô lượng lắm. Phải. Em đã lay động con tim ngỡ một lần chai sạn. Ngày ấy, anh đã nằm trên giường bệnh xá, để quần quai với vết thương, để đau đớn với những cơn đau nhức, để cắn môi bặm miệng mà giữ chặt nỗi cô đơn cho khỏi trào ra, biến thành nỗi hăm hiu chai cứng. Mùi ê te hăng hắc. Chai nước biển bên cạnh đầu giường càng lúc càng vui dần. Người y tá gốc thiếu số mỗi ngày đẩy chiếc xe dụng cụ y tế đến giường, thay băng. Viên bác sĩ với cặp kính cận thị đầy soi mói, lục tìm dưới gối những viên thuốc ngủ...

Vâng, qua em, tôi thấy lại một người. Tôi cho tôi, sương thì sương, sương che tầm mắt, nhưng người thì hiện bên trời. Dịu dàng như người nữ tu bước vào cửa thánh. Mềm yếu như áng mây trời, loảng di, loảng dần trong vùng sương và khói. Mong manh như chút hạt sương. Người đã gọi tôi bên trời. Ai nói với tôi một câu: "Nhân vẫn đẹp như đạo nào, vẫn thánh thiện như đạo nào". Trời ơi, tại sao tôi lại tàn bạo đến như vậy. Đến gần

cuối cuộc đời, cả lòng tôi vẫn còn sân si. Tôi nhắm mắt trong một giây một phút. Cái kiêu hãnh của một tên đàn ông nay đã tàn lụi. Tôi phải làm gì để tạ tình, để hết gọi kêu giữa trùng thẳm, để thôi chạy Đông chạy Tây bắt chụp lấy hình. Tôi phải làm gì để trải con tim của tôi cho một lần, rồi thôi rồi hết. Tôi phải làm gì để một lần nào đó, khi tôi nhắm mắt, khi tôi khép lại cánh cửa thế gian, thì lòng tôi sẽ phải bình thản, vì có người sẽ tha thứ cho tôi, từ bi từ độ vì tôi. Vâng. Tôi đã biết lỗi rồi. Con ma ám chướng đã qui hàng ngã quỵ rồi.

Vết thương lòng từ lâu ngỡ đã được vá lành giờ đây lại thêm một lần bị vỡ nhọt. Vâng, Nhân ơi, anh hiểu rồi. Và đêm nay, anh cũng xin ao ước như mọi người. Không tiền bạc. Không sang giàu. Không nhà nhiều phòng, xe tốt. Chỉ có một điều. Duy nhất. Cầu chúc những người gặp nhau sẽ không bao giờ chia xa...

oOo

Bây giờ lại thêm một ngày cuối năm nữa lại về trên đất khách. Trở lại dòng sông này mấy bận. Bên kia thành phố đã lên đèn. Cơn mưa nhòa nhạt hoàng hôn lạnh. Chiều cuối năm trời mau tối thêm. Đàn chim biển trên bến phà gọi nhau náo loạn. Những con tàu nằm bất động bên bờ xa. Đằng sau tôi, dãy building nội trú im lìm. Vài ô cửa thấy thấp thoáng ánh đèn. Tôi biết hầu hết sinh viên đều trở lại nhà trong mùa Season greetings này. Tôi tìm trên ấy một ô cửa. Ô cửa đã không còn ánh đèn. Ô cửa đã đóng lại, bởi vì người bạn học nhỏ bé ấy đã bỏ trường bỏ lớp để trở lại cùng quê hương.

Tôi đang thấy lại người. Người đứng ở bên này sông, sông mờ theo mây thấp, và tóc người bay cuống quýt, và những ngón tay người giữ lấy những sợi mây mềm. Tôi đang nghe tiếng nói của người. Tôi thấy dáng dấp của người. Trong phòng lớp. Từ chiếc ghế đầu bàn. Trong thư viện. Bên này, bên kia, bàn xanh, và hờn sách vở. Trong nhà ăn, trưa đói còn cào, mệt lã sau giờ lab, và những cọng *french fries* vàng ngậy giữa hai bờ môi xinh. Trong câu lạc bộ sinh viên người lạc lõng không bạn bè, đứng áp mình vào khung cửa kính, nhìn dòng Hudson. Dưới ánh đèn đường văng vọt của con đường Sinatra, dẫn xuống phố. Gió sông thổi

lạnh người, tôi thấy hai vì sao, và bờ vai gầy run rẩy. Và một đêm trên Twin Towers. Một Twin Towers đã bị bức tử trước cái thù hận ác độc của một lũ người man di mọi rợ. Một Twin Towers chỉ còn là giấc chiêm bao mà em như đứng đó như cả trăm năm trong đời tôi. Và một đêm giao thừa trên Times Square. Và cái giây phút vĩnh cửu khi chúng tôi cùng chúc tụng cho nhau những lời chúc thành thật nhất, yêu dấu nhất. Chắc là những gì mà người con gái ao ước khi nàng nhắm mắt lại, giờ đã được toại nguyện. Còn tôi, cuối cùng, vẫn là một giấc mơ. Cánh chim đã bay về miền Nam, tìm nơi có nắng ấm. Chỉ còn lại một mình tôi. Chờ đợi ai. Chờ đợi điều gì trên bờ sông Hudson của ngày cuối năm này.

6/12/1996 - 10/2001